BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

TRẦN LƯƠNG

TỔ CHỨC DẠY HỌC THEO MODULE HỌC PHẦN GIÁO DỤC HỌC TRONG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

HÀ NỘI - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

TRẦN LƯƠNG

TỔ CHỨC DẠY HỌC THEO MODULE HỌC PHẦN GIÁO DỤC HỌC TRONG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

***Chuyên ngành*: Lí luận và Lịch sử giáo dục**
***Mã số*: 62.14.01.02**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

***Người hướng dẫn khoa học*:** 1. PGS. TS. Từ Đức Văn
2. PGS. TS. Bùi Thị Mùi

HÀ NỘI - 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả luận án

Trần lương

Lời cam đoan i
Mục lục ii
Danh mục viết tắt v
Danh mục bảng vi
Danh mục biểu đồ vii
MỞ ĐẦU 1
Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC DẠY HỌC THEO MODULE HỌC PHẦN GIÁO DỤC HỌC TRONG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ Ở ĐẠI HỌC 12
1.1. TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU 12
1.1.1. Những nghiên cứu ở nước ngoài 12
1.1.2. Những nghiên cứu ở Việt Nam 20
1.2. MODULE DẠY HỌC 28
1.2.1. Module 28
1.2.2. Module dạy học 29
1.2.3. Cấu trúc của module dạy học 32
1.2.4. Những đặc tính và chức năng cơ bản của module dạy học 35
1.3. TỔ CHỨC DẠY HỌC THEO MODULE 38
1.3.1. Khái niệm tổ chức dạy học 38
1.3.2. Khái niệm tổ chức dạy học theo module 38
1.3.3. Đặc điểm của tổ chức dạy học theo module 38
1.4. HỌC PHẦN GIÁO DỤC HỌC 39
1.4.1. Khái niệm học phần 39
1.4.2. Khái niệm học phần GDH 40
1.5. ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ 41
1.5.1. Khái niệm tín chỉ (credit) 41
1.5.2. Bản chất của phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ 42
1.5.3. Đặc điểm của phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ 43

1.6. THIẾT KẾ MODULE DẠY HỌC TRONG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ 47
1.6.1. Khái niệm thiết kế module dạy học 47
1.6.2. Cách tiếp cận thiết kế module dạy học trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ 47
1.6.3. Nguyên tắc thiết kế module dạy học trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ 48
1.6.4. Quy trình thiết kế module dạy học trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ 52
1.7. TỔ CHỨC DẠY HỌC THEO MODULE TRONG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ 60
1.7.1. Khái niệm tổ chức dạy học theo module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ 60
1.7.2. Cách tiếp cận tổ chức dạy học theo module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ 60
1.7.3. Nguyên tắc tổ chức dạy học theo module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ 61
1.7.4. Quy trình tổ chức dạy học theo module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ. 62
1.7.5. Mối quan hệ giữa module dạy học và đào tạo theo hệ thống tín chỉ 66
1.7.6. Ưu thế của việc tổ chức DH theo module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ 67
1.8. ĐIỀU KIỆN CẦN THIẾT ĐỂ VIỆC THIẾT KẾ VÀ TỔ CHỨC DẠY HỌC THEO MODULE TRONG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ CÓ HIỆU QUẢ 69
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1 71
Chương 2. THỰC TRẠNG VỀ TỔ CHỨC DẠY HỌC THEO MODULE HỌC PHẦN GIÁO DỤC HỌC TRONG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM 73
2.1. KHÁI QUÁT VỀ KHẢO SÁT THỰC TRẠNG 73
2.1.1. Mục đích khảo sát 73
2.1.2. Nội dung khảo sát 73
2.1.3. Đối tượng khảo sát 73
2.1.4. Thời gian khảo sát 73

2.1.5. Phương pháp khảo sát 73
2.2. KẾT QUẢ KHẢO SÁT THỰC TRẠNG 74
2.2.1. Thực trạng chương trình học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường đại học sư phạm 74
2.2.2. Thực trạng thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ ở trường đại học sư phạm 91
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2 116
Chương 3. BIỆN PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC THEO MODULE HỌC PHẦN GIÁO DỤC HỌC TRONG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM 118
3.1. NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG BIỆN PHÁP 118
3.1.1. Đảm bảo mục tiêu đào tạo 118
3.1.2. Đảm bảo phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ 118
3.1.3. Đảm bảo tính hệ thống 119
3.1.4. Đảm tính khả thi và hiệu quả 119
3.2. CÁC BIỆN PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC THEO MODULE HỌC PHẦN GDH TRONG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM 119
3.2.1. Thiết kế module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường đại học sư phạm 119
3.2.2. Tiến hành tổ chức quy trình dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường đại học sư phạm 124
3.2.3. Xác định và cung ứng các điều kiện cần thiết để thiết kế và tổ chức dạy 129
học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ có hiệu quả
3.2.4. Mối quan hệ giữa các biện pháp 131
3.3. THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM 131
3.3.1. Khái quát về quá trình thực nghiệm 131
3.3.2. Kết quả thực nghiệm 133

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3 145
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ 146
CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ 150
TÀI LIỆU THAM KHẢO 151
PHỤ LỤC 161

DANH MỤC VIẾT TẮT

Viết tắt	Viết đầy đủ
Bộ GD & ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
ĐHCT, ĐHĐT	Đại học Cần Thơ, Đại học Đồng tháp
ĐHAG, ĐHTV	Đại học An Giang, Đại học Trà Vinh
ĐHSP	Đại học Sư phạm
GV, SV, SVSP	Giảng viên, sinh viên, sinh viên sư phạm
DH, GD, GDH	Dạy học, giáo dục, giáo dục học
HTTCDH	Hình thức tổ chức dạy học
CTDH	Chương trình dạy học
CTGD	Chương trình giáo dục
PP	Phương pháp
KH &CN	Khoa học và công nghệ
MĐDH, NDDH	Mục đích dạy học, nội dung dạy học
PPDH, PTDH	Phương pháp dạy học, phương tiện dạy học
KQHT	Kết quả học tập
QTDH, QTGD	Quá trình dạy học, Quá trình giáo dục
MĐ, MT	Mục đích, mục tiêu
TN, ĐC	Thực nghiệm, đối chứng
ĐTB, ĐLC, ThH	Điểm trung bình, Độ lệch chuẩn, Thứ hạng
XH	Xã hội
Sig.	Mức ý nghĩa

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1. Đánh giá của SV và GV về mức độ phù hợp của chương trình học phần GDH truyền thống trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ 75
Bảng 2.2. Đánh giá của SV và GV về mức độ hiệu quả của việc tổ chức DH học phần GDH theo chương trình truyền thống trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ . 79
Bảng 2.3. Mức độ hài lòng của SV và GV đối với việc sử dụng chương trình học phần GDH truyền thống để tổ chức dạy học trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ 82
Bảng 2.4. Nguyên nhân chương trình học phần GDH truyền thống chưa phù hợp với phương thức đạo tạo theo thệ thống tín chỉ 85
Bảng 2.5. Mức độ hiểu biết của SV và GV về module dạy học 92
Bảng 2.6. Nhận thức của SV và GV về sự cần thiết của việc đổi mới chương trình GDH truyền thống sang module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ..... 97
Bảng 2.7. Mức độ quan tâm của SV và GV đến việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ 100
Bảng 2.8. Nhận định của SV và GV về tính khả thi của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ..... ...103
Bảng 2.9. Nhận định của SV và GV về mức độ hiệu quả của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ.106
Bảng 2.10. Nhận định của SV và GV về tính phù hợp của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ 109
Bảng 2.11. Nguyên nhân việc thiết kế và tổ chức chương trình GDH theo module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ chưa được thực hiện..... 112
Bảng 4.1. Kết quả trước TN về mặt định lượng lần 1 giữa nhóm ĐC và nhóm TN133
Bảng 4.2. Đánh giá của SV về chương trình học phần GDH truyền thống và chương trình GDH theo module sau khi TN lần 1.....134
Bảng 4.3. Kết quả TN lần 1 về mặt định lượng giữa nhóm ĐC và nhóm TN... 137

Bảng 4.4. Kết quả trước TN về mặt định lượng lần 2 giữa nhóm ĐC và nhóm TN 139
Bảng 4.5. Đánh giá của SV về chương trình học phần GDH truyền thống và chương trình GDH theo module sau khi TN lần 2 140
Bảng 4.6. Kết quả TN lần 2 về mặt định lượng giữa nhóm ĐC và nhóm TN.. .143

DANH MỤC BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Khung thiết kế và phát triển module dạy học 53
Sơ đồ 1.2. Quy trình thiết kế module dạy học trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ.59
Sơ đồ 1.3. Quy trình tổ chức dạy học theo module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ 65
Biểu đồ 4.1. Kết quả về mặt định lượng giữa trước và sau TN của nhóm TN 138
Biểu đồ 4.2. Kết quả về mặt định lượng giữa trước và sau TN của nhómTN…..144

.....

MỞ ĐẦU

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI và Chiến lược phát triển giáo dục (GD) 2011 – 2020 đã đề ra quan điểm chỉ đạo là phải đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội (XH) hóa, dân chủ hóa, hội nhập quốc tế [14],[73]; đổi mới chương trình, tài liệu dạy học (DH) trong các cơ sở GD nghề nghiệp và đại học; vận dụng có chọn lọc một số chương trình tiên tiến trên thế giới; tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) và đánh giá kết quả học tập (KQHT), rèn luyện theo hướng phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo và năng lực tự học của người học [73].

Xuất phát từ đòi hỏi của thực tiễn GD và nhu cầu phát triển của XH, Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) đã quyết định chuyển đổi từ hình thức đào tạo (ĐT) theo niên chế sang hình thức ĐT theo hệ thống tín chỉ [3]. Đào tạo theo hệ thống tín chỉ dựa trên sự phân chia chương trình học tập thành các module có thể đo lường, tích lũy và lắp ghép được để tiến tới hệ thống văn bằng theo các tiêu thức tổ hợp nhất định, được thống nhất và công nhận rộng rãi thông qua hoạt động quản lý GD &ĐT ở những thời gian và địa điểm khác nhau; có tính mở, linh hoạt và liên thông, mang lại tiện ích tối đa cho người học; mang tính dân chủ và nhân văn. Người học được quyền lựa chọn kế hoạch học tập, các môn học hay các module học tập phù hợp với khả năng, sở thích và điều kiện của mình để tích lũy. Các môn học hay các module đã được SV tích lũy ở trường, của văn bằng này có thể bảo lưu, sử dụng tiếp cho văn bằng khác, ở trường khác nếu chương trình theo quy định của văn bằng, nhà trường đó có chứa các môn học hay module, tín chỉ đã tích lũy, các cơ sở có hệ thống chương trình đào tạo thống nhất và công nhận lẫn nhau. Đạo tạo theo hệ thống tín chỉ phát huy vai trò tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo và khả năng giải quyết vấn đề, tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm nơi SV.

Tổ chức dạy học theo module là một xu hướng tiên tiến và phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Tổ chức dạy học theo module cho phép mở rộng đến mức tối đa các hình thức học tập. SV có thể lựa chọn những cách thức học phù hợp nhất với điều kiện, khả năng, phong cách, kinh nghiệm và nhịp độ học tập của chính bản thân họ; tạo cơ hội để phát triển tính sáng tạo và kĩ năng giải quyết vấn đề cho SV; làm thay đổi một cách căn bản về vai trò của GV và SV theo xu hướng tích cực hoá hoạt động học tập của người học, DH hướng vào người học; làm cho quá trình dạy học (QTDH) không những đạt chất lượng và hiệu quả cao mà còn hình thành cho SV khả năng tự nghiên cứu, tự học, tự đánh giá KQHT; giúp cho GV và SV kiểm soát được QTDH; tạo khả năng kết hợp, liên thông giữa các chương trình đào tạo trình độ đại học trong hệ thống GD quốc dân. Như vậy, tổ chức dạy học theo module thể hiện quan điểm phát triển, quan điểm dân chủ và nhân văn trong dạy học (nhu cầu và sở thích cá nhân được tôn trọng, các năng lực, tính độc lập và tự chủ, tự do của người học được phát huy) và tạo cơ hội cho người học học thường xuyên, học suốt đời theo nhu cầu và điều kiện của mình, trên cơ sở tích lũy được các module –tích lũy tín chỉ trong những điều kiện thuận lợi.

GDH là môn nghiệp vụ sư phạm trong các trường đại học sư phạm (ĐHSP), có vai trò rất quan trọng trong việc hình thành và phát triển năng lực và phẩm chất nhà giáo tương lai cho SV. Hiện nay, các trường ĐHSP đang đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Học phần GDH đã được chuyển từ đơn vị học trình sang tín chỉ. Tuy nhiên đây mới chỉ là hình thức chuyển đổi, cắt giảm, cộng gộp một cách "cơ học". Cấu trúc chương trình, nội dung tài liệu học tập và giảng dạy học phần GDH sau khi đã chuyển đổi vẫn theo kiểu chương trình truyền thống được cấu trúc theo logic: môn - chương - mục - tiểu mục,… liên kết với nhau; chương trình được thiết kế chủ yếu dựa theo tiếp cận nội dung, chưa thiết kế được các hoạt động học tập đặc biệt là hoạt động tự học, tự nghiên cứu cho SV, tự đánh giá hay nói cách khác chương trình được thiết kế chưa theo tiếp cận phát triển,

tiếp cận năng lực. Tổ chức chương trình dạy học theo bài học. Mỗi bài học là hệ thống các tiết học tương ứng. Cấu trúc chương trình học phần GDH với tính khuôn mẫu như trên trở nên cứng nhắc, thiếu linh hoạt; chưa phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, hạn chế khả năng tự học, tự nghiên cứu, phát huy tính tích cực, độc lập, sáng tạo và tự đánh giá của SV trong quá trình học tập làm cho chất lượng và hiệu quả QTDH học phần này chưa cao. Vì vậy, việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường ĐHSP là một trong những giải pháp đổi mới chương trình học phần GDH ở các trường ĐHSP hiện nay và đang trở thành một yêu cầu cấp thiết để nâng cao chất lượng và hiệu quả của QTDH nói chung học phần GDH nói riêng.

Nghiên cứu về module dạy học được tiến hành từ khá lâu. Tuy nhiên, những nghiên cứu trước đây mới chỉ nghiên cứu khâu thiết kế module dạy học, chưa nghiên cứu biện pháp tổ chức dạy học theo module và chưa nghiên cứu các điều kiện để tổ chức dạy học theo module có hiệu quả. Hay nói cách khác cho đến nay, chưa có đề tài nào nghiên cứu về vấn đề này một cách hệ thống, đồng bộ từ thiết kế đến tổ chức thực hiện và các điều kiện để thực hiện có hiệu quả. Cho nên, việc triển khai ứng dụng module vào trong thực tiễn DH còn gặp nhiều trở ngại, khó khăn và hiệu quả không cao. Thực tiễn ở các trường ĐHSP nước ta cho thấy đã có một giáo trình nói chung và giáo trình GDH nói riêng đã được thiết kế theo module [66, 84] nhưng chỉ dừng lại ở khâu thiết kế, chưa triển khai ứng dụng vào tổ chức dạy học học phần này cho SV. Một trong những nguyên nhân là do GV và SV chưa biết cách tổ chức dạy học theo module triệt để trong đào tạo nói chung và đào tạo theo hệ thống tín chỉ nói riêng.

Từ những lí do trên, chúng tôi chọn đề tài nghiên cứu là: ***"Tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường đại học sư phạm"***. Đề tài luận án nghiên cứu đồng bộ từ thiết kế đến tổ chức dạy

học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ và các điều kiện để thực hiện chúng có hiệu quả ở trường ĐHSP.

2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực trạng tổ chức dạy học theo module học phần Giáo dục học, xây dựng biện pháp tổ chức dạy học theo module học phần Giáo dục học trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ nhằm nâng cao kết quả học tập học phần này cho sinh viên ở trường đại học sư phạm.

3. KHÁCH THỂ VÀ ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

3.1. Khách thể nghiên cứu

Quá trình dạy học học phần Giáo dục học ở trường đại học sư phạm

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Biện pháp tổ chức dạy học theo module học phần Giáo dục học trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường đại học sư phạm

4. GIẢ THUYẾT KHOA HỌC

Chương trình học phần GDH ở trường ĐHSP hiện nay vẫn còn bất cập, hạn chế, chưa phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Nếu xây dựng và thực hiện đồng bộ các biện pháp tổ chức DH theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường ĐHSP bao gồm: Thiết kế học phần GDH theo module; Tiến hành tổ chức quy trình DH theo module học phần GDH; Xác định, cung ứng các điều kiện cần thiết để thiết kế và tổ chức DH theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường ĐHSP thì KQHT học phần GDH của SV sẽ được nâng cao.

5. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

- Nghiên cứu cơ sở lý luận về tổ chức dạy học theo module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường đại học;

- Khảo sát, đánh giá thực trạng về tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường ĐHSP;

- Xây dựng các biện pháp tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường ĐHSP;

- Tổ chức thực nghiệm để khẳng định tính khả thi và hiệu quả của các biện pháp đã xây dựng.

6. PHẠM VI NGHIÊN CỨU

- Tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho SV không chuyên Tâm lý- Giáo dục ở các khoa sư phạm hoặc các trường đại học sư phạm.

- Luận án chỉ module hóa học phần GDH.

- Quá trình khảo sát thực trạng được tiến hành trên 400 SVsư phạm, 32 GV tâm lý – giáo dục ở 4 trường đại học có đào tạo sư phạm bao gồm: Đại học Cần Thơ (ĐHCT), Đại học Đồng Tháp (ĐHĐT), Đại học An Giang (ĐHAG) và Đại học Trà Vinh (ĐHTV) và một số chuyên gia.

- Tổ chức dạy học thực nghiệm Module - Những vấn đề chung của GDH đã được thiết kế cho SV Khoa Sư phạm,Trường Đại học Cần Thơ theo biện pháp đã được xác lập.

7. PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

7.1. Phương pháp luận nghiên cứu đề tài

7.1.1. Tiếp cận hệ thống

Hệ thống là một tập hợp các yếu tố nhất định có mối quan hệ biện chứng với nhau tạo thành một chỉnh thể trọn vẹn, ổn định. Các yếu tố này có vị trí độc lập, có chức năng riêng, có quy luật vận động riêng, nhưng chúng lại có quan hệ biện chứng với nhau, vận động theo quy luật của toàn hệ thống. Khi nghiên cứu các sự vật và hiện tượng cần phải nghiên cứu hệ thống cấu trúc của nó.

Vận dụng cách tiếp cận này, tác giả xem xét quá trình tổ chức dạy học theo module học phần GDH là một hệ thống cấu trúc toàn vẹn bao gồm các thành tố: mục đích dạy học; định hướng kết quả học tập; nội dung dạy học; chiến

lược dạy học; kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; hỗ trợ người học. Các thành tố đó tồn tại và tác động qua lại, thống nhất với nhau. Mỗi thành tố của module dạy học có một vị trí vai trò nhất định, chúng vừa vận động theo quy luật riêng của mình, lại vừa vận động theo các quy luật chung của hệ thống. Vì vậy, nghiên cứu tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường ĐHSP là nghiên cứu một hệ thống các thành tố để tìm ra quy luật vận động, phát triển và mối quan hệ giữa chúng; đặc biệt xây dựng các biện pháp tổ chức dạy học theo module học phần GDH với tư cách là một hệ thống cần phải được nghiên cứu và vận dụng triệt để trong quá trình đào tạo SV sư phạm

7.1.2. Phương pháp tiếp cận hoạt động

Lý thuyết về hoạt động-nhân cách đã chỉ ra rằng nhân cách con người chỉ được hình thành trong hoạt động và bằng hoạt động. Các phẩm chất và năng lực nghề của SVSP được hình thành và phát triển chủ yếu thông qua hoạt động dạy học. Vận dụng cách tiếp cận này, đề tài được nghiên cứu thông qua việc tổ chức dạy học theo module học phần GDH để hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực nghề cho SVSP.

7.1.3. Phương pháp tiếp cận lịch sử

Tổ chức dạy học theo module ở trường đại học đã được nghiên cứu và áp dụng ở nhiều nước trên thế giới như Anh, Mỹ, Úc,Việt Nam,…Trên cơ sở kế thừa kết quả nghiên cứu trước đây về module dạy học, chúng tôi đưa ra biện pháp tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường ĐHSP nhằm nâng cao kết quả học tập của SV, góp phần thực hiện có hiệu quả đào tạo nghề cho SV trong các trường ĐHSP.

7.2. Các phương pháp nghiên cứu lý luận

- Phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát hóa:

Phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát hóa được sử dụng để nghiên cứu xây dựng cơ sở lý luận và cơ sở thực trạng về tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường ĐHSP; đồng thời các phương pháp này còn được sử dụng trong nghiên cứu thực nghiệm biện pháp tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường ĐHSP;

- Phương pháp mô hình hóa: Thiết kế và tổ chức module học phần GDH dựa theo mô hình cấu trúc của module DH.

7.3. Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn

7.3.1. Phương pháp quan sát

Quan sát các hoạt động học tập và sản phẩm hoạt động học tập của SV được tiến hành trong quá trình thực nghiệm biện pháp tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường ĐHSP.

7.3.2. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi được tiến hành theo các bước sau: *Bước 1*. Xây dựng phiếu khảo sát [Phụ lục 1,2,3,4]; *Bước 2*. Tiến hành khảo sát; *Bước 3*. Xử lý kết quả khảo sát. Bảng hỏi được xây dựng dựa trên hệ thống câu hỏi nhằm khảo sát thực trạng về chương trình học phần GDH; thực trạng việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở các trường đại học sư phạm; nguyên nhân của các thực trạng; thực trạng kết quả học tập học phần GDH về mặt định tính và định lượng của SV trước và sau thực nghiệm. Tiến hành khảo sát thực trạng chương trình học phần GDH và thực trạng thiết kế và tổ chức DH theo moduel học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại 3 trường đại học có đào tạo sư phạm bao gồm trường Đại học Cần Thơ, trường Đại học An Giang, trường Đại học Đồng Tháp và trường Đại học Trà Vinh với 400 SV sư phạm, 32 GV và một số chuyên gia.

7.3.3. Phương pháp phỏng vấn

Phương pháp này được sử dụng để thu thập những thông tin trực tiếp. Ngoài ra, còn được dùng để đánh giá độ trung thực trong việc trả lời bản điều tra viết. Tiến hành phỏng vấn GV, SV và chuyên gia về thực trạng về chương trình học phần GDH, việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở các trường đại học sư phạm.

7.3.3. Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động

Sản phẩm của hoạt động dạy học chính là năng lực và phẩm chất nghề của SV. Nghiên cứu sản phẩm hoạt động DH được sử dụng để phân tích, so sánh kết quả học tập của SV nhóm thực nghiệm (TN) và nhóm đối chứng (ĐC), giữa kết quả trước và sau TN của SV nhóm TN,…

7.3.4. Phương pháp chuyên gia: Lấy ý kiến của các chuyên gia về tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường ĐHSP.

7.3.5. Phương pháp thực nghiệm sư phạm

Tổ chức thực nghiệm các các biện pháp tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường ĐHSP để khẳng định tính khả thi và hiệu quả. Cách thực nghiệm được tiến hành như sau:

- Giai đoạn 1: Chuẩn bị thực nghiệm

+ Thiết kế học phần GDH theo module.

+ Lựa chọn đối tượng thực nghiệm, mẫu thực nghiệm, thời gian và địa điểm thực nghiệm.

+ Chuẩn bị cơ sở, trang thiết bị phục vụ cho thực nghiệm.

- Giai đoạn 2. Triển khai thực nghiệm

+ Khảo sát trình độ đầu vào của SV lớp thực nghiệm và lớp đối chứng.

+ Tổ chức dạy học học phần GDH theo module cho SV ở lớp TN theo quy trình đã xác định và tổ chức dạy học học phần GDH theo chương trình

truyền thống cho SV lớp ĐC.

- Giai đoạn 3. Kiểm tra, đánh giá kết quả thực nghiệm

Kiểm tra, đánh giá về mặt định tính và mặt định lượng kết quả học tập của SV sau khi học xong học phần GDH.

+ Xác định tiêu chí và thang đánh giá

* Đối với đánh giá về mặt định tính

Sau khi tổ chức thực nghiệm, tiến hành khảo sát kết quả học tập về mặt định tính bằng phiếu hỏi. Căn cứ vào câu trả lời của SV sẽ tiến hành mã hóa từng câu trả lời bằng phần mềm SPSS for windows 16.0. Điểm số sau khi mã hóa sẽ quy thành điểm trung bình, độ lệch chuẩn, tính tần số, tỉ lệ %,…

*Đối với đánh giá về mặt định lượng

Để phục vụ quá trình nghiên cứu, chúng tôi đánh giá kết quả học tập về mặt định lượng bằng thang điểm 10 chứ không sử dụng thang điểm chữ (A, B+,B, C+,C, D+, D, F).

+ Xử lý kết quả thực nghiệm bằng phần mềm SPSS for Windows 16.0

7.4. Phương pháp thống kê toán học

Phần mềm SPSS For Windows 16.0 [76] được sự dụng để xử lí các số liệu thu được từ điều tra thực trạng và thực nghiệm, phục vụ cho việc phân tích số liệu cũng như đảm bảo tính chính xác và khách quan trong quá trình nghiên cứu. Căn cứ vào câu trả lời của SV và GV sẽ tiến hành mã hóa từng câu trả lời bằng phần mềm trên. Đề tài sử dụng các kiểm định T-test, Anova, Gamma, các phép tính Mean, Std. Deviation, Percent, Frequencies,….

8. NHỮNG LUẬN ĐIỂM BẢO VỆ

- Tổ chức dạy học theo module học phần GDH cần thiết và phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở các trường ĐHSP Việt Nam; một mặt khắc phục những hạn chế, bất cập trong chương trình dạy học học phần

GDH hiện nay; mặt khác góp phần nâng cao kết quả học tập cho SV ở trường ĐHSP.

- Thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường ĐHSP cần phải tuân theo quy trình thiết kế và quy trình tổ chức dạy học theo module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

- Để tổ chức dạy học theo module học phần GDH có hiệu quả trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường đại học sư phạm cần áp dụng đồng bộ các biện pháp: Thiết kế module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường ĐHSP, Tiến hành tổ chức quy trình dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường ĐHSP, Xác định và cung ứng các điều kiện để thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH có hiệu quả trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường ĐHSP.

9. NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI CỦA ĐỀ TÀI

9.1. Về lý luận

- Xây dựng được quy trình thiết kế module dạy học trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ;

- Xây dựng được quy trình tổ chức dạy học theo module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ;

- Xác lập các điều kiện để thiết kế và tổ chức dạy học theo module có hiệu quả trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường đại học nói chung, đại học sư phạm nói riêng;

9.2. Về thực tiễn

- Đánh giá khái quát thực trạng về chương trình học phần GDH, tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ hiện nay ở các trường đại học sư phạm; trên cơ sở đó phát hiện ra những bất cập, hạn chế về tổ chức dạy học học phần GDH ở các trường ĐHSP và nguyên nhân của chúng;

- Đã thiết kế và tiến hành thực nghiệm 3 biện pháp tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường ĐHSP bao gồm: Thiết kế module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ; Tiến hành tổ chức quy trình dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ; Xác định và cung ứng các điều kiện để thiết kế, tổ chức DH theo module học phần GDH có hiệu quả trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

10. CẤU TRÚC CỦA LUẬN ÁN

Ngoài phần mở đầu, kết luận và khuyến nghị, tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung chính của luận án được cấu trúc thành 3 chương:

Chương 1. Cơ sở lý luận về tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở đại học

Chương 2. Thực trạng về tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường đại học sư phạm

Chương 3. Biện pháp tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường đại học sư phạm.

Chương 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC DẠY HỌC THEO MODULE HỌC PHẦN GIÁO DỤC HỌC TRONG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ Ở ĐẠI HỌC

1.1. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ

1.1. 1. Những nghiên cứu ở nước ngoài

Nhu cầu về nguồn nhân lực trong nền sản xuất công nghiệp đã tác động đến quá trình đào tạo nghề ở các nước phát triển. Những nghiên cứu của Taylor trong lĩnh vực quản lý và tổ chức sản xuất đã làm xuất hiện hình thức đào tạo công nhân ở Mỹ theo module [62, tr. 11]. Khái niệm module trong GD&ĐT lần đầu tiên xuất hiện năm 1869 ở Trường Đại học Harvard nước Mỹ do Hiệu Trưởng trường đó là Eliot đưa ra, với mục đích cho SV có khả năng tự chọn các học phần thích hợp với mình nhưng vẫn phải bảo đảm khối lượng và trình độ học tập [15, tr.170]. Từ đó đến nay module đã được nghiên cứu và ứng dụng ở nhiều nước trên thế giới. Khi nghiên cứu tổng quan về tổ chức dạy học theo module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ chúng tôi nhận thấy có hai hướng nghiên cứu chính: Một là, những nghiên cứu để xây dựng và phát triển hệ thống lý thuyết về module trong GD& ĐT. Hai là, những nghiên cứu ứng dụng module trong GD & ĐT.

- *Hướng nghiên cứu xây dựng và phát triển hệ thống lý thuyết về module trong GD&ĐT*

Hệ thống lý thuyết về module dạy học đã được nghiên cứu từ khá lâu và đã chỉ ra được những khái niệm, cấu trúc, ưu điểm và quy trình thiết kế module dạy học, … giúp cho lí luận về module dạy học tương đối hoàn thiện. Những nghiên cứu lí luận về module dạy học phải kể đến nghiên cứu của các tác giả như: Jerry W.Robinson và William B. (1972), Brown, J.W (1977), Chanrill, O. (1982), O' Donnell (1986), Theodossin. E (1986), Warwich. D (1987), Alan

Jenkins and Lawrie Walker (1994), James A. Kulik (1995), Meyer, R (1996), Moon, J (2002) và (2005), Roisin Donnelly and Marian Fitzmaurice (2005), Mick Betts và Robin Smith (2005), Butcher, C. Davies, C. &Highton (2006), Lance Hogan. R và Natalie Garling (2008), L.D' Hainout, Trung tâm dạy và học, Trường Đại học Brington, Trường Đại học Northampson, Trường đại học Dublin (Ailen), Kandarp Sejpal (2013),…

Jerry W.Robinson, William B. (1972) khi nghiên cứu về "module dạy học" đã đưa ra khái niệm về module học tập. Module học tập là gói tài liệu dạy học bao gồm mục tiêu hành vi, một chuỗi nối tiếp các hoạt động học tập và sự chuẩn bị cho việc đánh giá. Tác giả chỉ đề cập đến vai trò của GV trong chiến lược của module dạy học. Khi chiến lược module dạy học được thực hiện một cách đúng đắn thì vai trò của GV như là một "nhạc trưởng" của những việc học tập, người sáng tạo các hoạt động học tập, người cố vấn trong suốt quá trình khám phá học tập. Nhưng tác giả chưa đề cập đến quy trình tổ chức module dạy học nói chung, quy trình tổ chức thực hiện chiến lược trong module dạy học nói riêng [103]. Brown, J.W (1977) đã đề cập đến những ưu điểm của module dạy học như: dạy học theo module người học có thể tổ chức module trong môi trường và điều kiện của họ. Người học không những chỉ tổ chức module trong trường học mà còn tổ chức module trong công việc của họ; module dạy học được sử dụng cho cá nhân, nhóm nhỏ hoặc nhóm lớn theo nhu cầu; module dạy học có thể thay đổi và cập nhật; chương trình dạy học theo module mềm dẻo, linh hoạt; sử dụng module tiết kiệm và hiệu quả hơn [96, tr. 21-22]. Trong nghiên cứu này mặc dầu tác giả đã xác định được đối tượng sử dụng module dạy học là cá nhân, nhóm nhỏ hoặc nhóm lớn; tuy nhiên tác giả lại chưa đưa ra quy trình tổ chức dạy học theo module cho cá nhân, nhóm nhỏ hoặc cho nhóm lớn. Trong Hội thảo phát triển kỹ năng viết module dạy học, Chanrill, O. (1982) đã chỉ nêu lên các đặc điểm của module dạy học như: module dạy học có cấu trúc trọn vẹn, quan tâm tới các cá nhân khác nhau, người học tham gia vào các hoạt động, sử dụng

nhiều thông tin khác nhau [97]. Tác giả chưa nêu lên đặc điểm của tổ chức dạy học theo module. Từ điển Bách khoa Quốc tế về GD (1985), đã đưa ra khái niệm module, nội dung của module, giới hạn của module, cấu trúc của một module module: "Module là một đơn vị hướng dẫn học tập và độc lập tập trung chủ yếu vào một số mục tiêu được xác định rõ. Nội dung của module bao gồm các tài liệu và hướng dẫn cần thiết để thực hiện các mục tiêu đã xác định. Giới hạn của một module được xác định bởi các chỉ tiêu được nêu rõ. Một module bao gồm: Mục đích, điều kiện tiên quyết, các hướng dẫn, kiểm tra chẩn đoán trước khóa học, Người thực hiện module, kiểm tra đánh giá sau khóa học và đánh giá module" [113, tr.3398]. Tài liệu này mặc dầu đã có những hướng dẫn cần thiết thực hiện các mục tiêu xác định, nhưng chưa đưa ra một quy trình cụ thể để tổ chức thực hiện module dạy học. O' Donnell (1986) đã nghiên cứu và đưa ra những biện giải về các dấu hiệu và cách nhận dạng các module đào tạo. Theo O' Donnell, tính "trọn vẹn" chính là dấu hiệu bản chất của module đào tạo. Mỗi module phải "trọn gói" trong cấu trúc, mục tiêu, nội dung và quy định thực hiện để đạt được mục tiêu. Tính "trọn vẹn" là phần hồn của một module, là tính chất có "ý nghĩa nhất" khi xem xét các chương trình đào tạo được cấu trúc theo module. Nhưng tác giả chưa nghiên cứu để đưa ra những dấu hiệu bản chất của việc tổ chức dạy học theo module [111]. Theodossin. E (1986) khi nghiên cứu module dạy học đã khái quát rằng phần lớn hệ thống module dạy học có sự khác biệt giữa thời gian học trực tiếp với giáo viên, thời gian tự học và thời gian để chuyển hóa hệ thống tri thức từ nhiều nguồn khác nhau thành cái của bản thân[119, Tr.13]. Warwich. D (1987), chỉ xác định thuật ngữ module như sau:"Thuật ngữ module được hiểu như là một đơn vị độc lập, tự bản thân nó đã hoàn thiện, những đơn vị này có thể dùng để thêm vào những đơn vị khác để nhằm hướng tới thành công của một nhiệm vụ lớn hơn hoặc lâu dài hơn. [124, tr.4]. Alan Jenkins and Lawrie Walker (1994) đã đề ra yêu cầu của module rằng một module phải có mục tiêu rõ ràng, phải xác định rõ mong muốn kết quả đầu

ra, phải xác định rõ những điều kiện học tập tiên quyết, làm rõ các phương pháp học tập và nội dung trong đó các hoạt động học tập diễn ra, cung cấp các kinh nghiệm học tập khác nhau; có thể là môn học, chủ đề cụ thể; nghề, công việc cụ thể; sự trộn lẫn chương trình dạy học hay sự kết hợp giữa các chương trình dạy học nhưng lại chưa đề cập đến việc cung ứng các điều kiện cụ thể để tổ chức module dạy học có hiệu quả [93]. James A. Kulik và các đồng sự của ông tại Trường Đại học Michigan (1995) tập trung đề cập chủ yếu vào hệ thống hướng dẫn cá nhân học tập bằng các module. Kết quả nghiên cứu đã đưa đến những đánh giá rằng hệ thống hướng dẫn cá nhân học tập bằng các module có hiệu quả hơn so với các phương pháp thông thường của việc dạy học đại học [113, tr. 3400]. Meyer, R (1996) nghiên cứu xác định cơ sở triết học cho sự xuất hiện và tồn tại của phương thức đào tạo theo module. Theo Meyer. R. con người không phải là một công cụ thụ động, họ là nguồn hành động hơn là tập hợp các hành động. Do vậy, phải thay đổi cách thức đáp ứng chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo phải hướng vào người học và lấy người học làm trung tâm [107]. UNESCO (1998) đã đưa ra khái niệm module dạy học; xác định các thành phần của module bao gồm: tên của module, giới thiệu về module, khái quát chung về module, chỉ dẫn cho người sử dụng (người học), kiểm tra trước khi học, mục tiêu, hoạt động học tập, đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết [121, tr.61-63]. Moon, J (2002) và (2005) đã đưa ra mô hình cơ bản phát triển module dạy học, trình bày khái niệm định hướng kết quả học tập của module dạy học và khái niệm mục đích của module dạy học. Ông cho rằng có sự khác biệt giữa định hướng kết quả học tập với mục đích dạy học. Theo ông, mục đích dạy học là cái được viết về cái GV dự định sẽ trình bày trong quá trình dạy học. Trong khi đó định hướng kết quả học tập là sự trình bày về cái người học được mong đợi biết, hiểu và có khả năng làm được khi kết thúc quá trình học tập. Mục đích dạy học nhấn mạnh đến việc dạy và quản lý việc học. Trong khi định hướng kết quả học tập nhấn mạnh đến việc học hơn. [109], [110]. Roisin Donnelly and Marian

Fitzmaurice (2005), đã nghiên cứu xây dựng cấu trúc thiết kế và phát triển module dạy học. Cấu trúc của một module dạy học có sự liên kết giữa nhu cầu của người học, mục tiêu, kết quả học tập, nguồn tài liệu, chiến lược dạy và học, tiêu chuẩn kiểm tra và đánh giá. Các tác giả xem việc xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thiết kế chương trình và kết quả học tập là nguyên tắc thiết kế module dạy học. Họ đã đưa ra quy trình thiết kế module dạy học bao gồm: Xác định lãnh vực lý thuyết học tập, xác định vị trí vai trò của module, xác định mục tiêu và kết quả học tập, xác định nôi dung, thiết kế chiến lược dạy học và chiến lược đánh giá, thiết kế hệ thống hỗ trợ người học [116]. Kết quả nghiên cứu "Phát triển chương trình theo module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở đại học", Mick Betts và Robin Smith (2005) đã đề cập đến kích cở của module dạy học, khối lượng của module dạy học, trình độ của module dạy học, đầu ra của module dạy học và đánh giá module dạy học [108]. Butcher, C. Davies, C. &Highton (2006) đã đưa ra chu trình thiết kế module bao gồm: Lý do của module; mục tiêu và kết quả học tập; nội dung ; phương pháp dạy/học; kiểm tra, đánh giá; môi trường; quản lý; đánh giá và cải tiến; lý do của module;….[95]. Lance Hogan. R và Natalie Garling (2008) đã trình bày ưu diểm của module dạy học so với cách tiếp cận thiết kế chương trình dạy học truyền thống [105]. L.D' Hainout đã trình bày khái niệm module dạy học là một đơn vị chương trình dạy học tương đối độc lập, được cấu trúc một cách đặc biệt nhằm phục vụ cho người học. Nó chứa cả mục tiêu dạy học, nội dung dạy học và công cụ đánh giá kết quả lĩnh hội, gắn bó chặt chẽ với nhau thành một chỉnh thể hoàn chỉnh [41]. Trung tâm dạy và học, Trường Đại học Brington đã tổng quát quá trình thiết kế module với một số yếu tố cơ bản trong thiết kế module dạy học bao gồm: mức độ và tỉ lệ tín chỉ của module, nền tảng triết lý GD và giá trị, trọng tâm và mục tiêu của module, nội dung của module, dự kiến kết quả học tập, thành lập và tập hợp các hoạt động, các tiêu chuẩn và các hình thức thông tin phản hồi, chiến lược dạy và học phù hợp nhất, hỗ trợ việc học tập, nguồn tài liệu học tập và đánh giá kết quả

[122]. Trường Đại học Northampson (Anh) đã đưa ra khái niệm, cấu trúc và nguyên tắc chung thiết kế module: Module là một khối học tập riêng biệt dẫn đến kết quả học tập đã xác định được đánh giá. Nguyên tắc thiết kế module bao gồm: Phân chia mức độ (point) tín chỉ dựa trên sự ước lượng số lượng thời gian học tập, mỗi module được định rõ bởi một 'module xác định (cụ thể)' gắn với nội dung và kế hoạch đánh giá bài học, mỗi module được phân chia một giá trị và mức độ tín chỉ và cần xác định rõ các điều kiện, yêu cầu cần thiết của module, module phải riêng biệt trong phạm vi chủ đề, mục tiêu, nội dung và kết quả, module chính là module bắt buộc với 20 hoặc 40 tín chỉ ở mức độ 6 hoặc 7 yêu cầu tất cả chương trình trình độ đại học và sau đại học, một module 20 tín chỉ tương ứng với 200 giờ SV học. (giờ dạy học: 48 giờ; giờ học độc lập: 72 giờ; giờ đánh giá: 50 giờ; giờ khác: 30 giờ), kích cỡ của module nên được thể hiện trong bội số 10 tín chỉ với nhỏ nhất là 10 tín chỉ và lớn nhất là 80 tín chỉ, module nhỏ hơn 10 tín chỉ và lớn hơn 80 tín chỉ sẽ không được cho phép, module được gắn kết bởi giá trị tín chỉ và trình độ, mức độ. Mức độ của một module chứng tỏ bởi kết quả học tập và đánh giá. Cấu trúc của module gồm: nội dung của module, chiến lược dạy học và đánh giá, yêu cầu đánh giá, sự phân phối việc học tập [125]. Trường đại học Dublin (Ailen), đã đưa ra khái niệm module và tín chỉ. Module là một đơn vị độc lập bao gồm việc dạy, học và đánh giá. Mỗi module gắn với giá trị tín chỉ nhất định. Đây là một cách tiêu chuẩn hóa tương ứng với số lượng nổ lực của SV và các hoạt động GD kết hợp với một module. Một tín chỉ tương ứng với 20 đến 25 giờ tất cả sự nổ lực của SV. Vì vậy, chuẩn module 5 tín chỉ tương ứng với 100 đến 125 giờ SV nỗ lực học tập. Các loại module như nghiên cứu, luận văn, luận án, dự án học tập,… có thể có giá trị tín chỉ với 10,15 hoặc 20 tín chỉ [127]. Kandarp Sejpal (2013) đã nghiên cứu phương pháp dạy học theo module. Trong nghiên cứu này, tác giả đã định nghĩa module dạy học, đặc điểm của module dạy học, những thành phần cơ bản của module dạy học,

cấu trúc của module dạy học, những nguyên tắc trong kế hoạch hoạt động học tập, những ưu điểm và nhược điểm của module dạy học [104].

Theo hướng nghiên cứu này, các tác giả đã nhấn mạnh đến khái niệm, cấu trúc, ưu điểm và quy trình thiết kế module dạy học.

- *Hướng nghiên cứu ứng dụng module trong GD&ĐT*

Trong lĩnh vực đào tạo đại học, đào tạo theo module gắn liền với hình thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Năm 1872, Viện trưởng Eliot đã thực hiện ở Viện Đại học Harvard một hệ thống lựa chọn trong chương trình đào tạo của Viện. Chương trình đào tạo cổ điển mang tính cứng nhắc với các lớp học cố định được thay thế bởi sự lựa chọn rộng rãi các môn học của SV. Đây có thể được xem như là điểm mốc khai sinh hệ thống tín chỉ học tập [87]. Đào tạo theo module gắn liền với hình thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ với mục đích cho SV các khả năng tự chọn các học phần thích hợp với mình nhưng vẫn phải đảm bảo khối lượng và trình độ học tập [15]. Từ đó đến nay đã có nhiều tác giả, nhiều trường đại học nghiên ứu ứng dụng module vào trong GD &ĐT như: Viện đại học Massachusetts, Meyer, R (1996), Wallcace. W (1998), Riasat Ali, Safdar Rehman Ghazi, Muhammad Saeed Khan, Shukat Hussain, Zakia Tanzeela Faitma (2010), Pankaj Kumar Dubey (2011),…

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ đã phát triển rộng khắp ở nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là ở Mỹ và ở Anh. Thực tiễn mô hình đào tạo này cho thấy, hệ thống tín chỉ mang lại hiệu quả cao về phương diện quản lý, giảm giá thành đào tạo, hiệu quả học tập cao và tạo ra tính mềm dẻo, khả năng thích ứng cao của chương trình dạy học. Tuy nhiên hệ thống tín chỉ cũng bộc lộ một số nhược điểm như: sự cắt vụn kiến thức làm ảnh hưởng đến động cơ học tập của SV trong quá trình học tập. Hệ thống tín chỉ có thể làm méo mó động cơ học tập của SV trong quá trình học tập vì "SV nhìn trình độ học vấn qui định cho một văn bằng như là sự tích lũy các tín chỉ học tập hơn là việc học tập vì lợi ích cuối cùng của nó"

[87, tr.61]. Để khắc phục những hạn chế của hệ thống tín chỉ, Khoa GD của Viện đại học Massachusetts (Mỹ) đã khởi xướng hệ thống "tín chỉ theo module". Tín chỉ theo module hướng đến việc SV thực hiện hoạt động học tập dưới sự điều khiển của GV, nhưng cũng có thể hướng đến việc SV làm việc độc lập khi đã kí kết một "hợp đồng học tập cá nhân" với GV. Những nghiên cứu về "hệ thống tín chỉ" hay "tín chỉ theo module" tập trung chủ yếu vào phương diện quản lý và xây dựng chương trình đào tạo. Do đó nó thiếu những chỉ dẫn đối với GV khi họ tham gia vào quá trình phát triển chương trình đào tạo [62]. Chương trình bổ túc "Năng lực sư phạm cho SV" ngành Vật lý của Viện đại học Ohio (do Meyer, R (1996) giới thiệu) được cấu trúc từ 12 module và 100 submodule. Như vậy, đặc điểm nổi bật của các chương trình đào tạo theo module ở Mỹ là cấu trúc phân tầng chặt chẽ bao gồm các đơn vị đào tạo cơ bản và các đơn vị thành phần. Các đơn vị cơ bản được gọi là module, các đơn vị thành phần được gọi là các submodule [107]. Wallcace. W (1998) khi phân tích lao động của nhân viên quản khách sạn đã xác định 18 chức năng chính cùng với 68 chức năng phụ trong lao động của họ, từ đó ông thiết kế chương trình đào tạo nhân viên quản lý khách sạn với 18 module và 68 submodule (tiểu module) [123]. Riasat Ali, Safdar Rehman Ghazi, Muhammad Saeed Khan, Shukat Hussain, Zakia Tanzeela Faitma (2010), đã nghiên cứu tác dụng của module dạy học đến kết quả học tập của SV ngành Sinh vật học. Kết quả nghiên cứu này cho thấy rằng dạy học theo module hiệu quả hơn trong quá trình dạy học đối với ngành Sinh vật học so với phương pháp dạy học truyền thống [115]. Pankaj Kumar Dubey (2011) đã nghiên cứu tác dụng của module dạy học đối với SV năm thứ hai ngành Hóa học. Kết quả nghiên cứu cho thấy dạy học tiếp cận theo module đối với ngành Hóa học có hiệu quả hơn so với phương pháp dạy học truyền thống [112].

Theo hướng nghiên cứu này các tác giả đã nghiên cứu ứng dụng lý thuyết module vào trong các chương trình đào tạo, các ngành đào tạo và các môn học cụ thể để nâng cao chất lượng và hiệu quả quá trình dạy học.

1.1.2. Những nghiên cứu ở Việt Nam

Khi nghiên cứu tổng quan về tổ chức dạy học theo module ở Việt Nam chúng tôi cũng nhận thấy có hai hướng nghiên cứu chính: Một là, những nghiên cứu để xây dựng và phát triển hệ thống lý thuyết về module trong GD và đào tạo. Hai là, những nghiên cứu ứng dụng module trong GD và đào tạo.

- Hướng nghiên cứu xây dựng và phát triển hệ thống lý thuyết về module trong GD & ĐT

Trong nhiều thập kỷ qua, có một số tác giả ở Việt Nam đã nghiên cứu xây dựng và phát triển hệ thống lý thuyết về module trong GD & ĐT như: Nguyễn Minh Đường (chủ biên)(1993), Bùi Hiền, Nguyễn Ngọc Giao, Nguyễn Hữu Hình, Vũ Văn Tảo (2001), Bùi Văn Quân (2001), Phạm Minh Đức (2004), Phan Trọng Ngọ (2005), Nguyễn Quang Huỳnh (2006), Bộ GD & ĐT - Dự án phát triển GV tiểu học (2006), Phan Thị Hồng Vinh (2007), Nguyễn Quang Uẩn (2010), … Trong các nghiên cứu này các tác giả đã đưa ra cách tiếp cận thiết kế module trong GD&ĐT, khái niệm module, cấu trúc của module dạy học, đặc trưng của module dạy học, nguyên tắc thiết kế module dạy học, quy trình thiết kế module dạy học, đặc điểm của chương trình dạy học theo module,…

Nguyễn Minh Đường (chủ biên)(1993) đã biên soạn cuốn sách "*Các module kỹ năng hành nghề - phương pháp tiếp cận, hướng dẫn biên soạn và áp dụng"*. Đây là sản phẩm của đề tài Khoa học – Công nghệ Cấp Nhà nước KX.07.14 "*Vấn đề bồi dưỡng và đào tạo lại các loại hình lao động nhằm đáp ứng nhu cầu của sự phát triển KT-XH trong điều kiện mới*". Đề tài này tập trung đề cập tới phương pháp tiếp cận đào tạo nghề theo module kỹ năng hành nghề, phương pháp xác định nhu cầu đào tạo và phân tích nghề, phương pháp xây

dựng bộ tài liệu học tập cho module nghề và phương pháp xây dựng module kỹ năng hành nghề và áp dụng trong đào tạo và bồi dưỡng [20]. Bùi Hiền, Nguyễn Ngọc Giao, Nguyễn Hữu Hình, Vũ Văn Tảo (2001) đã đưa ra khái niệm module học tập, module kỹ năng hành nghề và đã đưa ra các cách viết module trong GD&ĐT. Trong GD&ĐT, những module có thể viết dựa trên những chủ đề chung và tạo nên những module độc lập với giáo trình đã có; những module có thể viết để bổ sung cho một giáo trình đang có, nhằm làm phong phú thêm một nội dung hoặc giúp cho SV kém đuổi kịp trình độ chung, khi đó những module này không phải là một thành phần hữu cơ của giáo trình, mà chỉ có sự liên quan nhất định; những module có thể viết dựa trên những giáo trình đã có (Module hóa), khi đó những module này liên hệ chặt chẽ với nhau và phụ thuộc vào những giáo trình đã có [26, tr.261]. Bùi Văn Quân (2001) đã nghiên cứu đề tài "*Thiết kế nội dung dạy học theo tiếp cận module* (Thực hiện trên môn GD dân số trong các trường sư phạm)". Trong đề tài này, tác giả đã đưa ra khái niệm, cấu trúc, một số nguyên tắc thiết kế nội dung môn học theo module và quy trình thiết kế ND môn học theo module. Quy trình thiết kế nội dung môn học theo module bao gồm 5 bước sau: *Bước 1.* Phân tích chương trình môn học bao gồm: Xác định vị trí, chức năng của môn học và các điều kiện thực hiện môn học trong nhà trường; nghiên cứu các mục tiêu của môn học; nghiên cứu nội dung môn học; tìm ra chủ đề chính làm cơ sở để biên soạn module; *Bước 2.* Xác định các module bao gồm: xác định đặt tên cho các module; xác định số lượng các module; *Bước 3.* Biên soạn module bao gồm: Xác định mục tiêu của module, xác định các tiểu module, biên soạn test và chỉ dẫn; *Bước 4.* Thử nghiệm và đánh giá module; *Bước 5.* Xây dựng sơ đồ liên kết các module [62]. Phạm Minh Đức (2004) trong bài viết "khái niệm cơ bản về module" in trong "Thiết kế mẫu một số module GD môi trường" của Dự án VIE/98/018 đã liệt kê một số khái niệm về module, đặc trưng cơ bản của một module, phân loại module, chức năng của module dạy học, cấu trúc của module dạy học, quy trình thiết kế

module dạy học và các nguyên tắc cần tuân thủ khi thiết kế module dạy học [4]. Phan Trọng Ngọ (2005) đã đưa ra khái niệm module trong dạy học, chương trình dạy học theo module, đặc điểm của chương trình dạy học theo module, điểm mạnh và hạn chế của chương trình theo module [54]. Nguyễn Quang Huỳnh (2006), đã đưa ra khái niệm module, đặc trưng của module, cấu trúc chương trình đào tạo truyền thống và module, chu trình các bước phát triển chương trình đào tạo tích hợp module-môn học và những điều cần chú ý trong quá trình phát triển chương trình tích hợp-module-môn học. Chu trình các bước phát triển chương trình đào tạo tích hợp module - môn học là một chu trình khép kín, gồm nhiều bước có mối liên hệ logic với nhau. Kết quả của mỗi bước trước hết là điều kiện cần thiết để thực hiện các bước tiếp theo. Do tác động mạnh mẽ của tiến bộ kỹ thuật và công nghệ trong hoạt động nghề nghiệp, nên khi hoàn thành tới bước cuối cùng, cũng là lúc bắt đầu một chu trình mới trong quá trình phát triển chương trình. Chu trình các bước phát triển chương trình đào tạo bao gồm: *Bước 1.* Phân tích nhu cầu; *Bước 2.* Phân tích nghề; *Bước 3.* Phân tích công việc; *Bước 4.* Thiết kế chương tình; *Bước 5.* Biên soạn chương trình; *Bước 6.* Phát triển học liệu; *Bước 7.* Thẩm định; *Bước 8.* Thử nghiệm; *Bước 9.* Điều chỉnh; *Bước 10.* Triển khai [34]. Bộ GD & ĐT - Dự án phát triển GV tiểu học (2006) đã biên soạn Sổ tay chỉ dẫn biên soạn module, trong tài liệu này đã đề cập tới cấu trúc của module dạy học, các bước biên soạn một module hoặc tiểu module bao gồm: *Bước 1.* Xác định nhu cầu; *Bước 2.* Xác định mục đích và đối tượng; *Bước 3.* Xác định các phương pháp để đáp ứng các nhu cầu; *Bước 4.* Thiết kế các thành phần của module*; Bước 5.* Xác định các nguồn sẵn có*; Bước 6.* Biên soạn tài liệu*; Bước 7.* Thiết kế quy trình đánh giá người học*; Bước 8.* Đánh giá/thử nghiệm/kiểm tra chất lượng*; Bước 9.* Triển khai thực hiện [6]. Trong Giáo trình Xây dựng, phát triển và quản lý chương trình dạy học, Phan Thị Hồng Vinh (2007) đã đề cập đến lịch sử nghiên cứu xây dựng chương trình theo moudule, khái niệm module dạy học và tiểu module, một số chức năng cơ

bản của module dạy học, đặc trưng cơ bản của một module dạy học, cấu trúc module dạy học, quan niệm về thiết kế nội dung môn học, các nguyên tắc thiết kế chương trình môn học theo module, quy trình xây dựng môn học theo module và xây dựng chương trình dạy học theo module hành nghề. Quy trình thiết kế chương trình dạy học theo module chỉ gồm 4 bước như sau: *Bước 1*. Phân tích chương trình bao gồm xác định nội dung, vị trí, chức năng của môn học trong nội dung tổng thể; nhận thức các mục tiêu và các nội dung của môn học cùng với các điều kiện để thực hiện nó; *Bước 2.* Xác định các module bao gồm xác định tên, số lượng các module; *Bước 3.* Biên soạn module bao gồm xác định mục tiêu của module, xác định các tiểu module, xây dựng hệ thống test đánh giá và hệ thống các chỉ dẫn thực hiện module; *Bước 4.* Thử nghiệm, đánh giá module [85]. Nguyễn Quang Uẩn (2010), trong bài báo "*Thiết kế chương trình dạy học theo module – một trong những giải pháp đổi mới chương trình dạy học ở các trường sư phạm"* đã nghiên cứu khái niệm module dạy học, những đặc tính cơ bản của module, ưu điểm và hạn chế của việc thiết kế chương trình dạy học theo truyền thống so với chương trình dạy học theo module [81].

Theo hướng nghiên cứu này, các tác giả đã nhấn mạnh đến cách tiếp cận thiết kế module trong GD&ĐT, khái niệm module, cấu trúc của module dạy học, đặc trưng của module dạy học, nguyên tắc thiết kế module dạy học, quy trình thiết kế module dạy học, đặc điểm của chương trình dạy học theo module,…

- *Hướng nghiên cứu ứng dụng module trong GD và đào tạo*

Các tác giả nghiên cứu ứng dụng module trong GD và đào tạo bao gồm: Đỗ Huân (1995), Phạm Văn Lâm (1995), Bùi Văn Quân (2001), Nguyễn Viết Sự, Nguyễn Minh Châu (2002), Lê Thị Hồng Phương (2002) Vũ Thị Sai (2003), Dương Anh Tuân (2007), Dự án VIE/98/018 (2004), Nguyễn Thị Quy, Nguyễn Thị Bích Hạnh, Hồ Văn Liên, Mai Văn Luông và Vũ Khắc Tuân (2007), Dương Huy Cần (2009), Nguyễn Hữu Long (2009), Nguyễn Thị Thu Hằng (2010),

Nguyễn Thị Ngà (2010), Phan Thị Hồng Vinh (2011), Đinh Thị Hà (2011), Từ Đức Văn (2012), Trần Chí Độ (2013), Đinh Hữu Sỹ (2014). Các tác giả đã nghiên cứu ứng dụng lý thuyết module vào thiết kế các môn học khác nhau nhằm để nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học các môn học này.

Đỗ Huân (1995) với đề tài nghiên cứu *"Tiếp cận module trong xây dựng cấu trúc chương trình dạy học nghề"* đã xây dựng một lý luận về tiếp cận module trong xây dựng cấu trúc chương trình đào tạo nghề trong điều kiện Việt Nam trên cơ sở Triết học, Tâm lý học Sư phạm và Lý luận dạy học hiện đại. Tác giả đã đề xuất và kiểm chứng tính khả thi của quy trình xây dựng cấu trúc chương trình có cấu tạo module trong lĩnh vực đào tạo nghề ở Việt Nam [32]. Phạm Văn Lâm (1995), đã nghiên cứu đề tài "Nâng cao chất lượng thực tập vật lý đại cương ở trường đại học kỹ thuật bằng phương pháp tự học có hướng dẫn theo module". Trong nghiên cứu này, tác giả đã đưa ra quy trình thiết kế nội dung thực tập vật lý đại cương theo module gồm 5 bước: Bước 1, Thiết kế tổng quát nội dung thực tập vật lý đại cương theo module; Bước 2, Thiết kế module thực tập vật lý đại cương theo module và module phụ đạo; Bước 3, Biên soạn các module và các tài liệu hướng dẫn; Bước 4, Thiết kế cách trình bày tài liệu; Bước 5, Đánh giá tài liệu và thiết kế phương pháp dạy học thực tập vật lý đại cương theo module [41]. Bùi Văn Quân (2001) đã nghiên cứu đề tài "*Thiết kế nội dung dạy học theo tiếp cận module".* Trong đề tài này tác giả đã thiết kế module môn Giáo dục dân số trong các trường sư phạm có cấu trúc của module bao gồm hệ vào, thân và hệ ra: Hệ vào bao gồm: Các mục tiêu, test vào, các khuyến cáo và chỉ dẫn; Thân bao gồm: Thân của module bao gồm một loạt các tiểu module tương ứng với mục tiêu đã được xác định ở hệ vào của module. Cũng có trường hợp thân của module tương ứng với một tiểu module duy nhất. Các tiểu module liên kết với nhau bởi các test trung gian và đều cần đến một thời gian học tập nhất định. Các tiểu module được cấu trúc bởi các thành phần: mở đầu, phần hoạt động, phần tổng hợp, test trung gian; Hệ ra bao gồm: Một tổng

kết chung, test kết thúc, các chỉ dẫn [62]. Nguyễn Viết Sự, Nguyễn Minh Châu (2002), đã nghiên cứu "*Phát triển đào tạo nghề theo module"* [69]. Một số luận văn thạc sỹ nghiên cứu về module dạy học như: Lê Thị Hồng Phương (2002) đã nghiên cứu đề tài "*Cấu trúc chương trình phần lý luận dạy học theo hướng môđun hoá"* [59]. Vũ Thị Sai (2003) đã nghiên cứu đề tài "*Cấu trúc phần lý luận GD theo hướng module"*[68]. Dương Anh Tuân (2007) đã nghiên cứu đề tài "*Thiết kế chương trình học phần Những vấn đề chung của GDH theo module"*[77]. Dự án VIE/98/018 (2004) đã biên soạn cuốn sách "Thiết kế mẫu một số module GD môi trường". Cuốn sách bao gồm 6 chương với 24 module mẫu [4]. Nguyễn Thị Quy, Nguyễn Thị Bích Hạnh, Hồ Văn Liên, Mai Văn Luông và Vũ Khắc Tuân (2007) đã tổ chức biên soạn tài liệu *GDH* (tài liệu đào tạo GV tiểu học). Tài liệu này được chia thành các tiểu module và các chủ đề [66]. Dương Huy Cần (2009) đã nghiên cứ đề tài "Tăng cường năng lực tự học cho SV ngành Hoá học ở trường đại học sư phạm bằng phương pháp tự học có hướng dẫn theo module". Tác giả nghiên cứu những cơ sở lý luận dạy học đại học, thực trạng tự học của SV đại học, phương pháp tự học có hướng dẫn theo module. Thiết kế nội dung tài liệu tự học có hướng dẫn theo module, thiết kế bài giảng điện tử, bài tự học điện tử học phần phương pháp dạy học hoá học 2. Đề xuất các biện pháp tự học với tài liệu tự học có hướng dẫn theo module; tự học bằng bài học điện tử, rèn luyện kỹ năng dạy học [8]. Trong Giáo trình Lí luận dạy học tâm lý học, Nguyễn Hữu Long (2009) đã thiết kế tóm tắt các bài học hỗn hợp theo lí thuyết mới về công nghệ dạy học (học phần Tâm lí học) bao gồm 15 module. Mỗi module bao gồm 4 công đoạn: Công đoạn định hướng tình huống – nêu vấn đề; công đoạn kiểm tra/tự kiểm tra đầu vào bài mới; công đoạn hình thành kiến thức, thái độ; công đoạn hình thành kĩ năng, thái độ [43]. Nguyễn Thị Thu Hằng (2010) trong nghiên cứu "Thiết kế các module GD môi trường vì sự phát triển bền vững" đã đưa ra quy trình thiết kế các module dạy học nói chung và quy trình thiết kế các module về GD môi trường nói riêng bao gồm: Tên của

module; mục tiêu của module; phương tiện dạy học; hoạt động dạy học; củng cố, đánh giá; gợi ý cho GV và học sinh. Trên cơ sở đó, tác giả đã thiết kế các module GD môi trường vì sự phát triển bền vững [25, tr. 145-151]. Nguyễn Thị Ngà (2010), đã nghiên cứu đề tài "Xây dựng và sử dụng tài liệu tự học có hướng dẫn theo module phần kiến thức Cơ sở Hóa học chung-chương trình THPT chuyên Hóa học góp phần nâng cao năng lực tự học cho học sinh". Trong luận án này, tác giả đã xây dựng tài liệu tự học có hướng dẫn theo module, bao gồm các phần lý thuyết và bài tập phần kiến thức cơ sở hóa học chung - chương trình THPT chuyên Hóa học và nghiên cứu sử dụng tài liệu đó [53]. Phan Thị Hồng Vinh (chủ biên) (2011) đã biên soạn Giáo trình GD học (biên soạn theo module). Môn GDH được biên soạn theo module bao gồm 3 chương: Chương 1- Những vấn đề chung của GDH, bao gồm 4 chủ đề: chủ đề 1: GD học là một khoa học, chủ đề 2: GD và sự phát triển nhân cách, chủ đề 3: Mục đích, nguyên lí GD và hệ thống GD quốc dân, chủ đề 4: Người thầy giáo trung học phổ thông; Chương 2: Lí luận dạy học, bao gồm 5 chủ đề: chủ đề 1: Quán trình dạy học, chủ đề 2: Tính quy luật và nguyên tắc dạy học, chủ đề 3: Nội dung dạy học, chủ đề 4: Phương pháp và phương tiện dạy học, chủ đề 5- Hình thức tổ chức dạy học; Chương 3: Lí luận GD, bao gồm 5 chủ đề: chủ đề 1: Quá trình GD, chủ đề 2: Nguyên tắc GD, chủ đề 3: Nội dung GD, chủ đề 4: Phương pháp GD, chủ đề 5: Môi trường GD. Từng chủ đề được cấu tạo bởi các module, hệ vào của module bao gồm: mục tiêu của module và bài kiểm tra đầu vào. Mỗi module bao gồm các tiểu module. Mỗi tiểu module gồm mục tiêu, nội dung và phương pháp học tập. Hệ ra của module bao gồm test kết thúc và chỉ dẫn sau khi làm xong test (bao gồm hướng dẫn học tập để hoàn thành test, đáp án, chỉ dẫn nếu SV không hoàn thành test) [84]. Ở đây, tác giả đã module hóa môn Giáo dục học. Đinh Thị Hà (2011), trong nghiên cứu *"Xây dựng module GDH đáp ứng phương thức đào tạo theo tín chỉ"* đã xây dựng các module GDH theo như cấu trúc module mà Bùi Văn Quân (2001) và Phan Thị Hồng Vinh (2007) đã đề cập bao gồm: Hệ

vào, thân và hệ ra. Trong nghiên cứu chưa có sự phân chia số tiết học trên lớp, số tiết tự học của sinh viên. Chưa thiết kế được hệ thống hỗ trợ học tập cho người học. Chưa nghiên cứu quy trình xây dựng và tổ chức module GDH trong phương thức đào tạo theo tín chỉ, cũng như các điều kiện cần thiết để thực hiện chúng [21]. Từ Đức Văn (2012), trong nghiên cứu "Thiết kế và tổ chức dạy học môn Giáo dục học dựa theo lý thuyết module cho sinh viên đại học sư phạm" đã thiết kế hệ thống các module và tiểu module môn Giáo dục học. Nghiên cứu này chỉ mới dừng lại ở việc thiết kế các module và các tiểu module, chưa đề cập đến quy trình tổ chức các module và các tiểu module môn Giáo dục học cũng như chưa đề cập đến các điều kiện để thực hiện chúng có hiệu quả [82, 170-176] . Trần Chí Độ (2013), đã nghiên cứu "*Dạy học tích hợp module Điều khiển điện khí nén tại trường Cao đẳng nghề".* Trong nghiên cứu này tác giả đã cấu trúc chương trình module theo các dạng bài học tích hợp (chủ đề hoạt động). Chương trình được thiết kế theo quan điểm kết hợp môn học và module kỹ năng hành nghề. Các module được xây dựng theo quan điểm hướng đến năng lực thực hiện [18, tr 43-52]. Đinh Hữu Sỹ (2014) đã nghiên cứu đề tài "Dạy học theo dự án các module nghề Công nghệ ô tô". Luận án đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về dạy học theo dự án các module nghề công nghệ ô tô; phát hiện sự phù hợp giữa dạy học theo dự án và dạy học nghề theo module năng lực thực hiện; đề xuất 4 nguyên tắc và 5 điều kiện để có thể vận dụng dạy học theo dự án các module nghề công nghệ ô tô; xây dựng được quy trình dạy học theo dự án cho 2 loại dự án học tập sửa chữa và bảo dưỡng ô tô; đề xuất các phương pháp và kỹ thuật dạy học cụ thể trong từng giai đoạn của quy trình dạy học theo dự án các module nghề công nghệ ô tô trình độ cao đẳng [70].

Theo hướng nghiên cứu này, các tác giả trong nước tập trung nghiên cứu ứng dụng lý thuyết module vào trong từng môn học cụ thể để nâng cao chất lượng và hiệu quả quá trình dạy học các môn học đó.

Tổng quan vấn đề nghiên cứu cho thấy các tác giả trong và ngoài nước đã đề cập đến cách tiếp cận thiết kế module trong GD&ĐT, khái niệm, cấu trúc, đặc trưng, ưu điểm của module dạy học, nguyên tắc thiết kế module dạy học, quy trình thiết kế module dạy học, đặc điểm của chương trình dạy học theo module; nghiên cứu ứng dụng lý thuyết module vào trong các chương trình đào tạo, các ngành đào tạo và các môn học cụ thể để nâng cao chất lượng và hiệu quả quá trình dạy học. Lý thuyết module đã được nghiên cứu và ứng dụng trong lĩnh vực đào tạo nghề trên thế giới và Việt Nam nhưng các nghiên cứu trước đây chỉ nghiên cứu khâu thiết kế module DH nên việc ứng dụng triển khai module dạy học gặp rất nhiều khó khăn, hiệu quả thấp; thậm chí không thể triển khai được. Hay nói cách khác Module dạy học chưa được nghiên cứu một cách hệ thống, đồng bộ từ thiết kế, tổ chức và các điều kiện thực hiện có hiệu quả để ứng dụng vào thực tiễn. Chưa có đề tài nào nghiên cứu tổ chức DH theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín ở trường sư phạm. Vì vậy, đề tài nghiên cứu của luận án tập trung nghiên cứu các biện pháp tổ chức dạy học theo module học phần GDH một cách hệ thống, đồng bộ từ khâu thiết kế đến khâu tổ chức và các điều kiện thực hiện có hiệu quả trong đào tạo theo hệ thống tín ở trường ĐHSP.

1.2. MODULE DẠY HỌC

1.2.1. Module

- Theo Phạm Văn Đức (2004), Bùi Văn Quân (2001), Nguyễn Quang Uẩn (2010), module được hiểu như là đơn vị tiêu chuẩn trong kĩ thuật hay một "nút chức năng" trong một cơ cấu chỉnh thể [4], [62], [81].

- Theo Phạm Văn Đức, "Module là một đơn vị trọn vẹn về mặt chuyên môn" [4, tr.118].

Vậy, module là đơn vị tiêu chuẩn trong kĩ thuật hay một "nút chức năng" trong một cơ cấu chỉnh thể, một đơn vị trọn vẹn về mặt chuyên môn

1.2.2. Module dạy học

Trước đây module chủ yếu được dùng trong kĩ thuật. Sau này module không những được dùng trong kĩ thuật mà còn được người ta chuyển dần và sử dụng trong cả lĩnh vực giáo dục với những nét đặc trưng của nó. Tuỳ theo tính chất nghiên cứu, người ta đưa ra các cách trình bày khác nhau về khái niệm module dạy học:

- Theo Jerry W.Robinson và William B (1972), "Module học tập là gói tài liệu dạy học bao gồm các mục tiêu hành vi, một chuỗi nối tiếp các hoạt động học tập và sự chuẩn bị cho việc đánh giá" [103, tr.2]

- Theo David Warwich (1987), "Thuật ngữ module được hiểu như là một đơn vị độc lập, tự bản thân nó đã hoàn thiện, những đơn vị này có thể dùng để thêm vào những đơn vị khác để nhằm hướng tới thành công của một nhiệm vụ lớn hơn hoặc lâu dài hơn [124, tr.4].

- Theo Từ điển Bách khoa Quốc tế về GD (1985), **"**Module là một đơn vị hướng dẫn học tập và độc lập tập trung chủ yếu vào một số mục tiêu được xác định rõ. Nội dung của module bao gồm các tài liệu và hướng dẫn cần thiết để thực hiện các mục tiêu đã xác định. Giới hạn của một module được xác định bởi các chỉ tiêu được nêu rõ. Một module bao gồm: Mục đích, điều kiện tiên quyết, các hướng dẫn, kiểm tra chẩn đoán trước khóa học, Người thực hiện module, kiểm tra đánh giá sau khóa học và đánh giá module" [113, tr.3398].

- Theo Trường Đại học Northampson (Anh), "Module là một khối học tập riêng biệt dẫn đến kết quả học tập đã xác định được đánh giá" [125].

- Theo Trường Đại học Dublin, "Module là một đơn vị độc lập bao gồm việc dạy, học và đánh giá"[127]

-Theo O' Donnell (1986), Module là một đơn vị học tập liên kết tất cả các yếu tố của các môn học lý thuyết, các kỹ năng và các kiến thức có liên quan để tạo ra một năng lực chuyên môn [111].

- Theo Luật dạy nghề (2006), Module là đơn vị học tập được tích hợp giữa kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và thái độ nghề nghiệp một cách hoàn chỉnh nhằm giúp cho người học nghề có năng lực thực hành trọn vẹn một công việc của một nghề [63].

- Theo Phan Trọng Ngọ (2005), "Trong DH, thuật ngữ module được dùng để chỉ một đơn vị kiến thức hoặc một hệ thống kĩ năng (thực tiễn hay trí óc) vừa tương đối trọn vẹn và độc lập, vừa có thể kết hợp với kiến thức hoặc kỹ năng khác, tạo thành hệ thống trọn vẹn có quy mô lớn hơn" [54, Tr.115].

- Theo Bùi Hiền, Nguyễn Văn Giao, Nguyễn Hữu Quỳnh, Vũ Văn Tảo (2001), Module là "một phân hệ tự chủ của một chương trình học tập hoặc một giáo trình". Module là "tư liệu sư phạm dùng để hướng dẫn trong những quá trình làm việc của SV". Module học tập là "đơn vị học tập thuộc một chương trình đào tạo, một chương trình môn học, chứa đựng cả mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học cùng với công cụ đánh giá, điều khiển kết quả học tập, tạo thành một thể hoàn chỉnh". "Module học tập thường tương đối độc lập và được thiết kế để người học có thể tích lũy và lắp ghép các module khác nhau nhằm đạt được một mục đích đào tạo nhất định" [26, tr.261].

- Theo Nguyễn Ngọc Quang (1994), "Module DH là một đơn vị chương trình dạy học tương đối độc lập, được cấu trúc đặc biệt nhằm phục vụ cho người học và chứa đựng cả mục tiêu dạy học, nội dung dạy học, phương pháp dạy học và hệ thống các công cụ đánh giá kết quả lĩnh hội gắn bó với nhau tạo thành một chỉnh thể" [60, tr.75].

- Theo Đỗ Huân (1995), " Module dạy học là một đơn vị học tập liên kết tất cả các yếu tố của các môn học lý thuyết, các kỹ năng liên quan để tạo ra năng lực chuyên môn" [32, tr.48].

- Theo Phan Thị Hồng Vinh, module dạy học bao gồm module và tiểu module. "Tiểu module (TMĐ) hay còn gọi là đơn nguyên là các thành phần cấu trúc module được xây dựng tương ứng với các nhiệm vụ học tập mà người học phải thực hiện. Mỗi module dạy học là sự tập hợp hữu hạn các đơn nguyên. Mỗi đơn nguyên giúp người học hoàn thành một hoặc một số MTDH" [85, Tr.38].

- Theo Nguyễn Quang Uẩn (2010), trong dạy học, module có thể được hình dung như một đơn vị tương đối độc lập của chương trình dạy học, được cấu trúc một cách đặc biệt nhằm hướng dẫn học tập theo những mục tiêu xác định của quá trình dạy học. Như vậy, module dạy học bao hàm các nội dung học vấn cụ thể trong mối quan hệ với các thành tố khác của quá trình dạy học: mục tiêu, phương pháp và công cụ kiểm tra đánh giá" [81, tr. 490-491].

- Theo Nguyễn Quang Huỳnh (2006), "Module được hiểu là một đơn vị học tập liên kết tất cả các thành phần kiến thức liên quan trong các môn học lý thuyết với các kỹ năng để tạo ra một năng lực chuyên môn" [34, tr.276].

Các tác giả trên đã trình bày khái niệm module dạy học theo những cách khác nhau. Từ các khái niệm về module dạy học nêu trên và từ cấu trúc của module dạy học được nêu dưới đây, chúng tôi cho rằng: *Module dạy học là một đơn vị dạy học tương đối độc lập có khả năng lắp ghép hoặc tháo gỡ tùy theo mục đích sử dụng, được cấu trúc một cách đặc biệt nhằm đáp ứng nhu cầu, hứng thú, năng lực, điều kiện của người học và chứa đựng cả mục đích dạy học, định hướng kết quả học tập, nội dung dạy học, chiến lược dạy học/phương pháp dạy học, hệ thống công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả kết quả học tập và hỗ trợ học tập, chúng gắn bó chặt chẽ với nhau tạo thành thể thống nhất hoàn chỉnh, toàn vẹn.*

1.2.3. Cấu trúc của module dạy học

- Theo Roisin Donnelly and Marian Fitzmaurice (2005), cấu trúc của một module dạy học có sự liên kết giữa nhu cầu của người học, mục tiêu, kết quả học tập, nguồn hỗ trợ học tập, chiến lược dạy và học (phương pháp dạy và học), tiêu chuẩn kiểm tra và đánh giá [116]

- Theo Alan Jenkins and Lawrie Walker (1994), Một module: phải có mục tiêu rõ ràng; phải xác định rõ mong muốn kết quả đầu ra; phải xác định rõ những điều kiện học tập tiên quyết; phải làm rõ các phương pháp học tập và nội dung trong đó các hoạt động học tập diễn ra; nên cung cấp các kinh nghiệm học tập khác nhau; có thể là môn học, chủ đề cụ thể; nghề, công việc cụ thể; sự trộn lẫn chương trình; hoặc một sự kết hợp của chúng [93].

- Theo các tác giả Phan Thị Hồng Vinh (2007), cấu trúc của một module dạy học bao gồm: Hệ vào, thân và hệ ra:

+ Hệ vào của module bao gồm: Tên gọi hay tiêu đề của module; Hệ thống mục tiêu của module; test vào của module; những khuyến cáo dành cho người học sau khi họ tham dự test.

+ Thân của module bao gồm một loạt các tiểu module tương ứng với mục tiêu đã được xác định ở hệ vào của module. Cũng có trường hợp thân của module tương ứng với một tiểu module duy nhất. Các tiểu module liên kết với nhau bởi các test trung gian và đều cần đến một thời gian học tập nhất định. Các tiểu module được cấu trúc bởi các thành phần: Mở đầu, nội dung, phương pháp học tập và test trung gian.

+ Hệ ra của module bao gồm: Một bản tổng kết chung; test kết thúc; hệ thống chỉ dẫn để tiếp tục học tập tùy theo kết quả học tập module của người học; hệ thống hướng dẫn dành cho người dạy và người học [85].

Theo Bùi văn Quân (2001), Cấu trúc của module bao gồm hệ vào, thân và hệ ra:

+ Hệ vào bao gồm: Các mục tiêu, test vào, các khuyến cáo và chỉ dẫn.

+ Thân bao gồm: Thân của module bao gồm một loạt các tiểu module tương ứng với mục tiêu đã được xác định ở hệ vào của module. Cũng có trường hợp thân của module tương ứng với một tiểu module duy nhất. Các tiểu module liên kết với nhau bởi các test trung gian và đều cần đến một thời gian học tập nhất định. Các tiểu module được cấu trúc bởi các thành phần: mở đầu, phần hoạt động, phần tổng hợp, test trung gian.

+ Hệ ra bao gồm: Một tổng kết chung, test kết thúc, các chỉ dẫn [62].

- Theo Dự án phát triển GV tiểu học- Bộ GD và Đào tạo (2006), cấu trúc của tiểu module dạy học bao gồm:

+ Tên của tiểu module/chuyên đề;

+ Giới thiệu về tiểu module/chuyên đề,

+ Tài liệu và thiết bị để thực hiện tiểu module/chuyên đề,

+ Nội dung của tiểu module/chuyên đề bao gồm:

- Các chủ đề / Nội dung bao gồm: Các hoạt động, thông tin cho các hoạt động, đánh giá sau khi học xong các chủ đề/nội dung
- Đánh giá toàn bộ tiểu module, chuyên đề
- Thông tin phản hồi bao gồm: Thông tin phản hồi cho hoạt động đánh giá của các chủ đề hoặc các nội dung và thông tin phản hồi cho hoạt động đánh giá toàn tiểu module/chuyên đề [6].

Từ các cấu trúc module dạy học được nêu trên, chúng tôi xác định:

Cấu trúc của module dạy học bao gồm các thành phần: Tên gọi hay tiêu đề của module dạy học, mục đích dạy học, định hướng kết quả học tập, nội dung dạy học, chiến lược dạy học/phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập và hỗ trợ người học.

- Tên gọi hay tiêu đề của module dạy học: Mỗi module dạy học gắn với một tên gọi hay một tiêu đề nhất định, từ đó xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp,…

- Mục đích dạy học: Mục đích dạy học là cái GV dự định làm hoặc đạt được trong quá trình dạy học [98], [106], [110], [116]. Mục đích dạy học nhấn mạnh đến việc dạy và quản lý việc học của người dạy.

- Định hướng kết quả học tập: Định hướng kết quả học tập là cái người học được mong đợi có khả năng chứng tỏ được về kiến thức, kỹ năng và thái độ khi hoàn thành quá trình dạy học [92], [94], [99], [101], [102], [109], [116]. Định hướng kết quả học tập nhấn mạnh đến việc học của người học.

Như vậy có sự khác biệt giữa mục đích dạy học và định hướng kết quả học tập. Mục đích dạy học nhấn mạnh đến việc dạy và quản lý việc học. Trong khi định hướng kết quả học tập nhấn mạnh đến việc học hơn.

- Nội dung dạy học: Nội dung dạy học là cái người học cần phải học để đạt được kết quả học tập.

- Chiến lược dạy học: theo Toohey. S (1999), "Chiến lược dạy học là kế hoạch cho việc học tập bao gồm sự trình bày mà giáo viên có thể làm, các bài tập và các hoạt động được thiết kế cho người học, tài liệu sẽ được cung cấp hoặc yêu cầu người học làm việc với chúng và các cách thức trong đó sự hiểu biết và năng lực sẽ được hình thành và phát triển" [120, tr. 152] "Phương pháp và các hoạt động dạy học là nơi chiến lược dạy và học được chuyển thành hành động" [100].

- Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập: Kiểm tra là quá trình thu thập thông tin về kết quả học tập của người học. Đánh giá kết quả học tập là xác định mức độ nắm được kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học so với kết quả đầu ra (yêu cầu) của module dạy học đã được đề ra.

- Hỗ trợ học tập: có thể hiểu bao gồm:

+ Cơ sở vật chất, phương tiện dạy học như phòng học, phòng thí nghiệm, trang thiết bị của thư viện (giáo trình, tài liệu tham khỏa,...), phương tiện kỹ thuật, phương tiện nghe nhìn, phương tiện để tra cứu và xử lý thông tin,...;

+ Hệ thống hướng dẫn việc tự học, tự nghiên cứu, tự kiểm tra đánh giá kết quả học tập module.

1.2.4. Những đặc tính và chức năng cơ bản của module dạy học

1.2.4.1 Những đặc tính cơ bản của module dạy học

- Theo Nguyễn Quang Huỳnh (2006), Bùi Văn Quân (2001), Nguyễn Quan Uẩn (2010) và Phan Thị Hồng Vinh (2007), module DH có những đặc tính như: Tính trọn vẹn, tính cá biệt (tính cá nhân hóa), tính tích hợp, tính phát triển, tính tự kiểm tra, đánh giá và tính tích cực hóa người học. [34], [62], [81], [85].

+ Tính trọn vẹn

Mỗi module dạy học mang một chủ đề xác định, từ đó xác định được mục tiêu, nội dung, phương pháp và quy trình thực hiện, do vậy nó không phụ thuộc vào nội dung đã có và sẽ có sau nó. Tính trọn vẹn là dấu hiệu bản chất của module dạy học thể hiện sự độc đáo khi xây dựng nội dung dạy học. Tính trọn vẹn thể hiện:

Trọn vẹn trong khả năng làm được hay thể hiện được của người học sau khi kết thúc module dạy học. Sau khi kết thúc module dạy học, người học phải đạt được những thay đổi về nhận thức, kĩ năng, thái độ tương ứng với chủ đề của module dạy học.

Trọn vẹn trong cấu trúc. Mỗi module dạy học đều chứa đựng đầy đủ các thành tố của QTDH bao gồm: Tên của module dạy học, mục tiêu dạy học, định hướng kết quả học tập, nội dung dạy học, chiến lược dạy học (phương pháp dạy học), hệ thống công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả kết quả học tập và hỗ trợ học tập.

Tính trọn vẹn không những chỉ ra bản chất của module dạy học mà còn giúp các nhà thiết kế có thể xác định được kích cỡ của module dạy học. Kích cỡ lớn hay nhỏ của module dạy học phụ thuộc vào nội dung cần thiết nhằm tạo ra khả năng thực hiện có kết quả nhiệm vụ học tập.

+ Tính cá biệt (tính cá nhân hóa)

Tính cá biệt có nghĩa là chú ý đến trình độ nhận thức và các điều kiện khác nhau của người học.

Chương trình của một module dạy học có tính mềm dẻo, dễ dàng thay đổi, bổ sung để thích hợp với từng đối tượng học tập. Cùng một mảng tri thức người ta có thể xây dựng các module ở những trình độ khác nhau dành cho người học cùng với kiểu ứng dụng module đó. Module dạy học còn có khả năng cung cấp cho người học những cơ hội để có thể học tập theo nhịp độ của cá nhân, việc học tập được cá thể hóa và phân hóa cao độ. Module dạy học có khả năng đó vì nó đã kế thừa nhiều con đường lĩnh hội khác nhau cho một mảng kiến thức, người học có thể sử dụng nhiều cách thức khác nhau để chiếm lĩnh nội dung, để đạt tới mục tiêu chung theo nhịp độ riêng của bản thân.

+ Tính tích hợp

Tính tích hợp là đặc tính căn bản tạo nên tính chỉnh thể, tính liên kết và tính phát triển của module dạy học, nó chỉ ra bằng cách nào module dạy học có được tính trọn vẹn.

Mỗi moudle dạy học đều là sự tích hợp giữa lý thuyết và thực hành cũng như giữa các thành tố trong cấu trúc của module DH.

Mặc dù là một đơn vị độc lập nhưng module DH thường được thiết kế theo hướng liên kết với với các module khác để đáp ứng những mục tiêu mang tính dài hạn của quá trình dạy học.

+ Tính phát triển

Module dạy học được thiết kế theo hướng "mở", tạo ra cho nó khả năng dung nạp, bổ sung những nội dung mang tính cập nhật. Vì thế module dạy học luôn có tính "động", tính phát triển.

+ Tính tự kiểm tra, đánh giá

Quy trình thực hiện module DH được đánh giá thường xuyên bằng hệ thống câu hỏi dạng test. Việc đánh giá diễn ra trong suốt quá trình thực hiện module DH nhằm tăng thêm động cơ học tập cho người học. Mục đích chủ yếu của kiểm tra, đánh giá thường xuyên là để người học tự kiểm tra, tự đánh giá và tự điều chỉnh nhịp độ học của bản thân.

+ Tính tích cực hóa người học: Người học có thể lựa chọn những cách học khác nhau, có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm để chiếm lĩnh một nội dung dạy học xác định, cũng như khả năng tự kiểm soát, tự điều chỉnh việc học một cách chủ động.

- Theo Phan Trọng Ngọ (2005), một trong những đặc tính của module dạy học là kích cở (độ lớn, nhỏ) của module DH tùy thuộc vào dung lượng kiến thức hoặc kỹ năng thành phần trong module đó. Vì vậy, không có quy định cứng nhắc về kích cỡ cho mọi module. Độ lớn của module DH thể hiện bởi thời lượng học tập của người học như học trong một tuần, một học kì, một năm,… Độ lớn của module không phải là số buổi lên lớp của GV hay số lần tiếp xúc giữa GV với người học mà là số lượng công việc người học phải thực hiện trong một đơn vị kiến thức hay kỹ năng của module đó, tương ứng với đơn vị thời gian học tập được quy định [54].

Như vậy, module dạy học có những đặc tính cơ bản như: Tính trọn vẹn, tính cá biệt (tính cá nhân hóa), tính tích hợp, tính phát triển, tính tự kiểm tra, đánh giá, tính tích cực hóa người học và kích cở (độ lớn, nhỏ) của module DH tùy thuộc vào dung lượng kiến thức hoặc kỹ năng thành phần trong module đó.

1.2.4.2. Chức năng cơ bản của module dạy học

Module dạy học có một số chức năng cơ bản như sau:

- Module dạy học vừa là tài liệu giảng dạy của người dạy và cũng vừa là tài liệu tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn cho người học.

- Do tính độc lập tương đối về NDDH, có thể "lắp ghép" và "tháo gỡ" các module để xây dựng những chương trình dạy học đa dạng và phong phú [84].

1.3. TỔ CHỨC DẠY HỌC THEO MODULE

1.3.1. Khái niệm tổ chức dạy học

Tổ chức dạy học là sự sắp xếp tương hỗ và liên hệ qua lại giữa các thành tố trong cấu trúc của quá trình dạy học (bao gồm: mục đích dạy học, nội dung dạy học, phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học, phương tiện dạy học, người dạy, người học, môi trường dạy học và kết quả dạy học), là hình thức, phương pháp thực hiện quá trình quá trình dạy học .

1.3.2. Khái niệm tổ chức dạy học theo module

Tổ chức dạy học là sự sắp xếp tương hỗ và liên hệ qua lại giữa các thành tố trong cấu trúc của module dạy học (bao gồm: mục đích dạy học, định hướng kết quả học tập, nội dung dạy học, chiến lược dạy học/phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập và hỗ trợ người học), là hình thức, phương pháp thực hiện module dạy học.

1.3.3. Đặc điểm của tổ chức dạy học theo module

- Cách kết nối các module trong chương trình. Trong các chương trình, các module có thể được kết nối theo mạng không gian hoặc theo tuyến tính.

+ Kết nối theo mạng không gian: Kết nối theo mạng không gian là trong khoảng thời gian cho phép người học có thể thực hiện đồng thời một số module, tùy theo khả năng và điều kiện của mình.

+ Kết nối theo tuyến tính: Kết nối theo tuyến tính là người học thực hiện từng module trong khoảng thời gian cho phép.

- Tính lựa chọn. Trong một chương trình có nhiều dạng kết nối các module dạy học (kết nối theo mạng không gian, kế nối theo tuyến tính). Vì vậy, người học có thể lựa chọn các module dạy học để hoàn thành chương trình học tập theo quy định. Điều này cho phép người học phát huy khả năng, tính độc lập và sự linh hoạt của mình theo điều kiện để đi đến mục tiêu học tập. Nhưng điều lưu ý là, tuy việc lựa chọn các module là quyền của người học, nhưng phải tuân theo các nguyên tắc, quy định trong chương trình.

- Các module dạy học vừa có tính độc lập vừa có tính liên kết. Điều này giúp cho chương trình dạy học có tính cơ động và khả năng ứng dụng cao. Chương trình dạy học theo module bao giờ cũng là chương trình mở.

- Người học phải thực hiện số lượng công việc trong một đơn vị kiến thức hay kỹ năng của module đó, tương ứng với đơn vị thời gian học tập được quy định.

- Việc đánh giá kết quả học tập. Mỗi module phải được đánh giá riêng và phải được hoàn thành trước khi chuyển sang module mới.

- Khả năng kết hợp, liên thông giữa các chương trình. Nếu trong chương trình có một số module giống nhau thì có thể sử dụng chung. Điều này tạo ra khả năng liên kết, liên thông giữa các chương trình, cho phép người học cùng một lúc theo đuổi một số chương trình, trên cơ sở khai thác và sử dụng nguồn lực của mình [54].

1.4. HỌC PHẦN GIÁO DỤC HỌC

1.4.1. Khái niệm học phần

Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho SV tích lũy trong quá trình học tập để dẫn đến một văn bằng. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố

đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần phải được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định [3].

Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

- Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc SV phải tích lũy;

- Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng SV được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tuỳ ý để tích luỹ đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

Tùy theo tính chất nội dung, các học phần được chia thành học phần tiên quyết và học phần song hành. Học phần tiên quyết đòi hỏi SV phải hoàn thành rồi mới được chuyển sang học phần kế tiếp. Học phần song hành cho phép SV có thể học song song cùng một lúc.

1.4.2. Khái niệm học phần GDH

Theo Bùi Hiền và các cộng sự (2001), "Giáo dục học là ngành khoa học xã hội nghiên cứu bản chất và các quan hệ có tính quy luật của quá trình hình thành con người như một nhân cách, trên cơ sở đó thiết kế mục tiêu, nội dung, phương pháp và các hình thức tổ chức quá trình giáo dục nhằm đạt tới những kết quả tối ưu trong những điều kiện xã hội nhất định" (26, Tr 129).

Trong trường ĐHSP, GDH là môn nghiệp vụ sư phạm, là môn học cốt lõi, đặc trưng, mang tính ứng dụng, có vai trò rất quan trọng trong việc đào tạo nghề cho người GV tương lai. GDH có cấu trúc bao gồm Những vấn đề chung của GDH, Lý luận DH, Lý luận GD và quản lý trong nhà trường [57, 88]. Học phần GDH là học phần bắt buộc đối với SVSP.

1.5. ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

1.5.1. Khái niệm tín chỉ (credit)

- Theo Bùi Hiền và các cộng sự (2001), "tín chỉ là đơn vị nội dung trong chương trình môn học bao gồm một khối lượng kiến thức và kỹ năng tương đối gắn kết với nhau về chủ điểm cần được sinh viên hoàn thành trong một khoảng thời gian xác định tương ứng (khoảng độ 15 tiết) và được kiểm tra đánh giá kết quả. Mỗi môn học được chia thành nhiều học phần (x. Học phần) có tối thiểu từ 2 tín chỉ trở lên. Sinh viên phải học và có điểm kiểm tra tất cả các tín chỉ quy định mới được coi là hoàn thành chương trình bộ môn. Thiếu tín chỉ của học phần nào thì phải học tiếp để trả nợ. Cách tổ chức dạy học theo từng tín chỉ của học phần trong mỗi môn học tạo thuận lợi cho sinh viên phát huy hết năng lực học tập của mình vì được tự do lựa chọn và cơ động thực hiện những tín chỉ phù hợp nhất với điều kiện, hoàn cảnh của riêng mình" (26, Tr 393-394).

- "Tín chỉ là đại lượng đo khối lượng lao động học tập trung bình của người học, tức là toàn bộ thời gian mà một người học bình thường phải sử dụng để học một môn học, bao gồm: Thời gian học tập trên lớp; thời gian học tập trong phòng thí nghiệm, thực tập hoặc làm các phần việc khác đã được quy định ở đề cương môn học; thời gian dành cho việc tự học ngoài lớp như đọc sách, nghiên cứu, giải quyết vấn đề hoặc chuẩn bị bài…."[47, Tr 40].

- Tín chỉ còn được hiểu là khối lượng kiến thức và kĩ năng theo yêu cầu của môn học mà người học cần phải tích lũy được trong khoảng thời gian nhất định và được kiểm tra, đánh giá kết quả.

- Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của SV. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp. Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực

hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ SV phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân. Một tiết học được tính bằng 50 phút [3].

- Tín chỉ là đơn vị nội dung trong chương trình môn học bao gồm một khối lượng kiến thức và kỹ năng tương đối gắn kết với nhau về chủ điểm cần được SV hoàn thành trong một khoảng thời gian xác định (khoảng độ 15 tiết) và được kiểm tra đánh giá kết quả. Mỗi môn học được chia thành nhiều học phần (x. Học phần) có tối thiểu từ 2 tín chỉ trở lên. SV phải học và có điểm kiểm tra tất cả các tín chỉ quy định mới được coi là hoàn thành chương trình bộ môn. Thiếu tín chỉ của học phần nào thì phải học tiếp để trả nợ. Cách tổ chức DH theo từng tín chỉ của học phần trong mỗi môn học tạo thuận lợi cho SV phát huy hết năng lực học tập của mình vì được tự do lựa chọn và cơ động thực hiện những tín chỉ phù hợp nhất với điều kiện, hoàn cảnh của riêng mình [26, tr.393-394].

Hình thức tổ chức giờ tín chỉ là cách thức tổ chức thực hiện các hoạt động của GV và SV ứng với cách tổ chức chương trình môn học/bài học, trong đó coi trọng khâu tự học, năng lực tự nghiên cứu, thực tập, thực hành, thực tế nhằm tích lũy đủ khối lượng kiến thức theo yêu cầu của phương thức đào tạo theo tín chỉ. Có các hình thức tổ chức giờ tín chỉ như sau:

+ Dạy học trên lớp: thường là dạy, học giờ lý thuyết gồm nghe thuyết trình, ghi bài giảng, làm và chữa bài tập, thảo luận và các hoạt động khác do GV yêu cầu;

+ Dạy học trong phòng thí nghiệm, hiện trường, làm thí nghiệm, thực hành, thực tập…

+ Ngoài lớp, ngoài phòng thí nghiệm: tự học, tự nghiên cứu, các hoạt động theo nhóm để hỗ trợ thảo luận, thực hành, thực tập... [47, Tr. 40-41].

1.5.2. Bản chất của phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ

Bản chất của đào tạo theo hệ thống tín chỉ là sự tích lũy kiến thức được quy định trong chương trình đào tạo. Sự tích lũy được đánh giá bằng: số tín chỉ

tích lũy tối thiểu và điểm trung bình chung tích lũy tối thiểu quy định cho mỗi chương trình để sinh viên có thể tốt nghiệp.

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển năng lực của người học. Trong đào tạo theo niên chế, sinh viên phải học tất cả những gì nhà trường sắp đặt, không phân biệt sinh viên có điều kiện, năng lực tốt, hay sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, năng lực yếu. Ngược lại, đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho phép cá thể hóa việc học tập trong một nền giáo dục đại học cho số đông, cho phép sinh viên có thể chủ động học theo điều kiện và năng lực của mình. Những sinh viên giỏi, có điều kiện có thể học theo đúng hoặc học vượt kế hoạch học tập toàn khóa, kế hoạch học tập từng học kỳ theo gợi ý của nhà trường, để tốt nghiệp theo đúng thời gian chuẩn của chương trình hoặc sớm hơn. Những sinh viên bình thường và yếu và không có đủ điều kiện có thể kéo dài thời gian học tập trong trường và tốt nghiệp muộn hơn.

1.5.3. Đặc điểm của phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ có những đặc điểm cơ bản sau đây:

- Triết lý giáo dục:

+ Hướng đến phát triển năng lực ở người học.

+ Cung cấp nguồn nhân lực có năng lực, khả năng thích ứng cao, khả năng học tập suốt đời, đáp ứng yêu cầu toàn cầu hóa trong liên thông đào tạo và sử dụng lao động.

+ Chương trình mềm dẻo, đáp ứng nhu cầu người học.

- Tính tự chủ của người học:

+ Mỗi sinh viên được tự xây dựng một tiến độ học tập riêng trong khung thời gian cho phép đối với bậc học tương ứng.

+ Mỗi sinh viên được lựa chọn module dạy học thích hợp với khả năng và sở thích trong số các môn tự chọn.

- Tính liên thông:

+ Các module dạy học trong phạm vi một ngành học có thể liên thông với các ngành học khác.

+ Các module dạy học trong phạm vi một trường có thể liên thông với các trường khác.

- Chương trình dạy học:

+ Chương trình được cấu trúc theo module dạy học, đáp ứng khả năng liên thông, lắp ghép giữa các ngành học.

+ Căn cứ vào thòi gian để xây dựng chương trình (khối lượng việc làm của sinh viên trong một học kỳ/năm học).

+ Khối lượng việc làm của sinh viên được xác định bằng thời lượng SV phải lên lớp, thực hành, thực tập,... và thời gian để tự học, tự nghiên cứu.

+ Chương trình được thiết kế có thể có hơn một chuẩn đầu ra. Ví dụ, đào tạo cử nhân/kỹ sư thiên về thực hành hoặc nghiên cứu.

+ Tổ chức đào tạo theo học kỳ. Đơn vị học vụ là mỗi học kỳ. Mỗi năm có từ 2 đến 3 học kỳ.

+ Độ dài của chương trình DH được tính theo tín chỉ

+ Chương trình đại học (phổ biến) thường có khoảng 120-240 tín chỉ.

+ Sinh viên phải hoàn thành khối lượng học tập tính theo tín chỉ. Năm học của sinh viên được xác định theo tổng số tín chỉ đã được tích lũy. Ví dụ., đối với chương trình đào tạo 120 tín chỉ, sinh viên năm 1: tích lũy dưới 30 tín chỉ; sinh viên năm 2: tích lũy từ 30 đến dưới 60 tín chỉ; sinh viên năm 3: tích lũy từ 60 đến dưới 90 tín chỉ; sinh viên năm 4: tích lũy từ 90 đến 120 tín chỉ.

+ Cho phép sinh viên đăng ký học vượt số tín chỉ của một học kỳ nếu có khả năng.

+ Quy định khối lượng kiến thức phải tích lũy (số tín chỉ tích lũy tối thiểu) cho từng văn bằng và dựa vào khối lượng đã tích lũy để xếp năm học cho sinh viên.

+ Các module dạy học cơ bản được xây dựng theo hướng đáp ứng yêu cầu của nhóm ngành đào tạo, đáp ứng theo yêu cầu của xã hội và thị trường lao động, đáp ứng yêu cầu quốc tế hóa trong sử dụng lao động.

+ Chương trình đào tạo mềm dẻo, có tính liên thông cao, ngoài học phần bắt buộc còn có các học phần tự chọn để sinh viên có điều kiện tích lũy thêm tín chỉ và định hướng chuyên môn, nghề nghiệp.

+ Chương trình đào tạo có tính ổn định. Công khai hóa chương trình đào tạo và kế hoạch học tập toàn khóa. Chương trình đào tạo phải đảm bảo tính liên thông. Phải xây dựng được hệ thống mã số module dạy học chính xác và khoa học. Các module dạy học đều phải có đề cương chi tiết dưới dạng lịch trình giảng dạy trong đó phân rõ tuần dạy lý thuyết, tuần thảo luận, chữa bài tập, thực hành,….. các điểm và tỉ trọng đánh giá thành phần, đánh giá kết thúc module dạy học.

- Phương pháp dạy học:

+ Đào tạo theo hệ thống tín chỉ là phương thức đào tạo tiên tiến, vì thế nó đòi hỏi sự đổi mới trong phương pháp dạy học, từ cách tiếp cận nội dung sang tiếp cận phương pháp, phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề.

+ Dạy học hướng vào người học, phát tiển năng lực của người học hay lấy người học làm trung tâm (learner-centered), lấy việc học làm trung tâm (learning- centered).

+ Phương pháp dạy học tích cực hóa hoạt động học tập của người học, phương pháp tự học, tự nghiên cứu. Giáo viên không chỉ truyền thụ kiến thức mà phải là người hướng dẫn người học tìm tài liệu, cách nắm và khai thác kiến thức, phát hiện và giải quyết vấn đề, phát huy khả năng độc lập, sáng tạo nơi người học.

+ Khi sử dụng phương pháp dạy học có sự quan tâm, chú ý đến tính đa dạng (về ngành học) của sinh viên. Vì trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ, sinh viên học khác ngành có thể học chung một lớp module dạy học.

- Tổ chức lớp học:

+ Lớp học được tổ chức theo học kỳ và theo môn học do sinh viên đăng ký. Hằng năm nhà trường công bố các môn học sẽ được tổ chức giảng dạy trong năm đó. Sinh viên đăng ký học các môn học trong thời gian nhà trường đã công bố.

+ Có hệ thống cố vấn học tập. Cố vấn học tập là những người am hiểu cấu trúc chương trình, nội dung của các khối kiến thức có trong chương trình, nội dung và vị trí của từng module dạy học được nhà trường tổ chức giảng dạy. Các cố vấn này hướng dẫn sinh viên lựa chọn các module dạy học để xây dựng kế hoạch học tập riêng, vừa phù hợp với yêu cầu của ngành đào tạo, vừa phù hợp với điều kiện riêng của sinh viên (năng lực, sở thích, điều kiện sinh hoạt, hoàn cảnh kinh tế).

+ Trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ, sinh viên phải tự lập kế hoạch học tập toàn khóa, từng học kỳ cho phù hợp với năng lực, sở thích và điều kiện cụ thể của bản thân theo quy định dưới sự giúp đỡ của cố vấn học tập. Khi đăng ký module dạy học, sinh viên phải đảm bảo điều kiện module dạy học tiên quyết, module dạy học song hành của các học phần đặt ra trong chương trình đào tạo.

+ Việc tổ chức lớp học theo module dạy học và xếp thời khóa biểu phải thực hiện đến từng sinh viên và giảng viên. Việc tổ chức lớp học theo module dạy học phải căn cứ vào những điều kiện cụ thể sau: Những module dạy học dự định sẽ tổ chức giảng dạy trong mỗi học kỳ; số lượng sinh viên đăng ký học từng module dạy học; điều kiện cụ thể về giảng viên giảng dạy; điều kiện cụ thể về cơ sở vật chất; lịch trình giảng dạy phải thực hiện một cách chính xác; không được đổi giờ hoặc bỏ giờ. Mỗi giảng viên, mỗi sinh viên đều phải có thời khóa biểu riêng.

+ Quá trình học tập là sự tích lũy kiến thức của người học theo từng module dạy học với đơn vị đo là tín chỉ. Hệ thống tín chỉ cho phép SV đạt được văn bằng nhất định qua việc tích lũy hệ thống tín chỉ. Để đạt được bằng, SV phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định.

+ Sinh viên được quản lý học tập theo lớp module dạy học. Hồ sơ học tập của sinh viên mang tính cá thể.

+ Mỗi sinh viên đều có thời khóa biểu riêng.

- Đánh giá kết quả học tập: Đánh giá module dạy học là đánh giá quá trình (thường xuyên), đánh giá theo thang điểm chữ. Kết quả học tập được đánh giá theo tổng số tín chỉ đã tích lũy.

- Không thi tốt nghiệp mà học bằng các module dạy học thay thế trong quá trình tích lũy.

- Cấp bằng tốt nghiệp: Khi sinh viên thực hiện đầy đủ các quy định của nhà trường, tích luỹ đủ số tín chỉ quy định cho chương trình, họ sẽ được cấp bằng tốt nghiệp.

1.6. THIẾT KẾ MODULE DẠY HỌC TRONG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

1.6.1. Khái niệm thiết kế module dạy học

Thiết kế module dạy học là việc xác định số lượng module dạy học, đặt tên cho các module dạy học, xác định số tín chỉ của mỗi module, xác định điều kiện để thực hiện module dạy học, thiết kế mục tiêu của module dạy học, định hướng kết quả học tập, thiết kế nội dung của module dạy học, thiết kế chiến lược dạy học (phương pháp dạy học), thiết hế hệ thống kiểm tra đánh giá kết quả học tập và thiết kế hệ thống hỗ trợ người học.

1.6.2. Cách tiếp cận thiết kế module dạy học trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ

- Theo Bùi Hiền (2001), trong GD và đào tạo có ba cách tiếp cận thiết kế module dạy học:

+ Thứ nhất, những module có thể viết dựa trên giáo trình đã có, khi đó những module này liên hệ chặt chẽ với nhau và phụ thuộc vào những giáo trình đã có.

+ Thứ hai, những module có thể viết dựa trên những chủ đề chung và tạo nên những module độc lập với giáo trình đã có.

+ Thứ ba, những module có thể viết để bổ sung cho một giáo trình đang có, nhằm làm phong phú thêm một nội dung hoặc giúp học sinh kém đuổi kịp trình độ chung, khi đó những module này không phải là một thành phần hữu cơ của giáo trình, mà chỉ có sự liên quan nhất định [26,Tr.261].

1.6.3. Nguyên tắc thiết kế module dạy học trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ

- Theo Bộ GD&ĐT-Dự án VIE/98/018 (2004), Bùi Văn Quân (2001) và Phan Thị Hồng Vinh (2007), các nguyên tắc thiết kế module dạy học bao gồm: Nguyên tắc đảm bảo tính độc lập của nội dung dạy học, nguyên tắc đảm bảo tính mềm dẻo, linh hoạt trong cấu trúc và nguyên tắc đảm bảo thường xuyên mối liên hệ ngược [4], [62], [85].

- Theo Trung tâm dạy và học, trường Đại học Brington (2012-2013), nguyên tắc thiết kế module dạy học là phải đảm bảo tính logic, rõ ràng, mạch lạc (dễ hiểu) của module dạy học [122].

- Theo Trường Đại học Northamton, nguyên tắc thiết kế module dạy học là phải đảm bảo module dạy học được gắn kết bởi giá trị tín chỉ nhất định [125]

Tổng hợp những nghiên cứu trên, luận án xác định các nguyên tắc thiết kế module DH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ bao gồm: Nguyên tắc đảm bảo tính độc lập của nội dung dạy học; nguyên tắc đảm bảo tính mềm dẻo, linh hoạt trong cấu trúc và nguyên tắc đảm bảo thường xuyên mối liên hệ ngược; nguyên tắc đảm bảo tính logic, rõ ràng, mạch lạc (dễ hiểu) của module dạy học; nguyên tắc đảm bảo module dạy học được gắn kết bởi giá trị tín chỉ nhất định.

- Nguyên tắc đảm bảo tính độc lập của nội dung dạy học

Nội dung của nguyên tắc này đòi hỏi phải xem xét tài liệu học tập trong khuôn khổ module như là một chỉnh thể trọn vẹn nhằm giải quyết các nhiệm vụ dạy học có tính chất liên kết. Về hình thức, điều này giống với nguyên tắc phân chia tài liệu học tập thành từng phần trong giảng dạy chương trình hóa, nhưng giữa chúng có sự khác biệt căn bản. Trong dạy học chương trình hóa, cần phải chia tài liệu thành những phần nhỏ liên hệ chặt chẽ với nhau, được trình bày theo trình tự bắt buộc tăng dần tính phức tạp của nó. Còn với module dạy học, trước mỗi thành phần của tài liệu đều đặt ra MTDH và những chỉ dẫn về hoạt động. Những thành phần của NDDH có thể liên hệ với nhau nhưng cũng có thể độc lập với nhau.

Nguyên tắc này phản ánh hai đặc điểm cơ bản của module dạy học là tính trọn vẹn và tính tích hợp. Với hai đặc điểm này, mỗi module dạy học sẽ có một "đời sống" riêng mang tính độc lập tương đối cả về phương diện cấu trúc cũng như phương diện quá trình. Về phương diện cấu trúc, các module dạy học không phụ thuộc lẫn nhau như bài học. Về quá trình, nếu không có sự hiện diện của GV thì người học vẫn có khả năng để thực hiện một module dạy học, bởi những khuyến cáo trong module dạy học đã chỉ dẫn cho người học những con đường khác nhau để thực hiện các nhiệm vụ học tập nhằm đạt được mục tiêu đã xác định.

Có nhiều cách thiết kế khác nhau nhằm đảm bảo tính độc lập của module dạy học. Cách thứ nhất, phân chia tài liệu thành đề tài và coi đó là đơn vị để xây dựng các module. Cách thứ hai coi những NDDH nào của tài liệu đáp ứng được MTDH cụ thể sẽ là một đơn vị kiến thức, mỗi đơn vị này sẽ tương ứng với một module. Theo chúng tôi, ở biện pháp thứ hai, cơ sở để bảo đảm tính độc lập của module được xác định rõ ràng và có tính khả thi hơn. Việc phân tích chương trình dạy học cả về phương diện NDDH và MTDH sẽ cho phép xác định chủ đề làm cơ sở xây dựng các module dạy học tương ứng. Khi phân tích tài liệu học

tập trong chương trình và phân chia nó thành các đơn vị theo nguyên tắc đảm bảo tính độc lập của dạy học, cần thiết phải tuân thủ các yêu cầu sư phạm sau: Phân chia MTDH tổng thể thành cấu trúc những mục tiêu bộ phận, thực hiện việc mô tả các MTDH dưới hình thức của một cây mục tiêu. Tài liệu thành phần của module dạy học phải đảm bảo việc đạt được một trong những mục tiêu bộ phận. Những yếu tố về điều kiện, phương tiện để đạt đến mục tiêu của các tài liệu thành phần phải được xác định một cách tường minh. Tập hợp các thành phần dùng để đạt mục tiêu bộ phận của MTDH tổng thể sẽ lập thành một module dạy học.

- *Nguyên tắc đảm bảo tính mềm dẻo, linh hoạt trong cấu trúc*

Nguyên tắc này đảm bảo sự thay đổi thuận lợi và dễ dàng nội dung của các module dạy học bằng cách bổ sung và phát triển, đồng thời tạo khả năng thích ứng của nội dung với nhu cầu của người học. Bản chất của nguyên tắc này là đảm bảo tính mềm dẻo của việc xây dựng NDDH có tính chất cá biệt và sự đơn giản trong việc lựa chọn đối với những con đường để lĩnh hội các NDDH của người học. Như vậy, thiết kế các NDDH mang tính mềm dẻo và linh hoạt làm cho việc học tập của người học có thể thực hiện theo nhịp độ riêng của bản thân họ. Việc cá biệt hóa theo nhịp độ của người học trong DH theo module khác với DH chương trình hóa. Trong DH chương trình hóa, mỗi bước lĩnh hội kiến thức được phân chia theo đòi hỏi chủ yếu về khả năng ghi nhớ, tái hiện của người học và việc thực hiện các bước lĩnh hội này được thực hiện chặt chẽ không dành cho người học lựa chọn. Còn DH theo module, các bước lĩnh hội được tiến hành sau khi kiểm tra kết quả việc thực hiện các mục tiêu bộ phận và các mục tiêu khái quát của module DH. Người học tùy theo khả năng và điều kiện của mình tự tìm kiếm cách thức lĩnh hội trong số những cách thức đã được nêu ra trong các module DH.

Nguyên tắc đảm bảo tính mềm dẻo linh hoạt trong cấu trúc nội dung của module dạy học phản ánh yêu cầu đổi mới nội dung của QTDH hiện đại. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự tách rời giữa GD và DH với đời sống XH. Một trong những nguyên nhân đó là sự thiếu linh hoạt vốn có của tất cả các khâu của QTGD nói chung trong đó có NDDH. Sự phát triển nhanh chóng của KH&CN đã dẫn đến sự lão hóa nhanh những tri thức thuộc các lĩnh vực khác nhau được giảng dạy trong nhà trường. Điều này đòi hỏi tài liệu học tập cần phải có sự chỉnh lý lại và đổi mới cho phù hợp. Muốn vậy cần thiết kế nội dung của tài liệu học tập một cách linh hoạt sao cho có khả năng thay đổi, bổ sung và phát triển một cách nhanh chóng. Để thực hiện nguyên tắc này khi xây dựng các module dạy học cần chú ý những yêu cầu sau: Thực hiện tốt nguyên tắc tính độc lập của nội dung tài liệu để các module dạy học có thể dễ dàng thay đổi, bổ sung. Khi lắp ghép những thành phần của module dạy học khác nhau hoặc giữa các module dạy học với nhau sẽ tạo nên những module dạy học mới. Thực hiện chẩn đoán ban đầu về tri thức, kỹ năng và thái độ của người học để các nội dung của module DH cụ thể phù hợp với người học .

- *Nguyên tắc đảm bảo thường xuyên mối liên hệ ngược*

Nội dung của nguyên tắc này đòi hỏi phải đảm bảo khả năng hiệu chỉnh thường xuyên QTDH theo module nhờ kiểm tra và tự kiểm tra. Sự khác biệt giữa module dạy học với các bài học theo chương trình truyền thống về hình thức kiểm tra là ở chỗ các công cụ kiểm tra và tự kiểm tra là một thành phần hữu cơ tạo nên NDDH mà module thể hiện. Kết quả của kiểm tra và tự kiểm tra là một điều kiện quan trọng để người học lựa chọn con đường lĩnh hội khác nhau và quy định tốc độ làm việc đối với các module của từng người học. Kiểm tra và tự kiểm tra trong module giống kiểm tra và tự kiểm tra trong dạy học chương trình hóa là ở chỗ chúng đều là những chỉ dẫn để người học tiếp tục thực hiện các thao tác lĩnh hội hay phải thực hiện các thao tác này ở một module hay nội dung kiến thức khác. Tuy nhiên trong module dạy học người ta chú ý nhiều đến khâu kiểm

tra và tự kiểm tra khi người học bước vào tự nghiên cứu module cũng như các tiểu module. Nguyên tắc đảm bảo mối liên hệ ngược trong module dạy học không chỉ do những tính quy luật của QTDH quy định mà còn chịu sự quy định của chính các đặc điểm của module dạy học.

- *Nguyên tắc đảm bảo tính logic, rõ ràng, mạch lạc (dễ hiểu) của module dạy học*

Module dạy học phải tính logic, rõ ràng và mạch lạc (dễ hiểu) trong mối quan hệ giữa tên của module dạy học, mục tiêu của module, định hướng kế quả học tập, nội dung của module dạy học, chiến lược dạy học (phương pháp dạy học), các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm tra đánh giá và các hình thức thông tin phản hồi, hỗ trợ người học, điều kiện để thực hiện module dạy học.

- *Nguyên tắc đảm bảo module dạy học được gắn kết bởi giá trị tín chỉ nhất định*

Nội dung nguyên tắc này yêu cầu mỗi module DH phải gắn kết với số lượng tín nhất định. Phải xác định mỗi module dạy học gồm bao nhiêu tín chi. Trong đó phải xác định rõ thời gian học tập trên lớp, thời gian học tập trong phòng thí nghiệm, thực tập, thời gian dành cho việc tự học ngoài lớp như đọc sách, nghiên cứu, giải quyết vấn đề hoặc chuẩn bị bài, gặp gỡ GV .

1.6.4. Quy trình thiết kế module dạy học trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ

1.6.4. 1. Quy trình thiết kế module dạy học

Đã có nhiều tác giả đưa ra các quy trình thiết kế chương trình dạy học theo module khác nhau:

- Bùi Văn Quân (2001) đã đưa ra quy trình thiết kế nội dung môn học theo module bao gồm 5 bước sau:

+ *Bước 1.* Phân tích chương trình môn học bao gồm: Xác định vị trí, chức năng của môn học và các điều kiện thực hiện môn học trong nhà trường; nghiên

cứu các mục tiêu của môn học; nghiên cứu nội dung môn học; tìm ra chủ đề chính làm cơ sở để biên soạn module;

+ *Bước 2.* Xác định các module bao gồm: xác định đặt tên cho các module; xác định số lượng các module;

+ *Bước 3.* Biên soạn module bao gồm: Xác định mục tiêu của module, xác định các tiểu module, biên soạn test và chỉ dẫn;

+ *Bước 4.* Thử nghiệm và đánh giá module;

+ *Bước 5.* Xây dựng sơ đồ liên kết các module [62].

- Roisin Donnelly and Marian Fitzmaurice (2005) đã đưa ra quy trình thiết kế module DH như sau [116]:

Sơ đồ 1.1. Khung thiết kế và phát triển module dạy học

- Theo Dự án phát triển GV tiểu học (2006), *quy trình biên soạn module dạy học bao gồm các bước sau: Bước 1.* Xác định nhu cầu; *Bước 2.* Xác định mục đích và đối tượng; *Bước 3.* Xác định các phương pháp để đáp ứng các nhu cầu; *Bước 4.* Thiết kế các thành phần của module*; Bước 5.* Xác định các nguồn sẵn có*; Bước 6.* Biên soạn tài liệu*; Bước 7.* Thiết kế quy trình đánh giá người học*; Bước 8.* Đánh giá/thử nghiệm/kiểm tra chất lượng*; Bước 9.* Triển khai thực hiện [6].

- Nguyễn Quang Huỳnh (2006) đã đưa ra chu trình các bước phát triển chương trình đào tạo tích hợp module - môn học. Chu trình này là một chu trình khép kín, gồm nhiều bước có mối liên hệ logic với nhau. Kết quả của mỗi bước trước hết là điều kiện cần thiết để thực hiện các bước tiếp theo. Do tác động mạnh mẽ của tiến bộ kỹ thuật và công nghệ trong hoạt động nghề nghiệp, nên khi hoàn thành tới bước cuối cùng, cũng là lúc bắt đầu một chu trình mới trong quá trình phát triển chương trình. Chu trình các bước phát triển chương trình đào tạo bao gồm: *Bước 1.* Phân tích nhu cầu; *Bước 2.* Phân tích nghề; *Bước 3.* Phân tích công việc; *Bước 4.* Thiết kế chương tình; *Bước 5.* Biên soạn chương trình; *Bước 6.* Phát triển học liệu; *Bước 7.* Thẩm định; *Bước 8.* Thử nghiệm; *Bước 9.* Điều chỉnh; *Bước 10.* Triển khai [34].

- Phan Thị Hồng Vinh (2007) đã đưa ra quy trình thiết kế chương trình dạy học theo module chỉ gồm 4 bước như sau: *Bước 1.* Phân tích chương trình bao gồm xác định nội dung, vị trí, chức năng của môn học trong nội dung tổng thể; nhận thức các mục tiêu và các nội dung của môn học cùng với các điều kiện để thực hiện nó; *Bước 2.* Xác định các module bao gồm xác định tên, số lượng các module; *Bước 3.* Biên soạn module bao gồm xác định mục tiêu của module, xác định các tiểu module, xây dựng hệ thống test đánh giá và hệ thống các chỉ dẫn thực hiện module; *Bước 4.* Thử nghiệm, đánh giá module [85].

- Trung tâm dạy và học, trường Đại học Brighton (2012-2013), Đã đưa ra quy trình thiết kế module DH bao gồm các thành tố sau: *Bước 1,* Xác định mức

độ và tỉ lệ tín chỉ của modue; *Bước 2.* Xác định triết lý và giá trị GD cơ bản; *Bước 3*. Xác định trọng tâm và mục tiêu của module; *Bước 4.* Xác định nội dung; *Bước 5.* Dự kiến kết quả đạt được; *Bước 6.* Xây dựng các hình thức phản hồi, tiêu chí và hoạt động đánh giá thích hợp nhất; *Bước 7.* Xây dựng chiến lược dạy học thích hợp nhất; *Bước 8.* Xây dựng hệ thống hỗ trợ việc học; *Bước 9.* Xác định, cung cấp nguồn liệu học tập; *Bước 10.* Xây dựng hệ thống đánh giá [122].

Như vậy, qua các quy trình thiết kế module dạy học nêu trên cho thấy, các tác giả và các trường đại học đã đưa ra quy trình thiết kế module dạy học khác nhau là do cách tiếp cận thiết kế chương trình dạy học nói chung và cách tiếp tận thiết kế module DH nói riêng khác nhau.

1.6.4.2. Quy trình thiết kế module DH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ

Xem xét các quy trình thiết kế module DH nêu trên, để phù hợp hơn với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, chúng tôi xây dựng quy trình thiết kế module dạy học trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ bao gồm các bước sau:

- Bước 1. Phân tích chương trình học phần hiện có, nghiên cứu nhu cầu của các bên liên quan đến module DH

+ Phân tích chương trình học phần hiện có bao gồm:

* Phân tích cách tiếp cận thiết kế;

* Phân tích số tín chỉ;

* Phân tích mục tiêu;

* Phân tích nội dung,

* Phân tích phương pháp,…

+ Nghiên cứu nhu cầu của các bên liên quan đến module DH bao gồm: * Nghiên cứu nhu cầu của xã hội;

* Nghiên cứu nhu cầu của nhà tuyển dụng;

* Nghiên cứu nhu cầu và khả năng của người học;

* Nghiên cứu nhu cầu và khả năng của người dạy;

* Nghiên cứu nhu cầu và khả năng của cơ sở đào tạo,;

* Nghiên cứu yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp của GV.

- Bước 2. Xác định cách tiếp cận thiết kế module dạy học

Có rất nhiều cách tiếp cận để thiết kế chương trình DH như cách tiếp cận thiết kế module DH theo mục tiêu, theo nội dung, cách thiết kế, theo năng lực (phát triển). Vì vậy khi thiết kế module DH cần phải xác định cách tiếp cận thiết kế. Cách tiếp cận phát triển là cách tiếp cận thiết kế module dạy học.

- Bước 3. Xác định các module dạy học

+ Xác định số lượng các module dạy học;

+ Đặt tên và mã số cho các module dạy học;

+ Xác định vị trí của các module dạy học;

+ Xác định các điều kiện để thực hiện các module dạy học: xác định môn học/học phần tiên quyết/ module tiên quyết, xác định môn học/học phần tiên quyết/module DH song hành, xác định cơ sở vật chất, thiết bị,…

- Bước 4. Xác định số tín chỉ của các module dạy học

+ Xác định số tín chỉ của mỗi module dạy học;

+ Xác định thời gian dạy học trên lớp, thực tập, kiến tập,..;

+ Xác định thời gian SV học/ gặp gỡ riêng với GV;

+ Xác định thời gian tự học/học độc lập của SV.

- Bước 5. Thiết kế module dạy học

+ *Xác định mục đích của các module* dạy học*:* Xác định cái GV dự định làm hoặc đạt được.

+ *Thiết kế định hướng kết quả học tập của các module dạy học*

Thiết kế định hướng KQHT của module DH theo quy trình sau:

* *Bước 1.* Xác định cách tiếp cận thiết kế định hướng KQHT của module DH:

Có nhiều cách tiếp cận thiết kế định hướng KQHT. Thiết kế định hướng KQHT của module DH có thể tiếp cận theo Benjamin Bloom (Định hướng KQHT về nhận thức, về tâm vận động và về mặt nhận thức, hoặc theo bốn trụ cột GD của Unesco (Học để biết, học để làm, học để tự khẳng định mình, học để

cùng chung sống, hoặc theo chương trình GD của Việt Nam hiện nay (Định hướng KQHT về mặt kiến thức, về mặt kỹ năng và về mặt thái độ),….

* *Bước 2.* Xác định cái người học được mong đợi có khả năng chứng tỏ được về kiến thức, kỹ năng và thái độ khi hoàn thành module DH.

* *Bước 3.* Viết định hướng kết quả học tập của module DH:

Định hướng định kết quả học tập được viết ở thì tương lai (khi hoàn thành module này, người học sẽ có khả năng,…); sử dụng động từ chỉ hành động để diễn tả định hướng định hướng kết quả học tập về kiến thức, kĩ năng và thái độ; định hướng kết quả học tập phải quan sát, đo lường và đánh giá được; mỗi định hướng kết quả học tập nên sử dụng một động từ chỉ hành động; tập trung vào cái chúng ta (GV) mong đợi người học có khả năng chứng tỏ được khi kết thúc module DH; viết định hướng kết quả học tập bằng những câu ngắn gọn, rõ ràng và dễ hiểu; tránh sử dụng những câu phức. Nếu cần thiết có thể dùng nhiều câu để đảm bảo sự rõ ràng; tránh dùng những từ và những câu mơ hồ. Ví dụ như, biết, hiểu, học, ý thức, bày tỏ, nắm vững,…; định hướng kết quả học tập đề ra không nên quá chung chung hoặc quá chi tiết.

* *Bước 4.* Thử nghiệm định hướng kết quả học tập của module dạy học đã được thiết kế.

* *Bước 5*. Đánh giá tính khả thi của định hướng kết quả học tập của module dạy học đã được thiết kế.

+ *Thiết kế nội dung của module dạy học*

Thiết kế nội dung dạy học bao gồm xác định cái người học cần phải chiếm lĩnh, hình thành để đạt được kết quả học tập.

+ *Xây dựng chiến lược dạy học*

Khi xây dựng chiến lược dạy học, chúng ta cần căn cứ vào mục tiêu, kết quả học tập, nội dung dạy học, đặc điểm tâm - sinh lý của người học, cơ sở vật chất, phương tiện dạy học, thời gian dạy học. Xây dựng chiến lược dạy học bao gồm:

* Kế hoạch dạy học trên lớp;

* Kế hoạch học/gặp gỡ trực tiếp với GV

* Kế hoạch tự học, tự nghiên cứu

* Kế hoạch làm việc nhóm

* Kế hoạch học tập ở phòng Lap, IT,..;

* Kế hoạch thực tế, thực tập,…

Trong các kế hoạch đó, các nguồn lực (cơ sở vật chất, phương tiện, giáo trình, tài liệu,…) được sẽ được sử dụng, các hoạt động dạy học (hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học của người học) sẽ được thiết lập, tổ chức (thuyết trình, phụ đạo, seminars, thực hành,….; nghiên cứu trường hợp, giải quyết vấn đề, đóng vai, thảo luận nhóm,…) để cung cấp được nội dung dạy học nhằm đạt được kết quả học tập.

+ *Xây dựng hệ thống kiểm tra, đánh giá kết qủa học tập*

* Xác định mục đích kiểm tra, đánh giá;

* Xác định nội dung kiểm tra, đánh giá;

* Lựa chọn phương pháp kiểm tra .

+ *Xây dựng, xác định hệ thống hỗ trợ người học*

Xây dựng xác định hệ thống hỗ trợ người học bao gồm:

* Cơ sở vật chất, phương tiện dạy học: lớp học, phòng thí nghiệm, trang thiết bị của thư viện, phương tiện kỹ thuật, phương tiện nghe nhìn, phương tiện để tra cứu và xử lý thông tin,...;

* Nguồn liệu học tập;

* Hệ thống hướng dẫn việc dạy học và tự học module DH.

- Bước 6. Tổ chức thử nghiệm/ thực nghiệm các module dạy học đã được thiết kế

- Bước 7. Đánh giá tính khả thi và hiệu quả các module dạy học đã được thiết kế

Quy trình thiết kế module DH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ thể hiện ở sơ đồ 1.2 sau:

Sơ đồ 1.2. Quy trình thiết kế module DH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ

1.7. TỔ CHỨC DẠY HỌC THEO MODULE TRONG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

1.7.1. Khái niệm tổ chức dạy học theo module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ

Tổ chức dạy học theo module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ là quá trình thực hiện quy trình dạy học theo module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ đã được xác lập bao gồm: Giới thiệu về tên của module dạy học, kiểm tra, đánh giá điều kiện để thực hiện module DH; giới thiệu tổng quan về module DH; giải thích lý do tại sao người học cần phải học tập, nghiên cứu nó; nêu mục đích của module DH; nêu định hướng kết quả học tập; kiểm tra, đánh giá đầu vào; nêu nội dung DH/ các chủ đề học tập của module DH; GV tổ chức hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu; SV lập và thực hiện kế hoạch tự học, tự nghiên cứu; tổ chức các báo cáo các sản phẩm của hoạt động tự học, tự nghiên cứu ở trên lớp dưới các hình thức như thuyết trình, thảo luận nhóm, Xemina,…; kiểm tra, đánh giá tổng kết kết quả học tập.

1.7.2. Cách tiếp cận tổ chức dạy học theo module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ

Dạy học lấy "người học làm trung tâm" hay dạy học hướng vào người học, đáp ứng nhu cầu của người học là cách tiếp cận tổ chức dạy học theo module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

Đặc trưng của dạy học lấy "người học làm trung tâm:

- Về quan niệm: Học là quá trình kiến tạo. Người học tìm tòi, khám phá, phát hiện,….tự mình hình thành những hiểu biết, năng lực và phẩm chất.

- Về bản chất: Tổ chức hoạt động nhận thức cho người học, dạy người học cách tìm ra chân lý.

- Về mục tiêu: Chú trọng hình thành các năng lực (năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, hợp tác,…), dạy phương pháp và kỹ thuật khoa học, dạy cách học để đáp ứng yêu cầu của cuộc sống hiện tại và tương lai.

- Cách tiếp cận: Tiếp cận cơ bản lên các vấn đề.

- Vai trò của GV và người học: GV chủ đạo, người học chủ động, tích cực, sáng tạo. Mối quan hệ:

GV ⟷ HS HS ⟷ HS HS ⟷ XH

- Về nội dung: Từ nhiều nguồn khác nhau: Giáo trình, tài liệu tham khảo, GV, các tài liệu khoa học phù hợp, bảo tàng, thực tiễn,…gắn với hiểu biết, kinh nghiệm và nhu cầu của người học, tình huống thực tế, bối cảnh và môi trường địa phương, những vấn đề người học quan tâm.

- Về phương pháp: các phương pháp dạy học hiện đại, phát huy tính tích cực của người học (trong đó , GV hướng dẫn; người học học cách học, cách tự học, tự nghiên cứu, cách giải quyết vấn đề, cách sống và trưởng thành. Người học tự đánh giá, tự điều chỉnh hoạt động học tập của mình,…)

- Về hình thức tổ chức: Tổ chức dạy học cơ động, linh hoạt: Học ở lớp, ở phòng thí nghiệm, ở hiện trường, trong thực tế,…; học cá nhân, đôi bạn, nhóm và cả lớp đối diện với GV.

- Về kết quả: Hình thành ở người học tính tự chủ, năng động, sáng tạo; năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, khả năng hợp tác,…có khả năng thích ứng cao trong cuộc sống [51, tr 65-66].

1.7.3. Nguyên tắc tổ chức dạy học theo module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ

Tổ chức dạy học theo module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ có hiệu quả ngoài việc phải quán triệt nguyên tắc đảm bảo thống nhất giữa giờ dạy trên lớp, giờ tự học, tự nghiên cứu; nguyên tắc đảm bảo tính dân chủ và nhân văn

trong dạy học cần phải quán triệt các nguyên tắc các nguyên tắc dạy học nói chung như nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa tính KH và tính GD trong DH; nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong DH; nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa cái cụ thể và cái trừu tượng trong DH; nguyên tắc đảm bảo sự vững chắc của tri thức, kỹ năng, kỹ xảo và tính mềm dẻo của tư duy trong DH; nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa tính vừa sức chung và tính vừa sức riêng trong DH; nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa vai trò chủ đạo của GV và vai trò tự giác, tích cực, độc lập của người học trong DH.

Các nguyên tắc dạy học có quan hệ mật thiết với nhau, thâm nhập vào nhau, hỗ trợ lẫn nhau tạo nên một thể thống nhất và hoàn chỉnh có tác dụng chỉ đạo toàn bộ QTDH. Mỗi nguyên tắc nhấn mạnh một mặt, một yêu cầu cụ thể, do vậy trong quá trình tổ chức dạy học, GV phải biết vận dụng linh hoạt, hợp lý các nguyên tắc dạy học vào từng tình huống cụ thể.

1.7.4. Quy trình tổ chức dạy học theo module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ

Quy trình tổ chức DH theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ bao gồm 11 bước sau:

- ***Bước 1. GV nêu tên module dạy học***

- Bước 2. GV và SV kiểm tra, đánh giá điều kiện để thực hiện module DH

Kiểm tra, đánh giá điều kiện để thực hiện module DH bao gồm:

+ Kiểm tra, đánh giá điều kiện tiên quyết;

+ Kiểm tra, đánh giá điều kiện song hành;

+ Kiểm tra, đánh giá điều kiện về cơ sở vật chất, điều kiện về tài liệu học tập,…

Nếu kiểm tra, đánh giá thấy đủ diều kiện, bắt đầu tổ chức thực hiện module DH

- ***Bước 3. GV giới thiệu tổng quan về module DH; giải thích lý do tại sao người học cần phải học tập, nghiên cứu module dạy học đó***

- ***Bước 4. GV nêu mục tiêu của module DH***

- ***Bước 5. GV và SV định hướng kết quả học tập module DH***

- ***Bước 6. GV kiểm tra, đánh giá đầu vào cho SV và đưa ra những thông tin phản hồi***

- ***Bước 7. GV và SV xác định nội dung dạy học của module DH***

- ***Bước 8. GV hướng dẫn cho SV tự học, tự nghiên cứu*** **bao gồm:**

+ Xác định mục đích việc tự học tự, tự nghiên cứu, tự trải nghiệm;

+ GV giao cho SV các nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu về các nội dung của module.

+ Giáo viên hướng dẫn cho SV cách thức tiến hành các nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu, tự trải nghiệm.

+ GV hướng dẫn cho SV cách học báo cáo các sản phẩm tự học, tự nghiên cứu trên lớp

- ***Bước 9. SV lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch tự học, tự nghiên cứu***

+ SV lập kế hoạch tự học, tự nghiên cứu:

Kế hoạch tự học bao gồm:

* Xác định mục đích tự học, tự nghiên cứu;

* Xác định nhiệm vụ, nội dung tự học, tự nghiên cứu;

* Xác định cách thức tự học, tự nghiên cứu;

* Xác định các nguồn lực để thực hiện tự học, tự nghiên cứu bao gồm nhân lực, thời lực, vật lực và tài lực (Ai tự học, tự nghiên cứu? Tự học, tự nghiên cứu với ai? Khi nào tự học, tự nghiên cứu? Tự học, tự nghiên cứu trong bao lâu? Tự học, tự nghiên cứu bằng cái gì? Tự học, tự nghiên cứu trong môi trường nào?,…)

+ SV tổ chức thực hiện kế hoạch tự học, tự nghiên cứu.

- Bước 10. GV Tổ chức cho SV báo báo sản phẩm hoạt động học tập, đánh giá sản phẩn hoạt động học tập của SV và đưa ra những thông tin phản hồi ở trên lớp

+ GV tổ chức cho SV báo cáo các sản phẩm của hoạt động tự học, tự nghiên cứu ở trên lớp dưới các hình thức như trình bày, vấn đáp, thảo luận, xemina,...

+ GV cùng SV đánh giá sản phẩm của hoạt động học tập

+ GV đưa ra những thông tin phản hồi về kết quả đánh giá sản phẩm hoạt động học tập tới SV.

+ GV cùng SV đưa ra những kết luận chung về các vấn đề vừa được trình bày.

- Bước 11. GV tổ chức kiểm tra, đánh giá tổng kết kết quả học tập học module DH cho SV và đưa ra những thông tin phản hồi về kết quả kiểm tra đánh giá kết quả học tập

Nếu SV đạt kết quả theo yêu cầu thì sẽ được xác nhận là đã hoàn thành module và chuyển sang học module tiếp theo. Nếu SV không đạt kết quả theo yêu cầu thì tổ chức học lại module đã học.

Quy trình tổ chức dạy học theo module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ thể hiện ở sơ đồ 1.3 sau:

Sơ đồ 1.3. Quy trình tổ chức DH theo module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ

1.7.5. Mối quan hệ giữa module dạy học và đào tạo theo hệ thống tín chỉ

- Đào tạo theo hệ thống tín chỉ dựa trên sự phân chia chương trình dạy học thành các module dạy học, mỗi module dạy học được gắn với số lượng tín chỉ nhất định có thể đo lường, tích lũy và lắp ghép được để tiến tới hệ thống văn bằng theo các tiêu thức tổ hợp nhất định, được thống nhất và công nhận rộng rãi thông qua hoạt động quản lý GD & ĐT ở những thời gian và địa điểm khác nhau; có tính mở, linh hoạt và liên thông, mang lại tiện ích tối đa cho người học; mang tính dân chủ và nhân văn.

- Lớp học theo học chế tín chỉ được sắp xếp theo từng module dạy học và tổ chức dạy học theo module.

- Trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ có nhiều module dạy học khác nhau được đưa ra để SV lựa chọn theo trình độ để tích lũy.

- Trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ có sự quy định khối lượng tài liệu học tập và tham khảo mà SV phải đọc đối với một module dạy học. Cách ra đề thi cho module dạy học dựa vào yêu cầu của module dạy học và khối lượng tài liệu học tập quy định (chứ không chỉ phải dựa vào những điều GV đã trình bày ở lớp).

- Đào tạo theo hệ thống tín chỉ người học được quyền lựa chọn kế hoạch học tập, các module dạy học phù hợp với khả năng, sở trường, sở thích và điều kiện riêng của mình để tích lũy. Tuy nhiên sự lựa chọn các module dạy học để tích lũy tín chỉ còn phụ thuộc vào độ dài của thời gian học tập (một năm hay một học kỳ). Số tín chỉ tối thiểu hoặc tối đa mà sinh viên được đăng ký để học nhằm để tích lũy tùy thuộc vào quy định riêng của từng trường. Các module đã được SV tích lũy ở trường, của văn bằng này có thể bảo lưu, sử dụng tiếp cho văn bằng khác, ở trường khác nếu chương trình theo quy định của văn bằng, nhà trường đó có chứa các module đã tích lũy, các cơ sở có hệ thống chương trình đào tạo thống nhất và công nhận lẫn nhau. Đạo tạo theo hệ thống tín chỉ phát huy

vai trò tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo và khả năng giải quyết vấn đề, tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm nơi SV.

- Trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ, việc đánh giá kết quả học tập được thực hiện thông qua điểm trung bình chung với trọng số là tín chỉ của các module dạy học. Việc đánh giá kết quả học tập được thực hiện trong cả quá trình giảng dạy module đó.

1.7.6. Ưu thế của việc tổ chức DH theo module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ

- Trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tổ chức dạy học theo module cho phép mở rộng đến mức tối đa các hình thức học tập. Người học thể lựa chọn những cách thức học phù hợp nhất với điều kiện, khả năng, phong cách, kinh nghiệm và nhịp độ học tập của mình.

- Tổ chức dạy học theo module tạo cơ hội để phát triển tính sáng tạo và kĩ năng giải quyết vấn đề cho người học

- Tổ chức dạy học theo module làm thay đổi một cách căn bản về vai trò của người dạy và người học theo xu hướng tích cực hoá:

Tổ chức dạy học theo truyền thống	*Tổ chức dạy học theo module*
+ Hướng đến người dạy. + Người học thụ động thích nghi với những yêu cầu học tập do người dạy đặt ra. + Người dạy "nắm giữ kiến thức và kiểm soát mọi nguồn tri thức".	+ Hướng đến người học. + Người học chủ động tổ chức việc học tập của mình theo yêu cầu của chương trình. + Việc học tập được tiến hành trên cơ sở vốn kinh nghiệm của người học, người học tận dụng mọi nguồn lực sẵn có để mở rộng khả năng và hiệu quả học tập.
+ Người dạy giữ vai trò quyết định trong tiến trình học tập. + Người dạy giữ vai trò quyết định trong tiến trình học tập	+ Người học tự xây dựng vốn tri thức, hiểu biết của bản thân thông qua mối tương tác tích cực với tài liệu, với thực tiễn, với người dạy và bạn học. + Người học tự chịu trách nhiệm về việc học tập của mình.

- Tổ chức dạy học theo module tạo ra những hiệu ứng tích cực trong thái độ và hành vi của cả người dạy lẫn người học, cũng như trong môi trường giảng dạy và học tập trong nhà trường và lớp học.

- Tổ chức dạy học theo module mang lại hiệu quả tích cực đối với người học:

Tổ chức dạy học theo truyền thống	*Tổ chức dạy học theo module*
+ Người học thiên về ghi nhớ, học thuộc. + Người học chủ yếu hướng tới nắm vững những nội dung kiến thức trong chương trình.	+ Người học chú trọng việc hiểu và vận dụng. + Bên cạnh những kiến thức trong chương trình, người học còn hướng tới nắm bắt cả những tri thức thực tiễn có liên quan tạo cơ sở hình thành kĩ năng.
+ Việc học chủ yếu diễn ra trong phạm vi lớp học, trường học.	+ Việc học diễn ra mọi nơi, mọi lúc.
+ Những kiến thức lĩnh hội được mang nặng tính lí thuyết, giáo điều.	+ Những kiến thức mà người học lĩnh hội được vừa mang tính lí luận, vừa mang tính thực tiễn
+ Việc học dừng lại khi chương trình hoàn tất.	+ Việc học diễn ra liên tục và suốt đời theo nhu cầu và điều kiện của mình trên cơ sở tích lũy được các module – tích lũy tín chỉ trong những điều kiện thuận lợi.
+ Người học khó kiểm soát được quá trình học tập	+ Người học kiểm soát được quá trình học tập [81].

- Tổ chức dạy học theo module giúp cho người học có khả năng tự học, tự nghiên cứu và tự đánh giá kết quả học tập;

- Tổ chức dạy học theo module tạo khả năng kết hợp, liên thông giữa các chương trình.

- Tổ chức dạy học theo module mang tính tiên tiến, dân chủ và nhân văn.

1.8. ĐIỀU KIỆN CẦN THIẾT ĐỂ VIỆC THIẾT KẾ VÀ TỔ CHỨC DẠY HỌC THEO MODULE TRONG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ CÓ HIỆU QUẢ

Muốn việc thiết kế và tổ chức module dạy học trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ có hiệu quả cần có các điều kiện sau:

1.8.1. Điều kiện đối với chương trình:

Chương trình DH theo module được thiết kế cần tuân thủ theo các nguyên tắc và quy trình thiết kế module dạy học trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

1.8.2. Điều kiện đối với GV:

- GV cần phải có kỹ năng thiết kế module DH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Các kỹ năng thiết kế module DH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ mà GV cần phải có bao gồm: Kỹ năng phân tích chương trình học phần hiện có, nghiên cứu nhu cầu của các bên liên quan đến module DH; Kỹ năng xác định cách tiếp cận thiết kế module DH; Kỹ năng xác định các module DH; Kỹ năng xác định số tín chỉ của các module DH; Kỹ năng thiết kế module DH; Kỹ năng tổ chức thử nghiệm/ thực nghiệm các module DH đã được thiết kế; Kỹ năng đánh giá tính khả thi và hiệu quả các module DH đã được thiết kế

- GV cần phải có kỹ năng tổ chức dạy học theo module DH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Các kỹ năng tổ chức dạy học theo module DH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ mà GV cần có bao gồm: Kỹ năng kiểm tra, đánh giá điều kiện để thực hiện module DH; Kỹ năng giới thiệu tổng quan về module DH; giải thích lý do tại sao người học cần phải học tập, nghiên cứu nó; Kỹ năng nêu mục đích của module DH; Kỹ năng định hướng KQHT module DH; Kỹ năng

kiểm tra, đánh giá đầu vào cho SV và thông tin phản hồi; Kỹ năng xác định NDDH của module DH; Kỹ năng hướng dẫn cho SV tự học, tự nghiên cứu; Kỹ năng tổ chức cho SV báo cáo sản phẩm hoạt động học tập, đánh giá sản phẩn hoạt động học tập của SV và đưa ra những thông tin phản hồi ở trên lớp. Kỹ năng kiểm tra, đánh giá tổng kết và thông tin phản hồi về KQHT module DH cho SV,…

1.7.3. Điều kiện đối với SV:

- SV phải có kỹ năng học theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ. Các kỹ năng học theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ SV cần có bao gồm: Kỹ năng kiểm tra, đánh giá điều kiện để thực hiện module DH; Kỹ năng xác định mục đích dạy học và định hướng KQHT module DH; Kỹ năng xác định NDDH của module DH; Kỹ năng lựa chọn phối hợp các phương pháp, phương tiện và hình thức học tập; Kỹ năng lập và thực hiện kế hoạch tự học, tự nghiên cứu; Kỹ năng báo cáo sản phẩm hoạt động học tập, tự đánh giá sản phẩn hoạt động học tập. Kỹ năng tự điều chỉnh hoạt động học tập,….

- SV phải chủ động, độc lập, tự giác, tích cực, sáng tạo và hợp tác trong học tập, nghiên cứu;

- Lớp học phải có số lượng SV vừa phải;

- Có đầy đủ tài liệu tham khảo và tài liệu học tập.

1.7.4. Điều kiện đối với nhà trường:

- Trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị dạy học,...

- Có kế hoạch dạy học cụ thể rõ ràng. Kế hoạch dạy học phải được thông báo cho GV và SV ít nhất trước 2 tuần trước khi bắt đầu học để họ chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho dạy học.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

- Module DH là một đơn vị DH tương đối độc lập có khả năng lắp ghép hoặc tháo gỡ tùy theo mục đích sử dụng, được cấu trúc một cách đặc biệt nhằm đáp ứng nhu cầu, hứng thú, năng lực, điều kiện của người học và chứa đựng cả MĐDH, định hướng KQHT, NDDH, chiến lược DH/PPDH, hệ thống công cụ kiểm tra, đánh giá KQHT và hỗ trợ học tập, chúng gắn bó chặt chẽ với nhau tạo thành thể thống nhất hoàn chỉnh, toàn vẹn.

- Thiết kế module DH là việc xác định số lượng module DH, đặt tên cho các module DH, xác định số tín chỉ của mỗi module, xác định điều kiện để thực hiện module DH, thiết kế MT của module DH, định hướng KQHT, thiết kế ND của module DH, thiết kế chiến lược DH/PPDH, thiết kế hệ thống kiểm tra đánh giá KQHT và thiết kế hệ thống hỗ trợ người học.

- Thiết kế module DH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ cần phải tuân thủ các nguyên tắc thiết kế, xác định các tiếp cận thiết kế và dựa theo quy trình quy trình thiết kế module DH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ bao gồm 7 bước: *Bước 1.* Phân tích chương trình học phần hiện có, nghiên cứu nhu cầu của các bên liên quan đến module DH; *Bước 2.* Xác định cách tiếp cận thiết kế module DH; *Bước 3.* Xác định các module DH*; Bước 4.* Xác định số tín chỉ của các module DH; *Bước 5.* Thiết kế module DH; *Bước 6.* Tổ chức thử nghiệm/ thực nghiệm các module DH đã được thiết kế; *Bước 7.* Đánh giá tính khả thi và hiệu quả các module DH đã được thiết kế.

- Tổ chức DH theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là quá trình thực hiện quy trình DH theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ đã được xác lập.

- Tổ chức DH theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ cần phải quán triệt các nguyên tắc tổ chức DH theo module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ, theo cách tiếp cận lấy "người học làm trung tâm" hay DH hướng vào người học, đáp ứng nhu cầu của người học và tiến hành theo quy trình quy trình tổ chức DH theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ bao gồm 11 bước: *Bước 1.* GV nêu

tên module dạy học; *Bước 2.* GV và SV kiểm tra, đánh giá điều kiện để thực hiện module DH; *Bước 3.* GV giới thiệu tổng quan về module DH; giải thích lý do tại sao người học cần phải học tập, nghiên cứu nó; *Bước 4.* GV nêu mục đích của module DH*; Bước 5.* GV và SV định hướng KQHT module DH; *Bước 6.* GV kiểm tra, đánh giá đầu vào cho SV và thông tin phản hồi; *Bước 7.* GV và SV xác định NDDH của module DH; *Bước 8***.** GV hướng dẫn cho SV tự học, tự nghiên cứu; Bước 9. SV lập và thực hiện kế hoạch tự học, tự nghiên cứu; *Bước 10.* GV Tổ chức cho SV báo cáo sản phẩm hoạt động học tập, đánh giá sản phẩm hoạt động học tập của SV và đưa ra những thông tin phản hồi ở trên lớp. *Bước 11.* GV kiểm tra, đánh giá tổng kết và thông tin phản hồi về KQHT module DH cho SV.

- Để tổ chức DH theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ có hiệu quả cần phải xác định và cung ứng các điều kiện cần thiết.

Chương 2

THỰC TRẠNG VỀ TỔ CHỨC DẠY HỌC THEO MODULE HỌC PHẦN GIÁO DỤC HỌC TRONG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

2.1. KHÁI QUÁT VỀ KHẢO SÁT THỰC TRẠNG

2.1.1. Mục đích khảo sát

Đánh giá thực trạng chương trình học phần GDH, thực trạng thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ ở trường đại học sư phạm nhằm làm cơ sở cho việc tổ chức DH theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ.

2.1.2. Nội dung khảo sát

Khảo sát thực trạng chương trình học phần GDH, thực trạng thiết kế và tổ chức DH theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ ở trường ĐHSP và nguyên nhân của thực trạng.

2.1.3. Đối tượng khảo sát

Đề tài tiến hành khảo sát thực trạng chương trình học phần GDH và thực trạng thiết kết và tổ chức DH theo moduel học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại 4 trường đại học có đào tạo sư phạm bao gồm: Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học An Giang, Trường Đại học Đồng Tháp và Trường Đại học Trà Vinh với 400 SV sư phạm, 32 GV tâm lý –giao dục và một số chuyên gia.

2.1.4. Thời gian khảo sát

Khảo sát thực trạng được tiến hành từ tháng 1/2014 đến tháng 8/2014.

2.1.5. Phương pháp khảo sát

Trong quá trình khảo sát thực trạng, đề tài sử dụng phương pháp điều tra (với hai mẫu phiếu dành cho GV và SV [phụ lục 1 và phụ lục 2]), phương pháp phỏng vấn, phương pháp quan sát, phương pháp nghiên cứu tài liệu và sử dụng

phần mềm SPSS For Windows để xử lý các số liệu thống kê thu được từ việc khảo sát. Luận án sử dụng các kiểm định T-test, Anova, Gamma, các phép tính Mean, Std. Deviation, Percent, Frequencies,…

2.2. KẾT QUẢ KHẢO SÁT THỰC TRẠNG

2.2.1. Thực trạng chương trình học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường đại học sư phạm

2.2.1.1. Chương trình học phần GDH đang được sử dụng

Kết quả khảo sát cho thấy, các trường ĐHSP đang sử dụng chương trình học phần GDH được thiết kế theo kiểu chương trình truyền thống để tổ chức dạy học. Chương trình dạy học truyền thống có cấu trúc: môn - phần - chương - mục - tiểu mục. Đây là cách tiếp cận nội dung (content approach) hay còn gọi là tiếp cận hàn lâm (accadamic) khi xây dựng chương trình đào tạo. Theo cách tiếp cận này thì nội dung - kiến thức là điểm khởi đầu, là điểm phát, là cơ sở khi xây dựng và phát triển chương trình ĐT. Chương trình đào tạo là bản phác thảo về nội dung đào tạo. GD là quá trình truyền thụ nội dung - kiến thức. Đây là cách tiếp cận kinh điển trong xây dựng chương trình đào tạo, theo đó mục đích của đào tạo chính là nội dung – kiến thức cái mà loài người đã từng khám phá và đã từng sáng tạo ra cho người học. Theo cách tiếp cận này, chương trình môn học có khối lượng kiến thức khổng lồ, đa dạng. Thầy và trò say mê khám phá kho tàng kiến thức của nhân loại, tích lũy tri thức và có những hiểu biết thật sâu sắc về lĩnh vực chuyên môn. Phương pháp giảng dạy trong cách cách tiếp cận này với mục tiêu là truyền thụ được nhiều kiến thức nhất, người học thường thụ động nghe theo người dạy.

2.2.1.2. Đánh giá của SV và GV về mức độ phù hợp của chương trình học phần GDH truyền thống trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ

Kết quả khảo sát thực trạng về đánh giá của SV và GV về mức độ phù hợp của chương trình học phần GDH truyền thống trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ thể hiện ở bảng 2.1.

Bảng 2.1. Đánh giá của SV và GV về mức độ phù hợp của chương trình học phần GDH truyền thống trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ

Mức độ		SV					GV				
		ĐH CT	ĐH ĐT	ĐH AG	ĐH TV	Tổng cộng	ĐH CT	ĐH ĐT	ĐH AG	ĐH TV	Tổng cộng
1=Hoàn toàn không phù hợp	N	0	2	2	0	4	0	0	0	0	0
	%	0	2	2	0	1	0	0	0	0	0
2=Không phù hợp	N	10	19	11	13	53	1	0	1	1	3
	%	10	19	11	13	13.3	8.3	0	12.5	16.7	9.4
3=Tương đối phù hợp	N	65	43	50	49	207	11	6	5	2	24
	%	65	43	50	49	51.8	91.7	100	62.5	33.3	75
4=Phù hợp	N	25	33	31	36	125	0	0	2	3	5
	%	25	33	31	36	31.3	0	0	25	50	15.6
5=Hoàn toàn phù hợp	N	0	3	6	2	11	0	0	0	0	0
	%	0	3	6	2	2.8	0	0	0	0	0
Tổng cộng	N	100	100	100	100	400	12	6	8	6	32
	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
ĐTB		3.15	3.16	3.28	3.27	**3.22**	2.92	3.00	3.13	3.33	**3.1**
Tổng ĐTB		**3.16**									
Sig. (Gamma)		0.105					0.133				
Sig. (Anova)		0.453					0.451				

- *Đánh giá của SV về mức độ phù hợp của chương trình học phần GDH truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ*

Điểm trung bình đánh giá của SV ở các trường về mức độ phù hợp của chương trình học phần GDH truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là 3.22 . Số SV cho rằng chương trình học phần GDH truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ hiện nay là *tương đối phù hợp* chiếm tỉ lệ cao nhất với 51.8%, *phù hợp* đứng thứ hai với 31.3%, *không phù hợp* đứng thứ ba với 13.3%, *hoàn toàn phù hợp* đứng thứ tư với 2.8%, *hoàn toàn không phù hợp* chiếm tỉ lệ thấp nhất

với chỉ 1%. Kiểm định phương sai (ANOVA) từng cặp giữa SV ở các trường cho thấy với mức ý nghĩa (sig.) = 0.435, có thể khẳng định không có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa điểm trung bình các mức độ đánh giá của SV giữa các trường về tính phù hợp của chương trình học phần GDH truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ hiện nay. Kiểm định Gamma cho thấy sig. =0.105, có thể kết luận SV ở các trường đại học khác nhau không có liên quan đến mức độ đánh giá về tính phù hợp của chương trình học phần GDH truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ hiện nay. SV ở các trường đại học khác nhau nhưng đánh giá về mức độ phù hợp của chương trình học phần GDH truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ hiện nay là tương đương nhau, đều ở mức *"tương đối phù hợp"*.

- Đánh giá của GV về mức độ phù hợp của chương trình học phần GDH đang được sử dụng để dạy học hiện nay

Điểm trung bình đánh giá của GV ở các trường về mức độ phù hợp của chương trình học phần GDH truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ hiện nay là 3.1. Số GV cho rằng chương trình học phần GDH đang được sử dụng để dạy học hiện nay là *tương đối phù hợp* chiếm tỉ lệ cao nhất với 75%, *phù hợp* đứng thứ hai với 15.6%%, *không phù hợp* đứng thứ ba với 9.4%. Không có GV nào cho rằng chương trình học phần GDH truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ hiện nay là *hoàn toàn phù hợp* và *hoàn toàn không phù hợp*. Khi được hỏi *"Chương trình học phần GDH truyền thống phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở mức độ nào?",* chuyên gia T.Q.L đánh giá rằng "Chương trình học phần GDH truyền thống tương đối phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Kiểm định phương sai (ANOVA) từng cặp giữa GV ở các trường cho thấy sig.= 0.451, có thể khẳng định không có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa điểm trung bình các mức độ đánh giá của GV giữa các trường về tính phù hợp của chương trình học phần GDH truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ hiện nay. Kiểm định Gamma cho thấy sig.

=0.133, có thể kết luận GV ở các trường đại học khác nhau không có liên quan đến mức độ đánh giá về tính phù hợp của chương trình học phần GDH truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ hiện nay. GV ở các trường đại học khác nhau nhưng đánh giá về mức độ phù hợp của chương trình học phần GDH truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ hiện nay là tương đương nhau, đều ở mức *"tương đối phù hợp"*.

- *So sánh đánh giá giữa GV và của SV về mức độ phù hợp của chương trình học phần GDH truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ hiện nay.*

Điểm trung bình các mức độ đánh giá của SV về sự phù hợp của chương trình học phần GDH truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ hiện nay là 3.22. Điểm trung bình các mức độ đánh giá của GV về sự phù hợp của chương trình học phần GDH truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ hiện nay là 3.1. Điểm chênh lệch trung bình là 0.12. Kết quả kiểm định T cho thấy: sig. trong kiểm định t =0.151 có thể kết luận rằng sự khác biệt này là không có ý nghĩa về mặt thống kê. Sự đánh giá của GV và SV về mức độ phù hợp của chương trình học phần GDH truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ hiện nay là tương đương nhau, đều ở mức *tương đối phù hợp (ĐTB=3.16).*

Việc GV và SV đánh giá chương trình học phần GDH được thiết kế theo chương trình "truyền thống" chỉ ở mức *tương đối phù hợp* với phương thức ĐT theo hệ thống tín chỉ phản ánh đúng với thực tiễn hiện nay là với tốc độ phát triển khoa học và công nghệ như vũ bão, kiến thức gia tăng theo hàm mũ, chương trình ĐT được thiết kế theo nội dung sẽ bế tắc, quá tải vì không thể truyền thụ đủ nội dung trong một thời gian hạn chế, nội dung truyền thụ nhanh chóng bị lạc hậu. Với chương trình dạy học này, người dạy sẽ tìm các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nào để truyền thụ nhiều và nhanh nhất khối lượng kiến thức, nên thường thực hiện chức năng 'truyền đạt" tri thức cho người học. Người học chưa chủ động, linh hoạt, độc lập xây dựng và tổ chức kế hoạch

học tập phù hợp với khả năng, phong cách, kinh nghiệm, điều kiện và nhịp độ học tập của mình; thụ động thích nghi với những yêu cầu học tập do người dạy đặt ra, thiên về ghi nhớ, học thuộc. Do đó, dễ dẫn đến việc sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học một chiều và đơn điệu. Chưa tạo khả năng kết hợp, liên thông giữa các chương trình, ngành học, trường học,... Cách tiếp cận theo nội dung cho đến nay đã trở nên lạc hậu, phần lớn các trường đại học ở các nước tiên tiến không còn sử dụng cách tiếp cận này trong việc xây dựng chương trình ĐT.

2.2.1.3. Đánh giá của SV và GV về mức độ hiệu quả của việc tổ chức DH học phần GDH theo chương trình truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ

Kết quả khảo sát đánh giá của SV và GV về mức độ hiệu quả của việc tổ chức DH học phần GDH theo chương trình truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ thể hiện ở bảng 2.2.

- Đánh giá của SV về mức độ hiệu quả của việc tổ chức dạy học học phần GDH theo chương trình truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ

Điểm trung bình các mức độ đánh giá của SV về tính hiệu quả của việc tổ chức dạy học học phần GDH theo chương trình truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là 3.5. Số SV đánh giá hiệu quả của việc tổ chức dạy học học phần GDH theo chương trình truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ đạt mức *hiệu quả khá* là 55%, chiếm tỉ lệ lớn nhất. Đứng thứ hai là mức *hiệu quả trung bình* chiếm 30%. thứ ba là mức *hiệu quả thấp* chiếm 11.8 %. Thứ bốn là mức *hiệu quả rất cao* chiếm 3.3%. Không có SV nào cho rằng việc tổ chức dạy học học phần GDH theo chương trình truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là *không có hiệu quả*. Kiểm định (ANOVA) từng cặp giữa SV ở các trường cho thấy sig.= 0.189, có thể khẳng định không có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa điểm trung bình các mức độ đánh giá của SV giữa các trường về tính hiệu quả của việc tổ chức dạy học học phần GDH theo chương trình truyền

thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ. Kiểm định Gamma cho thấy sig. =0.05, có thể kết luận SV ở các trường khác nhau không có liên quan đến mức độ đánh giá về việc đánh giá về tính hiệu quả của việc tổ chức dạy học học phần GDH theo chương trình truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ. SV ở các trường đại học khác nhau nhưng đánh giá về tính hiệu quả của việc tổ chức dạy học học phần GDH theo chương trình truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ hiện nay là tương đương nhau, đều ở mức *"trung bình khá"*.

Bảng 2.2. Đánh giá của SV và GV về mức độ hiệu quả của việc tổ chức DH học phần GDH theo chương trình truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ

Mức độ		SV					GV				
		ĐH CT	ĐHĐT	ĐH AG	ĐH TV	Tổng cộng	ĐH CT	ĐH ĐT	ĐH AG	ĐH TV	Tổng cộng
1=Không hiệu quả	N	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2=Hiệu quả thấp	N	8	22	10	7	47	0	0	0	0	0
	%	8	22	10	7	11.8	0	0	0	0	0
3=Hiệu quả trung bình	N	33	30	27	30	120	10	4	3	2	19
	%	33	30	27	30	30	83.3	66.7	37.5	33.3	59.4
4=Hiệu quả khá	N	58	42	58	62	220	2	2	5	4	13
	%	58	42	58	62	55	16.7	33.3	62.5	66.7	40.6
5= Hiệu quả rất cao	N	1	6	5	1	13	0	0	0	0	0
	%	1	6	5	1	3.3	0	0	0	0	0
Tổng cộng	N	100	100	100	100	400	12	6	8	6	32
	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
ĐTB		3.52	3.32	3.58	3.57	**3.5**	3.17	3.33	3.63	3.67	**3.45**
Tổng ĐTB		**3.48**									
Sig. (Gamma)		0.189					0.005				
Sig. (Anova)		0.05					0.102				

- Đánh giá của GV về mức độ hiệu quả của việc tổ chức dạy học học phần GDH theo chương trình truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ

Điểm trung bình các mức độ đánh giá của GV về tính hiệu quả của việc tổ chức DH học phần GDH theo chương trình truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là 3.45 tương đương mức trung bình. Có 59.4% GV cho rằng việc tổ chức dạy học học phần GDH theo chương trình truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ đạt ở mức *hiệu quả trung bình*. 40.6% GV cho rằng việc tổ chức dạy học học phần GDH theo chương trình truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ đạt ở mức *hiệu quả khá*. Không có GV nào đánh giá việc tổ chức dạy học học phần GDH theo chương trình truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ đạt ở mức *không hiệu quả, hiệu quả thấp và hiệu quả rất cao*. Khi được yêu cầu đánh giá về về mức độ hiệu quả của việc tổ chức dạy học học phần GDH theo chương trình truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ, chuyên gia T.Q.L đánh giá rằng "Việc tổ chức dạy học học phần GDH theo chương trình truyền thống trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ đạt *hiệu quả trung bình*". Kiểm định (ANOVA) từng cặp giữa GV ở các trường cho thấy sig.= 0.102, có thể khẳng định không có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa điểm trung bình các mức độ đánh giá của GV giữa các trường về tính hiệu quả của việc tổ chức dạy học học phần GDH theo chương trình truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ. Kiểm định Gamma cho thấy sig. =0.005, có thể kết luận GV ở các trường khác nhau có liên quan đến mức độ đánh giá về việc đánh giá về tính hiệu quả của việc tổ chức dạy học học phần GDH theo chương trình truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ. Dựa vào tỉ lệ %, có thể thấy rằng GV ở các trường đại học khác nhau thì có sự đánh giá khác nhau về mức độ hiệu quả của việc tổ chức dạy học học phần GDH theo chương trình truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ. Số GV ở Trường ĐHCT đánh giá về mức độ hiệu quả của việc tổ chức dạy học học phần GDH theo chương trình truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ ở mức *hiệu quả trung bình*, chiếm số lượng tỉ lệ lớn nhất với 83.3%, thứ

hai là số GV ở Trường ĐHĐT với 66.7%, thứ ba là số GV Trường ĐHAG với 37.5%, cuối cùng là số GV Trường ĐHTV với 33.3%. Ngược lại, số GV ở Trường ĐHTV đánh giá mức độ hiệu quả của việc tổ chức DH học phần GDH theo chương trình truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ ở mức *hiệu quả khá* chiếm số lượng tỉ lệ lớn nhất với 66.7%, thứ hai là số GV ở Trường ĐHAG với 62.5% GV, thứ ba là số GV Trường ĐHĐT với 33.3% GV cuối cùng là số GV Trường ĐHCT với 16.7% GV.

- So sánh đánh giá giữa GV và SV về mức độ hiệu quả của việc tổ chức dạy học học phần GDH theo chương trình truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ

Điểm trung bình các mức độ đánh giá của SV về mức độ hiệu quả của việc tổ chức dạy học học phần GDH theo chương trình truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là 3.5. Điểm trung bình các mức độ đánh giá của SV về mức độ hiệu quả của việc tổ chức dạy học học phần GDH theo chương trình truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là 3.45. Điểm chênh lệch trung bình là 0.05. Kết quả kiểm định T cho thấy sig. trong kiểm định t =0.675 có thể kết luận rằng sự khác biệt này là không có ý nghĩa về mặt thống kê. Sự đánh giá của GV và SV về mức độ hiệu quả của việc tổ chức chương trình học phần GDH là tương đương nhau, đều ở mức *trung bình khá* (ĐTB=3.48). Khi được hỏi về lý do tại sao việc tổ chức dạy học học phần GDH truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ đạt hiệu quả chưa cao, GV N cho rằng "do nội dung chương trình học phần quá nhiều nên mất quá nhiều thời gian để truyền thụ chúng", SV H thì cho rằng, "do nội dung chương trình học phần GDH quá nhiều nên em mất quá nhiều thời gian để học thuộc lòng chúng nhưng không thể thuộc hết được nên quả học tập không cao, những nội dung nhớ được cũng nhanh chóng bị quên sau khi thi". Kết quả học tập học phần GDH truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ của SV không cao trong khi đó số thời gian mà SV dùng để học đặc biệt là học thuộc lòng nội dung kiến thức là tương đối nhiều nên hiệu quả việc tổ chức

DH học phần GDH theo chương trình truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ không cao là điều tất yếu.

2.2.1.4. Mức độ hài lòng của SV và GV đối với việc sử dụng chương trình học phần GDH truyền thống để tổ chức DH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ

Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của SV và GV đối với việc sử dụng chương trình học phần GDH truyền thống để tổ chức DH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ thể hiện ở bảng 2.3.

Bảng 2.3. Mức độ hài lòng của SV và GV đối với việc sử dụng chương trình học phần GDH truyền thống để tổ chức DH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ

Mức độ		SV					GV				
		ĐH CT	ĐH ĐT	ĐH AG	ĐH TV	Tổng cộng	ĐH CT	ĐH ĐT	ĐH AG	ĐH TV	Tổng cộng
1=Hoàn toàn không hài lòng	N	1	7	4	2	14	0	0	0	0	0
	%	1	7	4	2	3.5	0	0	0	0	0
2=Không hài lòng	N	17	16	10	11	54	2	1	3	1	7
	%	17	16	10	11	13.5	16.7	16.7	37.5	16.7	21.9
3=Tương đối hài lòng	N	51	36	49	49	185	9	4	3	2	18
	%	51	36	49	49	46.3	75	66.7	37.5	33.3	56.3
4=Hài lòng	N	31	35	34	37	137	1	1	2	3	7
	%	31	35	34	37	34.3	8.3	16.7	25	50	21.9
5=Hoàn toàn hài lòng	N	0	6	3	1	10	0	0	0	0	0
	%	0	6	3	1	2.5	0	0	0	0	0
Tổng cộng	N	100	100	100	100	400	12	6	8	6	32
	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
ĐTB		3.12	3.17	3.22	3.24	**3.19**	2.92	3.00	2.88	3.33	**3.03**
Tổng ĐTB		**3.11**									
Sig. (Gamma)		0.22					0.407				
Sig. (Anova)		0.738					0.607				

- Mức độ hài lòng của SV đối với việc sử dụng chương trình học phần GDH truyền thống để tổ chức dạy học trong ĐT theo hệ thống tín chỉ.

Điểm trung bình các mức độ hài lòng của SV đối với việc sử dụng chương trình học phần GDH truyền thống để tổ chức dạy học trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là 3.19. Chiếm tỉ lệ lớn nhất là số SV *tương đối hài lòng*, với 46.3%. Chiếm tỉ lệ cao thứ hai là số SV *hài lòng,* với 34.3%. Chiếm tỉ lệ cao thứ ba là số SV *không hài lòng* với 13.5%. Đứng thứ bốn là số SV *hoàn toàn không hài lòng*, với 3.5%. Đứng cuối cùng là số SV *hoàn toàn hài lòng* với việc sử dụng chương trình này để tổ chức dạy học với 2.5%. Kiểm định phương sai (ANOVA) từng cặp giữa SV ở các trường cho thấy sig.= 0.738, có thể khẳng định không có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa điểm trung bình các mức độ hài lòng của SV giữa các trường với chương trình học phần GDH truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ hiện nay. Kiểm định Gamma cho thấy sig. =0.22, có thể kết luận SV ở các trường đại học khác nhau không có liên quan đến mức độ hài lòng với chương trình học phần GDH truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ hiện nay. SV ở các trường đại học khác nhau nhưng mức độ hài lòng với chương trình học phần GDH truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ hiện nay là tương đương nhau, đều ở mức *"tương đối hài lòng"*.

- *Mức độ hài lòng của GV đối với việc sử dụng chương trình học phần GDH truyền thống để tổ chức dạy học trong ĐT theo hệ thống tín chỉ*

Điểm trung bình các mức độ hài lòng của GV đối với việc sử dụng chương trình học phần GDH truyền thống để tổ chức dạy học trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là 3.03. Có 56.3 GV *tương đối hài lòng*, 21.9% GV *hài lòng* và 21.9% GV *không hài lòng* với việc sử dụng chương trình này để tổ chức dạy học. Không có GV nào *hoàn toàn hài lòng* và *hoàn toàn không hài lòng* với việc sử dụng chương trình này để tổ chức dạy học.

Kiểm định phương sai (ANOVA) từng cặp giữa GV ở các trường cho thấy sig.= 0.607, có thể khẳng định không có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa điểm trung bình các mức độ hài lòng của GV giữa các trường với chương

trình học phần GDH truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ hiện nay. Kiểm định Gamma cho thấy sig. =0.407, có thể kết luận GV ở các trường đại học khác nhau không có liên quan đến mức độ hài lòng với chương trình học phần GDH truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ hiện nay. GV ở các trường đại học khác nhau nhưng mức độ hài lòng với chương trình học phần GDH truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ hiện nay là tương đương nhau, đều ở mức *"tương đối hài lòng"*

- *So sánh mức độ hài lòng giữa GV và SV đối với việc sử dụng chương trình học phần GDH truyền thống để tổ chức DH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ*

Điểm trung bình các mức độ hài lòng của SV đối với việc sử dụng chương trình học phần GDH truyền thống để tổ chức dạy học trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là 3.19. Điểm trung bình các mức độ hài lòng của GV đối với việc sử dụng chương trình học phần GDH truyền thống để tổ chức dạy học trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là 3.03.. Điểm chênh lệch trung bình là 0.16. Kết quả kiểm định T cho thấy, sig. trong kiểm định t =0.182 có thể kết luận rằng sự khác biệt này là không có ý nghĩa về mặt thống kê. Điểm trung bình các mức độ hài lòng của SV và GV đối với việc sử dụng chương trình học phần GDH truyền thống để tổ chức dạy học trong ĐT theo hệ thống tín chỉ đều ở mức *tương đối hài lòng* (ĐTB=3.11). GV và SV chỉ *"tương đối hài lòng"* với việc sử dụng chương trình học phần GDH truyền thống để tổ chức DH trong trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ do những nguyên nhân dưới đây.

2.2.1.5. Nguyên nhân chương trình học phần GDH truyền thống chưa phù hợp với phương thức đào tạo theo thệ thống tín chỉ

Kết quả khảo sát thực trạng nguyên nhân chương trình học phần GDH truyền thống chưa phù hợp với phương thức đào tạo theo thệ thống tín chỉ thể hiện ở bảng 2.4.

Bảng 2.4. Nguyên nhân chương trình học phần GDH truyền thống chưa phù hợp với phương thức đào tạo theo thệ thống tín chỉ

STT	Nguyên nhân	SV			GV			Chênh lệch ĐTB	Sig (2-taile)	Sự khác biệt
		ĐLC	ĐTB	Th H	ĐLC	ĐTB	Th H			
1	Chưa thiết kế được hệ thống hỗ trợ, hướng dẫn học tập, đặc biệt là hệ thống hướng đẫn tự học, tự nghiên cứu cho SV.	0.996	3.3	14	0.878	3.56	6	0.26	0.028	+
2	Chưa tạo khả năng kết hợp, liên thông giữa các chương trình, ngành học, trường học,...	1.073	3.18	15	0.851	3.72	1	0.54	0.005	+
3	Ý thức trách nhiệm của SV trong quá trình học tập chưa cao.	0.999	3.49	6	0.751	3.63	4	0.14	0.4	-
4	SV chưa chủ động, linh hoạt, độc lập xây dựng và tổ chức kế hoạch học tập phù hợp với khả năng, phong cách, kinh nghiệm, điều kiện và nhịp độ học tập của mình	0.998	3.55	4	0.729	3.72	1	0.17	0.2	-
5	Chưa xác định rõ mục đích dạy học, định hướng kết quả học tập, nội dung dạy học, chiến lược dạy học, hệ thống	1.096	3.04	17	1.047	3.47	8	0.43	0.361	-

STT	Nguyên nhân	SV			GV			Chênh lệch ĐTB	Sig (2-taile)	Sự khác biệt
		ĐLC	ĐTB	Th H	ĐLC	ĐTB	Th H			
	kiểm tra, đánh giá kết quả học tập,.hỗ trợ người học,...									
6	Hướng đến người dạy-"lấy GV làm trung tâm"	1.154	3.15	16	0.878	2.94	14	0.21	0.164	-
7	Người học thụ động thích nghi với những yêu cầu học tập do người dạy đặt ra	0.976	3.34	12	0.693	3.19	12	0.15	0.055	-
8	Người dạy nắm kiến thức và kiểm soát mọi nguồn tri thức	0.987	3.45	9	0.859	3.31	10	0.14	0.228	-
9	Người dạy thực hiện chức năng 'truyền đạt" tri thức	0.892	3.63	3	0.734	3.09	13	0.54	0.011	+
10	Người dạy giữ vai trò quyết định trong tiến trình học tập	0.961	3.39	10	0.965	3.19	12	0.2	0.158	-
11	Người học thiên về ghi nhớ, học thuộc	1.073	3.47	8	1.191	3.5	7	0.03	0.851	-
12	Người học chủ yếu hướng tới nắm vững những nội dung kiến thức trong chương trình	0.886	3.65	2	0.896	3.69	2	0.04	0.701	-
13	Việc học chủ yếu diễn ra ở lớp học	1.163	3.53	5	0.937	3.66	3	0.13	0.207	-
14	Những kiến thức người học lĩnh hội mang nặng tính lý thuyết, giáo điều	1.087	3.48	7	0.937	3.69	2	0.21	0.19	-

STT	Nguyên nhân	SV			GV			Chênh lệch ĐTB	Sig (2-taile)	Sự khác biệt
		ĐLC	ĐTB	Th H	ĐLC	ĐTB	Th H			
15	Việc học dừng lại khi chương trình hoàn tất	1.159	3.67	1	1.114	3.72	1	0.05	0.846	-
16	Chưa phát triển được tính sáng tạo và kĩ năng gải quyết vấn đề cho SV	0.998	3.34	12	0.946	3.41	9	0.07	0.506	-
17	GV và SV khó kiểm soát quá trình dạy học từ đầu vào, quá trình tác động cho tới đầu ra	0.99	3.37	11	0.911	3.59	5	0.22	0.15	-
18	Chất lượng và hiệu quả của QTDH học phần GDH chưa cao.	0.966	3.33	13	0.888	3.28	11	0.05	0.72	-
	Tổng cộng	**0.174**	**3.41**		**0.245**	**3.46**		**0.05**	**0.362**	**-**
	ĐTB chung	**3.44**								

(Khác biệt có ý nghĩa: +; Khác biệt không có ý nghĩa: -)

- SV cho rằng những nguyên nhân trên đây là những nguyên nhân làm cho chương trình học phần GDH truyền thống chưa phù hợp với phương thức ĐT theo hệ thống tín chỉ. ĐTB các nguyên nhân trên trải dài từ 3.04 đến 3.67, tương ứng với thang điểm chuẩn từ mức "tương đối đồng ý" đến mức đồng ý. Điểm trung bình chung của nhóm nguyên nhân này là 3.41. Trong các nguyên nhân trên, theo đánh giá của SV, có năm nguyên nhân chính làm cho chương trình học phần GDH truyền thống chưa phù hợp với

phương thức đạo tạo theo hệ thống tín chỉ. Năm nguyên nhân chính đó là do dạy học học phần GDH theo chương trình truyền thống, *việc học dừng lại khi chương trình hoàn tất (ĐTB=*3.67*); người học chủ yếu hướng tới nắm vững những nội dung kiến thức trong chương trình (ĐTB=*3.65*); người dạy thực hiện chức năng 'truyền đạt" tri thức (ĐTB=3.63); SV chưa chủ động, linh hoạt, độc lập xây dựng và tổ chức kế hoạch học tập phù hợp với khả năng, phong cách, kinh nghiệm, điều kiện và nhịp độ học tập của mình (ĐTB=3.55)*; *việc học chủ yếu diễn ra ở lớp học (ĐTB=3.53).* Như vậy, theo SV, nguyên nhân chính yếu nhất trong chương trình học phần GDH truyền thống chưa phù hợp với phương thức ĐT theo hệ thống tín chỉ là do dạy học theo chương trình này, *việc học dừng lại khi chương trình hoàn tất.* Khi được hỏi về vấn đề này SV N. T .N. L cho rằng em chỉ thực sự tập trung học bài trong giai đoạn gần ngày thi, trước giai đoạn này em chủ yếu chỉ đến lớp nghe giảng, sau khi thi em không còn học môn GDH thêm nữa. Điều này có thể làm cho những kiến thức mà SV hình thành được trong quá trình dạy học nhanh chóng bị quên và không cập nhật được những kiến thức mới. Ngày nay, với sự phát triển của khoa học và công nghệ, đòi hỏi phải học liên tục và học suốt đời mới có thể thích ứng với sự biến đổi của đời sống XH và nghề nghiệp. Muốn vậy, trong quá trình dạy học cần hướng đến phát huy khả năng tự học, tự nghiên cứu; tạo động cơ tự học, tự nghiên cứu cho người học để họ học liên tục và học suốt đời.

- GV cũng cho rằng những nguyên nhân trên đây là những nguyên nhân làm cho chương trình học phần GDH truyền thống chưa phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. ĐTB các nguyên nhân trên trải dài từ 2.94 đến 3.72, tương ứng với thang điểm chuẩn từ mức "tương đối đồng ý" đến mức "đồng ý". Điểm trung bình chung của nhóm nguyên nhân này là 3.46. Trong các nguyên nhân trên, theo đánh giá của GV, có năm nguyên nhân chính làm cho chương trình học phần GDH truyền thống chưa

phù hợp với phương thức đạo tạo theo hệ thống tín chỉ là do dạy học học phần GDH theo chương trình truyền thống, *chưa tạo khả năng kết hợp, liên thông giữa các chương trình, ngành học, trường học; SV chưa chủ động, linh hoạt, độc lập xây dựng và tổ chức kế hoạch học tập phù hợp với khả năng, phong cách, kinh nghiệm, điều kiện và nhịp độ học tập của mình; việc học dừng lại khi chương trình hoàn tất; người học chủ yếu hướng tới nắm vững những nội dung kiến thức trong chương trình*; *những kiến thức người học lĩnh hội mang nặng tính lý thuyết, giáo điều*; trong đó nguyên nhân chủ yếu là do dạy học theo chương trình này *chưa tạo khả năng kết hợp, liên thông giữa các chương trình, ngành học, trường học.* Vì chương trình học phần GDH hiện nay ở các trường đại học sư phạm chưa có sự thống nhất về tên gọi, cấu trúc và số tín chỉ: Trường ĐHCT đặt tên cho học phần này là GDH (3 tín chỉ), Trường ĐHTV gọi học phần này là GDH đại cương (2 TC), ĐHSP HN và ĐH Vinh đặt tên là GDH (4TC), ĐHAG đặt tên là GDH đại cương 1 (2TC) và GDH đại cương 2 (2TC), ĐH Huế đặt tên là GDH 1 (2TC) và GDH 2 (2TC), ĐHSP TP.HCM đặt tên là GDH đại cương (2TC) và GDH phổ thông (3TC). Chương trình học phần GDH được thiết kế theo cách tiếp cận nội dung và có cấu trúc chương mục, liên kết chặt chẽ với nhau. Chính những điều này làm cho việc liên thông học phần GDH giữa các trường khó có thể thực hiện được. Nếu chương trình học phần GDH được thiết kế và tổ chức dạy học theo module thì sẽ tạo khả năng kết hợp và liên thông giữa các chương trình với nhau. Vì nếu trong các chương trình có một số module giống nhau thì có thể sử dụng chung.

Như vậy, các nguyên nhân trên làm cho chương trình học phần GDH truyền thống chưa phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Trong các nguyên nhân đó, cả GV và SV đều cho rằng *SV chưa chủ động, linh hoạt, độc lập xây dựng và tổ chức kế hoạch học tập phù hợp với khả năng, phong cách, kinh nghiệm, điều kiện và nhịp độ học tập của mình; việc*

học dừng lại khi chương trình hoàn tất; người học chủ yếu hướng tới nắm vững những nội dung kiến thức trong chương trình là những nguyên nhân chính làm cho chương trình học phần GDH truyền thống chưa phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Chương trình học phần GDH truyền thống chưa thiết kế được hệ thống hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu nên trong quá trình học tập SV chưa chủ động, độc lập, sáng tạo trong quá trình học tập. Tổ chức dạy học học phần GDH theo chương trình truyền thống, SV thường có thái độ trông chờ, ỉ lại, thích nghe hơn thích đọc, ngại tìm tòi, ngại khám phá. Trong khi đó, đào tạo theo hệ thống tín chỉ đòi hỏi SV phải tích cực, chủ động, sáng tạo,… trong quá trình học tập.

- *So sánh điểm trung bình giữa những nguyên nhân mà GV và SV cho rằng chương trình học phần GDH truyền thống chưa phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ*

Trong số các nguyên nhân nêu trên, ba nguyên nhân có điểm số trung bình khác nhau có ý nghĩa về mặt thống kê tuy nhiên sự khác biệt này không quá lớn đó là nguyên nhân do chương trình GDH truyền thống *chưa tạo khả năng kết hợp, liên thông giữa các chương trình, ngành học, trường học,..., do chưa thiết kế được hệ thống hỗ trợ, hướng dẫn học tập, đặt biệt là hệ thống hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu cho SV* và *do người dạy thực hiện chức năng 'truyền đạt" tri thức trong quá trình dạy học*. Các nguyên nhân còn lại có điểm số trung bình không có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê. Điểm trung bình chung đánh giá của GV về các nguyên nhân trên là 3.46. Điểm trung bình chung đánh giá của SV về các nguyên nhân trên là 3.41. Điểm chênh lệch là 0.05. Kết quả kiểm định T cho thấy, sig. trong kiểm định t =0.362 có thể kết luận rằng sự khác biệt này là không có ý nghĩa về mặt thống kê. Cả GV và SV cho rằng các nguyên nhân trên là những nguyên nhân làm cho chương trình học phần GDH truyền thống chưa phù hợp với phương thức ĐT theo hệ thống tín chỉ hiện nay (ĐTB chung=3.44).

2.2.2. Thực trạng thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ ở trường đại học sư phạm

2.2.2.1. Thực trạng thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ ở trường đại học sư phạm

Kết quả khảo sát cho thấy, chương trình học phần GDH đã và đang được sử dụng là chương trình truyền thống theo cách tiếp cận nội dung. Việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ chưa được thực hiện ở các trường đại học được khảo sát. Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, chương trình dạy học thường được cấu trúc thành các module dạy học. Thiết kế và tổ chức chương trình dạy học tiếp cận theo lý thuyết module là là một trong những xu hướng tiên tiến, dân chủ và nhân văn trong dạy học nói chung đặc biệt trong dạy học theo phương thức tín chỉ. Module dạy học là một đơn vị dạy học tương đối độc lập có khả năng lắp ráp (hoặc tháo gỡ) với nhau tùy theo mục đích sử dụng, được cấu trúc một cách đặc biệt nhằm đáp ứng nhu cầu, hứng thú, năng lực, điều kiện của người học và chứa đựng cả mục đích dạy học, định hướng kết quả học tập, nội dung dạy học, chiến lược dạy học/phương pháp dạy học, hệ thống công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả kết quả học tập và hỗ trợ học tập, chúng gắn bó chặt chẽ với nhau tạo thành thể thống nhất hoàn chỉnh, toàn vẹn. Dạy học theo module tích cực hóa hoạt động nơi người học; phát huy khả năng sáng tạo, giải quyết vấn đề, tự học tự nghiên cứu nơi người học. Hiện nay, các trường ĐHSP đang đào tạo theo hệ thống tín chỉ nên việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH là điều hết sức cần thiết để nâng cao chất lượng và hiệu quả học tập của SV.

2.2.2.2. Mức độ hiểu biết của SV và GV về module dạy học

Kết quả khảo sát mức độ hiểu biết của SV và GV về module dạy học thể hiện ở bảng 2.5.

Bảng 2.5. Mức độ hiểu biết của SV và GV về module dạy học

STT	Nội dung	SV		GV		Chênh lệch ĐTB	Sig. (2-tailed)	Sự khác biệt
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC			
1	Khái niệm module dạy học	1.55	0.727	2.59	0.979	1.04	0.031	+
2	Cấu trúc của module dạy học	1.49	0.694	2.56	1.014	1.07	0.046	+
3	Đặc điểm của module dạy học	1.48	0.701	2.59	1.043	1.11	0.046	+
4	Quy trình thiết kế module dạy học trong ĐT theo hệ thống tín chỉ			2.41	1.073			
5	Quy trình tổ chức dạy học theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ	1.5	0.697	2.34	0.971	0.84	0.121	-
	Tổng ĐTB (*không bao gồm nội dung thứ 4*)	**1.51**	**0.031**	**2.52**	**0.121**	**1.01**	**0.000**	**+**

(Khác biệt có ý nghĩa: +; Khác biệt không có ý nghĩa: -)

- *Mức độ hiểu biết của SV về module dạy học*

+ Hiểu biết của SV về khái niệm module dạy học:

Có 57.8% SV không biết khái niệm về module dạy học, chiếm tỉ lệ cao nhất. 30.8% SV biết không rõ về khái niệm module dạy học. 10.2% SV biết

tương đối rõ về khái niệm module dạy học. Chỉ có 1.2 % SV biết rõ về khái niệm module dạy học và không có SV nào biết rất rõ về khái niệm này. Điểm trung bình các mức độ hiểu biết của SV về khái niệm module dạy học là 1.55 (ở giữa mức không biết và biết không rõ). Như vậy, phần lớn SV không biết hoặc không biết rõ về khái niệm module dạy học.

+ Hiểu biết của SV về cấu trúc của module dạy học*:*

Số SV không biết về cấu trúc của module dạy học chiếm tỉ lệ lớn nhất, với 62%. Đứng thứ hai là số SV biết không rõ, với 28.5% SV. Đứng thứ ba là số SV biết tương đối rõ, với 8.5% SV. Tiếp theo là số SV biết rõ, với 1% SV. Không có SV nào biết rất rõ về cấu trúc của module dạy học. Điểm trung bình các mức độ hiểu biết của SV về cấu trúc của module dạy học là 1.49 (ở giữa mức không biết và biết không rõ). Phần lớn SV không biết hoặc không biết rõ về cấu trúc của module dạy học.

+ Hiểu biết của SV về đặc điểm của module dạy học:

Có 63.2 % SV không biết về đặc điểm của module dạy học, chiếm tỉ lệ lớn nhất. Số SV biết không rõ về đặc điểm của module dạy học đứng thứ hai, với 26.8%. Đứng thứ ba là số SV biết tương đối rõ đặc điểm của module dạy học, với 9%. Chỉ có 1% SV biết rõ về đặc điểm của module dạy học. Không có SV nào biết rất rõ về đặc điểm của module dạy học. Điểm trung bình các mức độ hiểu biết của SV về đặc điểm của module dạy học là 1.48 (ở giữa mức không biết và biết không rõ). Phần lớn SV không biết hoặc không biết rõ về đặc điểm của module dạy học.

+ Hiểu biết của SV về quy trình tổ chức dạy học theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ:

Chiếm tỉ lệ lớn nhất là số SV không biết về quy trình tổ chức dạy học theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ, với 60.2%. Đứng thứ hai là số SV biết không rõ, với 30.5%. Số SV biết tương đối rõ chiếm tỉ lệ 8%SV, đứng thứ ba.

Đứng thứ bốn là số SV biết rõ, với 1.2%. Không có SV nào biết rất rõ về quy trình này. Điểm trung bình các mức độ hiểu biết của SV về quy trình tổ chức dạy học theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là 1.5 (ở giữa mức không biết và biết không rõ). Phần lớn SV không biết hoặc không biết rõ về đặc điểm của module dạy học.

Hiểu biết của SV về module dạy học nói chung có điểm số trung bình 1.5. Như vậy, phần lớn SV không biết hoặc biết không rõ về module dạy học nói chung. Hiểu biết của SV về module dạy học là một trong những cơ sở quan trọng để GV thiết kế và tổ chức dạy học theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ. Việc phần lớn SV không biết hoặc biết không rõ về module dạy học nói chung là một trong những nguyên nhân làm cho GV chưa thiết kế và tổ chức dạy học theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ. Vì để việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module có hiệu quả thì một trong những yêu cầu quan trọng là SV phải biết rõ về module dạy học. Sinh viên biết về module dạy học chủ yếu thông qua internet.

- *Mức độ hiểu biết của GV về module dạy học*

+ *Hiểu biết của GV về khái niệm module dạy học*

Có 46.9 % GV biết tương đối rõ khái niệm về module dạy học, chiếm tỉ lệ cao nhất; số GV biết không rõ, với 25% đứng thứ hai; số GV không biết, với 15.6%, đứng thứ ba; số GV biết rõ, với 9.4% đứng thứ bốn và đứng cuối cùng là số GV biết rất rõ về khái niệm module dạy học, với 3.1% SV. Điểm trung bình các mức độ hiểu biết của GV về khái niệm module dạy học là 2.59 (ở giữa mức biết không rõ và biết tương đối rõ). Như vậy, từ mức biết tương đối rõ đến mức biết rất rõ về khái niệm module dạy học có tới hơn một nửa số GV (59.4%); từ mức không biết tới mức biết không rõ về khái niệm này có chưa đến một nửa số GV (40.6%).

+ Hiểu biết của GV về cấu trúc của module dạy học:

Số GV biết tương đối rõ về cấu trúc của module dạy học chiếm tỉ lệ lớn nhất, với 37.5%. Đứng hứ hai là số GV biết không rõ, với 31.2%. Đứng thứ ba là số GV không biết với 15.6%. Đứng thứ bốn là số GV biết rõ, với 12.5%. Đứng sau cùng là số GV biết rất rõ về cấu trúc của module dạy học, với 3.1%. Điểm trung bình các mức độ hiểu biết của GV về cấu trúc của module dạy học là 2.56 (ở giữa mức biết không rõ và biết tương đối rõ). Như vậy, từ mức biết tương đối rõ đến mức biết rất rõ về cấu trúc của module dạy học có tới hơn một nửa số GV (53.1%); từ mức không biết tới mức biết không rõ về cấu trúc của module dạy học có chưa đến một nửa số GV (46.9 %).

+ Hiểu biết của GV về đặc điểm của module dạy học:

Có 34.3 % GV biết tương đối rõ về đặc điểm của module dạy học, chiếm tỉ lệ lớn nhất. Số GV biết không rõ về đặc điểm của module dạy học đứng thứ hai, với 31.2%. Số GV biết rõ chiếm 15.6% và số GV không biết chiếm 15.6% cùng đứng thứ ba. Đứng cuối cùng là số GV biết rất rõ về đặc điểm của module dạy học, với 3.1%. Điểm trung bình các mức độ hiểu biết của GV về đặc điểm của module dạy học là 2.59 (ở giữa mức biết không rõ và biết tương đối rõ). Như vậy, từ mức biết tương đối rõ đến mức biết rất rõ về đặc điểm của module dạy học có tới hơn một nửa số GV (53.1%); từ mức không biết tới mức biết không rõ về đặc điểm của module dạy học có chưa đến một nửa số GV (46.9%).

+ Hiểu biết của GV về quy trình thiết kế module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ:

Chiếm tỉ lệ lớn nhất là số GV biết không rõ về quy trình thiết kế module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ, với 43.8% GV. Số GV không biết, với 18.8% GV và số GV biết tương đối rõ, với 18.8% đều đứng thứ hai. Số GV biết rõ, với 15.6% GV đứng thứ ba. Đứng sau cùng là số GV biết rất rõ, với 3.1% GV. Điểm trung bình các mức độ hiểu biết của GV về quy trình thiết kế module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là 2.41 (ở giữa mức không biết và biết không rõ). Như

vậy, từ mức biết tương đối rõ đến mức biết rất rõ về quy trình thiết kế module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ chưa tới một nửa số GV (37.5% GV); từ mức không biết tới mức biết không rõ về quy trình này có hơn một nửa số GV (62.5% GV).

+ Hiểu biết của GV về quy trình tổ chức dạy học theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ:

Chiếm tỉ lệ lớn nhất là số GV biết không rõ về quy trình tổ chức dạy học theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ, với 43.8% GV. Đứng thứ hai là số GV biết tương đối rõ, với 21.9% GV. Số GV không biết chiếm tỉ lệ 18.8% GV, đứng thứ ba. Đứng thứ bốn là số SV biết rõ, với 15.6% GV. Không có GV nào biết rất rõ về quy trình này. Điểm trung bình các mức độ hiểu biết của GV về quy trình tổ chức dạy học theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là 2.34 (ở giữa mức không biết và biết không rõ). Như vậy, từ mức biết tương đối rõ đến mức biết rõ về quy trình tổ chức dạy học theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ chưa tới một nửa số GV (37.5% GV); từ mức không biết tới mức biết không rõ về quy trình tổ chức dạy học theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ có hơn một nửa số GV (62.5% GV). GV biết đến module dạy học chủ yếu thông qua internet. Một số ít GV biết đến module dạy học thông qua các khóa tập huấn và các tài liệu viết về module dạy học.

Đa số GV và SV biết về module dạy học nhưng "biết không rõ".

2.2.2.3. Nhận thức của SV và GV về sự cần thiết của việc đổi mới chương trình GDH truyền thống sang module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ

Kết quả khảo sát thực trạng nhận thức của SV và GV về sự cần thiết của việc đổi mới chương trình GDH truyền thống sang module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ thể hiện ở bảng 2.6.

Bảng 2.6. Nhận thức của SV và GV về sự cần thiết của việc đổi mới chương trình GDH truyền thống sang module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ

Mức độ		SV					GV				
		ĐH CT	ĐH ĐT	ĐH AG	ĐH TV	Tổng cộng	ĐH CT	ĐH ĐT	ĐH AG	ĐH TV	Tổng cộng
1=Hoàn toàn không cần thiết	N	0	0	0	2	2	0	0	0	0	0
	%	0	0	0	2	0.5	0	0	0	0	0
2=Không cần thiết	N	5	2	2	4	13	0	0	0	1	1
	%	5	2	2	4	3.2	0	0	0	16.7	3.1
3=Chưa cần thiết	N	6	8	26	15	55	0	0	1	1	2
	%	6	8	26	15	13.8	0	0	12.5	16.7	6.2
4=Cần thiết	N	79	67	66	72	284	9	5	5	3	22
	%	79	67	66	72	71	75	83.3	62.5	50	68.8
5= Hoàn toàn cần thiết	N	10	23	6	7	46	3	1	2	1	7
	%	10	23	6	7	11.5	25	16.7	25	16.7	21.9
Tổng cộng	N	100	100	100	100	400	12	6	8	6	32
	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
ĐTB		3.94	4.11	3.76	3.78	**3.9**	4.25	4.17	4.13	3.67	**4.09**
Tổng ĐTB		**4.0**									
Sig. (Gamma)		0.001					0.227				
Sig. (Anova)		0.000					0.335				

- *Nhận thức của SV về sự cần thiết của việc đổi mới từ chương trình GDH truyền thống sang module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ*

Điểm số trung bình các mức độ nhận thức của SV về về sự cần thiết của việc đổi mới từ chương trình GDH truyền thống sang module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là 3.9. Tỉ lệ phần trăm SV nhận thấy *cần thiết* chiếm tỉ lệ cao nhất, với 71%. Cao thứ hai là tỉ lệ SV nhận thấy *chưa cần thiết chiếm* 13.8%. Thứ ba là tỉ lệ SV nhận thấy *hoàn toàn cần thiết* chiếm 11.5%. Thứ bốn là tỉ lệ SV thấy *không cần thiết* chiếm 3.2%. Chiếm tỉ lệ thấp nhất là số SV thấy *hoàn toàn không cần thiết* với 0.5%. Kiểm định (ANOVA) từng cặp giữa các năm cho thấy sig.= 0.000, có thể khẳng định có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa

điểm trung bình các mức độ nhận thức của SV giữa các trường về sự cần thiết của việc đổi mới từ chương trình GDH truyền thống sang module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ. Đó là sự khác biệt giữa điểm số trung bình ở SV Trường ĐHĐT với SV Trường ĐHAG và Trương ĐHTV. Kiểm định Gamma cho thấy sig. =0.001, có thể kết luận SV ở các trường có liên quan đến việc nhận thức của họ về sự cần thiết của việc đổi mới từ chương trình GDH truyền thống sang module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ. SV ở các trường đại học khác nhau thì xem việc cần thiết của việc đổi mới từ chương trình GDH truyền thống sang module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ ở các mức độ khác nhau. SV ở Trường ĐHĐT có điểm số cao nhất (ĐTB=4.11). Trong khi SV ở Trường ĐHAG có điểm số trung bình thấp nhất (ĐTB=3.76).

Thấy được sự chưa phù hợp của chương trình học phần GDH truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ và thấy được hiệu quả của việc dạy học theo module nên đa số SV (82%) cho rằng việc đổi mới từ chương trình GDH truyền thống sang module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ hiện nay là cần thiết.

- *Nhận thức của GV về sự cần thiết của việc đổi mới từ chương trình GDH truyền thống sang module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ*

Điểm số trung bình các mức độ nhận thức của GV về sự cần thiết của việc đổi mới từ chương trình GDH truyền thống sang module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là 4.09 tương đương mức *cần thiết*. Tỉ lệ phần trăm GV nhận thấy *cần thiết* chiếm tỉ lệ cao nhất, với 68.8%. Cao thứ hai là tỉ lệ GV nhận thấy *hoàn toàn cần thiết chiếm* 21.9%. Thứ ba là tỉ lệ GV nhận thấy *chưa cần thiết* chiếm 6.2%. Thứ bốn là tỉ lệ GV thấy *không cần thiết* chiếm 3.1%. Không có GV nào thấy đổi mới từ chương trình GDH truyền thống sang module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là *hoàn toàn không cần thiết*. Chuyên gia T.Q.L cũng cho rằng "Việc đổi mới chương trình học phần GDH từ chương trình truyền thống sang module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ là *cần thiết*". Kiểm định (ANOVA)

từng cặp giữa các năm cho thấy sig.= 0.335, có thể khẳng định không có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa điểm trung bình các mức độ nhận thức của GV giữa các trường về sự cần thiết của việc đổi mới từ chương trình GDH truyền thống sang module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ. Kiểm định Gamma cho thấy sig. =0.227, có thể kết luận SV ở các trường không có liên quan đến việc nhận thức của họ về sự cần thiết của việc đổi mới từ chương trình GDH truyền thống sang module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ. GV ở các trường đại học khác nhau nhưng xem việc cần thiết của việc đổi mới từ chương trình GDH truyền thống sang module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ ở mức độ giống nhau. Thấy được hiệu quả của việc dạy học theo module và thấy được sự chưa phù hợp của chương trình học phần GDH truyền thống trong ĐT theo hệ thống tín chỉ nên đa số GV (90.7%) thấy việc đổi mới từ chương trình GDH truyền thống sang module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ hiện nay là cần thiết.

- So sánh mức độ nhận thức của GV và SV về sự cần thiết của việc đổi mới từ chương trình GDH truyền thống sang module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ

Điểm trung bình các mức độ nhận thức của SV về sự cần thiết của việc đổi mới từ chương trình GDH truyền thống sang module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là 3.9. Điểm trung bình các mức độ nhận thức của GV về sự cần thiết của việc đổi mới từ chương trình GDH truyền thống sang module trong đao tạo theo hệ thống tín chỉ là 4.09. Điểm chênh lệch trung bình là 0.19. Kết quả kiểm định T cho thấy , sig. trong kiểm định t =0.253 có thể kết luận rằng sự khác biệt này là không có ý nghĩa về mặt thống kê. Điểm trung bình các mức độ nhận thức của GV và SV về sự cần thiết của việc đổi mới từ chương trình GDH truyền thống sang module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là tương đương nhau. Như vậy, cả GV và SV đều cho rằng việc đổi mới từ chương trình GDH truyền thống sang module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là *cần thiết* (ĐTB=4.0).

2.2.2.4. Mức độ quan tâm của SV và GV đến việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ

Kết quả kháo sát mức độ quan tâm của SV và GV đến việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ thể hiện ở bảng 2.7.

Bảng 2.7. Mức độ quan tâm của SV và GV đến việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ

Mức độ		**SV**					**GV**				
		ĐH CT	ĐH ĐT	ĐH AG	ĐH TV	**Tổng cộng**	ĐH CT	ĐH ĐT	ĐHA G	ĐH TV	**Tổng cộng**
1=Hoàn toàn không quan tâm	N	2	4	3	0	9	0	0	0	0	0
	%	2	4	3	0	2.2	0	0	0	0	0
2=Không quan tâm	N	10	14	19	7	50	0	1	0	2	3
	%	10	14	19	7	12.5	0	16.7	0	33.3	9.4
3=Tương đối quan tâm	N	36	37	47	43	163	2	2	5	1	10
	%	36	37	47	43	40.8	16.7	33.3	62.5	16.7	31.2
4=Quan tâm	N	47	38	29	48	162	9	3	2	3	17
	%	47	38	29	48	40.5	75	50	25	50	53.1
5=Hoàn toàn quan tâm	N	5	7	2	2	16	1	0	1	0	2
	%	5	7	2	2	4	8.3	0	12.5	0	6.2
Tổng cộng	N	100	100	100	100	400	12	6	8	6	32
	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
ĐTB		3.43	3.30	3.08	3.45	**3.32**	3.92	3.33	3.50	3.17	**3.5**
Tổng ĐTB		**3.44**									
Sig. (Gamma)		0.544					0.037				
Sig. (Anova)		0.005					0.184				

- *Mức độ quan tâm của SV đến việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ*

Điểm trung bình các mức độ quan tâm của SV đến việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là 3.32. Trong các mức độ quan tâm của SV đến việc thiết kế và tổ chức dạy học theo

module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ, tỉ lệ phần trăm SV cho rằng họ *tương đối quan tâm* chiếm tỉ lệ cao nhất với 40.8%. Thứ hai mức độ *quan tâm* chiếm 40.5%. Thứ ba là mức độ *không quan tâm*, chiếm 12.5%. Thứ tư là mức độ *hoàn toàn quan tâm* chiếm 4%. Cuối cùng là mức độ *hoàn toàn không quan tâm* chiếm 2.2%. Kiểm định (ANOVA) từng cặp giữa các năm cho thấy sig.= 0.005), có thể khẳng định có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa điểm trung bình của SV ở các trường về mức độ quan tâm đến việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ. Đó là sự khác biệt có ý nghĩa thống kê điểm số trung bình giữa SV Trường ĐHCT với SV Trường ĐHAG và SV Trường ĐHTV. Kiểm định Gamma cho thấy sig. =0.544 có thể kết luận SV ở các trường khác nhau không có liên quan đến mức độ quan tâm đến việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ. SV ở trường khác nhau nhưng mức độ quan tâm đến việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là tương đương nhau, đều ở mức *tương đối quan tâm.* Điều này cho thấy rằng SV bước đầu có sự quan tâm đến việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ.

- *Mức độ quan tâm của GV về việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín ch*ỉ

Điểm trung bình các mức độ quan tâm của GV đến việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là 3.56. Trong các mức độ quan tâm của GV đến việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ, tỉ lệ phần trăm GV cho rằng họ *quan tâm* đến việc này chiếm tỉ lệ cao nhất với 53.1%. Thứ hai mức độ *tương đối quan tâm* chiếm 31.2%. Thứ ba là mức độ *không quan tâm*, chiếm 9.4%. Thứ tư là mức độ *hoàn toàn quan tâm* chiếm 6.2%. Không có GV nào hoàn toàn không quan tâm đến việc việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ. Kiểm định (ANOVA) từng cặp

giữa các năm cho thấy sig.= 0.184, có thể khẳng định không có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa điểm trung bình của GV ở các trường về mức độ quan tâm đến việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ. Kiểm định Gamma cho thấy sig. =0.037, có thể kết luận GV ở các trường khác nhau có liên quan đến mức độ quan tâm đến việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ. GV ở trường khác nhau thì mức độ quan tâm đến việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ khác nhau. Nhìn vào tỉ lệ % ta thấy GV ở các trường đại học khác nhau thì có tỉ lệ phần trăm ở các mức độ quan tâm khác nhau. Chẳng hạn như tỉ lệ phần trăm (75% GV) Trường ĐHCT *quan tâm* đến việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ chiếm tỉ lệ cao hơn các trường còn lại. Trong khi đó tỉ lệ phần trăm (62.5% GV) Trường ĐHAG *tương đối quan tâm* đến việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ chiếm tỉ lệ cao hơn các trường còn lại,... Nhưng điểm trung bình các mức độ quan tâm của GV đến việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là 3.56, ở mức *tương đối quan tâm.* Mặc dầu đang sử dụng chương trình học phần GDH truyền thống để dạy học nhưng phần lớn GV đã có sự quan tâm đến việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ.

- *So sánh mức độ quan tâm giữa GV và SV đối với việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ*

Điểm trung bình các mức độ quan tâm của SV đối với việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là 3.32. Điểm trung bình các mức độ quan tâm của SV đối với việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là 3.56. Điểm chênh lệch trung bình là 0.24. Kết quả kiểm định T cho thấy, sig. trong kiểm định t =0.426 có thể kết luận rằng sự khác biệt này là không có ý nghĩa về

mặt thống kê. Điểm trung bình các mức độ quan tâm của SV và GV đối với việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ đều tương đương mức *tương đối quan tâm* (ĐTB=3.44).

2.2.2.5. Nhận định của SV và GV về tính khả thi của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ

Kết quả khảo sát nhận định của SV và GV về tính khả thi của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ thể hiện ở bảng 2.8.

Bảng 2.8. Nhận định của SV và GV về tính khả thi của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ

Mức độ		SV					GV				
		ĐHCT	ĐHĐT	ĐHAG	ĐHTV	Tổng cộng	ĐHCT	ĐHĐT	ĐHAG	ĐHTV	Tổng cộng
1=Hoàn toàn không khả thi	N	1	0	2	2	5	0	0	0	0	0
	%	1	0	2	2	1.2	0	0	0	0	0
2=Không khả thi	N	7	2	11	7	27	1	0	0	1	2
	%	7	2	11	7	6.8	8.3	0	0	16.7	6.2
3=Tương đối khả thi	N	47	41	55	37	180	0	0	4	2	6
	%	47	41	55	37	45	0	0	50	33.3	18.8
4=Khả thi	N	38	37	21	50	146	9	4	4	3	20
	%	38	37	21	50	36.5	75	66.7	50	50	62.5
5= Hoàn toàn khả thi	N	7	20	11	4	42	2	2	0	0	4
	%	7	20	11	4	10	16.7	33.3	0	0	12.5
Tổng cộng	N	100	100	100	100	400	12	6	8	6	32
	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
ĐTB		3.43	3.75	3.28	3.47	**3.48**	4.00	4.33	3.50	3.33	**3.81**
Tổng ĐTB		**3.65**									
Sig. (Gamma)		0.546					0.007				
Sig. (Anova)		0.001					0.05				

- Nhận định của SV về tính khả thi của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ

Điểm trung bình các mức độ nhận định của SV về tính khả thi của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là 3.48. Trong các mức độ nhận định của SV về tính khả thi của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ, tỉ lệ phần trăm SV cho rằng *tương đối khả thi* chiếm tỉ lệ cao nhất với 45%. Thứ hai là mức độ *khả thi* chiếm 36.5%. Thứ ba là mức độ *hoàn toàn khả thi* chiếm 10.5%. Thứ tư là mức độ *không khả thi* chiếm 6.8%. Cuối cùng là mức độ *hoàn toàn không khả thi* chiếm 1.2%. Kiểm định (ANOVA) từng cặp giữa các năm cho thấy sig.= 0.001, có thể khẳng định có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa điểm trung bình của SV ở các trường về mức độ nhận định của họ về tính khả thi của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ. Có sự khác biệt điểm số trung bình giữa SV Trường ĐHĐT với Trường ĐHCT và Trường ĐHAG. Kiểm định Gamma cho thấy sig. =0.546, có thể kết luận SV ở các trường khác nhau không có liên quan đến mức độ nhận định của họ về tính khả thi của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ. Ở các trường khác nhau nhưng SV nhận định về tính khả thi của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là tương đương nhau.

- Nhận định của GV về tính khả thi của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ

Điểm trung bình các mức độ nhận định của GV về tính khả thi của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là 3.81 tương ứng với mức *khả thi*. Trong các mức độ nhận định của GV về tính khả thi của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ, tỉ lệ phần trăm GV cho rằng *khả thi* chiếm tỉ lệ

cao nhất với 62.5%. Thứ hai mức độ *tương đối khả thi* chiếm 18.8%. Thứ ba là mức độ *hoàn toàn khả thi* chiếm 12.5%. Thứ tư là mức độ *không khả thi* chiếm 6.2%. Không có GV nào đánh giá ở mức *hoàn toàn không khả thi* . Chuyên gia T.Q.L cho rằng " Việc thiết kế thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là *khả thi"*. Kiểm định (ANOVA) từng cặp giữa các năm cho thấy sig.= 0.05, có thể khẳng định không có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa điểm trung bình của GV ở các trường về mức độ nhận định của họ về tính khả thi của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ. Kiểm định Gamma cho thấy sig. =0.007 có thể kết luận SV ở các trường khác nhau có liên quan đến mức độ nhận định của họ về tính khả thi của việc thiết kế và tổ chức DH theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ. Nhìn vào tỉ lệ phần trăm ta thấy, chỉ có 16.7% GV ở trường ĐHCT và 33.3% GV ở trường ĐHĐT nhận định việc thiết kế và tổ chức DH theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ ở mức là *hoàn toàn khả thi*.

- *So sánh nhận định của SV và GV về tính khả thi của việc thiết kế và tổ chức DH theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ*

Điểm trung bình các mức độ nhận định của SV về tính khả thi của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là 3.48. Điểm trung bình các mức độ nhận định của GV về tính khả thi của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là 3.81. Điểm chênh lệch trung bình là 0.33. Kết quả kiểm định T cho thấy, sig. trong kiểm định t =0.170 có thể kết luận rằng sự khác biệt này là không có ý nghĩa về mặt thống kê. Điểm trung bình các mức độ nhận định của SV và GV về tính khả thi của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ đều chỉ ở gần mức *khả thi* (ĐTB=3.65).

2.2.2.6. Nhận định của SV và GV về mức độ hiệu quả của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ

Kết quả khảo sát nhận định của SV và GV về mức độ hiệu quả của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ thể hiện ở bảng 2.9.

Bảng 2.9. Nhận định của SV và GV về mức độ hiệu quả của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ

Mức độ		SV					GV				
		ĐH CT	ĐH ĐT	ĐH AG	ĐH TV	Tổng cộng	ĐH CT	ĐH ĐT	ĐH AG	ĐH TV	Tổng cộng
1=Không hiệu quả	N	0	0	2	1	3	0	0	0	0	0
	%	0	0	2	1	0.8	0	0	0	0	0
2=Hiệu quả thấp	N	1	5	7	8	21	0	0	0	0	0
	%	1	5	7	8.	5.2	0	0	0	0	0
3=Hiệu quả trung bình	N	17	8	18	15	58	1	0	1	1	3
	%	17	8	18	15	14.5	8.3	0	12.5	16.7	9.4
4=Hiệu quả khá	N	68	59	52	58	237	8	4	5	4	21
	%	68	59	52	58	59.2	66.7	66.7	62.5	66.7	65.6
5= Hiệu quả rất cao	N	14	28	21	18	81	3	2	2	1	8
	%	14	28	21	18	20.2	25	33.3	25	16.7	25
Tổng cộng	N	100	100	100	100	400	12	6	8	6	32
	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
ĐTB		3.95	4.1	3.83	3.84	**3.93**	4.17	4.33	4.13	4.00	**4.16**
Tổng ĐTB		**4.05**									
Sig. (Gamma)		0.26					0.595				
Sig. (Anova)		0.054					0.807				

- Nhận định của SV về mức độ hiệu quả của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ

Điểm trung bình các mức độ nhận định của SV về tính hiệu quả của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là 3.93 tương đương với mức *hiệu quả khá*. Trong các mức độ đó, số SV

nhận định *hiệu quả khá* là 59.2%, chiếm tỉ lệ lớn nhất; số SV nhận định *hiệu quả rất cao* là 20.2 %, đứng thứ hai; thứ ba là mức *hiệu quả trung bình* chiếm 14.5 % SV. Thứ bốn là mức *hiệu quả thấp* chiếm 5.2%SV. Cuối cùng là mức *không hiệu quả* chiếm 0.8% SV. Như vậy, có 79.4% SV nhận định việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ đạt từ mức *hiệu quả cao* đến hiệu *quả rất cao.* Kiểm định (ANOVA) từng cặp giữa các năm cho thấy sig.= 0.054, có thể khẳng định không có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa điểm trung bình các mức độ nhận định của SV giữa các trường về tính hiệu quả của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ. Điểm trung bình các mức độ nhận định của SV ở các trường về tính hiệu quả của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ đều tương đương với mức *hiệu quả khá.* Kiểm định Gamma cho thấy: Với mức ý nghĩa (sig. =0.26), có thể kết luận năm học không có liên quan đến mức độ nhận định của SV giữa các trường về tính hiệu quả của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ. SV ở các trường khác nhau nhưng nhận định về hiệu quả của các việc trên là như nhau.

- *Nhận định của GV về mức độ hiệu quả của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ*

Điểm trung bình các mức độ nhận định của GV về tính hiệu quả của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là 4.16 - tương ứng với mức *hiệu quả khá.* Trong các mức độ đó, số GV nhận định *hiệu quả khá* là 65.6%, chiếm tỉ lệ lớn nhất; số GV nhận định *hiệu quả rất cao* là 25 %, đứng thứ hai; thứ ba là mức *hiệu quả trung bình* chiếm 9.4 % GV. Không có GV nào nhận định việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là *hiệu quả thấp* và *không có hiệu quả.* Như vậy, có 90.6% GV nhận định việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ đạt từ mức *hiệu quả khá*

đến hiệu *quả rất cao.* Chuyên gia T.Q.L cũng nhận định rằng " Việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ sẽ đạt *hiệu quả khá*". Kiểm định (ANOVA) từng cặp giữa các năm cho thấy sig.= 0.807, ta có thể khẳng định không có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa điểm trung bình các mức độ nhận định của GV giữa các trường về tính hiệu quả của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ. Điểm trung bình các mức độ nhận định của GV ở các trường về tính hiệu quả của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ đều tương đương với mức *hiệu quả khá*. Kiểm định Gamma cho thấy sig. =0.595, có thể kết luận năm học không có liên quan đến mức độ nhận định của GV giữa các trường về tính hiệu quả của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ. GV ở các trường khác nhau nhưng nhận định về hiệu quả của các việc trên là như nhau.

- *So sánh nhận định của SV và GV về tính hiệu quả của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ*

Điểm trung bình các mức độ nhận định của SV về tính hiệu quả của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là 3.93. Điểm trung bình các mức độ nhận định của GV về tính hiệu quả của việc thiết kế và tổ chức DH theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là 4.16. Điểm chênh lệch trung bình là 0.23. Kết quả kiểm định T cho thấy , sig. trong kiểm định t =0.004 có thể kết luận rằng sự khác biệt này là có ý nghĩa về mặt thống kê. Điểm trung bình các mức độ nhận định của GV về tính hiệu quả của việc thiết kế và tổ chức DH theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ cao hơn nhận định của SV về vấn đề này. Điểm trung bình chung là 4.05, tương đương mức *hiệu quả khá.*

2.2.2.7. Nhận định của SV và GV về tính phù hợp của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ

Kết quả khảo sát nhận định của SV và GV về tính phù hợp của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ thể hiện ở bảng 2.10.

Bảng 2.10. Nhận định của SV và GV về tính phù hợp của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ

Mức độ		SV					GV				
		ĐH CT	ĐH ĐT	ĐH AG	ĐH TV	Tổng cộng	ĐH CT	ĐH ĐT	ĐH AG	ĐH TV	Tổng cộng
1=Hoàn toàn không phù hợp	N	0	0	0	1	1	0	0	1	0	1
	%	0	0	0	1	0.2	0	0	12.5	0	3.1
2=Không phù hợp	N	2	2	8	10	22	0	0	0	0	0
	%	2	2.	8	10	5.5	0	0	0	0	0
3=Tương đối phù hợp	N	52	38	49	41	180	1	0	4	2	7
	%	52	38	49	41	45	8.3	0	50	33.3	21.9
4=Phù hợp	N	39	35	30	37	141	8	4	3	3	18
	%	39	35	30	37	35.2	66.7	66.7	37.5	50.0	56.2
5=Hoàn toàn phù hợp	N	7	25	13	11	56	3	2	0	1	6
	%	7	25	13	11	14	25	33.3	0	16.7	18.8
Tổng cộng	N	100	100	100	100	400	12	6	8	6	32
	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100.
ĐTB		3.51	3.83	3.48	3.47	**3.57**	4.17	4.33	3.13	3.83	**3.86**
ĐTB chung		**3.72**									
Sig. (Gamma)		0.279					0.029				
Sig. (Anova)		0.003					0.013				

- Đánh giá của SV về tính phù hợp của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ

Điểm trung bình các mức độ nhận định của SV về tính phù hợp của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống

tín chỉ là 3.57. Trong các mức độ nhận định của SV về tính phù hợp của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ, tỉ lệ phần trăm SV cho rằng *tương đối phù hợp* chiếm tỉ lệ cao nhất, với 45%. Thứ hai mức độ *phù hợp* chiếm 35.2% SV. Thứ ba là mức độ *hoàn toàn phù hợp* chiếm 10.5%. Thứ tư là mức độ *không phù hợp* chiếm 5.5%. Cuối cùng là mức độ *hoàn toàn không phù hợp* chiếm 0.2%. Như vậy, có 49.2% SV nhận định việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là *phù hợp* và hoàn *toàn phù hợp*. Kiểm định (ANOVA) từng cặp giữa các năm cho thấy sig.= 0.003, có thể khẳng định có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa điểm trung bình của SV ở các trường về mức độ nhận định của họ về tính phù hợp của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ: Sự khác biệt điểm số trung bình giữa SV Trường ĐHĐT với Trường ĐHCT, Trường ĐHAG và Trường ĐHTV. Kiểm định Gamma cho thấy sig. =0.279 có thể kết luận SV ở các trường khác nhau không có liên quan đến mức độ nhận định của họ về tính phù hợp của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ. Ở các trường khác nhau nhưng SV nhận định về tính phù hợp của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là tương đương nhau, đều ở gần với mức *phù hợp.*

- Nhận định của GV về tính phù hợp của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ

Điểm trung bình các mức độ nhận định của GV về tính phù hợp của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là 3.86. Trong các mức độ nhận định của GV về tính phù hợp của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ, tỉ lệ phần trăm GV cho rằng *phù hợp* chiếm tỉ lệ cao nhất, với 56.2%. Thứ hai mức độ *tương đối phù hợp* chiếm 21.9% GV. Thứ ba là mức độ *hoàn toàn phù hợp* chiếm 18.8%. Thứ tư là mức độ *hoàn toàn không phù hợp* chiếm

3.1%. Không có GV nào cho rằng việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là *không phù hợp*. Như vậy, có 75% GV nhận định việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là *phù hợp* và hoàn *toàn phù hợp*. Chuyên gia T.Q.L cho rằng "Việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH *phù hợp* với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ hiện nay đang áp dụng". Kiểm định (ANOVA) từng cặp giữa các năm cho thấy sig.= 0.013, có thể khẳng định có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa điểm trung bình của GV ở các trường về mức độ nhận định của họ về tính phù hợp của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ: Sự khác biệt điểm số trung bình giữa GV ở Trường ĐH AG với Trường ĐHCT và Trường ĐHĐT. Kiểm định Gamma cho thấy sig. =0.029, có thể kết luận SV ở các trường khác nhau có liên quan đến mức độ nhận định của họ về tính phù hợp của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ. SV ở các trường khác nhau có sự nhận định về tính phù hợp của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ khác nhau: Tỉ lệ phần trăm cho thấy 100% GV ở trường ĐHĐT cho rằng việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là *phù hợp* và hoàn *toàn phù hợp* chiếm tỉ lệ lớn nhất, tiếp theo sau là tỉ lệ 91.7% GV trường ĐHCT, rồi đến tỉ lệ 66.7% GV trường ĐHTV và 37.5% GV trường ĐHAG chiếm tỉ lệ thấp nhất, xếp cuối cùng.

- So sánh nhận định của SV và GV về tính phù hợp của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ

Điểm trung bình các mức độ nhận định của SV về tính phù hợp của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là 3.57 và của GV là 3.86. Điểm chênh lệch là 0.29. Kết quả kiểm định T cho thấy , sig. trong kiểm định t =0.281 có thể kết luận rằng sự khác biệt này là không có ý nghĩa về mặt thống kê. Điểm trung bình các mức độ nhận định của

GV về tính phù hợp của việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là tương đương nhau, đều ở gần mức *phù hợp* (ĐTB=3.72).

2.2.2.8. Nguyên nhân việc thiết kế và tổ chức chương trình học phần GDH theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ chưa được thực hiện

Kết quả khảo sát nguyên nhân việc thiết kế và tổ chức chương trình học phần GDH theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ chưa được thực hiện thể hiện ở bảng 2.11

Bảng 2.11. Nguyên nhân việc thiết kế và tổ chức chương trình học phần GDH theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ chưa được thực hiện

STT	Nguyên nhân	SV		GV		Chênh lệch ĐTB	Sig. (2-taile)	Sự khác biệt
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC			
Về phía SV		**3.64**	**0.042**	**3.6**	**0.116**	**0.04**	**0.713**	-
1	Chưa có kỹ năng học theo module học phần GDH	3.59	0.951	3.68	0.859	0.09	0.792	-
2	Chưa quan tâm đến việc tổ chức DH theo module học phần GDH	3.67	0.95	3.66	0.787	0.01	0.984	-
3	Chưa xem việc tổ chức DH theo module học phần GDH là cần thiết	3.65	0.902	3.47	0.803	0.18	0.29	-
Về phía nhà trường		**3.72**	**0.095**	**3.95**	**0.106**	**0.23**	**0.000**	+
1	Chưa trang bị kỹ năng thiết kế và tổ chức DH theo module học phần GDH cho GV	3.72	0.873	4.0	0.984	0.28	0.41	-
2	Chưa trang bị kỹ năng học theo module học phần GDH cho SV	3.88	0.838	4.06	0.982	0.18	0.438	-

STT	Nguyên nhân	SV		GV		Chênh lệch ĐTB	Sig. (2-taile)	Sự khác biệt
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC			
3	Chưa trang bị kỹ năng học theo module học phần GDH cho SV	3.66	0.895	3.88	1.1	0.22	0.513	-
4	Chưa quan tâm đến việc trang bị kỹ năng học theo module học phần GDH cho SV	3.71	0.856	3.84	1.051	0.13	0.677	-
5	Chưa xem đổi mới từ chương trình GDH truyền thống sang chương trình GDH theo module là cần thiết	3.6	0.896	3.84	1.051	0.24	0.143	-
6	Lớp có số lượng SV quá đông	3.75	0.929	4.06	1.076	0.31	0.423	-
Về phía GV		**3.25**	**0.063**	**3.47**	**0.104**	**0.22**	**0.148**	-
1	Chưa có kỹ năng thiết kế và tổ chức DH theo module học phần GDH	3.18	0.804	3.59	0.837	0.41	0.272	-
2	Chưa quan tâm đến việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH	3.3	0.837	3.41	0.837	0.11	0.7	-
3	Chưa xem việc thiết kế và tổ chức DH theo module học phần GDH là cần thiết	3.27	0.86	3.41	0.837	0.14	0.564	-

(Khác biệt có ý nghĩa: +; Khác biệt không có ý nghĩa: -)

Có thể khái quát các nguyên nhân chưa thiết kế và tổ chức chương trình học phần GDH theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ thành ba nhóm: SV, nhà trường và GV.

- *Nhóm nguyên nhân thuộc về SV* bao gồm ba nguyên nhân cụ thể. Trong ba nguyên nhân, theo đánh giá của SV, nguyên nhân do SV chưa quan tâm đến việc tổ chức dạy học theo module học phần GDH có tác động nhiều nhất (ĐTB=3.67); thứ hai là do SV chưa xem việc tổ chức dạy học theo module học phần GDH là cần thiết (ĐTB=3.65); thứ ba là do SV chưa có kỹ năng học theo module học phần GDH (ĐTB=5.59). Điểm trung bình chung của nhóm nguyên nhân này là 3.64.

Đánh giá về vấn đề này, GV cho rằng, trong ba nguyên nhân, nguyên nhân SV chưa có kỹ năng học theo module học phần GDH có tác động nhiều nhất (ĐTB=3.69); thứ hai là do SV chưa quan tâm đến việc tổ chức DH theo module học phần GDH (ĐTB=3.66); thứ ba là do SV chưa xem việc tổ chức DH theo module học phần GDH là cần thiết (ĐTB=3.47). Điểm trung bình chung của nhóm nguyên nhân này là 3.6.

- *Nhóm nguyên nhân thuộc về nhà trường* bao gồm sáu nguyên nhân cụ thể. Trong sáu nguyên nhân đó, SV cho rằng nhà trường chưa trang bị kỹ năng học theo module học phần GDH cho SV có tác động lớn nhất đối với việc chưa thiết kế và tổ chức chương trình GDH theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ (ĐTB=3.88); thứ hai là do lớp có số lượng SV quá đông (ĐTB=3.75); thứ ba là do nhà trường chưa trang bị kỹ năng thiết kế và tổ chức DH theo module học phần GDH cho GV (ĐTB=3.72); thứ bốn là do nhà trường chưa quan tâm đến việc trang bị kỹ năng học theo module học phần GDH cho SV (ĐTB=3.71); thứ năm là do nhà trường chưa quan tâm đến việc trang bị kỹ năng thiết kế và tổ chức DH theo module học phần GDH cho GV (ĐTB=3.66); thứ sáu là do nhà trường chưa xem đổi mới từ chương trình GDH truyền thống sang chương trình GDH theo module là cần thiết (ĐTB=3.6). Điểm trung bình chung của nhóm nguyên nhân này là 3.72.

Cùng với nhìn nhận của SV, GV cho rằng, trường chưa trang bị kỹ năng học theo module học phần GDH cho SV (ĐTB= 4.06) và lớp có số lượng SV quá đông (ĐTB= 4.06) là những nguyên nhân chính làm cho việc thiết kế và tổ chức chương trình GDH theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ chưa được thực hiện; thứ hai là do trường chưa trang bị kỹ năng thiết kế và tổ chức DH theo module học phần GDH cho GV (ĐTB=4); thứ ba là do trường chưa quan tâm đến việc trang bị kỹ năng thiết kế và tổ chức DH theo module học phần GDH cho GV (ĐTB= 3.88); thứ bốn là do trường chưa quan tâm đến việc trang bị kỹ năng học theo module học phần GDH cho SV (ĐTB=3.84) và do trường chưa xem đổi mới từ chương trình GDH truyền thống sang chương trình GDH theo module là cần thiết (ĐTB=3.88). Điểm trung bình chung của nhóm nguyên nhân này là 3.95.

- *Nhóm nguyên nhân thuộc về GV* có ba nguyên nhân cụ thể. Theo đánh giá của SV, GV chưa quan tâm đến việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH có tác động lớn nhất (ĐTB=3.3); thứ hai là do GV chưa xem việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH là cần thiết (ĐTB=3.27); thứ ba là do GV chưa có kỹ năng thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH (ĐTB=3.18). Điểm trung bình chung của nhóm nguyên nhân này là 3.25.

Khác với nhận định của SV, GV cho rằng nguyên nhân chính do họ chưa có kỹ năng thiết kế và tổ chức DH theo module học phần GDH (ĐTB=3.59), thứ hai là do GV chưa quan tâm đến việc thiết kế và tổ chức DH theo module học phần GDH (ĐTB=3.41) và do GV chưa xem việc thiết kế và tổ chức DH theo module học phần GDH là cần thiết (ĐTB=3.41). Điểm trung bình chung của nhóm nguyên nhân này là 3.47.

- Đánh giá của SV và GV đối với các nguyên nhân cụ thể, chúng ta thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê. Nhưng khi so sánh đánh giá

của SV và GV về các nhóm nguyên nhân trên, chúng ta thấy chỉ có sự khác có ý nghĩa về mặt thống kê. GV đánh giá nhóm nguyên nhân thuộc về nhà trường có ảnh hưởng đến việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ nhiều hơn so với đánh giá của SV về vấn đề này. Tuy nhiên sự khác biệt này không nhiều (chênh lệch chỉ 0.22)

Như vậy, có thể khẳng định việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ chưa được thực hiện là do các nguyên nhân được đề cập trên.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

- Về thực trạng chương trình học phần GDH: Chương trình học phần GDH đã và đang được sử dụng ở các trường ĐHSP được khảo sát là chương trình DH truyền thống được thiết kế theo cách tiếp cận nội dung có cấu trúc bao gồm: môn - phần - chương - mục - tiểu mục,… SV và GV cho rằng chương trình học phần GDH này "tương đối phù hợp", hiệu quả chỉ ở mức "trung bình và "tương đối hài lòng" khi sử dụng chương trình này để tổ chức DH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ. Có 18 nguyên nhân làm cho chương trình học phần GDH truyền thống chưa phù hợp với phương thức đạo tạo theo thệ thống tín chỉ ở trường đại học sư phạm

- Về thực trạng thiết kế và tổ chức học phần GDH theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ: Việc thiết kế và tổ chức DH theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ chưa được thực hiện ở các trường đại học được khảo sát do 3 nhóm nguyên nhân bao gồm: Nhóm nguyên nhân về phía nhà trường, nhóm nguyên nhân về phía GV và nhóm nguyên nhân về phía SV. Đa số SV và GV đều "biết không rõ" về module DH. Mặc dầu vậy nhưng cả GV và SV đều cho rằng việc đổi mới từ chương trình GDH truyền thống sang module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là "cần thiết". Họ "tương đối quan tâm" đến việc thiết kế và tổ chức DH theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ. Họ đều

nhận định rằng việc thiết kế và tổ chức DH theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ đều chỉ là “khả thi”, sẽ đạt “hiệu quả cao” và “phù hợp” với phương thức ĐT theo hệ thống tín chỉ.

Chương 3
BIỆN PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC THEO MODULE HỌC PHẦN GIÁO DỤC HỌC TRONG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

3.1. NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG BIỆN PHÁP

3.1.1. Đảm bảo mục tiêu đào tạo

Khi xây dựng biện pháp tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ phải đảm bảo thực hiện được các mục tiêu giáo dục đại học cũng như mục tiêu của học phần GDH trong chương trình đào tạo ĐHSP. Theo Luật Giáo dục 2005 và Luật Giáo dục sửa đổi năm 2009, "Mục tiêu của giáo dục đại học là đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khoẻ, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc". Trong đó, "Đào tạo trình độ đại học giúp SV nắm vững kiến thức chuyên môn và có kĩ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo" [64]. Dựa trên những yêu cầu chung đó, mỗi ngành đào tạo lại có những mục tiêu riêng. Vì vậy, khi xây dựng biện pháp tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ cần chú ý đảm bảo một số yêu cầu theo các mục tiêu đào tạo chung và mục tiêu cụ thể về đào tạo nguồn GV tương lai trong các trường ĐHSP.

3.1.2. Đảm bảo phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ

Khi xây dựng biện pháp tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ phải đảm bảo số tín chỉ theo quy định, đảm bảo số tiết dạy học trên lớp và phải đảm bảo số tiết tự học tự nghiên cứu. Phải đảm bảo tính dân chủ và nhân văn trong tổ chức dạy học. Sinh viên phải được quyền tự lựa chọn module dạy học phù hợp với khả năng và điều kiện của mình.

Các module dạy học phải đáp ứng nhu cầu, các điều kiện và khả năng học tập của người học, phát huy tối đa năng lực của người học; đồng thời đảm bảo khả năng kết hợp và liên thông trong quá trình tổ chức module dạy học học phần GDH trong các trường ĐHSP.

3.1.3. Đảm bảo tính hệ thống

Khi xây dựng biện pháp tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ phải đảm bảo tính hệ thống, thống nhất từ khâu thiết kế đến tổ chức thực hiện và điều kiện để việc thiết kế và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Mặt khác, hệ thống tín chỉ học phần GDH đảm bảo nội dung cơ bản về kiến thức, kỹ năng và thái độ trong quá trình đào tạo nghề cho SVSP

3.1.4. Đảm tính khả thi và hiệu quả

Các biện pháp xây dựng cần phải đảm bảo được khả năng ứng dụng vào trong nhà trường sư phạm và phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh đặc thù của nơi ứng dụng nó. Do đó, khi xây dựng các biện pháp phải nghiên cứu kĩ những điều kiện để thực hiện như phương tiện, cơ sở vật chất và những người sử dụng nhằm tạo nên khả năng ứng dụng thường xuyên các biện pháp này trong quá trình dạy học. Các biện pháp ứng dụng vào trong thực tiễn phải mang lại hiệu quả tích cực trong quá trình dạy học.

3.2. CÁC BIỆN PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC THEO MODULE HỌC PHẦN GDH TRONG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

3.2.1. Thiết kế module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường đại học sư phạm

3.2.1.1. Mục tiêu

Thiết kế module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường đại học sư phạm để tổ chức quá trình dạy học nhằm nâng cao kết quả học tập học phần này cho SV sư phạm.

3.2.1.2.Cách tiếp cận thiết kế module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ

Trong luận án này, chúng tôi thiết kế module GDH dựa trên giáo trình GDH đã có (module hóa) và theo tiếp cận năng lực (phát triển). Với cách thiết kế module học phần GDH dựa trên giáo trình GDH đã có sẽ tạo mối liên hệ giữa các module học phần GDH mới được thiết kế với các giáo trình Giáo dục học đã có. Các giáo trình Giáo dục học đã có với nội dung dạy học phong phú và đa dạng là nguồn liệu tham khảo hữu ích đối với việc thiết kế tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Việc thiết kế module dạy học theo tiếp cận năng lực phù hợp với xu hướng đổi mới dạy học ngày nay. Dạy học ngày nay chuyển từ việc truyền thụ tri thức cho người người học sang việc hình thành và phát triển năng lực cho người học.

3.1.1.3. Tiến hành thiết kế module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ

Chương trình học phần Giáo dục học (dùng cho đào tạo GV trung học phổ thông) hiện nay ở các trường đại học sư phạm gồm có 4 phần: Những vấn đề chung của Giáo dục học; Lý luận dạy học; Lý luận GD và quản lý GD trong nhà trường [57], [88],... Từ chương trình học phần Giáo dục học này, chúng tôi thiết kế thành 4 module bao gồm: Module -Những vấn đề chung của Giáo dục học; Module - Lý luận dạy học; Module - Lý luận GD; Module -quản lý GD trong nhà trường. Mỗi module đều có cấu trúc bao gồm: Tên của module, số tín chỉ của module dạy học, điều kiện để thực hiện module dạy học, mục đích dạy học, định hướng kết quả học tập, nội dung dạy học/các chủ đề dạy học, chiến lược dạy học/phương pháp dạy học, hệ thống kiểm tra đánh giá kết quả học tập và hệ thống hỗ trợ người học.

Module: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA GIÁO DỤC HỌC

(Mã số: 1 – NVĐCCGDH)

1) Số tín chỉ: 1 tín chỉ

2) Điều kiện để thực hiện module

- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, phần 1 và phần 2; Tâm lý học đại cương.

- Điều kiện song hành: không

3) Mục tiêu

Dạy học về những vấn đề cơ bản của GDH bao gồm: Nguồn gốc của GD, tính chất của GD; đối tượng nghiên cứu của GDH, nhiệm vụ của GDH một số khái niệm cơ bản của GDH, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu GDH, hệ thống các khoa học về GD, mối quan hệ của GDH với các khoa học khác; chức năng của GD đối với cá nhân và XH; mục đích, nguyên lý GD nước ta; hệ thống GD quốc dân Việt Nam.

4) Định hướng kết quả học tập

Sau khi học xong module này SV có khả năng:

- Giải thích được nguồn gốc của GD, các tính chất của GD, vai trò của GD đối với sự phát triển cá nhân và XH;

- Phân tích được các khái niệm cơ bản của GDH, đối tượng nghiên cứu của GDH, nhiệm vụ của GDH, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu GDH, hệ thống các khoa học về GD, mối quan hệ của GDH với các khoa học khác, mục đích, nguyên lý GD nước ta; hệ thống GD quốc dân Việt Nam.

-Tổ chức được quá trình dạy học, quá trình GD và quản lý GD theo mục đích, nguyên lý GD của nước ta;

- Bước đầu xác định được đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu, các khái niệm trong nghiên cứu khoa học GD;

- Tác động GD đúng đắn trong quá trình phát triển cá nhân và XH.

- Tích cực, chủ động quán triệt theo đúng mục đích, tính chất, nguyên lý GD của nước ta trong quá trình dạy học, GD và quản lý GD;

- Tích cực, chủ động trong quá trình GD để phát triển cá nhân và XH;

+ Tích cực, đam mê học tập và nghiên cứu khoa học GD;

- Yêu nghề dạy học.

5) Nội dung dạy học

Nội dung của module những vấn đề chung của GDH bao gồm:

5.1) GDH là một khoa học

5.2) GD và sự phát triển XH

5.3) GD và sự phát triển nhân cách

5.4) Mục đích GD

5.5) Nhiệm vụ GD

5.6) Nguyên lý GD

5.7) Hệ thống GD quốc dân

(***Lưu ý: Nội dung chi tiết được thể hiện trong một số giáo trình, tài liệu tham khảo ở mục 8 dưới đây***)

6) Hoạt động dạy học

- ***Hoạt động 1.*** *GV tổ chức hướng dẫn cho SV tự học, tự nghiên cứu (3 tiết), hướng dẫn cho SV lập kế hoạch tự học tự nghiên cứu bao gồm:*

+ Xác định mục đích việc tự học tự nghiên cứu, tự trải nghiệm;

+ GV giao các nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu cho SV về các nội dung của module bao gồm: GDH là một khoa học, GD và sự phát triển XH, GD và sự phát triển nhân cách, mục đích GD, nhiệm vụ giáo dục, nguyên lý GD, hệ thống GD quốc dân;

+ Giáo viên hướng dẫn cho SV cách thức tiến hành các nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu, tự trải nghiệm.

+ GV hướng dẫn cho SV cách thức tự học, tự nghiên cứu và các nguồn lực để thực hiện tự học, tự nghiên cứu.

+ GV hướng dẫn cho SV lập kế hoạch tự học, tự nghiên cứu module dạy học

+ GV hướng dẫn cho SV cách học báo cáo các sản phẩm tự học, tự nghiên cứu trên lớp

- ***Hoạt động 2.*** *SV lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch tự học, tự nghiên cứu, thực hành làm các bài tập (ít nhất 30 tiết).*

- ***Hoạt động 3***. GV tổ chức cho SV báo cáo các sản phẩm của hoạt động tự học, tự nghiên cứu ở trên lớp dưới các hình thức như trình bày sản phẩm, thuyết trình, thảo luận nhóm, xemina, thực hành,… Từ đó rút ra những kết luận và đề xuất hướng ứng dụng vào thực tiễn (11 tiết).

Kế hoạch báo cáo các tiểu module trong 11 tiết học ở lớp:

Tiết 1,2,3. Báo cáo nội dung 5.1) GDH là một khoa học

Tiết 4. Báo cáo nội dung 5.2) GD và sự phát triển XH

Tiết 5,6. Báo cáo nội dung 5.3) GD và sự phát triển nhân cách

Tiết 7,8. Báo cáo nội dung 5.4) Mục đích GD

Tiết 9. Báo cáo nội dung 5.5) Nhiệm vụ GD

Tiết 10. Báo cáo nội dung 5.6) Nguyên lý GD

Tiết 11. Báo cáo nội dung 5.7) Hệ thống GD quốc dân

7) Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập (1 tiết) (xem phụ lục 5)

8) Hỗ trợ người học:

- Người học có thể đọc một số giáo trình, tài liệu tham khảo sau: [19], [24], [30, t1], [33], [36], [44], [64], [51], [57], [73], [78], [79], [88], [89],…

- Sau khi thực hiện xong bài kiểm tra, SV có thể xem đáp án Phụ lục 9

- GV tạo điều kiện thuận lợi cho SV gặp gỡ để trao đổi, hướng dẫn, giải đáp những thắc mắc trong quá trình học tập.

Trong khuôn khổ luận án, các module còn lại (Lý luận dạy học, Lý luận giáo dục, Quả lý giáo dục trong nha trường) được trình bày ở phần phụ lục (Phụ lục 10,11,12)

3.2.2. Tiến hành tổ chức quy trình dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường đại học sư phạm

3.2.2.1. Mục tiêu

Xác lập quy trình tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường đại học sư phạm để tổ chức quá trình dạy học nhằm nâng cao kết quả học tập học phần này cho sinh viên sư phạm.

3.2.2.2. Cách tiếp cận tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ

Dạy học lấy "người học làm trung tâm" hay dạy học hướng vào người học, đáp ứng nhu cầu của người học là cách tiếp cận tổ chức dạy học module học phần Giáo dục học trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

3.2.2.3. Quy trình tổ chức dạy học các module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ

***Quy trình tổ chức dạy học module – NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA GDH**

Quy trình tổ chức dạy học module – Những vấn đề chung của GDH bao gồm các bước sau:

- ***Bước 1. GV nêu tên và mã số của module:***

Module - NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA GIÁO DỤC HỌC

(Mã số: 1 – NVĐCCGDH)

- ***Bước 2. GV và SV tổ chức kiểm tra, đánh giá điều kiện để thực hiện module DH*** bao gồm:

+ Kiểm tra, đánh giá điều kiện tiên quyết: SV đã học xong các học phần/module - Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin 1 và 2; đã học xong tâm lý học đại cương.

+ Kiểm tra, đánh giá điều kiện song hành: Không

+ Kiểm tra, đánh giá điều kiện về cơ sở vật chất, điều kiện về tài liệu học tập,…. Nếu kiểm tra, đánh giá thấy đủ diều kiện, bắt đầu tổ chức thực hiện module DH

- ***Bước 3. GV giới thiệu tổng quan về module DH; giải thích lý do tại sao SVSP cần phải học tập, nghiên cứu module*** - Những vấn đề chung của Giáo dục học ***:***

Module - Những vấn đề chung của Giáo dục học bao gồm những vấn đề cơ bản nhất mang tính phương pháp luận của Giáo dục học. Đây là những tri thức ban đầu nhưng rất quan trọng, giúp cho SVSP có thể đi sâu nghiên cứu khoa học giáo dục nói chung, Giáo dục học nói riêng và là điều kiện tiên quyết

của module- Lý luận dạy học, module-Lý luận giáo dục và module -Quản lý giáo dục trong nhà trường. Đây là module bắt buộc phải tích lũy đối với SVSP và những ai muốn trở thành người giáo viên.

- ***Bước 4. GV nêu mục đích của module DH:*** Dạy học về những vấn đề cơ bản của GDH bao gồm: Nguồn gốc của GD, tính chất của GD; đối tượng nhiên cứu của GDH, nhiệm vụ của GDH một số khái niệm cơ bản của GDH, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu GDH, hệ thống các khoa học về GD, mối quan hệ của GDH với các khoa học khác; chức năng của GD đối với cá nhân và XH; mục đích, nguyên lý GD nước ta; hệ thống GD quốc dân Việt Nam.

- ***Bước 5. GV và SV định hướng kết quả học tập module DH:***

Sau khi học xong module này SV có khả năng:

+ Giải thích được nguồn gốc của GD, các tính chất của GD, vai trò của GD đối với sự phát triển cá nhân và XH;

+ Phân tích được các khái niệm cơ bản của GDH, đối tượng nghiên cứu của GDH, nhiệm vụ của GDH, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu GDH, hệ thống các khoa học về GD, mối quan hệ của GDH với các khoa học khác, mục đích, nguyên lý GD nước ta; hệ thống GD quốc dân Việt Nam.

+ Tổ chức được quá trình dạy học, quá trình GD và quản lý GD theo đúng mục đích, nguyên lý GD của nước ta;

+ Bước đầu xác định được đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu, các khái niệm trong nghiên cứu khoa học GD;

+ Tác động GD đúng đắn trong quá trình phát triển cá nhân và XH.

+ Tích cực, chủ động quán triệt theo đúng mục đích, tính chất, nguyên lý GD của nước ta trong quá trình dạy học, GD và quản lý GD;

+ Tích cực, chủ động trong quá trình GD để phát triển cá nhân và XH; + Tích cực, đam mê học tập và nghiên cứu khoa học GD;

+ Yêu nghề dạy học.

- ***Bước 6. GV tổ chức kiểm tra, đánh giá đầu vào cho SV và đưa ra những thông tin phản hồi (Xem phụ lục 5)***

- ***Bước 7. GV và SV xác định nội dung dạy học của module – Những vấn đề chung của GDH, GV giới thiệu các tài liệu học tập:***

Nội dung dạy học của module - Những vấn đề chung của GDH bao gồm: GDH là một khoa học, GD và sự phát triển XH, GD và sự phát triển nhân cách, mục đích GD, nhiệm vụ GD, nguyên lý GD, hệ thống GD quốc dân. Nội dung chi tiết của module- Những vấn đề chung của GDH được thể hiện trong một số giáo trình, tài liệu tham khảo sau đây: [19], [24], [30, t1], [33], [36], [44], [51], [57], [64], [73], [78], [79], [88], [89],...

- ***Bước 8. GV giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu module dạy học cho SV và hướng dẫn cho SV lập kế hoạch tự học, tự nghiên cứu module dạy học bao gồm:***

+ GV hướng dẫn cho SV xác định mục đích, nội dung, cách thức tự học, tự nghiên cứu và các nguồn lực để thực hiện tự học, tự nghiên cứu.

+ GV hướng dẫn cho SV lập kế hoạch tự học, tự nghiên cứu module dạy học

+ GV hướng dẫn cho SV cách học báo cáo các sản phẩm tự học, tự nghiên cứu trên lớp

- ***Bước 9. SV thực hiện kế hoạch tự học, tự nghiên cứu dưới vai trò chủ đạo của GV*** (ít nhất 30 tiết) .

+ SV lập kế hoạch tự học, tự nghiên cứu:

Kế hoạch tự học bao gồm:

* Xác định mục đích tự học, tự nghiên cứu;

* Xác định nhiệm vụ, nội dung tự học, tự nghiên cứu;

* Xác định cách thức tự học, tự nghiên cứu;

* Xác định các nguồn lực để thực hiện tự học, tự nghiên cứu bao gồm nhân lực, thời lực, vật lực và tài lực (Ai tự học, tự nghiên cứu? Tự học, tự nghiên cứu với ai? Khi nào tự học, tự nghiên cứu? Tự học, tự nghiên cứu trong bao lâu? Tự học, tự nghiên cứu bằng cái gì? Tự học, tự nghiên cứu trong môi trường nào?,…).

+ SV tổ chức thực hiện kế hoạch tự học, tự nghiên cứu.

- Bước 10. GV Tổ chức cho SV báo báo sản phẩm hoạt động học tập, đánh giá sản phẩn hoạt động học tập của SV và đưa ra những thông tin phản hồi ở trên lớp (11 tiết).

+ GV tổ chức cho SV báo cáo các sản phẩm của hoạt động tự học, tự nghiên cứu ở trên lớp dưới các hình thức như trình bày, vấn đáp, thảo luận, xemina,... các nội dung sau đây: Tiết 1,2,3. Báo cáo nội dung - GDH là một khoa học; Tiết 4. Báo cáo nội dung - GD và sự phát triển XH; Tiết 5,6. Báo cáo nội dung - GD và sự phát triển nhân cách; Tiết 7,8. Báo cáo nội dung - Mục đích GD; Tiết 9. Báo cáo nội dung - Nhiệm vụ GD; Tiết 10. Báo cáo nội dung - Nguyên lý GD; Tiết 11. Báo cáo nội dung - Hệ thống GD quốc dân.

+ GV cùng SV đánh giá sản phẩm của hoạt động học tập

+ GV đưa ra những thông tin phản hồi về kết quả đánh giá sản phẩm hoạt động học tập tới SV, giải đáp những thắc mắc,....

+ GV cùng SV đưa ra những kết luận chung về các vấn đề vừa được trình bày.

- Bước 11. GV tổ chức kiểm tra, đánh giá tổng kết kết quả học tập học module DH cho SV. Thông tin phản hồi về kết quả kiểm tra đánh giá kết quả

học tập. Nếu SV đạt kết quả theo yêu cầu thì sẽ được xác nhận là đã hoàn thành module và chuyển sang học module tiếp theo. Nếu SV không đạt kết quả theo yêu cầu thì tổ chức học lại module đã học (*Đề thi và đáp án xem Phụ lục 5*).

Trong khuôn khổ luận án, quy trình tổ chức dạy học các module còn lại (Lý luận dạy học, Lý luận giáo dục, Quả lý giáo dục trong nha trường) được trình bày ở phần phụ lục (Phụ lục 13,14,15).

3.2.3. Xác định và cung ứng các điều kiện cần thiết để thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH có hiệu quả trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ

3.2.4.1. Mục tiêu

Xác định và cung ứng các điều kiện cần thiết để việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ được thực hiện một cách có hiệu quả.

3.2.4.2. Xác định và cung ứng các điều kiện

Muốn việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ có hiệu quả, cần phải xác định và cung ứng các điều kiện sau:

- Đối với chương trình học phần GDH: Chương trình học phần GDH theo module được thiết kế cần tuân thủ theo các nguyên tắc, quy trình thiết kế và quy trình tổ chức module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ.

- Điều kiện đối với GV:

+ GV cần phải có kỹ năng thiết kế module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ.

+ GV cần phải có kỹ năng tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ.

- Điều kiện đối với SV:

+ SV phải có kỹ năng học theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ.

+ SV phải có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu: SV phải có kỹ năng lập và thực kế hoạch tự học, tự nghiên cứu.

+ SV phải có kỹ năng học từ nhiều nguồn liệu học tập khác nhau.

+ SV phải chủ động, độc lập, tự giác, tích cực, sáng tạo và hợp tác trong học tập, nghiên cứu;

+ SV phải có đủ thời gian để học tập và nghiên cứu;

+ Lớp học phải có số lượng SV vừa phải;

+ Có đầy đủ tài liệu tham khảo và tài liệu học tập.

- Đối với cố vấn học tập:

Phải có hệ thống cố vấn học tập. Cố vấn học tập phải là những người am hiểu cấu trúc chương trình, nội dung của các khối kiến thức có trong chương trình, nội dung và vị trí của từng module dạy học được nhà trường tổ chức giảng dạy. Các cố vấn này hướng dẫn sinh viên lựa chọn các module dạy học để xây dựng kế hoạch học tập riêng, vừa phù hợp với yêu cầu của ngành đào tạo, vừa phù hợp với điều kiện riêng của sinh viên (năng lực, sở thích, điều kiện sinh hoạt, hoàn cảnh kinh tế).

- Đối với nhà trường:

+ Trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị dạy học,...

+ Có kế hoạch dạy học cụ thể và rõ ràng. Kế hoạch dạy học phải được thông báo cho GV và SV ít nhất trước 2 tuần trước khi bắt đầu học để họ chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho dạy học.

3.2.4. Mối quan hệ giữa các biện pháp

Các biện pháp nêu trên có mối quan hệ mật thiết với nhau, không tách rời nhau. Biện pháp "Xác định và cung ứng các điều kiện cần thiết để thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ có hiệu quả" là điều kiện cho biện pháp "Thiết kế module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ" và biện pháp "Tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ" được thực hiện có hiệu quả. Biện pháp "Thiết kế module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ" là cơ sở để thực hiện biện pháp "Tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ". Ví vậy, trong quá trình thực hiện việc tổ chức dạy học dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ cần phải quán triệt ba biện pháp trên mới đảm bảo cho quá trình dạy học đạt chất lượng và hiệu quả.

3.3. THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

3.3.1. Khái quát về quá trình thực nghiệm

3.3.1.1. Mục đích thực nghiệm

Kiểm nghiệm tính khoa học của giả thuyết, tính khả thi và hiệu quả của các biện pháp tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường đại học sư phạm.

3.3.1.2. Nội dung thực nghiệm

Tiến hành thực nghiệm theo hình thức thực nghiệm song song giữa lớp thực nghiệm và lớp đối chứng.

Đối với nhóm lớp thực nghiệm, chúng tôi tổ chức dạy học học phần GDH theo module theo những quy trình đã xác lập.

Đối với nhóm lớp đối chứng, chúng tôi tổ chức dạy học học phần GDH theo chương trình truyền thống.

3.3.1.3. Đối tượng và mẫu thực nghiệm

- Đối tượng: Biện pháp tổ chức dạy học theo module học phần Giáo dục học trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường đại học sư phạm

- Mẫu thực nghiệm: SVSP ở Trường Đại học Cần Thơ

+ Thực nghiệm cặp nhóm 1 (Từ tháng 08/2014 đến tháng 12/2014): 116 SVSP của 2 nhóm lớp học phần GDH. Trong đó, 58 SVSP của nhóm học phần SP079010 được chọn là lớp thực nghiệm (TN1), 58 SVSP của nhóm học phần SP079009 được chọn là lớp đối chứng (ĐC1).

+ Thực nghiệm cặp nhóm 2 (Từ tháng 01/2015 đến tháng 05/2015): 120 SVSP của 2 nhóm lớp học phần GDH. Trong đó, 60 SVSP của nhóm học phần SP079008 được chọn là lớp thực nghiệm (TN2), 60 SVSP của nhóm học phần SP079011 được chọn là lớp đối chứng (ĐC2).

3.3.1.4. Cách thực nghiệm

- Giai đoạn 1: Chuẩn bị thực nghiệm

+Thiết kế học phần GDH theo module để sử dụng trong TN

+ Lựa chọn đối tượng TN, mẫu TN, thời gian và địa điểm TN

+ Chuẩn bị cơ sở, trang thiết bị phục vụ cho TN

- Giai đoạn 2. Triển khai TN

+ Khảo sát trình độ đầu vào của SV lớp TN và lớp đối chứng.

+ Tổ chức dạy học học phần GDH theo module cho SV ở lớp TN theo quy trình đã xác định và tổ chức DH học phần GDH theo chương trình truyền thống cho SV lớp ĐC.

- Giai đoạn 3. Kiểm tra, đánh giá kết quả TN

Kiểm tra, đánh giá về mặt định tính và mặt định lượng kết quả học tập của SV sau khi học xong học phần GDH.

+ Xác định tiêu chí và thang đánh giá

* Đối với đánh giá về mặt định tính

Sau khi tổ chức thực nghiệm, tiến hành khảo sát kết quả học tập về mặt định tính bằng phiếu hỏi. Căn cứ vào câu trả lời của SV sẽ tiến hành mã hóa từng câu trả lời bằng phần mềm SPSS for windows 16.0. Điểm số sau khi mã hóa sẽ quy thành điểm trung bình, độ lệch chuẩn, tính tần số, tỉ lệ %,…

*Đối với đánh giá về mặt định lượng

Để phục vụ quá trình nghiên cứu, chúng tôi đánh giá kết quả học tập về mặt định lượng bằng thang điểm 10 chứ không sử dụng thang điểm chữ (A, B+,B, C+,C, D+, D, F).

+ Xử lý kết quả thực nghiệm bằng phần mềm SPSS for Windows 16.0

3.3.2. Kết quả thực nghiệm

Để khẳng định tính khả thi và hiệu quả của việc tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ, chúng tôi tập trung so sánh kết quả trước và sau thực nghiệm giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng. Ngoài ra, chúng tôi cũng có sự so sánh kết quả giữa trước và sau thực nghiệm của nhóm thực nghiệm để đưa ra những nhận định có tính đa chiều.

3.3.2.1. Kết quả thực nghiệm lần 1

- Kết quả trước TN về mặt định lượng lần 1 giữa nhóm ĐC và nhóm TN

Bảng 4.1. Kết quả trước TN về mặt định lượng lần 1 giữa nhóm ĐC và nhóm TN

Nhóm		Điểm số					Tổng cộng	ĐTB	ĐLC	Chênh lệc	Sig. (2-tailed)
		2	3	4	5	6					
ĐC1	N	2	9	20	26	1	58	4.26	0.87	0.05	0.739.
	%	3.4	15.5	34.5	44.8	1.7	100				
TN1	N	1	8	29	18	2	58	4.21	0.789		
	%	1.7	13.8	50.0	31.0	3.4	100				

Kết quả trong kiểm định T-test cho thấy: Điểm số trung bình ở SV nhóm đối chứng là 4.26. Điểm số trung bình ở SV nhóm thực nghiệm là 4.21. Điểm chênh lệch giữa hai nhóm là 0.05. Sig. (2-tailed) = 0.739. Có thể kết luận rằng không có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa điểm số trung bình giữa hai nhóm. Điểm số trung bình giữa hai nhóm là tương đương nhau. Điều này chứng tỏ trình độ của lớp ĐC và lớp TN trước khi tiến hành thực nghiệm là tương đương nhau.

- *Kết quả sau thực nghiệm lần 1 giữa nhóm ĐC và nhóm TN*

+ Kết quả về mặt định tính lần 1 giữa nhóm ĐC và nhóm TN

Bảng 4.2. Tự đánh giá của SV về chương trình học phần GDH truyền thống và chương trình GDH theo module sau khi TN lần 1

STT	Nội dung	Chương trình GDH truyền thống (ĐC)		Chương trình GDH theo module (TN)		Chênh lệch điểm TB	Sig. (2-tailed)	Sự khác biệt
		ĐTB	ĐL	ĐTB	ĐLC			
1	Hiệu quả trong ĐT theo hệ thống tín chỉ	3.31	0.681	4.0	0.459	0.69	0.000	+
2	Phù hợp trong ĐT theo hệ thống tín chỉ	3.16	0.644	3. 97	0.561	0.81	0.000	+
3	Được SV hài lòng	2.97	0.7	3.74	0.664	0.77	0.000	+
4	Giúp SV chủ động, linh hoạt, độc lập xây dựng và tổ chức thực	2.67	0.962	4.1	0.718	1.43	0.000	+

STT	Nội dung	Chương trình GDH truyền thống (ĐC)		Chương trình GDH theo module (TN)		Chênh lệch điểm TB	Sig. (2-tailed)	Sự khác biệt
		ĐTB	ĐL	ĐTB	ĐLC			
	hiện kế hoạch học tập phù hợp với khả năng, phong cách, kinh nghiệm, điều kiện và nhịp độ học tập của mình.							
5	Giúp SV xác định rõ mục đích dạy học, định hướng KQHT, NDDH, chiến lược DH, hệ thống kiểm tra, đánh giá KQHT, hỗ trợ người học,...	3.09	0.923	4.09	0.539	1	0.000	+
6	Giúp SV tích cực, chủ động, sáng tạo trong quá trình học tập.	2.98	0.848	4.17	0.501	1.19	0.000	+
7	Giúp SV hứng thú trong quá trình học tập	2.84	0.895	4.16	0.616	1.32	0.000	+
8	Giúp SV kiểm soát được quá trình học tập	2.78	0.75	4.14	0.634	1.36	0.000	+
9	Giúp SV lĩnh hội kiến	2.83	0.776	3.93	0.491	1.1	0.000	+

STT	Nội dung	Chương trình GDH truyền thống (ĐC)		Chương trình GDH theo module (TN)		Chênh lệch điểm TB	Sig. (2-tailed)	Sự khác biệt
		ĐTB	ĐL	ĐTB	ĐLC			
	thức vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tiễn							
10	Giúp SV tự học có hiệu quả	2.4	0.936	4.26	0.609	1.86	0.000	+
11	Giúp SV tự kiểm tra, đánh giá được kết quả học tập	2.79	0.767	4.31	0.731	1.52	0.000	+
ĐTB chung		**2.9**	**0.238**	**3.99**	**0.348**	**1.09**	**0.000**	**+**

(Khác biệt có ý nghĩa: +; Khác biệt không có ý nghĩa: -)

Kết quả trong kiểm định T-test cho thấy: Điểm số trung bình chung đánh giá của SV nhóm đối chứng về chương trình GDH truyền thống là 2.9. Điểm số trung bình ở SV nhóm thực nghiệm về chương trình GDH theo module là 3.99. Điểm chênh lệch giữa hai nhóm là 1.09. Sig. (2-tailed) = 0.000. Có thể kết luận rằng có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa điểm số trung bình giữa hai nhóm. Điểm số trung bình nhóm thực nghiệm cao hơn đáng kể so với nhóm đối chứng.

Sau khi được học học phần GDH theo module, SV. D.T.H có nhận xét rằng " Học theo module có ý nghĩa thiết thực và giúp em kiểm soát được quá trình học tập vì có kiểm tra, đánh giá đầu vào, kiểm tra, đánh giá quá trình và kiểm tra, đánh giá đầu ra". SV T.H.S đánh giá rằng "Nên tổ chức dạy học theo

module ở nhiều học phần vì nó rất có ích cho SV hiện nay và sau này". SV H.T T có nhận xát rằng "Chương trình dạy học theo module giúp SV tiếp thu dễ hơn, không nhàm chán như chương trình truyền thống". SV N T A T cho rằng dạy học theo mocule "em cảm thấy sinh động hơn, được hoạt động nhiều hơn. SV N.H N. C đánh giá "Việc học theo module giúp em linh hoạt, chủ động hơn trong quá trình học tập"

Từ kết quả tự đánh giá của SV cho thấy: tổ chức dạy học học phần GDH theo module giúp cho SV chủ động, linh hoạt, độc lập xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch học tập phù hợp với khả năng, phong cách, kinh nghiệm, điều kiện và nhịp độ học tập của mình; xác định rõ mục đích dạy học, định hướng kết quả học tập, nội dung dạy học, chiến lược dạy học, hệ thống kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, hỗ trợ người học,...; tích cực, chủ động, sáng tạo trong quá trình học tập; hứng thú trong quá trình học tập; kiểm soát được quá trình học tập; lĩnh hội kiến thức vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tiễn; tự học có hiệu quả; có khả năng tự kiểm tra, đánh giá được kết quả học tập và được SV hài lòng hơn so với tổ chức dạy học học phần GDH truyền thống. Tổ chức dạy học học phần GDH theo module hiệu quả hơn và phù hợp hơn tổ chức dạy học học phần GDH truyền thống.

+ Kết quả sau TN lần 1 về mặt định lượng giữa nhóm ĐC và nhóm TN

Bảng 4.3. Kết quả TN lần 1 về mặt định lượng giữa nhóm ĐC và nhóm TN

Nhóm		Điểm số					Tổng cộng	ĐTB	ĐLC	Chênh lệc	Sig. (2-tailed)
		5	6	7	8	9					
ĐC1	N	10	18	20	8	2	58	6.55	1.046	0.81	0.000
	%	17.2	31.0	34.5	13.8	3.4	100				
TN1	N	0	10	22	21	5	58	7.36	0.873		
	%	0	17.2	37.9	36.2	8.6	100				

+ Kết quả về mặt định lượng giữa trước và sau TN của nhóm TN

Biểu đồ 4.1. Kết quả về mặt định lượng giữa trước và sau TN của nhóm TN

Kết quả trong kiểm định T-test cho thấy: Điểm số trung bình trước TN ở SV nhóm TN là 4.21. Điểm số trung bình sau TN ở SV nhóm thực nghiệm là 7.36. Điểm chênh lệch giữa hai nhóm là 3.15. Sig. (2-tailed) = 0.000. Có thể kết luận rằng có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa điểm số trung bình giữa giữa trước và sau TN. Điểm số trung bình sau thực nghiệm cao hơn đáng kể so với trước TN.

Kết quả thực nghiệm lần 1 cho thấy, tổ chức dạy học học phần GDH theo module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ là khả thi; phù hợp và kết quả học tập của sinh viên cao hơn tổ chức dạy học học phần GDH theo chương trình truyền thống.

3.3.2.2. Kết quả thực nghiệm lần 2

- Kết quả trước TN về mặt định lượng lần 2 giữa nhóm ĐC và nhóm TN

Bảng 4.4. Kết quả trước TN về mặt định lượng lần 2 giữa nhóm ĐC và nhóm TN

Nhóm		Điểm số					Tổng cộng	ĐTB	ĐLC	Chênh lệc	Sig. (2-tailed)
		2	3	4	5	6					
ĐC2	N	2	9	26	22	1	60	4.18	0.833	0.43	0.637
	%	3.3	15.0	43.3	36.7	1.7	100				
TN2	N	0	9	29	20	2	60	4.25	0.751		
	%	0	15.0	48.3	33.3	3.3	100				

Kết quả trong kiểm định T-test cho thấy: Điểm số trung bình ở SV nhóm đối chứng là 4.18. Điểm số trung bình ở SV nhóm thực nghiệm là 4.25. Điểm chênh lệch giữa hai nhóm là 0.43. Sig. (2-tailed) = 0.637. Có thể kết luận rằng không có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa điểm số trung bình giữa hai nhóm. Điểm số trung bình giữa hai nhóm là tương đương nhau. Điều này chứng tỏ trình độ của lớp ĐC và lớp TN trước khi tiến hành thực nghiệm là tương đương nhau.

- Kết quả sau thực nghiệm lần 2

+ Kết quả về mặt định tính lần 2 giữa nhóm ĐC và nhóm TN

Bảng 4.5. Tự đánh giá của SV về chương trình học phần GDH truyền thống và chương trình GDH theo module sau khi TN lần 2

STT	Nội dung	Chương tình GDH truyền thống		Chương tình GDH theo module		Chênh lệch điểm TB	Sig. (2-tailed)	Sự khác biệt
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC			
1	Hiệu quả trong ĐT theo hệ thống tín chỉ	3.45	0.675	4.02	0.431	0.57	0.000	+
2	Phù hợp trong ĐT theo hệ thống tín chỉ	3.12	0.524	4.03	0.486	0.91	0.000	+
3	Được SV hài lòng	3.07	0.686	3.87	0.596	0.8	0.000	+
4	Giúp SV chủ động, linh hoạt, độc lập xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch học tập phù hợp với khả năng, phong cách, kinh nghiệm, điều kiện và nhịp độ học tập của mình.	2.32	0.833	4.1	0.354	1.78	0.000	+
5	Giúp SV xác định rõ mục đích dạy học, định hướng kết quả học tập, nội dung dạy học, chiến lược dạy học, hệ thống kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, hỗ trợ người học,...	2.97	1.073	4.17	0.457	1.2	0.000	+

STT	Nội dung	Chương tình GDH truyền thống		Chương tình GDH theo module		Chênh lệch điểm TB	Sig. (2-tailed)	Sự khác biệt
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC			
6	Giúp SV tích cực, chủ động, sáng tạo trong quá trình học tập.	2.77	0.831	4.07	0.252	1.3	0.000	+
7	Giúp SV hứng thú trong quá trình học tập	2.62	0.804	4.35	0.481	1.73	0.000	+
8	Giúp SV kiểm soát được quá trình học tập	2.58	0.787	4.28	0.585	1.7	0.000	+
9	Giúp SV lĩnh hội kiến thức vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tiễn	2.68	0.792	3.9	0.477	1.22	0.000	+
10	Giúp SV tự học có hiệu quả	2.62	0.922	4.37	0.551	1.75	0.000	+
11	Giúp SV tự kiểm tra, đánh giá được kết quả học tập	2.67	0.729	4.23	0.427	1.56	0.000	+
12	Giúp SV có ý thức trách nhiệm cao trong quá trình học tập	2.9	0.877	4.0	0.877	1.1	0.000	+
ĐTB chung		**2.81**	**0.303**	**4.12**	**0.166**	**1.31**	**0.000**	**+**

(Khác biệt có ý nghĩa: +; Khác biệt không có ý nghĩa: -)

Kết quả trong kiểm định T-test cho thấy: Điểm số trung bình chung đánh giá của SV nhóm đối chứng về chương trình GDH truyền thống là 2.81. Điểm số trung bình ở SV nhóm thực nghiệm về chương trình GDH theo module là 4.12. Điểm chênh lệch giữa hai nhóm là 1.31. Sig. (2-tailed) = 0.000. Có thể kết luận rằng có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa điểm số trung bình giữa hai nhóm. Điểm số trung bình nhóm thực nghiệm cao hơn đáng kể so với nhóm đối chứng.

SV L. C. H, T. H X. H,.. cho rằng cần tổ chức dạy học theo module nhiều hơn trong chương trình ĐT vì nó có hiệu quả vì nó có hiệu quả hơn dạy học theo truyền thống. SV D.K.Đ, N. H T có ý kiến rằng "Em rất thích cách học này (học theo module). SV T. T. T.T đánh giá "Dạy học theo module đạt kết quả cao hơn dạy học theo truyền thống". SV N.Q D đánh giá "Dạy học theo module kích thích khả năng sáng tạo của học sinh". SV. H. D T nói rằng: "Dạy học theo module giúp em tiếp thu bài dễ hơn, không cần phải học thuộc lòng". SV N.H.T.P đánh giá " Học theo module giúp em làm chủ được thời gian học, linh hoạt, sinh sộng hơn cách học cũ và giúp cho em tự đánh gá được quá trình học tập của bản thân". SV N H. V H "Dạy học theo module giúp em kiểm soát được quá trình học tập" SV N. T T T đánh giá rằng " Học theo module, em cảm thấy sôi nổi, thoải mái hơn, có thể trao đổi ý kiến, tiếp thu được nhiều hơn". SV T. N.D.T cho rằng " Học theo module tăng cường hoạt động nhóm, cùng nhau giải quyết tình huống, tào điều kiện cho SV bày tỏ ý kiến riêng, giúp tự tin hơn". SV N. A. T đánh giá "Học theo module, đạt hiệu quả cao hơn, huy động khả năng chú ý của SV, SV có cơ hội làm việc độc lập, tích cực".

Từ kết quả tự đánh giá của SV cho thấy tổ chức dạy học học phần GDH theo module giúp cho SV chủ động, linh hoạt, độc lập xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch học tập phù hợp với khả năng, phong cách, kinh nghiệm, điều kiện và nhịp độ học tập của mình; xác định rõ mục đích dạy học, định hướng kết quả

học tập, nội dung dạy học, chiến lược dạy học, hệ thống kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, hỗ trợ người học,...; tích cực, chủ động, sáng tạo trong quá trình học tập; hứng thú trong quá trình học tập; kiểm soát được quá trình học tập; lĩnh hội kiến thức vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tiễn; tự học có hiệu quả; có khả năng tự kiểm tra, đánh giá được kết quả học tập và được SV hài lòng hơn so với tổ chức dạy học học phần GDH truyền thống. Tổ chức dạy học học phần GDH theo module hiệu quả hơn và phù hợp hơn tổ chức dạy học học phần GDH truyền thống.

+ Kết quả thực nghiệm lần 2 về mặt định lượng giữa nhóm ĐC và nhóm TN

Bảng 4.6. Kết quả thực nghiệm lần 2 về mặt định lượng giữa nhóm ĐC và nhóm TN

Nhóm		Điểm số					Tổng cộng	ĐTB	ĐLC	Chênh lệc	Sig. (2-tailed)
		5	6	7	8	9					
ĐC2	N	9	15	27	7	2	60	6.63	0.991	0.7	0.000
	%	15.0	25.0	45.0	11.7	3.3	100				
TN2	N	1	10	23	20	6	60	7.33	0.933		
	%	1.7	16.7	38.3	33.3	10.0	100				

Kết quả trong kiểm định T-test cho thấy: Điểm số trung bình ở SV nhóm đối chứng là 6.63. Điểm số trung bình ở SV nhóm thực nghiệm là 7.33. Điểm chênh lệch giữa hai nhóm là 0.7. Sig. (2-tailed) = 0.000. Có thể kết luận rằng có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa điểm số trung bình giữa hai nhóm. Điểm số trung bình nhóm thực nghiệm cao hơn đáng kể so với nhóm đối chứng.

+ Kết quả về mặt định lượng giữa trước và sau TN của nhóm TN

Biểu đồ 4.2. Kết quả về mặt định lượng giữa trước và sau TN của nhóm TN

Kết quả trong kiểm định T-test cho thấy: Điểm số trung bình trước TN là 4.25. Điểm số trung bình sau TN là 7.33. Điểm chênh lệch giữa hai nhóm là 3.08. Sig. (2-tailed) = 0.000. Có thể kết luận rằng có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa điểm số trung bình giữa giữa trước và sau TN. Điểm số trung bình sau thực nghiệm cao hơn đáng kể so với trước TN.

Kết quả thực nghiệm lần 2 cũng cho thấy tổ chức dạy DH phần GDH theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là khả thi phù hợp và kết quả học tập học phần này của SV hơn tổ chức DH học phần GDH theo chương trình truyền thống trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường ĐHSP..

Kết quả hai lần thực nghiệm đều cho thấy: Tổ chức dạy học học phần GDH theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ phù hợp hơn, kết quả học tập học phần này của SV cao hơn tổ chức DH học phần GDH theo chương trình truyền thống và có tính khả thi ở trường ĐHSP.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn, luận án đã xây dựng 3 biện pháp tổ chức DH theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường ĐHSP bao gồm: *Biện pháp 1.* Thiết kế module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường ĐHSP; *Biện pháp 2.* Tiến hành tổ chức quy trình DH theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường ĐHSP; *Biện pháp 3.* Xác định và cung ứng các điều kiện để thiết kế và tổ chức DH theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường ĐHSP có hiệu quả.

Kết quả thực nghiệm các biện pháp tổ chức DH theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường ĐHSP cho thấy KQHT của SV tăng lên một cách đáng kể. Kết quả học tập lớp TN cao hơn lớp đối chứng. Kết quả học tập lớp TN sau thực nghiệm cao hơn trước thực nghiệm. Kiểm định thống kê cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa lớp TN và lớp đối chứng, giữa trước và sau thực nghiệm ở lớp TN. Tổ chức DH học phần GDH theo module giúp cho SV chủ động, linh hoạt, độc lập xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch học tập phù hợp với khả năng, phong cách, kinh nghiệm, điều kiện và nhịp độ học tập của mình; xác định rõ MĐDH, định hướng KQHT, NDDH, chiến lược DH, hệ thống kiểm tra, đánh giá KQHT, hỗ trợ người học,...; tích cực, chủ động, sáng tạo trong quá trình học tập; hứng thú trong quá trình học tập; kiểm soát được quá trình học tập; lĩnh hội kiến thức vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tiễn; tự học có hiệu quả; có khả năng tự kiểm tra, đánh giá được KQHT và được SV hài lòng hơn so với tổ chức DH học phần GDH truyền thống. Tổ chức DH học phần GDH theo module phù hợp hơn tổ chức DH học phần GDH truyền thống trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường ĐHSP.

Kết quả TN cho thấy: Tổ chức DH học phần GDH theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ phù hợp hơn, KQHT của SV cao hơn tổ chức DH học phần GDH theo chương trình truyền thống và có tính khả thi ở trường ĐHSP.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết luận

- Module DH là một đơn vị DH tương đối độc lập có khả năng lắp ghép hoặc tháo gỡ tùy theo mục đích sử dụng, được cấu trúc một cách đặc biệt nhằm đáp ứng nhu cầu, hứng thú, năng lực, điều kiện của người học và chứa đựng cả MĐDH, định hướng KQHT, NDDH, chiến lược DH/PPDH, hệ thống công cụ kiểm tra, đánh giá KQHT và hỗ trợ học tập, chúng gắn bó chặt chẽ với nhau tạo thành thể thống nhất hoàn chỉnh, toàn vẹn.

- Thiết kế module DH là việc xác định số lượng module DH, đặt tên cho các module DH, xác định số tín chỉ của mỗi module, xác định điều kiện để thực hiện module DH, thiết kế MT của module DH, định hướng KQHT, thiết kế ND của module DH, thiết kế chiến lược DH/PPDH, thiết kế hệ thống kiểm tra đánh giá KQHT và thiết kế hệ thống hỗ trợ người học.

- Thiết kế module DH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ cần phải tuân thủ các nguyên tắc thiết kế, xác định các tiếp cận thiết kế và dựa theo quy trình quy trình thiết kế module DH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ bao gồm 7 bước: *Bước 1.* Phân tích chương trình học phần hiện có, nghiên cứu nhu cầu của các bên liên quan đến module DH; *Bước 2.* Xác định cách tiếp cận thiết kế module DH; *Bước 3.* Xác định các module DH*; Bước 4.* Xác định số tín chỉ của các module DH; *Bước 5.* Thiết kế module DH; *Bước 6.* Tổ chức thử nghiệm/ thực nghiệm các module DH đã được thiết kế; *Bước 7.* Đánh giá tính khả thi và hiệu quả các module DH đã được thiết kế.

- Tổ chức DH theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là quá trình thực hiện quy trình DH theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ đã được xác lập.

- Tổ chức DH theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ cần phải quán triệt các nguyên tắc tổ chức DH theo module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ,

theo cách tiếp cận lấy "người học làm trung tâm" hay DH hướng vào người học, đáp ứng nhu cầu của người học và tiến hành theo quy trình quy trình tổ chức DH theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ bao gồm 11 bước: *Bước 1.* GV nêu tên module dạy học; *Bước 2.* GV và SV kiểm tra, đánh giá điều kiện để thực hiện module DH; *Bước 3.* GV giới thiệu tổng quan về module DH; giải thích lý do tại sao người học cần phải học tập, nghiên cứu nó; *Bước 4.* GV nêu mục đích của module DH*; Bước 5.* GV và SV định hướng KQHT module DH; *Bước 6.* GV kiểm tra, đánh giá đầu vào cho SV và thông tin phản hồi; *Bước 7.* GV và SV xác định NDDH của module DH; *Bước 8***.** GV hướng dẫn cho SV tự học, tự nghiên cứu; Bước 9. SV lập và thực hiện kế hoạch tự học, tự nghiên cứu; *Bước 10.* GV Tổ chức cho SV báo cáo sản phẩm hoạt động học tập, đánh giá sản phẩm hoạt động học tập của SV và đưa ra những thông tin phản hồi ở trên lớp. *Bước 11.* GV kiểm tra, đánh giá tổng kết và thông tin phản hồi về KQHT module DH cho SV.

- Để tổ chức DH theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ có hiệu quả cần phải xác định và cung ứng các điều kiện cần thiết.

- Chương trình GDH đã và đang được sử dụng ở các trường ĐHSP được khảo sát là chương trình DH truyền thống được thiết kế theo cách tiếp cận nội dung, hiệu quả không cao, chưa phù hợp với phương thức ĐT theo hệ thống tín chỉ. Luận án đã xác định được 18 nguyên nhân làm cho chương trình học phần GDH truyền thống chưa phù hợp với phương thức ĐT theo thệ thống tín chỉ ở trường ĐHSP. Việc thiết kế và tổ chức DH theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ chưa được thực hiện ở các trường ĐHSP do 3 nhóm nguyên nhân bao gồm: nhóm nguyên nhân về phía nhà trường, nhóm nguyên nhân về phía GV và nhóm nguyên nhân về phía SV. GV và SV đều cho rằng việc đổi mới từ chương trình GDH truyền thống sang module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ là cần thiết.

- Trên cơ sở lý luận và thực tiễn, luận án đã xây dựng 3 biện pháp tổ chức DH theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ ở trường ĐHSP

bao gồm: *Biện pháp 1.* Thiết kế module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ ở trường ĐHSP; *Biện pháp 2.* Tiến hành tổ chức quy trình DH theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ ở trường ĐHSP; *Biện pháp 3.* Xác định và cung ứng các điều kiện để thiết kế và tổ chức DH theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ ở trường ĐHSP có hiệu quả.

- Kết quả thực nghiệm các biện pháp tổ chức DH theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ ở trường ĐHSP cho thấy KQHT của SV tăng lên một cách đáng kể. KQHT lớp TN cao hơn lớp đối chứng. KQHT lớp TN sau thực nghiệm cao hơn trước thực nghiệm. Kiểm định thống kê cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa lớp TN và lớp đối chứng, giữa trước và sau thực nghiệm ở lớp TN.

Tổ chức DH học phần GDH theo module giúp cho SV chủ động, linh hoạt, độc lập xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch học tập phù hợp với khả năng, phong cách, kinh nghiệm, điều kiện và nhịp độ học tập của mình; xác định rõ MĐDH, định hướng KQHT, NDDH, chiến lược DH, hệ thống kiểm tra, đánh giá KQHT, hỗ trợ người học,...; tích cực, chủ động, sáng tạo trong quá trình học tập; hứng thú trong quá trình học tập; kiểm soát được quá trình học tập; lĩnh hội kiến thức vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tiễn; tự học có hiệu quả; có khả năng tự kiểm tra, đánh giá được KQHT và được SV hài lòng hơn so với tổ chức DH học phần GDH truyền thống.

Kết quả TN cho thấy: Tổ chức DH học phần GDH theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ phù hợp hơn, KQHT của SV cao hơn tổ chức DH học phần GDH theo chương trình truyền thống và có tính khả thi ở trường ĐHSP.

Kiến nghị

1) Đối với Bộ GD &ĐT

- Cần xem việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module là một trong những giải pháp đổi mới chương trình dạy học hiện nay ở các trường đại học.

- Cần chỉ đạo triển khai việc đổi mới từ chương trình dạy học truyền thống sang chương trình dạy học theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học ở đại học.

- Cần ban hành chương trình khung đối với chương trình học phần GDH để các trường đại học sư phạm thống nhất về tên gọi, mã số học phần, cấu trúc và số tín chỉ,… nhằm tạo điều kiện cho việc liên thông giữa các ngành và các trường với nhau.

2) Đối với các trường đại học sư phạm

- Cần quan tâm triển khai đổi mới từ chương trình GDH truyền thống sang chương trình GDH theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ.

- Cần có kế hoạch trang bị kỹ năng thiết kế và tổ chức DH theo module cho GV và có kế hoạch trang bị kỹ năng học theo module cho SV.

- Cần cung ứng cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết để đảm bảo cho quá trình tổ chức dạy học theo module đạt hiệu quả.

- Số lượng SV trong lớp học phải vừa đủ, không được quá đông.

3) Đối GV dạy học phần GDH

- Cần trang bị kỹ năng thiết kế module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ.

- Cần trang bị kỹ năng tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ.

- Tích cực, chủ động thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ.

- Cần quan tâm hơn nữa đến việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ.

4) Đối với SV sư phạm:

- Cần trang bị kỹ năng học theo module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ.

- Trong quá trình dạy học cần phải tích cực, chủ động, chủ động sáng tạo.

- Có ý thức trách nhiệm cao trong quá trình học tập.

CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ

1. Trần Lương (2009), *Thiết kế module học phần GDH theo tín chỉ ở Trường Đại học Cần Thơ*, Tạp chí GD, số 228, tr 26-28&46

2. Trần Lương (2011), *Thực trạng và biện pháp nâng cao chất lượng chương trình học phần GDH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ ở Trường Đại học Cần Thơ,* Tạp chí Dạy và học ngày nay, số Xuân, tr 58& 63

3. Trần Lương (2015), *Tổ chức module dạy học trong ĐT theo hệ thống tín chỉ,* Tạp chí GD, số 351, tr 31-33&42

4. Trần Lương (2015), *Thiết kế định hướng kết quả học tập của module dạy học*, Tạp chí GD, số Đặc biệt, tháng 3, tr 106-108

5. Trần Lương (2015), *Thiết kế chương trình học phần GDH theo lí thuyết module trong ĐT theo hệ thống tín chỉ*, Tạp chí GD, số Đặc biệt, tháng 5, tr 199-200

6. Trần Lương (2015), *Thiết kế và tổ chức dạy học theo module - Giải pháp đổi mới chương trình học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở các trường đại học sư phạm hiện nay,* Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế, Tâm lý và Giáo dục học trong sự nghiệp phát triển con người Việt Nam, NXB ĐHSP, Tr.725-729

7. Trần Lương (2015), *Tổ chức bài học tiếp cận theo lí thuyết module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ,* Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế, Tâm lý và Giáo dục học trong sự nghiệp phát triển con người Việt Nam, NXB ĐHSP, Tr.730-733

8. Trần Lương (2016), *Thiết kế bài học tiếp cận theo lý thuyết module,* Tạp chí Khoa học Đại học Huế, Số 1, tr 127-141

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bernd Meier, Nguyễn Văn Cường (2014), *Dạy học hiện đại*, NXB ĐHSP, HN

2. Nguyễn Thanh Bình (chủ biên) (2005), *Lí luận Giáo dục học Việt nam*, NXB ĐHSP, HN

3. Bộ GD &ĐT (2007), *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*, Theo quyết định số 43, QĐ- BGD &GD

4. Bộ GD &ĐT-Dự án VIE/98/018 (2004), *Thiết kế mẫu một số môđun GD môi trường,* HN

5. Bộ GD&ĐT-Dự án phát triển GV tiểu học (2003), *Tài liệu tập huấn tăng cường năng lực biên soạn module,* HN

6. Bộ GD&ĐT-Dự án phát triển GV tiểu học (2006), *Sổ tay chỉ dẫn biên soạn module*, HN

7. Carl Rogers (2001), *Phương pháp dạy và học hiệu quả,* NXB Trẻ

8. Dương Huy Cần (2009), *Tăng cường năng lực tự học cho SV hoá học ở trường đại học sư phạm bằng phương pháp tự học có hướng dẫn theo module,* LATS Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

9. Nguyễn Hữu Châu (2005), *Những vấn đề cơ bản về chương trình và quá trình dạy học*, NXBGD

10. Nguyễn Hữu Châu (chủ biên) (2005), *Phương pháp, phương tiện, kĩ thuật và hình thức tổ chức dạy học trong nhà trường*, NXB ĐHSP, HN

11. Nguyễn Hữu Chiếm, Lê Hoàng Việt (2012), *Giáo trình GD môi trường,* NXB Đai học Cần Thơ

12. Phạm Khắc Chương, Hà Nhật Thăng (2001), *Đạo đức học,* NXBGD

13. Vũ Cao Đàm (2005), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Khoa học và kỹ thuật, HN

14. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI Đảng Cộng sản Việt Nam*

15. Nguyễn Tiến Đạt (2006), *Kinh nghiệm và thành tựu phát triển GD và ĐT trên thế giới*, Tập 1, NXB GD

16. Đoàn Văn Điều (2012), *Đánh giá và trắc nghiệm kết quả học tập,* NXB ĐHSP TP.HCM

17. Thái Khắc Định (1998), *Xác suất & Thống kê toán,* NXB Thống kê

18. Trần Chí Độ (2013), *Dạy học tích hợp mô-đun điều khiển điện khí nén tại trường cao đẳng nghề",* Tạp chí khoa học ĐHSP TPHCM, số 48, năm 2013.

19. Hà Thị Đức (2010), *Giáo trình Giáo dục học đại cương*, NXB ĐHSP, HN

20. Nguyễn Minh Đường (1993), *Mô đun kỹ năng hành nghề- Phương pháp tiếp cận, hướng dẫn biên soạn và áp dụng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, HN

21. Đinh Thị Hà (2011), *Xây dựng module GDH đáp ứng phương thức đào tạo theo tín chỉ,* Đề tài KH &CN cấp bộ, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW

22. Phạm Minh Hạc (1997), *Tâm lý học*, NXBGD

23. Phạm Minh Hạc (1999), *GD Việt Nam trước ngưỡng cửa thế kỷ XXI,* NXB Chính trị Quốc gia

24. Vũ Ngọc Hải, Đặng Bá Lãm, Trần Khánh Đức (đồng chủ biên) (2007), *GD Việt Nam đổi mới và phát triển hiện đại hóa*, NXB GD

25. Nguyễn Thị Thu Hằng (2010), *Thiết kế các mô đun GD môi trường vì sự phát triển bền vững,* Journal of Science of HNUE- Educational Sci. 2010, Vol. 55, No. 4

26. Bùi Hiền, Nguyễn Ngọc Giao, Nguyễn Hữu Hình, Vũ Văn Tảo (2001), *Từ điển Giáo dục học*, NXB Từ điển Bách khoa

27. Trần Bá Hoành (2006), *Đổi mới phương pháp dạy học, chương trình và sách giáo khoa,* NXB ĐHSP, HN

28. Nguyễn Phụng Hoàng, Võ Ngọc Lan (1999), *Phương pháp tắc nghiệm trong kiểm tra, đánh giá thành quả học tập,* NXB GD

29. Đặng Vũ Hoạt, Hà Thị Đức (2003), *Lý luận dạy học đại học,* NXB ĐHSP, HN

30. Nguyễn văn Hộ, Hà Thị Đức (2002), *Giáo dục học đại cương*, Tập 1&2, NXB GD

31. Bùi Ngọc Hồ (2008), *Những vấn đề lý luận GD (theo nghĩa hẹp),* NXB ĐHQG TP. HCM

32. Đỗ Huân (1995), *Tiếp cận module trong xây dựng cấu trúc chương trình ĐT nghề*, Luận án tiến sĩ khoa học sư phạm tâm lý

33. Nguyễn Sinh Huy-Nguyễn Văn Lê(1995), *Giáo dục học đại cương 1*, HN

34. Nguyễn Quang Huỳnh (2006), *Một số vấn đề lý luận GD chuyên nghiệp và đổi mới phương pháp dạy-học,* NXB ĐHQGHN

35. Đặng Thành Hưng (2002), *Dạy học hiện đại- Lí luận, biện pháp, kĩ thuật*, NXB ĐHQGHN

36. Trần Thị Hương (chủ biên) (2011), *Giáo dục học đại cương*, NXB ĐHSP TP. HCM

37. Trần Thị Hương (chủ biên) (2011), *Giáo dục học phổ thông*, NXB ĐHSP TPHCM

38. Trần Kiểm (2004), *Khoa học quản lý GD- Một số vấn đề lý luận và thực tiễn,* NXB GD

39. Đặng Bá Lãm (2003), *Kiểm tra - đánh giá trong dạy - học đại học*, NXBGD,

40. Đặng Bá Lãm(2003), *GD Việt Nam những thập niên đầu thế kỷ XI- chiến lược và phát triển,* NXB GD

41. Phạm Văn Lâm (1995), *Nâng cao chất lượng thực tập vật lý đại cương ở trường đại học kỹ thuật bằng phương pháp tự học có hướng dẫn theo module,* Luận án phó tiến sĩ khoa học Sư phạm- Tâm lý

42. Trần Thị Bích Liễu (2007), *Đánh giá chất lượng GD. Nội dụng- phương pháp-kĩ thuật,* NXB ĐHSP, HN

43. Nguyễn Hữu Long (2009), *Giáo trình Lí luận dạy học Tâm lí học*, NXB ĐHSP, HN

44. Phan Thanh Long (chủ biên) (2008), *Những vấn đề chung của Giáo dục học*, NXB ĐHSP, HN

45. Phan Thanh Long (chủ biên) (2006), *Lí luận GD*, NXB ĐHSP, HN

46. Đặng Huỳnh Mai (2010), *Phương pháp tổ chức quản lý lớp học*, NXB ĐHSP TP. HCM

47. Nguyễn Lộc, Phan Văn Nhân,Nguyễn Xuân Bảo(2009), *Tổ chức ĐT theo hệ thống tín chỉ cho các trường cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp,* Trung tâm tư vấn phát triển nguồn nhân lực, HN

48. Nguyễn Thị Mỹ Lộc (chủ biên) (2004), *Một số vấn đề về Giáo dục học đại học*, NXB ĐHQGHN, 2004

49. Lưu Xuân Mới (2000), *Lý luận dạy học đại học,* NXB GD

50. Lưu Xuân Mới (2003), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB ĐHSP, HN

51. Bùi Thị Mùi (2011), *Giáo trình Giáo dục học*, NXB ĐHCT, tr 1-56

52. Bùi Thị Mùi (2010), *Tình huống sư phạm trong công tác Giáo dục học sinh trung học phổ thông,* NXB ĐHSP, HN

53. Nguyễn Thị Ngà (2010), *Xây dựng và sử dụng tài liệu tự học có hướng dẫn theo module phần kiến thức cơ sở hóa học* chung-*chương trình THPT chuyên hóa học góp phần nâng cao năng lực tự học ch học sinh*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, HN

54. Phan Trọng Ngọ (2005), *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*, NXB ĐHSP, HN

55. Lê Đức Ngọc (2005), *Giáo dục học - Phương pháp dạy và học*, NXB ĐHQGHN

56. Hà Thế Ngữ (2001), *Giáo dục học-Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB ĐHQGHN

57. Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên) (2006), *Giáo trình Giáo dục học*, Tập 1&2, NXB ĐHSP, HN

58. Trần Thị Tuyết Oanh (2007), *Đánh giá và đo lường kết quả học tập,* NXB ĐHSP, HN

59. Lê Thị Hồng Phương (2002), *Cấu trúc chương trình phần lý luận dạy học theo hướng môđun hoá*, Luận văn thạc sỹ KHGD, HN, 2002

60. Nguyễn Ngọc Quang (1994), *Tài liệu tham khảo về lý luận dạy học*, Trường Kỹ thuật Nghiệp vụ Công an nhân dân, Hà Nội

61. Nguyễn Dục Quang (2007), (chủ biên), *Giáo trình Hoạt động GD ngoài giờ lên lớp*, NXB ĐHSP, HN

62. Bùi Văn Quân (2001), *Thiết kế nội dung môn học theo module (thực hiện trên môn GD dân số trong các trường cao đẳng sư phạ*m, LATS KH GD, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

63. Quốc Hội Khóa XI nước (2006), *Luật dạy nghề* , Số 76/2006/QH11 ngày 29 tháng 11

64. Quốc Hội Khóa XI (2005), *Luật GD* (2005), Số 38/2005/QH11 ngày 14 tháng 6; Quốc Hội Khóa XII (2009), *Luật GD sửa đổi*, Số 44/2009/QH12 ngày 4 tháng 12

65. Quốc Hội Khóa XIII (2012), *Luật GD đại học* (2012), Số 08/2012/QH13 ngày 2 tháng 7

66. Nguyễn Thị Quy, Nguyễn Thị Bích Hạnh, Hồ Văn Liên, Mai Văn Luông và Vũ Khắc Tuân (2007), *Giáo dục học- tài liệu ĐT GV tiểu học*, NXBGD

67. Robert J. Marzano, Debra J. Pickering, Jane E. Pollock (Người dịch: Hồng Lạc) (2005), *Các phương pháp dạy học hiệu quả*, NXB GD

68. Vũ Thị Sai (2003), *Cấu trúc phần lý luận GD theo hướng module*, Luận văn thạc sĩ KHGD, HN

69. Nguyễn Viết Sự, Nguyễn Minh Châu (2002), *Phát triển ĐT nghề theo module*, Tạp chí Nghiên cứu GD số 45, 2002

70. Đinh Hữu Sỹ (2014), *Dạy học theo dự án các module nghề công nghệ ô tô,* Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục, HN, 2014

71. Hà Nhật Thăng (2006), *Công tác GV chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông*, NXB GD

72. Lâm Quang Thiệp (2008), *Trắc nghiệm và ứng dụng*, NXB Khoa học và kỹ thuật, HN

73. Thủ tướng Chính phủ (2012), *Chiến lược phát triển GD 2011 – 2020, Số 711/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6*

74. Dương Thiệu Tống (2005), *Phương pháp nghiên cứu khoa học GD và tâm lý*, NXB Khoa học XH

75. Dương Thiệu Tống (2005), *Trắc nghiệm và đo lường thành quả học tập*, NXB Khoa học XH.

76. Hoàng Trọng (2002), *Xử lý dữ liệu nghiên cứu với SPSS for window*s, NXB Thống kê

77. Dương Anh Tuân (2007), *Thiết kế chương trình học phần Những vấn đề chung của GDH theo moduele*, Luận văn thạc sĩ KHGD, HN

78. Thái Duy Tuyên (2004), *Những vấn đề chung của Giáo dục học*, NXB ĐHSP, HN

79. Thái Duy Tuyên (2001), *Giáo dục học hiện đại*, NXB ĐHQGHN

80. Thái Duy Tuyên (2008), Phương pháp dạy học truyền thống và đổi mới, NXB GD

81. Nguyễn Quang Uẩn,*(2010), Tuyển tập nghiên cứu về Tâm lý-GD,* NXB ĐHSP, HN

82. Từ Đức Văn (2012), *Thiết kế và tổ chức dạy học môn Giáo dục học dựa theo lý thuyết module cho sinh viên đại học sư phạm*, Journal of science of HNUE, 2012, Vol.57, No.4, PP 170-176

83. Viện nghiên cứu phát triển GD (2002), *Chiến lược phát triển GD trong thế kỷ XXI- Kinh nghiệm của các quốc gia,* NXB Chính trị Quốc gia

84. Phan Thị Hồng Vinh (chủ biên) (2011) *Giáo trình giáo dục học* (biên soạn theo module), NXB ĐHSP, HN

85. Phan Thị Hồng Vinh (2007), *Xây dựng, phát triển và quản lý chương trình dạy học*, NXB ĐHQGHN

86. Phan Hồng Vinh (2007), *Phương pháp dạy học Giáo dục học*, NXB ĐHSP, HN

87. Vụ Đại học (1994), *Về hệ thống tín chỉ học tập*, Tài liệu lưu hành nội bộ, Hà Nội

88. Phạm Viết Vượng (2008), *Giáo dục học*, NXB ĐHSP, HN

89. Phạm Viết Vượng (2008), *Bài tập Giáo dục học*, NXB ĐHSP, HN

90. Phạm Viết vượng (2005), *Lí luận GD*, NXB ĐHSP, HN

91. Phạm Viết Vượng (1997), *Phương pháp nghiên cứu khoa học GD*, NXB GD

Tài liệu Tiếng Anh

92. Adam, S. (2004) *Using Learning Outcomes: A consideration of the nature, role, application and implications for European education of employing learning outcomes at the local, national and international levels*. Report on United Kingdom Bologna Seminar, July 2004, Herriot-Watt University

93. Alan Jenkins and Lawrie Walker(1994), *Developing Student Capability Through modular Courses*. Available online at: http://www.heacademy.ac.uk/

94. Bingham, J. (1999), *Guide to Developing Learning Outcomes*. The Learning and Teaching Institute Sheffield Hallam University, Sheffield: Sheffield Hallam University

95. Butcher, C. Davies, C. &Highton (2006), *Designing learning. From outline to effective teaching*. London& New York: Routledge

96. Brown, J.W, R.B. Lewis and F.F. Harcteroad (1977), *An Instructional Technology, Media and Methods*. McGraw Hill Book Company New York, USA

97. Chanrill, O. (1982), *Workshop to Develop Skills in Module Writing*, March, 1982, Singapore: Colombo Plan Staff London: HMSO College. Cook Croft committee

98. Declan Kenedy, A1ine Hyland, Norma Ryan (2012), *Writting and Using Learning Outcomes*: A Practical Guide

99. ECTS Users' Guide Brussels (2005): *Directorate-General for Education and Culture*. Available online at:
http://ec.europa.eu/education/programmes/socrates/ects/doc/guide_en.pdf

100. Educational Development, Plymouth University, *Designing your Programmes and Modules*: Guidance note. Available online at:
http://www1.plymouth.ac.uk/ouruniversity/teachlearn/guidanceresources/Documents/Designing%20Programmes%20and%20Modules_Update%203_Nov13.pdf

101. Gosling, D. and Moon, J. (2001) *How to use Learning Outcomes and Assessment Criteria.* London: SEEC Office

102. Jenkins, A. & Unwin, D. (2001) *How to write learning outcomes*. *Available online at:* http://www.ncgia.ucsb.edu/education/curricula/giscc/units/format/outcomes.html

103. Jerry W.Robinson,J and William B. Crittenden (1972), *Learning Module: A Concept for Extension Educators?* Journal of Extension:Winter 1972

104. Kandarp Sejpal (2013), *Modular Method of teaching*, International Journal for Research in Education, Vol.2, Issue:2, February

105. R. Lance Hogan Natalie Garling (2008), *Bortz's Learning Module: An Alternative Approach to training Program Curriculum Development*, The Journal of Human Resource and Adult Learning Vol.4.2, December 2008

106. The Learning Institute at Queen Mary University of London, *Good practice guide on writing aims and learning outcomes*. Available online at: www.learninginstitute.qmul.ac.uk

107. Meyer, R (1996), *Modules- From Design to Use*, Colombus University

108. Mick Betts and Robin Smith (1986), Develping the Credit-based Modular Curriculum in Higher Education, Taylor & Francis e-Library]

109. Moon, J. (2002), *The Module and Programme Development Handbook*. London: Kogan Page Limited

110. Moon, J. (2005), *Linking Levels, Learning Outcomes and Assessment Criteria*

111. O' Donnell (1986) *Modular Design in TAFE Course*, NSW, Sydney

112. Pankaj Kumar Dubey (2011), *A Study of the Effect of Modular teaching on Achievement in Chemistry of X th Grade Students*, SPIJE, vol.1, No.1, January

113. Pergamon Press. New York-Paris- London-Sydney- Toronto- Frankfurt (1995), *International Encydopedia of Education*

114. Rawlinson J.M (1981), *Creative Thinking and Brainstorming*. Hants: Gower. Farnborough

115. Riasat Ali, Safdar Rehman Ghazi, Muhammad Saeed Khan, Shukat Hussain, Zakia Tanzeela Faitma (2010), *Effectiveness of Modular Teaching in Biology at Secondary Level*, Asian Social Science, vol.6, No.9,September

116. Roisin Donnelly and Marian Fitzmaurice, Designing modules for learning. Available online at: HTTP://WWW.AISHE.ORG/READINGS/2005-1/DONNELLY-FITZMAURICE-DESIGNING_MODULES_FOR_LEARNING.HTM

117. *Report for the Bologna Conference on Learning Outcomes*, Edinburgh, July 2004

118. Robert M. Diomond (2008), *Designing and Assessing Courses and Curricula*, Jossey-bass

119. Theodossin . E (1986), The modular Maket, Bristol: The Further Education Staff College]

120.Toohey.S (1999), *Designing Courses for Higher Education*. Buckingham: SRHE and OU Press

121. Unesco (1988), *Developing Instructional Modules for Teacher Education*, Bankok: Regional Office for Education in Asia and Oceania, P.61-63

122. University of Brington, Centre for Learning and Teaching (2012-2013), *Module Design*

123. Wallcace.W (1998), *Competency- Based training. Theory and pr*actice, Fearon Publishers, nc

124. Warwich. D (1987), *The modular Curiculum*, Pullished by basil Blackwell

125.http://www.northampton.ac.uk/staff/academic-and-curriculum-administration/umf-staff-handbook/part-2-the-framework-and-design-programmes-of-study/module-design

126. http://www.shef.ac.uk/lets/toolkit/curriculum/modprog

127. http://www.ucd.ie/registry/academicsecretariat/asug/modulesandcredits/

128. http://www.shef.ac.uk/lets/toolkit/curriculum/modprog

129. http://www.ucd.ie/registry/academicsecretariat/asug/modulesandcredits/

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1. PHIẾU HỎI Ý KIẾN

(Dành cho giảng viên)

Quý Thầy/ Cô quý mến!

Cuộc thăm dò này nhằm nghiên cứu thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở các trường đại học sư phạm. Vì vậy những ý kiến của quý thầy/ cô là những cứ liệu vô cùng quý báu. Chúng tôi mong đợi nhận được sự hỗ trợ nhiệt tâm của quý thầy/ cô trong cuộc thăm dò này.

Xin chân thành cảm ơn quý thầy/ cô!

Xin anh/chị vui lòng đánh dấu X vào lựa chọn thích hợp nhất ở các câu sau:

Câu 1. Giới tính: 1. Nam 2. Nữ

Câu 2. Thầy/Cô công tác tại trường:

1. ĐHCT 2. ĐHĐT 3. ĐHAG 4. ĐHTV

Câu 3. Học phần GDH (dùng cho hệ đào tạo GV THPT) mà các Thầy /Cô đã và đang sử dụng để tổ chức dạy học được thiết kế theo:

1. Chương trình DH truyền thống (Học phần, phần, chương, mục, tiểu mục,...)
2. Chương trình dạy học theo module
3. .....

Câu 4.Việc tổ chức dạy học học phần GDH (GDH) theo chương trình truyền thống trong dào tạo theo hệ thống tín chỉ đạt hiệu quả ở mức độ nào?

1. Không hiệu quả 2. Hiệu quả thấp 3. Hiệu quả trung bình 4. Hiệu quả khá 5. Hiệu quả rất cao

Câu 5.Chương trình học phần GDH truyền thống phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở mức độ nào? 1.Hoàn toàn không phù hợp 2. Không phù hợp 3. Tương đối phù hợp 4. Phù hợp 5. Hoàn toàn phù hợp

Câu 6. Thầy / Cô hài lòng với việc sử dụng chương trình học phần GDH truyền thống để tổ chức dạy học trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở mức độ nào?

1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Không hài lòng 3. Tương đối hài lòng
4. Hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

Câu 7. Chương trình học phần GDH truyền thống không phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ vì:

	1. Hoàn toàn không đồng ý	2. Không đồng ý	3. Tương đối đồng ý	4. Đồng ý	5. Hoàn toàn đồng ý
7.1.Chưa thiết kế được hệ thống hỗ trợ, hướng dẫn học tập, đặt biệt là hệ thống hướng đẫn tự học, tự nghiên cứu cho SV.					
7.2.Chưa tạo khả năng kết hợp, liên thông giữa các chương trình, ngành học, trường học,...					
7.3.Ý thức trách nhiệm của SV trong quá trình học tập chưa cao.					
7.4.SV chưa chủ động, linh hoạt, độc lập xây dựng và tổ chức kế hoạch học tập phù hợp với khả năng, phong cách, kinh nghiệm, điều kiện và nhịp độ học tập của mình					
7.5.Chưa xác định rõ MĐDH, định hướng KQHT, NDDH, chiến lược DH, hệ thống kiểm tra, đánh giá kết quả học tập,.hỗ trợ người học,...					
7.6 Hướng đến người dạy-"lấy GV					

	1. Hoàn toàn không đồng ý	2. Không đồng ý	3. Tương đối đồng ý	4. Đồng ý	5. Hoàn toàn đồng ý
làm trung tâm”					
7.7. Người học thụ động thích nghi với những yêu cầu học tập do người dạy đặt ra					
7.8.Người dạy nắm kiến thức và kiểm soát mọi nguồn tri thức					
7.9.Người dạy thực hiện chức năng ‘truyền đạt” tri thức					
7.10.Người dạy giữ vai trò quyết định trong tiến trình học tập					
7.11Người học thiên về ghi nhớ, học thuộc					
7.12.Người học chủ yếu hướng tới nắm vững những nội dung kiến thức trong chương trình					
7.13.Việc học chủ yếu diễn ra ở lớp học					
7.14. Những kiến thức người học lĩnh hội mang nặng tính lý thuyết, giáo điều					
7.15.Việc học dừng lại khi chương trình hoàn tất					

	1. Hoàn toàn không đồng ý	2. Không đồng ý	3. Tương đối đồng ý	4. Đồng ý	5. Hoàn toàn đồng ý
7.16.Chưa phát triển được tính sáng tạo và kĩ năng gải quyết vấn đề cho SV					
7.17.GV và SV khó kiểm soát quá trình dạy học từ đầu vào, quá trình tác động cho tới đầu ra					
7.18. Chất lượng và hiệu quả của QTDH học phần GDH chưa cao.					

Câu 8. Theo Thầy/Cô, việc đổi mới chương trình học phần GDH truyền thống sang module có cần thiết không? 1. Hoàn toàn không cần thiết

2. Không cần thiết 3 Chưa cần thiết 4. Cần thiết 5. Hoàn toàn cần thiết

Câu 9. Quý Thầy/Cô vui lòng tự đánh giá mức độ quan tâm về việc thiết kế và tổ chức theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

1. Hoàn toàn không quan tâm 2. Không quan tâm 3.Tương đối quan tâm

4. Quan tâm 5. Hoàn toàn quan tâm

Câu10. Quý Thầy/Cô có từng tìm hiểu, nghiên cứu về module dạy học, thiết kế và tổ chức dạy học học phần GDH theo module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ chưa? 1. Có 2. Chưa

Nếu **Có**, Thầy/Cô tìm hiểu, nghiên cứu về module dạy học, thiết kế và tổ chức dạy học theo module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ từ nguồn nào?.....

Câu 11. Thầy (Cô) tự đánh giá về mức độ hiểu biết về module dạy học:

	1. Không biết	2. Biết không rõ	3. Biết tương đối rõ	4. Biết rõ	5. Biết rất rõ
11.1. Khái niệm module dạy học					
11.2. Cấu trúc của module DH					
11.3. Đặc điểm của module DH					
11.4. Quy trình thiết kế module DH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ					
11.5. Quy trình tổ chức DH theo module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ					

Câu 12. Thầy (Cô) có từng thiết kế học phần GDH (dùng cho hệ đào tạo GV THPT) theo module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ chưa?

1. Có 2. Chưa

(Nếu chọn "Chưa" ở câu 12 xin anh/chị vui lòng bỏ qua câu 13)

Câu 13. Kỹ năng thiết kế học phần GDH theo module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Thầy (Cô) đạt ở mức độ nào? 1. Kém 2. Yếu

3. Trung bình 4. Khá 5. Tốt

Câu 14. Thầy (Cô) có từng tổ chức dạy học học phần GDH (dùng cho hệ đào tạo GV THPT) theo module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ chưa?

1. Có 2. Chưa

(Nếu chọn "Chưa" ở câu 14 xin anh/chị vui lòng bỏ qua câu 15)

Câu 15. Kỹ năng tổ chức dạy học học phần GDH theo module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Thầy (Cô) đạt ở mức độ nào?

1. Kém 2. Yếu 3. Trung bình 4. Khá 5. Tốt

Câu 16. Theo Thầy (Cô), việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH (dùng cho hệ đào tạo GV THPT) trong đào tạo theo hệ thống tín có khả thi không? 1. Hoàn toàn không khả thi 2. Không khả thi

3. Tương đối khả thi 4. Khả thi 5. Hoàn toàn khả thi

Câu 17. Theo Thầy (Cô), thiết kế và tổ chức DH theo module phần GD học có phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ không?

1.Hoàn toàn không phù hợp 2. Không phù hợp 3. Tương đối phù hợp

4. Phù hợp 5. Hoàn toàn phù hợp

Câu 18. Theo Thầy (Cô), thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ có hiệu quả không? 1. Không hiệu quả

2. Hiệu quả thấp 3.Hiệu quả trung bình 4.Hiệu quả khá 5.Hiệu quả rất cao

Câu 19. Theo thầy (cô), đâu là lý do khiến thầy(cô) chưa thiết kế và tổ chức chương trình học phần GDH theo module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ?

TT	Lý do	1. Hoàn toàn sai	2. Sai	3. Phân vân	4. Đúng	5. Hoàn toàn đúng
Về phía SV						
1	Chưa có kỹ năng học theo module học phần GDH					
2	Chưa quan tâm đến việc tổ chức dạy học theo module học phân GDH theo module					
3	Chưa xem việc tổ chức dạy học theo module học phần GDH à cần thiết					

TT	Lý do	1. Hoàn toàn sai	2. Sai	3. Phân vân	4. Đúng	5. Hoàn toàn đúng
Về phía nhà trường						
1	Chưa trang bị kỹ năng thiết kế và tổ chức DH theo module học phần GDH cho GV					
2	Chưa trang bị kỹ năng học theo module học phần GDH cho SV					
3	Chưa trang bị kỹ năng học theo module học phần GDH cho SV					
4	Chưa quan tâm đến việc trang bị kỹ năng học theo module học phần GDH cho SV					
5	Chưa xem đổi mới từ chương trình GDH truyền thống sang chương trình GDH theo module là cần thiết					
6	Lớp có số lượng SV quá đông					
Về phía giáo viên						
1	GV chưa có kỹ năng thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH					
2	GV chưa quan tâm đến việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH					
3	GV chưa xem việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH là cần thiết					

PHỤ LỤC 2. PHIẾU HỎI Ý KIẾN

(Dành cho SV sư phạm)

Anh/chị thân mến!

Cuộc thăm dò này nhằm nghiên cứu thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở các trường đại học sư phạm. Vì vậy những ý kiến của quý anh /chị là những cứ liệu vô cùng quý báu. Chúng tôi mong đợi nhận được sự hỗ trợ nhiệt tâm của anh/chị trong cuộc thăm dò này.

Xin chân thành cảm ơn anh/chị!

Xin anh/chị vui lòng đánh dấu X vào lựa chọn thích hợp nhất ở các câu sau:

Câu 1. Giới tính: 1. Nam 2. Nữ

Câu 2. Anh/chị đang học tại trường:

1. ĐHCT 2. ĐHĐT 3. ĐHAG 4. ĐHTV

Câu 3. Học phần GDH mà anh/chị đã hoặc đang được học được thiết kế theo:

1. Chương trình DH truyền thống (Học phần, phần, chương, mục, tiểu mục,...)
2. Chương trình dạy học theo module
3. …….

Câu 4.Việc tổ chức dạy học học phần GDH theo chương trình truyền thống trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ đạt hiệu quả ở mức độ nào?

1. Không hiệu quả 2. Hiệu quả thấp 3. Hiệu quả trung bình 4. Hiệu quả khá 5. Hiệu quả rất cao

Câu 5.Chương trình học phần GDH truyền thống phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở mức độ nào?

1.Hoàn toàn không phù hợp 2. Không phù hợp 3. Tương đối phù hợp 4. Phù hợp 5. Hoàn toàn phù hợp

Câu 6. Anh/chị hài lòng với việc sử dụng chương trình học phần GDH truyền thống để tổ chức dạy học trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở mức độ nào?

1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Không hài lòng 3. Tương đối hài lòng 4. Hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

Câu 7. Chương trình học phần GDH truyền thống không phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ vì:

	1. Hoàn toàn không đồng ý	2. Không đồng ý	3. Tương đối đồng ý	4. Đồng ý	5. Hoàn toàn đồng ý
7.1.Chưa thiết kế được hệ thống hỗ trợ, hướng dẫn học tập, đặt biệt là hệ thống hướng đẫn tự học, tự nghiên cứu cho SV.					
7.2.Chưa tạo khả năng kết hợp, liên thông giữa các chương trình, ngành học, trường học,...					
7.3.Ý thức trách nhiệm của SV trong quá trình học tập chưa cao.					
7.4.SV chưa chủ động, linh hoạt, độc lập xây dựng và tổ chức kế hoạch học tập phù hợp với khả năng, phong cách, kinh nghiệm, điều kiện và nhịp độ học tập của mình					
7.5.Chưa xác định rõ MĐDH, định hướng KQHT, NDDH, chiến lược DH, hệ thống kiểm tra, đánh giá kết quả học tập,.hỗ trợ người học,...					
7.6 Hướng đến người dạy- "lấy GV					

	1. Hoàn toàn không đồng ý	2. Không đồng ý	3. Tương đối đồng ý	4. Đồng ý	5. Hoàn toàn đồng ý
làm trung tâm”					
7.7. Người học thụ động thích nghi với những yêu cầu học tập do người dạy đặt ra					
7.8.Người dạy nắm kiến thức và kiểm soát mọi nguồn tri thức					
7.9.Người dạy thực hiện chức năng ‘truyền đạt” tri thức					
7.10.Người dạy giữ vai trò quyết định trong tiến trình học tập					
7.11. Người học thiên về ghi nhớ, học thuộc					
7.12.Người học chủ yếu hướng tới nắm vững những nội dung kiến thức trong chương trình					
7.13.Việc học chủ yếu diễn ra ở lớp học					
7.14.Những kiến thức người học lĩnh hội mang nặng tính lý thuyết, giáo điều					
7.15.Việc học dừng lại khi chương trình hoàn tất					

	1. Hoàn toàn không đồng ý	2. Không đồng ý	3. Tương đối đồng ý	4. Đồng ý	5. Hoàn toàn đồng ý
7.16. Chưa phát triển được tính sáng tạo và kĩ năng gải quyết vấn đề cho SV					
7.17.GV và SV khó kiểm soát quá trình dạy học từ đầu vào, quá trình tác động cho tới đầu ra					
7.18. Chất lượng và hiệu quả của QTDH học phần GDH chưa cao.					

Câu 8. Theo anh/chị, việc đổi mới chương trình học phần GDH truyền thống sang module có cần thiết không? 1. Hoàn toàn không cần thiết

2. Không cần thiết 3 Chưa cần thiết 4. Cần thiết 5. Hoàn toàn cần thiết

Câu 9. Anh/chị vui lòng tự đánh giá mức độ quan tâm về việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ:

1. Hoàn toàn không quan tâm 2. Không quan tâm 3.Tương đối quan tâm

4. Quan tâm 5. Hoàn toàn quan tâm

Câu 10. Anh/chị có từng được tham gia chương trình dạy học học phần GDH theo module nào chưa? 1. Có 2. Chưa

Nếu **Có**, hãy kể tên các chương trình dạy học theo module bạn đã từng tham gia: .....

(Nếu chọn "Chưa" ở câu 10 xin anh/chị vui lòng bỏ qua câu 11)

Câu 11. Kỹ năng học theo module của anh/chị đạt ở mức độ nào?

1 Kém 2. Yếu 3. Trung bình 4. Khá 5. Tốt

Câu 12. Anh/ chị có từng tìm hiểu, nghiên cứu về module dạy học, tổ chức dạy học theo module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ chưa?

1. Có 2. Chưa

Nếu **Có**, anh/chị tìm hiểu, nghiên cứu module dạy học, tổ chức dạy học theo module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ từ nguồn nào?

……..

Câu 13. Anh/chị tự đánh giá về mức độ hiểu biết về module dạy học:

	1. Không biết	2. Biết không rõ	3. Biết tương đối rõ	4. Biết rõ	5. Biết rất rõ
11.1. Khái niệm module dạy học					
11.2. Cấu trúc của module dạy học					
11.3. Đặc điểm của module dạy học					
11.4. Quy trình dạy tổ chức dạy học học theo module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ					

Câu 14. Theo anh/chị, việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH (dùng cho hệ đào tạo GV THPT) trong đào tạo theo hệ thống tín có khả thi không? 1. Hoàn toàn không khả thi 2. Không khả thi

3. Tương đối khả thi 4. Khả thi 5. Hoàn toàn khả thi

Câu 15.Theo anh/chị, thiết kế và tổ chức dạy học theo module phần GD học phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ không?

1. Hoàn toàn không phù hợp 2. Không phù hợp 3. Tương đối phù hợp

4. Phù hợp 5. Hoàn toàn phù hợp

Câu 16. Theo anh/chị, thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ có hiệu quả không?

1. Không hiệu quả 2. Hiệu quả thấp 3. Hiệu quả trung bình 4. Hiệu quả khá 5. Hiệu quả rất cao

Câu 17. Theo anh/chị, đâu là lý do khiến cho GV chưa thiết kế và tổ chức day học học phần Giáo dục học theo module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ?

TT	Lý do	1. Hoàn toàn sai	2. Sai	3. Phân vân	4. Đúng	5. Hoàn toàn đúng
Về phía SV						
1	Chưa có kỹ năng học theo module học phần GDH					
2	Chưa quan tâm đến việc tổ chức dạy học theo module học phân GDH theo module					
3	Chưa xem việc tổ chức dạy học theo module học phần GDH à cần thiết					
Về phía nhà trường						
1	Chưa trang bị kỹ năng thiết kế và tổ chức DH theo module học phần GDH cho GV					
2	Chưa trang bị kỹ năng học theo module học phần GDH cho SV					
3	Chưa trang bị kỹ năng học theo module học phần GDH cho SV					
4	Chưa quan tâm đến việc trang bị kỹ năng học theo module học phần GDH cho SV					
5	Chưa xem đổi mới từ chương trình GDH truyền thống sang chương trình GDH theo module là cần thiết					
6	Lớp có số lượng SV quá đông					

TT	Lý do	1. Hoàn toàn sai	2. Sai	3. Phân vân	4. Đúng	5. Hoàn toàn đúng
Về phía giáo viên						
1	GV chưa có kỹ năng thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH					
2	GV chưa quan tâm đến việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH					
3	GV chưa xem việc thiết kế và tổ chức dạy học theo module học phần GDH là cần thiết					

PHỤ LỤC 3. PHIẾU HỎI Ý KIẾN

(Dành cho SV lớp TN sau khi thực nghiệm)

Chào anh (chị)

Anh chị đã được học xong module dạy học, xin anh (chị) vui lòng đọc kỹ câu hỏi sau đây và cho biết ý kiến của mình bằng cách đánh dấu X vào ô thích hợp.

Câu 1. Anh (chị) đánh giá thế nào về hiệu quả của việc dạy học theo module ?

1. Hiệu quả kém
2. Hiệu quả yếu
3. Hiệu quả trung bình
4. Hiệu quả khá
5. Hiệu quả xuất sắc

Câu 2. Theo Thầy (Cô), thiết kế và tổ chức dạy học theo module phần GD học có phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ không?

1.Hoàn toàn không phù hợp
2. Không phù hợp
3. Tương đối phù hợp
4. Phù hợp
5. Hoàn toàn phù hợp

Câu 3. Mức độ hài lòng của anh (chị) về việc dạy học theo module:

1. Hoàn toàn không hài lòng
2. Không hài lòng
3. Tương đối hài lòng
4. Hài lòng
5. Hoàn toàn hài lòng

	Câu 4. Các module mà anh (chị) đã được học giúp cho anh (chị):	1. Hoàn toàn không đồng ý	2. Không đồng ý	3. Tương đối đồng ý	4. Đồng ý	5.hoàn toàn đồng ý
4.1	Chủ động, linh hoạt, độc lập xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch học tập phù hợp với khả năng, phong cách, kinh nghiệm, điều kiện và nhịp độ học tập của mình.					
4.2	Xác định rõ MĐDH, định hướng KQHT, NDDH, chiến lược DH, hệ thống kiểm tra, đánh giá KQHT, hỗ trợ người học,...					
4.3	Tích cực, chủ động, sáng tạo trong quá trình học tập.					
4.4	Hứng thú trong quá trình học tập					
4.5	Kiểm soát được quá trình học tập					
4.6	Lĩnh hội kiến thức vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tiễn					
4.7	Tự học có hiệu quả					
4.8	Tự kiểm tra, đánh giá được KQHT					
4.9	Ý thức trách nhiệm cao trong quá trình học tập					

Xin chân thành cảm ơn.

PHỤ LỤC 4. PHIẾU HỎI Ý KIẾN

(Dành cho SV lớp ĐC sau khi thực nghiệm)

Chào anh (chị)

Anh chị đã được học xong học phần GDH (theo chương trình truyền thống), xin anh (chị) vui lòng đọc kỹ câu hỏi sau đây và cho biết ý kiến của mình bằng cách đánh dấu X vào ô thích hợp.

Câu 1.Việc tổ chức dạy học học phần GDH theo chương trình truyền thống trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ đạt hiệu quả ở mức độ nào?

1. Không hiệu quả
2. Hiệu quả thấp
3. Hiệu quả trung bình
4. Hiệu quả khá
5. Hiệu quả rất cao

Câu 2.Chương trình học phần GDH theo chương trìnhtruyền thống phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở mức độ nào?

1.Hoàn toàn không phù hợp
2. Không phù hợp
3. Tương đối phù hợp
4. Phù hợp
5. Hoàn toàn phù hợp

Câu 3. Anh/chị hài lòng với việc sử dụng chương trình học phần GDH theo chương trình truyền thống để tổ chức DH trong ĐT theo hệ thống tín chỉ ở mức độ nào?

1. Hoàn toàn không hài lòng
2. Không hài lòng
3. Tương đối hài lòng
4. Hài lòng
5. Hoàn toàn hài lòng

	Câu 4. Chương trình học phần GDH theo truyền thống mà anh (chị) đã được học giúp cho anh (chị):	1. Hoàn toàn không đồng ý	2. Không đồng ý	3. Tương đối đồng ý	4. Đồng ý	5. hoàn toàn đồng ý
4.1	Chủ động, linh hoạt, độc lập xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch học tập phù hợp với khả năng, phong cách, kinh nghiệm, điều kiện và nhịp độ học tập của mình.					
4.2	Xác định rõ MĐDH, định hướng KQHT, NDDH, chiến lược DH, hệ thống kiểm tra, đánh giá KQHT, hỗ trợ người học,...					
4.3	Tích cực, chủ động, sáng tạo trong quá trình học tập.					
4.4	Hứng thú trong quá trình học tập					
4.5	Kiểm soát được quá trình học tập					
4.6	Lĩnh hội kiến thức vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tiễn					
4.7	Tự học có hiệu quả					
4.8	Tự kiểm tra, đánh giá được KQHT					
4.9	Ý thức trách nhiệm cao trong quá trình học tập					

Xin chân thành cảm ơn.

PHỤ LỤC 5. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ MODULE NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA GIÁO DỤC HỌC

Câu 1. GD học là KH nghiên cứu về

a.con người b.QTGD con người c.quy luật DH và GD d.con đường GD

Câu 2. Nhiệm vụ của GDH là:

a. GD trí tuệ, GD đạo đức, GD thẫm mỹ, GD sức khỏe, GD lao động

b. GD đạo đức và ý thức công dân, GD thẫm mỹ, GD lao động và hướng nghiệp, GD thể chất

c. GD môi trường, GD dân số, GD giới tính, GD phòng chống ma túy, GD giá trị, GD quốc tế.

d. Xây dựng các lý thuyết GD mới, hoàn thiện các mô hình GD và DH, tìm ra các quy luật chi phối QTGD và DH

Câu 3. Hãy rút ra ứng dụng từ tính phổ biến của GD

a.Thực hiện XH hóa GD b. Đưa những giá trị tốt đẹp nhất vào NDGD

c. GD liên tục d. Giữ gìn và phát triển những giá trị GD trong lịch sử

Câu 4. Hãy rút ra ứng dụng từ tính vĩnh hằng của GD

a.Thực hiện XH hóa GD b. Đưa những giá trị tốt đẹp nhất vào NDGD

c. GD liên tục d. Giữ gìn và phát triển những giá trị GD trong lịch sử

Câu 5. Hãy rút ra ứng dụng từ tính lịch sử của GD

a.Thực hiện XH hóa GD b. Đưa những giá trị tốt đẹp nhất vào NDGD

c. GD liên tục d. Giữ gìn và phát triển những giá trị GD trong lịch sử

Câu 6. Hãy rút ra ứng dụng từ tính nhân văn của GD

a.Thực hiện XH hóa GD b. Đưa những giá trị tốt đẹp nhất vào NDGD

c. GD liên tục d. Giữ gìn và phát triển những giá trị GD trong lịch sử

Câu 7. Hãy rút ra ứng dụng từ tính giai cấp của GD

a. Thực hiện XH hóa GD

b. Tuân thủ đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước

c. Giữ gìn và phát triển những giá trị GD trong lịch sử

d. Đưa những giá trị tốt đẹp nhất vào nội dung GD

Câu 8. Hãy rút ra ứng dụng từ tính dân tộc của GD

a.Thực hiện XH hóa GD

b.Tuân thủ đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước

c.Giữ gìn và phát triển những giá trị truyền thống dân tộc

d.Đưa những giá trị tốt đẹp nhất vào nội dung GD

Câu 9. GD là hiện tượng có ở:

a. Mọi loài động vật b.Động vật bậc cao

c. Loài người và động vật bậc cao d.XH loài người

Câu 10. Trong cấu trúc của quá trình GD, yếu tố nào đóng vai trò là chủ thể?

a.Nhà GD b.Người được GD

c.Nhà GD và người được GD d.Các lực lượng GD

Câu 11. Muốn nâng cao chất lượng quá trình GD phải nâng cao chất lượng:

a. GV b.Chất lượng cơ sở vật chất, phương tiện GD, tài liệu học tập

c. Môi trường GD d.Chất lượng các thành tố của QTGD

Câu 12. Có những gia đình có nhiều đời đều là những ca sĩ, nhạc sĩ tài giỏi, điều này có nghĩa là bẩm sinh- di truyền đóng vai trò là……trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách.

a. điều kiện b. quyết định c. định hướng d. tiền đề vật chất

Câu 13. Yếu tố nào giữ vai trò chủ đạo trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách?

a. Giáo dục b. Môi trường sống c. Hoạt động cá nhân d. Đặc điểm sinh học

Câu 14. Yếu tố nào giữ vai trò quyết định trực tiếp trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách?

a. Giáo dục b. Môi trường sống c. Hoạt động cá nhân d. Đặc điểm sinh học

Câu 15. …. là tiền đề điều kiện trong sự hình thành và phát triển nhân cách

a. Giáo dục b. Môi trường sống c. Hoạt động cá nhân d. Đặc điểm sinh học

Câu 16. Trong quá trình thực hiện chức năng XH,

a. GD chịu ảnh hưởng bởi các quá trình XH khác

b. GD chi phối sự phát triển của các thành tố GD khác

c. GD có sự tác động qua lại với các quá trình XH khác

d. GD chịu ảnh hưởng bởi các chính sách GD

Câu 17. Để đáp ứng yêu cầu của sự phát triển XH, GD cần phải

a. giữ cho ổn định trước sự biến đổi của XH

b. vận dụng mô hình GD của những nước tiên tiến

c. cải cách, chỉnh lý cho phù hợp với sự phát triển của XH

d. vận dụng mô hình GD trước đây

Câu 18. GD là một hiện tượng XH xuất hiện cùng với sự xuất hiện của

a. XH loài người b. nhà trường c. chữ viết d. Khoa học GD

Câu 19. Yếu tố nào được truyền từ cha mẹ sang con cái?

a. Cách sống b. Năng lực c. Vóc dáng d. Tính cách

Câu 20. Mối quan hệ giữa mục đích và mục tiêu GD là:

a. Mục tiêu GD chính là mục đích GD

b. Mục tiêu GD chính là sự cụ thể hóa của mục đích GD

c. Mục tiêu GD chính là cơ sơ để xây dựng mục đích GD

d. Mục tiêu GD và mục đích GD là hai khái niệm đồng đẳng

21. Nhân cách chủ yếu nói đến:

a. Phần "con" và phần "người" b.Phần p/ chất và năng lực

c. Thể chất và tinh thần d. Phần tự nhiên và xã hội

212. Nhân cách được hình thành và phát triển khi:

a.Con nguời mới sinh ra b. Con ngườn lên 3 tuổi

c. Con người đi học d. Con người tham gia các hoạt động XH

23. Vận dụng vai trò của yếu tố bẩm sinh-di truyền trong sự hình thành và phát triển nhân cách để chọn cách giải quyết phù hợp nhất:

a. Đầu tư nhiều tiền cho việc học. b. Cung cấp đầy đủ chế độ dinh dưỡng cho cơ thể

c. Tham gia tích cực các hoạt động. d. Xây dựng lối sống lành mạnh có văn hóa

24. Vai trò của giáo dục trong sự hình thành và phát triển nhân cách thể hiện:

a. Giáo dục là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển.

b. Giáo dục là chìa khóa mở cửa tiến vào tương lai.

c. Giáo dục là động lực thúc đẩy sự phát triển nhân cách.

d. GD vạch phương hướng, tổ chức sự hình thành và phát triển nhân cách

25. Di truyền tái tạo ở trẻ:

a. Những phẩm chất đạo đức giống cha mẹ. b. Những năng lực giống cha mẹ.

c. Những đặc điểm thể chất giống cha mẹ. d. Những thị hiếu thẩm mỹ giống cha mẹ

26. Vận dụng vai trò của yếu tố môi trường trong sự hình thành và phát triển nhân cách để chọn cách giải quyết phù hợp nhất:

a. Đầu tư nhiều tiền cho việc học. b. Cung cấp đầy đủ chế độ dinh dưỡng cho cơ thể.

c. Tham gia tích cực các hoạt động. d. Xây dựng lối sống lành mạnh có văn hóa.

27. Vận dụng vai trò của yếu tố hoạt động cá nhân sự hình thành và phát triển nhân cách để chọn cách giải quyết phù hợp nhất:

a. Đầu tư nhiều tiền cho việc học. b. Cung cấp đầy đủ chế độ dinh dưỡng cho cơ thể.

c. Tham gia tích cực các hoạt động. d. Xây dựng lối sống lành mạnh có văn hóa

28. Vận dụng vai trò của yếu tố giáo dục trong sự hình thành và phát triển nhân cách để chọn cách giải quyết phù hợp nhất:

a. Đầu tư nhiều tiền cho việc học. b. Cung cấp đầy đủ chế độ dinh dưỡng cho cơ thể.

c. Tham gia tích cực các hoạt động. d. Xây dựng lối sống lành mạnh có văn hóa

29. Đứa trẻ sinh ra có tư chất về âm nhạc

a. Nhất định đứa trẻ sẽ trở thành nhạc sỹ

b. Trong điều kiện thuận lợi đứa trẻ sẽ trở thành nhạc sỹ

c. Được giáo dục đứa trẻ sẽ trở thành nhạc sỹ

d. Đứa trẻ sẽ hoạt động hiệu quả hơn trong lãnh vực nhạc sỹ

30. Mục đích của quá trình GD được gọi là....của quá trình GD :

a. kết quả đạt được b. thành quả đạt được c.hiệu quả đạt được d. kết quả mong muốn

31. Nhiệm vụ của GD nước ta hiện nay là:

a. GD đức, trí, thể, mỹ và lao động b.Hình thành kiến thức, Kỹ năng, thái độc
c.Hình thành con người mới XHCN d. Nâng cao dân trí, ĐT nguồn nhân lực

32. Chức năng trội của quá trình GD theo nghĩa hẹp là hình thành:

a. Kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo b. Ý thức, thái độ, hành vi
c. Nhân cách phát triển toàn diện d. Kinh nghiệm lịch sử XH

33. Ở đâu có XH loài người thì ở đó có GD phản ánh tính…của GD

a. Nhân văn b. Vĩnh hằng c. Phổ biến d. Giai cấp

34. GD xuất hiện và tồn tại cùng với sự xuất hiện và tồn tại của XH loài người thể hiện tính:

a. Phổ biến b. Vĩnh hằng c. Nhân văn d. Giai cấp

34. Câu nói "Chế độ khác thì GD cũng khác" phản ánh tính:

a. Phổ biến b. Vĩnh hằng c. Dân tộc d. Giai cấp

35. Đào tạo con người VN phát triển toàn diện là mục tiêu hướng vào sự phát triển:

a. Xã hội b. Hệ thống GD c. Môn học d. Nhân cách

36. Trong cấu trúc của quá trình GD, yếu tố nào đóng vai trò định hướng:

a. Mục đích b.Nội dung c.Phương pháp, phương tiện d.GV& HS

37. Đối tượng nghiên cứu của GDH là quá trình…

a. đào tạo b.dạy học c .GD (nghĩa rộng) d.GD (nghĩa hẹp)

38. Quá trình tác động qua lại giữa nhà GD và người được GD nhằm hình thành ở người được GD nhân cách toàn diện gọi là quá trình…

a. đào tạo b.dạy học c .GD (nghĩa rộng) d.GD (nghĩa hẹp)

39. Nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài là mục tiêu ở cấp độ:

a. Xã hội b. Hệ thống GD c. Môn học d. Nhân cách

40. Căn cứ vào yếu tố nào để kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh:

a. Nội dung GD b. Mục đích GD c. Phương pháp GD d. Hình thức tổ chức GD

41. Hành động nào thể hiện GD (theo nghĩa hẹp):

a. Mẹ chỉ dẫn con chuyện bếp núc b. Thầy giáo hướng dẫn học sinh giải bài tập

c. Bố dạy con tập lái ô tô d. Bà hướng dẫn cháu cư xử lễ phép

42. Quá trình hoạt động phối hợp giữa GV và HS; trong đó, hoạt động của GV đóng vai trò chủ đạo, hoạt động của HS đóng vai trò chủ động nhằm hình thành kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo và thái độ gọi là quá trình…

a. GD(nghĩa rộng) b. GD (nghĩa hẹp) c. dạy học d.giáo dưỡng

43. Có phụ huynh cho rằng: "Chúng tôi có công sinh ra các cháu, còn việc dạy dỗ trăm sự nhờ thầy". Ý kiến này đã vi phạm nội dung nào trong nguyên lý GD?

a. Học đi đôi với hành b. GD kết hợp với lao động sản xuất

c. Lý luận gắn với thực tiễn d. GD nhà trường gắn với GD gia đình và GD XH

44. Nguyên lý GD của nước ta hiện nay là:

a. GD&DT là quốc sách hàng đầu, phát triển GD là nền tảng, động lực thúc đẩy sự nghiệp CNH-HĐH

b. Xây dựng nền GD có tính nhân dân, dân tộc, KH, hiện đại theo định hướng XHCN, lấy chủ nghĩa Mác – Lênin làm kim chỉ nam

c. GD là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và toàn dân, xây dựng XH học tập, học liên tục và học suốt đời

d. Học đi đôi với hành, GD kết hợp với lao động SX, lý luận gắn với thực tiễn, GD nhà trường kết hợp với GD gia đình và XH

45. GDH là 1 KH vì:

a. Có đối tượng NC, PP NC và các phạm trù riêng

b. Có người tiến hành NC là các nhà KH

c.Có cách nghiên cứu một cách KH

d.Có sản phẩm là các công trình KH

46. Khi nghiên cứu GDH nên sử dụng các phương pháp nghiên cứu:

a. Lý thuyết b.Thực tiễn c. Hỗ trợ d.Phối hợp các PP

47. Mục đích GD khác mục tiêu GD ở tính:

a. Khởi đầu b Đồng tâm c. Định hướng d. Khái quát

48.. Đối tượng nào sau đây cần được GD lại

a. Người có nhân cách lệch chuẩn b. Người vi phạm nội quy, quy chế

c. Người vi phạm đạo đức d. Người vi phạm pháp luật

49. Sắp xếp các cụm từ ở cột A cho phù hợp với các chức năng XH của GD ở cột B

CỘT A	CỘT B
a. Phát triển nguồn nhân lực	__ _Chức năng chính trị
b. Nâng cao dân trí	__ _Chức năng kinh tế-SX
c. Xây dựng hệ tư tưởng	_ __Chức năng văn hoá – XH

50. Hệ thống GD quốc dân Việt Nam bao gồm:

a.GD chính quy và GD thường xuyên

b.GD chính quy và GD không chính quy

c.GD mần non, GD phổ thông và GD nghề nghiệp

d.GD mần non, GD phổ thông và GD đại học

51.GD phổ thông bao gồm:

a. Phổ thông trung học và GD nghề nghệp

b.Trung học cơ sở và trung học phổ thông

c .Trung học phổ thông, cao đẳng và đại học

d.Tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông

PHỤ LỤC 6. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MODULE LÝ LUẬN DẠY HỌC

Câu 1. Quá trình dạy học là quá trình GV

a. truyền đạt, truyền thụ kiến thức cho học sinh

b. truyền đạt, truyền thụ kinh nghiệm lịch sử XH cho học sinh

c. truyền đạt, truyền thụ kinh nghiệm nền văn hóa XH cho học sinh

d. tổ chức, điều khiển và hướng dẫn học sinh học tập để đạt được mục tiêu DH

Câu 2. Trong mối quan hệ giữa các thành tố cấu trúc của quá trình dạy học, yếu tố nào đóng vai trò định hướng các yếu tố khác?

a. Nội dung dạy học b. GV&HS

c. Mục đích dạy học d. Phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức DH

Câu 3. Yếu tố nào đóng vai trò là chủ thể trong cấu trúc của quá trình dạy học?

a. Các lực lượng DH b.GV c. Học sinh d. GV và học sinh

Câu 4. Muốn nâng cao chất lượng quá trình dạy học phải nâng cao chất lượng

a. GV b. cơ sở vật chất, phương tiện, tài liệu DH

c. các thành tố của QTDH d. môi trường DH

Câu 5. Để tạo động lực học tập cho học sinh, GV cần phải:

a. Kích thích hứng thú học tập của HS

b. Khen ngợi học sinh, tạo môi trường học tập thuận lợi

c. Bổ sung kiến thức, trang thiết bị cho bài giảng

d. Đưa HS vào tình huống có vấn đề và kích thích họ tích cực giải quyết vấn đề

Câu 6. Một trong những điều kiện để mâu thuẫn thành động lực của quá trình dạy học là:

a. Mâu thuẫn phải vừa sức học sinh

b. Học sinh đã giải được mâu thuẫn đó

c. Mâu thuẫn phải làm cho học sinh không thể giải được

d. Mâu thuẫn đó học sinh không biết

Câu 7. Phản ánh mối quan hệ bên trong, khách quan, cơ bản, tất yếu và bền vững giữa các thành tố trong cấu trúc của QTDH gọi là

a. Nguyên tắc DH b. Nguyên lý DH c. Quy luật DH d. Nguyên tắc DH

Câu 8. Tính quy luật cơ bản của quá trình dạy học là:

a. Tính quy luật về tính quy định của XH đối với QTDH

b. Tính quy luật thống nhất biện chứng giữa DH và GD

c. Tính quy luật thống nhất biện chứng giữa DH và phát triển trí tuệ HS

d. Tính quy luật thống nhất biện chứng giữa hoạt động dạy của GV và hoạt động học của HS

Câu 9. Tính quy luật nào chi phối các quy luật còn lại?

a. Tính quy luật về tính quy định của XH đối với QTDH

b. Tính quy luật thống nhất biện chứng giữa DH và GD

c. Tính quy luật thống nhất biện chứng giữa DH và phát triển trí tuệ HS

d. Tính quy luật thống nhất biện chứng giữa hoạt động dạy của GV và hoạt động học của HS

Câu 10. Để quá trình dạy học đạt hiệu quả, nhà GD phải tuân thủ:

a. Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa vai trò chủ đạo của GV và vai trò tự giác, tích cực, độc lập của người học trong DH

b. Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa tính KH và tính GD trong DH

c. Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong DH

d. Hệ thống các nguyên tắc dạy học

Câu 11. Để người học phân biệt được các loại cây thuốc, trong quá trình dạy học, GV cần đặc biệt chú ý quán triệt nguyên tắc nào nhất?

a. Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa vai trò chủ đạo của GV và vai trò tự giác, tích cực, độc lập của người học trong DH

b. Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa tính KH và tính GD trong DH

c. Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa cái cụ thể và cái trừu tượng trong DH

d. Nguyên tắc đảm bảo sự vững chắc của tri thức, kỹ năng, kỹ xảo và tính mềm dẻo của tư duy trong DH.

Câu 12. Nguyên tắc dạy học là:

a. Triết lý GD chỉ dẫn QTDH

b. Nguyên lý GD chỉ dẫn QTDH

c. Luận điểm cơ bản của lý luận DH chỉ dẫn QTDH

d. Quy định của nhà trường chỉ dẫn QTDH

Câu 13. Nguyên tắc thống nhất giữa tính KH và GD là:

a. Đảm bảo tính KH trong MT, ND, PP và các khâu tổ chức QTDH

b. Đảm bảo tính GD trong MT, ND, PP và các khâu tổ chức QTDH

c.Vừa đảm bảo tính KH vừa đảm bảo tính GD trong MT, ND, PP và các khâu tổ chức QTDH

d. Đảm bảo việc hình thành nhân cách toàn diện đáp ứng sự phát triển của KH&CN

Câu 14. Trong quá trình dạy học, GV thường xuyên sử dụng "kinh nghiệm" của cá nhân, GV đã vi phạm nguyên tắc nào?

a. Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa tính KH với GD

b. Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn

c. Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa tính vừa sức chung và vừa sức riêng

d. Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa cái cụ thể và cái trừu tượng

Câu 15. Để đảm bảo nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, trong quá trình dạy học, GV phải:

a. Hình thành hệ thống lý thuyết cho học sinh

b. Hình thành lý thuyết và kỹ năng kỹ xảo cho học sinh

c. Hình thành lý thuyết, kỹ năng, thái độ cho học sinh

d. Vừa dạy lý thuyết vừa phải tổ chức cho học sinh thực hành

Câu 16. Để đảm bảo nguyên tắc thống nhất giữa tính vừa sức chung và vừa sức riêng trong quá trình dạy học, GV cần phải:

a. Phát triển đồng đều năng lực của tập thể HS trong lớp

b. Phát triển tối đa năng lực của các HS giỏi trong lớp

c. Phát triển tối đa năng lực của các HS yếu kém trong lớp

d. Phát triển đồng đều của tập thể HS và phát triển năng lực của mỗi HS trong lớp

Câu 17. Để đảm bảo nguyên tắc thống nhất giữa tính chủ đạo của GV và chủ động của học sinh trong quá trình dạy học:

a. GV và học sinh phối hợp ăn ý với nhau

b. GV để học sinh tự mình tiến hành việc học

c. GV làm thay học sinh

d. GV hướng dẫn, HS tự tiến hành hoạt động học của mình

Câu 18. Mục đích, mục tiêu dạy học phản ảnh:

a. Kết quả DH đạt được b. Thành quả DH đạt được

c. Kết quả DH mong muốn d. Hiệu quả DH

Câu 19. Mối quan hệ giữa mục đích dạy học và mục tiêu dạy học là:

a. Mục tiêu dạy học là mục đích dạy học

b. Mục tiêu dạy học là sự cụ thể hóa mục đích dạy học

c. Mục tiêu dạy học là cơ sở để xây dựng mục đích dạy học

d. Mục tiêu dạy học và mục đích dạy học là hai phạm trù đồng đẳng

Câu 20. Mục đích dạy học khác mục tiêu ở:

a.Tính đồng tâm b. Tính khái quát

c. Tính định hướng d.Tính hướng đích

Câu 21. Mục đích, mục tiêu của quá trình dạy học là:

a. Hình thành ở học sinh hệ thống ý thức, thái độ, hành vi

b. Hình thành ở học sinh hệ thống ý thức, thái độ, hành vi và thói quen hành vi

c. Hình thành ở học sinh hệ thống ý thức, thái độ, tình cảm thẩm mỹ

d. Hình thành ở học sinh hệ thống kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo và thái độ

Câu 22. Nhiệm vụ của qúa trình dạy học là:

a. GD con người Việt Nam phát triển toàn diện

b. Nâng cao dân trí, phát triển nhân lực, bồi dưỡng nhân tài

c. GD đạo đức, trí thức, sức khỏe và thẩm mỹ

d. Tổ chức hình thành ở học sinh hệ thống kiến thức, phát triển trí tuệ, kỹ năng, kỹ xảo và thái độ

Câu 23. Nội dung dạy học là:

a. Mô hình dự kiến về kết quả DH sẽ đạt được trong tương lai.

b. Hệ thống những luận điểm cơ bản có tính quy luật của lý luận DH, có vai trò chỉ dẫn toàn bộ tiến trình DH

c. Hệ thống những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, cách thức hoạt động, kinh nghiệm hoạt động sáng tạo và chuẩn mực về thái độ

d. Những luận điểm chung nhất có tính quy luật của QTGD, được rút ra từ các căn cứ KH và thực tiễn GD, có vai trò định hướng QTGD trong nhà trường đạt được MĐGD

Câu 24. Lĩnh vực NDDH được thực hiện trong nhà trường có cấu trúc và logic phù hợp với các ngành KH và thực tiễn tương ứng, phù hợp với những quy luật tâm-sinh lý của DH gọi là:

a. Môn học b. Kế hoạch GD c. Chương trình GD d. Giáo án

Câu 25. Văn bản do nhà nước ban hành trong đó quy định các môn học; trình tự dạy các môn học qua từng năm học; việc tổ chức năm học (số tuần thực học, số tuần lao động, và nghỉ, chế độ học tập hàng tuần, hàng ngày) gọi là:

a. Môn học b. Kế hoạch GD c. Chương trình GD d. Giáo án

Câu 26. Văn bản do nhà nước ban hành trong đó quy định vị trí, mục tiêu, nội dung, PP, số tiết, và cách thức đánh giá kết quả GD gọi là:

a. Môn học b. Kế hoạch GD c. Chương trình GD d. Giáo án

Câu 27. Tài liệu cụ thể hóa các yêu cầu về nội dung kiến thức và kỹ năng quy định trong chương trình GD của các môn học ở mỗi lớp của GD phổ thông, đáp ứng yêu cầu về phương pháp GD phổ thông

a. Môn học b. Kế hoạch GD c. Chương trình GD d. Sách giáo khoa

Câu 28. Sự chuẩn bị của GV đối với bài học. Trong đó GV xác định MT, các công việc và logic công việc mà họ muốn diễn ra trong bài giảng cùng những cách thức thực hiện chúng để đạt mục tiêu đã định.

a. Môn học b. Giáo án c. Chương trình GD d. Sách giáo khoa

Câu 29. Khi lựa chọn nội dung dạy học, GV cần căn cứ vào:

a. PPDH b. MĐDH c. HTTCDH d. Khả năng của GV

Câu 30. Khi lựa chọn nội dung dạy học cần đảm bảo

a. Tính GD kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo b.GD tư tưởng đạo đức

c. GD lối sống có văn hóa d.Tính GD toàn diện

Câu 31. Phương pháp dạy học là:

a. Cách thức DH của GV nhằm giúp cho HS hình thành kiến thức, kỹ năng và thái độ

b. Cách thức học tập của HS nhằm giúp cho HS hình thành kiến thức, kỹ năng và thái độ

c. Con đường hình thành kiến thức, kỹ năng và thái độ của HS

d. Cách thức hoạt động phối hợp giữa GV và HS nhằm giúp cho HS hình thành kiến thức, kỹ năng và thái độ

Câu 32. Mục tiêu của đổi mới phương pháp là nhằm:

a. Giúp học sinh nắm vững nội dung các môn học

b. Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS để chiếm lĩnh ND học tập

c. Phát huy nghiệp vụ sư phạm của GV

d. Giảm việc làm của GV trên lớp học

Câu 33. Mối quan hệ giữa PP dạy của GV và PP học của HS là:

a. Phương pháp dạy của GV chỉ đạo phương pháp học tập của học sinh

b. Phương pháp học tập của học sinh là triển khai tính sáng tạo, tính độc đáo

c. Phương pháp dạy của GV thích ứng với phương pháp học của học sinh

d. Phương pháp dạy của GV giữ vai trò định hướng, điều khiển, hướng dẫn phương pháp học của học sinh

Câu 34. Đặc điểm cơ bản của phương pháp dạy học tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh

a. Tổ chức hoạt động đa dạng, dạy cách học và tự học, tự nghiên cứu, tự kiểm tra, đánh giá và tự điều chỉnh phương pháp học tập cho học sinh.

b. Để học sinh tự sử dụng phương tiện, các trang thiết bị hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin vào trong qúa trình dạy học

c. Áp dụng hệ thống phương pháp mới

d. GV để học sinh tự học, tự nghiên cứu, tự kiểm tra, đánh giá và tự điều chỉnh phương pháp học tập của mình.

Câu 35. Căn cứ vào đâu để lựa chọn phương pháp dạy học?

a. Căn cứ vào mục tiêu, nội dung, phương tiện, đặc điểm tâm- sinh lý của học sinh, số lượng học sinh, khả năng sử dụng phương pháp của GV.

b. Căn cứ vào sở thích đối với các phương pháp dạy học của GV

c. Căn cứ vào sở thích đối với các phương pháp dạy học của học sinh

d. Căn cứ vào thói quen sử dụng phương pháp của GV và học sinh

Câu 36. Trong quá trình dạy học, GV cần sử dụng phương pháp dạy học nào phù hợp nhất để chuẩn bị tốt nhất cho người học khả năng thích ứng với cuộc sống?

a. PP động não b.Thảo luận c.Vấn đáp d. Giải quyết tình huống có vấn đề

Câu 37. Cách sử dụng câu hỏi như thế nào là hợp lí nhất?

a. Đặt câu hỏi, GV tự giải đáp

b. Chỉ định học sinh đứng lên rồi đặt câu hỏi

c. Đặt câu hỏi, để học sinh suy nghĩ sau đó trả lời câu hỏi

d. Đặt câu hỏi xong thì chỉ định học sinh trả lời

Câu 38. Học sinh mất trật tự, anh chị chọn cách nào sau đây?

a. Gọi HS đứng dậy phê bình trước lớp b. Mời HS đó ra khỏi lớp học

c.Dừng bài giảng, nhìn về phía HS mất trật tự d. Đặt câu hỏi và HSđó trả lời.

Câu 39. Để học sinh nhanh chóng đưa ra nhiều ý tưởng, ý kiến xây dựng nội dung dạy học, anh chị lựa chọn phương pháp dạy học nào phù hợp nhất?

a.PP động não b.Dạy học theo dự án

c.PP thực hành d.PP giải quyết tình huống có vấn đề

Câu 40. Để hình thành cho HS kỹ năng lập và thực hiện kết hoạch học tập nhằm thực hiện nhiệm vụ học tập để đạt MTDH, GV sử dụng PPDH nào phù hợp nhất?

a. PP trò chơi b. PP dạy học theo dự án

c. PP thảo luận nhóm d. Giải quyết tình huống có vấn đề

Câu 41. GV N đang giải bài tập mẫu cho HS, bỗng có HS phát hiện ra cô đã viết công thức sai và nếu tiếp tục giải sẽ không đúng. Nếu là GV N, anh chị chọn cách nào phù hợp nhất sau đây?

a.Ngừng giải và chuyển sang bài khác b.Cho cả lớp về nhà làm bài

c. Mời HS lên bảng chữa lại công thức và giải tiếp d.Để ngày mai GV giải lại

Câu 42. Đổi mới phương pháp dạy học là:

a.Tích cực sử dụng công nghệ thông tin b. Áp dụng các PPDH hiện đại

b. Bỏ các PPDH truyền thống c. Sử dụng PPDH phù hợp và hiệu quả

Câu 43. Trong một tiết lên lớp, GV cần:

a. Sử dụng phối hợp nhiều PPDH b. Sử dụng một PPDH

c. Sử dụng PPDH hiện đại d. Sử dung PPDH truyền thống

Câu 44. Để kịp thời điều chỉnh quá trình dạy học, trong quá trình dạy học, cần:

a. Kiểm tra, đánh giá tổng kết b. Tổ chức các kỳ thi

c. Kiểm tra, đánh giá định kỳ c. Kiểm tra đánh giá thường xuyên

Câu 45. Phương tiện dạy học là:

a. Những công cụ, thiết bị mà người dạy và người học sử dụng trong QTDH nhằm đạt được mục đích DH

b.Thành tựu của KH- kỹ thuật được sử dụng trong quá trình dạy học

c. Công nghệ thông tin được sử dụng trong quá trình dạy học

d. Sách giáo khoa, tài liệu dạy học

Câu 45. Căn cứ vào đâu để lựa chọn phương tiện dạy học?

a. Mục đích, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức DH, đặc điểm tâm - sinh lý của HS, khả năng của GV, không gian, cơ sở vật chất của nhà trường.

b. Sở thích đối với các phương tiện dạy học của GV

c. Sở thích đối với các phương tiện dạy học của học sinh

d. Thói quen sử dụng phương tiện của GV và học sinh

Câu 46. Cách tổ chức, sắp xếp hoạt động DH theo một trật tự và một chế độ nhất định nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ và đạt được mục tiêu DH gọi là

a.PPDH b. NDDH c. HTTCDH d. Giáo án

Câu 47. Tổ chức cho người học được trực tiếp quan sát và nghiên cứu các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên hay XH để thu thập thông tin phục vụ cho học tốt các môn học gọi là:

a. Hình thức tổ chức DH lớp – bài b. Hình thức tham quan học tập

c. Hình thức tổ chức hoạt động ngoại khóa d. Hình thức DH nhóm

Câu 48. Căn cứ vào đâu để lựa chọn hình thức tổ chức dạy học?

a. Mục tiêu, nội dung, tài liệu học tập, đặc điểm tâm – sinh lý, với điều kiện hoàn cảnh thực tế.

b. Sở thích sử dụng các phương tiện dạy học của GV

c. Sở thích đối với các phương tiện dạy học của học sinh

d. Thói quen sử dụng phương tiện của GV và học sinh

Câu 49. Ở nhà trường phổ thông, HTTCDH nào là HTTDH cơ bản?

a.Hình thức thảo luận b.Hình thức tổ chức hoạt động ngoại khóa

c.Hình thức tổ chức DH lớp – bài d.Hình thức tham quan học tập

Câu 48. Khi dạy lớp học rất đông học sinh, nội dung bài dạy rất phức tạp, thời gian rất ít, GV sử dụng PPDH nào sau đây phù hợp nhất?

a. Thuyết trình b. Vấn đáp c. Thảo luận d. Nêu và giải quyết vấn đề

Câu 50. GV cho học sinh làm những bài tập rất khó đến nỗi không có học sinh nào làm được, GV đã vi phạm nguyên tắc dạy học chính yếu nào?

a. Nguyên tắc thống nhất giữa tính vừa sức chung và vừa sức riêng

b. Nguyên tắc thống nhất giữa tính KH và GD

c. Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn

d. Nuyên tắc thống nhất giữa tính chủ đạo của GV và chủ động của học sinh

Câu 51. Bản chất của qua trình dạy học là:

a. Quá trình nhận thức độc đáo của HS dưới sự hướng dẫn của GV

b.Quá trình tổ chức các hoạt động và giao lưu

d.Quá trình giao tiếp giữa GV và hoc sinh

PHỤ LỤC 7. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MODULE LÝ LUẬN GIÁO DỤC

Câu 1. Quá trình GD là:

a.Quá trình GV truyền đạt, truyền thụ kiến thức cho HS

b.Quá trình GV truyền đạt, truyền thụ kinh nghiệm lịch sử XH cho HS

c.Quá trình GV truyền đạt, truyền thụ kinh nghiệm nền văn hóa XH cho HS

d.Quá trình GV tổ chức, điều khiển và hướng dẫn HS học tập để đạt được MTGD

Câu 2. Trong các thành tố cấu trúc của quá trình GD, yếu tố nào đóng vai trò định hướng các yếu tố khác?

a. GV và HS b. NDGD c. MĐGD d. PP, PT, HTTCGD

Câu 3. Yếu tố nào đóng vai trò là chủ thể trong cấu trúc của quá trình dạy học?

a.GV b.Lực lượng GD c.Người được GD d.Người GD và người được GD

Câu 4. Muốn nâng cao chất lượng quá trình GD phải nâng cao chất lượng

a. nhà GD b. cơ sở vật chất, phương tiện GD

c. môi trường GD d. chất lượng các thành tố của QTGD

Câu 5. Bản chất của QTGD là:

a. Quá trình tổ chức các hoạt động và giao lưu trong cuộc sống nhằm giúp cho người được GD tự giác, độc lập, tích cực chuyển hóa ý thức, thái độ, hành vi, thói quen theo những chuẩn mực XH và thời đại.

b. Quá trình nhận thức (độc đáo), hình thành kỹ năng, kỹ xảo và thái độ của người được GD dưới sự tổ chức hướng dẫn của GV.

c. Quá trình nhận thức (độc đáo), của người được GD dưới sự tổ chức hướng dẫn của GV.

d. Quá trình tổ chức các hoạt động hoạt động và giao lưu trong cuộc sống nhằm giúp cho người được GD tự giác, độc lập, tích cực chuyển hóa kiến thức, kỹ năng, thái độ thành cái của bản thân.

Câu 6. Từ tính lâu dài và liên tục, nhà GD cần phải:

a. Không được nôn nóng, vội vàng đốt cháy giai đoạn, cần phải có tính kiên trì, bền bỉ nhẫn nại và có tính tự kiềm chế cao.

b. Bồi dưỡng cho trẻ khả năng phân tích, đánh giá, phân biệt những tác động tích cực với những tác động tiêu cực; lòng mong muốn và khả năng định hướng, tiếp nhận những tác động tích cực

c. Bên cạnh những tác động GD chung đến người được GD, nhà GD cần có những tác động riêng phù hợp với từng đối tượng GD, trong từng tình huống cụ thể. Không nên tiến hành GD một cách rập khuôn, máy móc.

d. Trước khi GD cần nghiên cứu để nắm rõ đặc điểm tâm - sinh lý, hoàn cảnh của đối tượng và tình huống GD cần được thực hiện nơi đối tượng GD

Câu 7. Từ tính phức tạp của GD, nhà GD cần phải:

a. Không được nôn nóng, vội vàng đốt cháy giai đoạn, cần phải có tính kiên trì, bền bỉ nhẫn nại và có tính tự kiềm chế cao.

b. Bồi dưỡng cho trẻ khả năng phân tích, đánh giá, phân biệt những tác động tích cực với những tác động tiêu cực; lòng mong muốn và khả năng định hướng, tiếp nhận những tác động tích cực

c. Bên cạnh những tác động GD chung đến người được GD, nhà GD cần có những tác động riêng phù hợp với từng đối tượng GD, trong từng tình huống cụ thể. Không nên tiến hành GD một cách rập khuôn, máy móc.

d. Trước khi GD cần nghiên cứu để nắm rõ đặc điểm tâm - sinh lý, hoàn cảnh của đối tượng và tình huống GD cần được thực hiện nơi đối tượng GD

Câu 8. Từ tính cụ thể của GD, nhà GD cần phải:

a. Không được nôn nóng, vội vàng đốt cháy giai đoạn, cần phải có tính kiên trì, bền bỉ nhẫn nại và có tính tự kiềm chế cao.

b. Bồi dưỡng cho trẻ khả năng phân tích, đánh giá, phân biệt những tác động tích cực với những tác động tiêu cực; lòng mong muốn và khả năng định hướng, tiếp nhận những tác động tích cực

c. Bên cạnh những tác động GD chung đến người được GD, nhà GD cần có những tác động riêng phù hợp với từng đối tượng GD, trong từng tình huống cụ thể. Không nên tiến hành GD một cách rập khuôn, máy móc.

d. Cần chú ý để đối tượng GD luôn nhận được sự GD ở mọi nơi, mọi chỗ và mọi lúc bằng một QTGD có kế hoạch, bằng tổ chức sự phối hợp GD giữa các lực lượng GD

Câu 9. Để tạo động lực trong quá trình GD HS, GV cần phải:

a. Kích thích hứng thú học tập của HS

b. Khen ngợi HS, tạo môi trường thoải mái, cởi mở

c. Bổ sung kiến thức, trang thiết bị dạy học cho bài giảng

d. Tạo tình huống có vấn đề và kích thích HS tích cực giải quyết vấn đề

Câu 10. Động lực quả quá trình GD là:

a. Động cơ phấn đấu để đạt mục tiêu, để thành đạt

b.Việc phát hiện và giải quyết các mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình GD.

c. Nhu cầu học tập, cần thiết, bức thiết

d. Môi trường GD tác động tích cực

Câu 11. Mâu thuẫn nào sau đây là mâu thuẫn bên trong của quá trình GD?

a. Mâu thuẫn giữa yêu cầu cao do XH mới đề ra đối với nhân cách người lao động với mục đích, nhiệm vụ và các yếu tố khác được đề ra trong QTGD HS chưa đáp ứng được.

b. Mâu thuẫn giữa những tác động định hướng tích cực của QTGD đến người được GD với những ảnh hưởng tiêu cực của môi trường XH đối với các em,...

c. Mâu thuẫn giữa sự tiến bộ của KH công nghệ với những yêu cầu mới đề ra trong QTGD

d. Mâu thuẫn giữa các thành tố trong cấu trúc của quá trình GD và giữa các yếu tố trong từng thành tố

Câu 12. Mâu thuẫn cơ bản của QTGD là:

a. Mâu thuẫn giữa yêu cầu, nhiệm vụ GD mới đang được đặt ra cho người được GD với trình độ được GD và phát triển hiện có của người được GD.

b. Mâu thuẫn giữa mục đích, nhiệm vụ GD đã được nâng cao với nội dung GD chưa được đổi mới

c. Mâu thuẫn giữa những tác động định hướng tích cực của QTGD đến người được GD với những ảnh hưởng tiêu cực của môi trường XH đối với các em,...

d. Mâu thuẫn giữa yêu cầu cao do XH mới đề ra đối với nhân cách người lao động với mục đích, nhiệm vụ và các yếu tố khác được đề ra trong QTGD HS chưa đáp ứng được.

Câu 13. Giải quyết mâu thuẫn nào sẽ tạo ra động lực chủ yếu?

a. Mâu thuẫn giữa mục đích, nhiệm vụ GD đã được nâng cao với nội dung GD chưa được đổi mới.

b. Mâu thuẫn giữa nội dung GD đã được đổi mới với PPGD còn lạc hậu.

c. Mâu thuẫn giữa yêu cầu, nhiệm vụ GD mà XH đề ra cho người được GD với trình độ GD hiện có của HS

d. Mâu thuẫn giữa lời nói của người được GD thì hay với việc làm thì dở

Câu 14. Một trong những điều kiện để mâu thuẫn thành động lực của quá trình GD là:

a.Mâu thuẫn phải vừa sức HS b.HS đã giải quyết được mâu thuẫn đó

c.Mâu thuẫn phải làm cho HS không thể giải được d.Mâu thuẫn đó HS không biết

Câu 15. Các khâu của quá trình GD bao gồm?

a. Tổ chức, điều khiển người được GD hình thành ý thức - Tổ chức, điều khiển người được GD hình thành thái độ, niềm tin và tình cảm - Tổ chức, điều khiển người được GD hình thành hành vi và thói quen

b. Tổ chức điều khiển người được GD hình thành hệ thống kiến thức, phát triển trí tuệ - Tổ chức điều khiển người được GD hình thành kỹ năng, kỹ xảo - Tổ chức điều khiển người được GD hình thành thái độ

c. Tổ chức nâng cao dân trí - Tổ chức phát triển nhân lực - Tổ chức điều khiển người được GD hình thành bồi dưỡng nhân tài

d. Tổ chức GD đạo đức - Tổ chức hình thành trí thức - Tổ chức GD sức khỏe và thẩm mỹ

Câu 16. Phản ánh mối liên hệ tất yếu, chủ yếu và bền vững của QTGD với các hiện tượng khác cũng như mối quan hệ giữa các thành tố của nó, phản ánh cái bản chất trong sự vận động của chúng được gọi là

a.Nguyên tắc GD b.Nguyên lý GD c.Quy luật GD d.Nguyên tắc GD

Câu 17. Tính quy luật nào sau đây là tính quy luật cơ bản của quá trình GD?

a. Tính quy luật về mối quan hệ thống nhất biện chứng giữa vai trò chủ đạo của nhà GD với vai trò tự giác, chủ động, tích cực của đối tượng GD

b. Tính quy luật về mối quan hệ thống nhất biện chứng giữa các tác động GD có tính toàn vẹn đối với các mặt nhận thức-lý trí, tình cảm-động cơ và kỹ năng hành động-hành vi của người được GD.

c. Tính quy luật về mối quan hệ thống nhất biện chứng giữa mục đích GD-nội dung GD-PPGD.

d.Tính quy luật về mối quan hệ thống nhất biện chứng giữa QTGD với QTDH

Câu 18. Tính quy luật nào chi phối các quy luật còn lại?

a.Tính quy luật về mối quan hệ thống nhất biện chứng giữa vai trò chủ đạo của nhà GD với vai trò tự giác, chủ động, tích cực của đối tượng GD

b. Tính quy luật về mối quan hệ thống nhất biện chứng giữa các tác động GD có tính toàn vẹn đối với các mặt nhận thức-lý trí, tình cảm-động cơ và kỹ năng hành động-hành vi của người được GD.

c. Tính quy luật về mối quan hệ thống nhất biện chứng giữa mục đích GD-nội dung GD-PPGD.

d. Tính quy luật về mối quan hệ thống nhất biện chứng giữa hiệu quả của QTGD với việc tổ chức hợp lý các hoạt động và các mối quan hệ giao lưu của người được GD

Câu 19. Những luận điểm cơ bản có tính qui luật của lý luận GD, có vai trò định hướng trong việc tổ chức các hoạt động GD, chỉ dẫn việc lựa chọn ND, PP và hình thức tổ chức GD nhằm làm cho QTGD đạt được MĐ đã đề ra được gọi là:

a.Nguyên tắc GD b.Nguyên lý GD c.Quy luật GD d.Quy tắc GD

Câu 20. GV tổ chức cho HS lao động chỉ để điểm danh và lấy thành tích thi đua, GV này đã vi phạm nguyên tắc GD nào?

a. Nguyên tắc gắn GD với thực tiễn đời sống XH, với lao động

b. Nguyến tắc đảm bảo tính mục đích của GD

c. Nguyên tắc GD trong tập thể và bằng tập thể

d. Nguyên tắc thống nhất biện chứng giữa hoạt động chủ đạo của nhà GD với hoạt động chủ động, tích cực và độc lập của người được GD

Câu 21. Mục tiêu của quá trình GD (theo nghĩa hẹp) là:

a. Hình thành ở HS hệ thống kiến thức, kỹ năng và thái độ

b. Hình thành ở HS hệ thống ý thức, thái độ, hành vi và thói quen hành vi

c. Hình thành ở HS hệ thống ý thức, thái độ, tình cảm thẩm mỹ

d. Hình thành ở HS hệ thống kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo và thái độ

Câu 22. Để đảm bảo nguyên tắc thống nhất giữa tính chủ đạo của GV và chủ động của HS, trong quá trình GD,

a.GV và HS phối hợp ăn ý với nhau b. GV để HS tự tiến hành các hoạt động GD

c.GV làm thay HS d.GV hướng dẫn, HS tự tiến hành các hoạt động GD

Câu 23. Quán triệt nguyên tắc GD nào giúp GV vận dụng sáng tạo các nội dung GD, tìm tòi những PP, biện pháp và hình thức tổ chức GD phù hợp nhằm thực hiện tốt nhất mục đích GD đã đề ra?

a. Nguyến tắc đảm bảo tính mục đích của GD

b. Nguyên tắc gắn GD với thực tiễn đời sống XH, với lao động

c. Nguyên tắc GD trong tập thể và bằng tập thể

d. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống, tính kế tiếp và tính liên tục của QTGD

Câu 24. Để quán triệt nguyên tắc gắn GD với thực tiễn đời sống XH, với lao động, GV cần:

a. Tổ chức và thu hút người được GD vào các hoạt động XH: tham gia vào lao động sản xuất, các phong trào chính trị, kinh tế, quốc phòng, văn hóa, XH.

b. Lôi cuốn người được GD vào trong tập thể của họ. Lôi cuốn họ tham gia tích cực, chủ động vào các hoạt động tập thể, các mối quan hệ trong tập thể.

c. Tạo lập mối quan hệ thường xuyên giữa nhà trường và gia đình, giữa cha mẹ HS, và thầy cô. Cần trao đổi thông tin hàng tháng, hàng tuần về tất cả những gì đang xẩy ra ở lớp, ở nhà của HS**.**

d. Liên kết, phối hợp tổ chức các hoạt động GD để GD HS, sinh viên mọi nơi mọi lúc theo mục tiêu đã cùng hoạch định.

Câu 25. Để quán triệt nguyên tắc GD trong tập thể và bằng tập thể, GV cần:

a. Tổ chức và thu hút người được GD vào các hoạt động XH: tham gia vào lao động sản xuất, các phong trào chính trị, kinh tế, quốc phòng, văn hóa, XH,…

b. Lôi cuốn người được GD vào trong tập thể của họ. Lôi cuốn họ tham gia tích cực, chủ động vào các hoạt động tập thể, các mối quan hệ trong tập thể.

c. Tạo lập mối quan hệ thường xuyên giữa nhà trường và gia đình, giữa cha mẹ HS, và thầy cô. Cần trao đổi thông tin hàng tháng, hàng tuần về tất cả những gì đang xẩy ra ở lớp, ở nhà của HS**.**

d. Liên kết, phối hợp tổ chức các hoạt động GD để GD HS mọi nơi mọi lúc theo mục tiêu đã cùng hoạch định.

Câu 26. Để quán triệt nguyên tắc thống nhất giữa GD ý thức, thái độ và hành vi, GV cần:

a.Thực hiện đầy đủ các khâu của QTGD b. Đề ra những yêu cầu cao

c. Đề ra những yêu cầu hợp lý d**.**Tạo ra động lực của quá trình GD

Câu 27. Để quán triệt nguyên tắc tôn trọng nhân cách người được GD kết hợp với yêu cầu hợp lý trong qúa trình GD, GV cần:

a. Đề ra những yêu cầu cho tất cả HS thực hiện

b. Đề ra những yêu cầu vừa sức HS

c. Đề ra những yêu cầu cao để HS không thể thực hiện được

d. Đề ra những yêu cầu cao mà HS đã từng thực hiện được

Câu 28. Xây dựng nội dung GD, tiến hành những tác động GD, những hoạt động GD theo một hệ thống logic; GD thường xuyên, liên tục ở mọi nơi, mọi lúc là yêu cầu của nguyên tắc GD nào

a. Nguyên tắc đảm bảo tính vừa sức và tính cá biệt trong QTGD

b. Nguyên tắc phát huy ưu điểm để khắc phục khuyết điểm

c. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống, tính kế tiếp và tính liên tục

d. Nguyên tắc đảm bảo tính mục đích của GD

Câu 29. Để quán triệt nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa các lực lượng GD, GV cần:

a.Thống nhất giữa nhà trường với gia đình và XH về mục tiêu, nội dung, phương pháp GD, hình thức tổ chức GD và cách liên kết GD.

b.Thống nhất giữa nhà trường với gia đình và XH về kế hoạch tài chính của nhà trường.

c.Thống nhất giữa nhà trường với gia đình và XH về nội quy, quy chế , quy định của nhà trường,.

d.Thống nhất giữa nhà trường với gia đình và XH về kế hoạch dạy thêm và học thêm.

Câu 30. Để quán triệt nguyên tắc đảm bảo tính vừa sức và tính cá biệt trong quá trình GD, GV cần:

a.Xây dựng những yêu cầu, nội dung, phương pháp GD cho phù hợp với trình độ phát triển nhân cách của từng HS.

b.Xây dựng những yêu cầu, nội dung, phương pháp GD để phát triển đồng đều nhân cách của tất cả HS.

c.Xây dựng những yêu cầu, nội dung, phương pháp GD để phát triển nhóm HS giỏi, ngoan.

d.Xây dựng những yêu cầu, nội dung, phương pháp GD để phát triển nhóm HS yếu kém.

Câu 31. “Lấy xây để chống”, “tăng cường sinh lực để phòng chống bệnh tật” đề cập tới nguyên tắc GD nào?

a. Nguyên tắc đảm bảo tính vừa sức và tính cá biệt trong quá trình GD

b. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống, tính kế tiếp và tính liên tục của QTGD

c. Nguyên tắc phát huy ưu điểm để khắc phục khuyết điểm

d. Nguyên tắc thống nhất biện chứng giữa hoạt động chủ đạo của nhà GD với hoạt động chủ động, tích cực và độc lập của người được GD

Câu 32. “Chống bệnh thành tích trong GD” mà không chú ý GD tính trung thực, thật thà vi phạm nguyên tắc GD nào dưới đây?

a.Nguyên tắc đảm bảo tính vừa sức và tính cá biệt trong quá trình GD

b.Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống, tính kế tiếp và tính liên tục của QTGD

c.Nguyên tắc phát huy ưu điểm để khắc phục khuyết điểm

d.Nguyên tắc thống nhất biện chứng giữa hoạt động chủ đạo của nhà GD với hoạt động chủ động, tích cực và độc lập của người được GD

Câu 33. “GV A gọi S đọc tiếng Anh. Cầm sách lên, ngập ngừng mãi mà S vẫn không đọc được. Sốt ruột vì mất thời gian, bực mình thầy A la lớn: Sao mà ngu thế! Thôi đi về mà học tiếng Miên chứ học tiếng Anh cái nỗi gì! Cả lớp ngỡ ngàng vì S lại chính là người dân tộc Khơ me. Còn S nghe thầy lớn tiếng, mắc cỡ, mặt đỏ bừng gục xuống bàn suốt cả thời gian còn lại của tiết học. Hôm sau đến tiết Anh văn, chỗ ngồi của S bỏ trống”.

Trong tình huống trên, GV A đã vi phạm nguyên tắc GD nào?

a. Nguyên tắc đảm bảo tính vừa sức và tính cá biệt

b. Nguyên tắc tôn trọng nhân cách người được GD kết hợp với yêu cầu hợp lý

c. Nguyên tắc phát huy ưu điểm để khắc phục khuyết điểm

d. Nguyên tắc gắn GD với thực tiễn đời sống XH, với lao động

Câu 34. Để QTGD đạt hiệu quả, nhà GD cần phải tuân thủ:

a. Nguyên tắc đảm bảo tính mục đích của GD

b. Hệ thống các nguyên tắc GD, vận dụng và phối hợp chúng một cách linh hoạt, sáng tạo vào các tình huống cụ thể.

c. Nguyên tắc gắn GD với thực tiễn đời sống XH, với lao động

d. Nguyên tắc thống nhất giữa GD ý thức, thái độ và hành vi

Câu 35…….là quá trình tác động hình thành cho HS ý thức, tình cảm, niềm tin và thói quen hành vi chuẩn mực XH trong cuộc sống.

a.GD đạo đức b.GD chính trị c.GD thẩm mỹ d.GD trí tuệ

Câu 36. Quá trình tác động của nhà GD tới người học nhằm hình thành cho họ nhận thức, thái độ và hành vi chuẩn mực phù hợp với đường lối quan điểm của Đảng và Nhà nước, phấn đấu cho một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, XH công bằng, dân chủ và văn minh được gọi là:

a.GD đạo đức b.GD chính trị c.GD thẩm mỹ d.GD hướng nghiệp

Câu 37. Quá trình tác động đến các đối tượng GD nhằm hình thành cho họ ý thức, thái độ và hành vi sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật gọi là:

a.GD đạo đức b.GD pháp luật c.GD thẩm mỹ d.GD chính trị

Câu 38. …..là sự tác động có mục đích, có nội dung, có phương pháp, có tổ chức của nhà GD đến đối tượng GD nhằm nâng cao sức khỏe (thể chất và tinh thần), hình thành và phát triển các yếu tố thể chất cho họ.

a.GD thể chất b.GD đạo đức c.GD thẩm mỹ d.GD lao động

Câu 39. Sự tác động có mục đích, có nội dung, có phương pháp, có tổ chức của nhà GD đến đối tượng GD nhằm hình thành và phát huy năng lực cảm thụ, thưởng thức, yêu mến, đánh giá, sáng tạo và hành động theo cái đẹp, đồng thời có thái độ phản đối, loại bỏ những cái xấu, phản thẩm mỹ trong đời sống XH được gọi là:

a.GD thể chất b.GD đạo đức c.GD thẩm mỹ d.GD lao động

Câu 40. GD cho HS thái độ đúng đắn đối với lao động: có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc, nghề nghiệp, có thói quen lao động cần cù, bền bỉ, có ý thức tổ chức, kỉ luật, lao động sáng tạo, có năng suất cao gọi là:

a.GD thể chất b.GD đạo đức c.GD thẩm mỹ d.GD lao động

Câu 41. Những tác động định hướng nghề nghiệp cho người được GD giúp họ lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở trường, nguyện vọng, hứng thú của cá nhân và phù hợp với yêu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động gọi là:

a.GD nghề nghiệp b.GD đạo đức c.GD hướng nghiệp d.GD lao động

Câu 42. Để thực hiện nhiệm vụ GD đạo đức cho HS, GV cần thực hiện các yêu cầu nào sau đây:

a.GD cho HS những phẩm chất như thật thà, trung thực, thẳng thắn, khiêm tốn, tự trọng, nhân ái, bao dung, giúp đỡ người khác, lễ phép, kính trên, nhường dưới.

b.Giúp cho HS có những hiểu biết về pháp luật, có ý thức, thái độ, thói quen sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật.

c.Giúp HS nhận thức cái đẹp, cảm thụ cái đẹp, yêu mến cái đẹp, đánh giá cái đẹp, sáng to và hành động theo cái đẹp

d.Trang bị cho HS kiến thức lao động, kỹ năng và thái độ lao động đúng đắn.

Câu 43. Phương pháp GD là:

a. Cách thức GD của GV nhằm giúp cho HS hình thành kiến thức, kỹ năng và thái độ

b. Cách thức tác động của nhà GD đến người được GD nhằm hình thành cho họ ý thức, thái độ, hành vi phù hợp với chuẩn mực và yêu cầu của XH.

c. Con đường hình thành kiến thức, kỹ năng và thái độ của HS

d. Cách thức hoạt động phối hợp giữa GV và HS nhằm giúp cho HS hình thành kiến thức, kỹ năng và thái độ

Câu 44. Khi đối tượng GD nhận thức sai dẫn đến hành động sai; nhận thức đúng nhưng hành động sai. Nhà GD nên sử dụng phương pháp nào phù hợp nhất?

a.Phương pháp khuyên bảo (thuyết phục) b.Phương pháp thảo luận

c.Phương pháp tạo dư luận d.Phương pháp nêu gương

Câu 45. Để hình thành những thói quen, thành những thuộc tính bền vững của nhân cách, trong QTGD, nên sử dụng phương pháp nào phù hợp nhất?

a. PP luyện tập b. PP giao việc

c. PP tổ chức tham gia vào các hoạt động XH. d. PP thi đua

Câu 46. Đưa vào tập thể luồng ý kiến chính thống để đấu tranh, phê phán một hiện tượng sai lầm xảy ra trong tập thể, để mọi HS suy ngẫm, tự xác định cho mình một quan điểm đúng được gọi là:

a. PP khuyên bảo (thuyết phục) b. PP thảo luận

c. PP tạo dư luận d. PP nêu gương

Câu 47. Gặp HS đang bỏ tiết ra quán chơi game, GV chọn phương án nào phù hợp nhất sau đây?

a. Bỏ qua, coi như không hay biết gì

b. Báo cho cha mẹ HS, báo với GV bộ môn và GV chủ nhiệm

c. Đưa vấn đề ra trước lớp phê bình

d. Gọi HS ra khỏi quán, phân tích tác hại, khuyên không nên lặp lại, rồi dẫn HS vào lớp học.

Câu 48. Căn cứ vào đâu để lựa chọn phương pháp GD?

a. Căn cứ vào mục tiêu, nội dung, phương tiện, đặc điểm tâm- sinh lý của HS, số lượng HS, khả năng sử dụng phương pháp của GV.

b. Căn cứ vào sở thích đối với các phương pháp GD của GV

c. Căn cứ vào sở thích đối với các phương pháp GD của HS

d. Căn cứ vào thói quen sử dụng phương pháp của GV và HS

Câu 49. Để HS thích ứng tốt với đời sống, GV sử dụng PP nào phù hợp nhất?

a. PP tổ chức tham gia vào các hoạt động thực tiễn XH.

b. PP giao việc c. PP luyện tập d. PP nêu gương

Câu 50. Để cho các em HS hoạt động tích cực hơn, GV sử dụng phương pháp nào phù hợp nhất?

a.Phương pháp khen thưởng b.Phương pháp trách phạt

c.Phương pháp thi đua d.Phương pháp nêu gương

PHỤ LỤC 8. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MODULE QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG

Câu 1. Ai là người giữ vai trò chủ đạo trong phối hợp các lực lượng GD trong một lớp học?

a. GV giảng dạy bộ môn b. Hội trưởng phụ huynh HS

c. Bí thư chi đoàn d. GV chủ nhiệm

Câu 2. Quản lý nhà trường là:

a. Hoạt động của các cơ quan quản lý GD nhằm tập hợp và tổ chức các hoạt động của GV, HS và các lực lượng GD khác, huy động tối đa các nguồn lực GD để nâng cao chất lượng GD &ĐT trong nhà trường.

b. Hoạt động của các cơ quan quản lý GD nhằm tập hợp và tổ chức hoạt động dạy học của GV, HS nhằm nâng cao chất lượng QTDH trong nhà trường.

c. Hoạt động của các cơ quan quản lý GD nhằm tập hợp và tổ chức các hoạt động GD ngoài giờ lên lớp nhằm nâng cao chất lượng GD &ĐT trong nhà trường.

d. Hoạt động của các cơ quan quản lý GD nhằm tập hợp và tổ chức các hoạt động của GV, HS để nâng cao chất lượng GD&ĐT trong nhà trường.

Câu 3. Mục đích của quản lý nhà trường là:

a. Xây dựng, khai thác, phát triển và định hướng các nguồn lực GD; nâng cao chất lượng và hiệu quả GD

b. Xây dựng và hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy tổ chức GD

c. Xây dựng và hoàn thiện bộ máy quản GD

d. Phát triển đội ngũ GV chủ nhiệm, GV bộ môn và công nhân viên.

Câu 4. Quản lý nhà trường bằng hệ thống các văn bản, các quy chế, chế tài…nhằm đảm bảo cho cả hệ thống GD hoạt động có nề nếp chất lượng và hiệu quả là:

a. Bộ GD và đào tạo b. Sở GD và đào tạo

c. Phòng GD và đào tạo d. Ban giám hiệu nhà trường

Câu 5…….là cấp quản lý trực tiếp các hoạt động GD trong nhà trường.

a. Bộ GD và đào tạo b. Sở GD và đào tạo

c. Phòng GD và đào tạo d. Ban giám hiệu nhà trường

Câu 6. Thực hiện việc chỉ đạo và giám sát nhà trường thực hiện các chương trình GD thuộc về cấp:

a. Bộ GD và đào tạo b. Sở GD và đào tạo, phòng GD &ĐT

c. Ban giám hiệu nhà trường d. Hiệu trưởng

Câu 7. Các nguồn lực GD bao gồm:

a. Đội ngũ cán bộ quản lý, GV, công nhân viên, hội cha mẹ HS

b. Đội ngũ cán bộ quản lý, GV, gia đình, đoàn thể, chính quyền, các cơ quan, đơn vị sản xuất, doanh nghiệp.

c. Đội ngũ cán bộ quản lý, GV, cơ sở vật chất và thiết bị trường học, nguồn tài chính của nhà trường

d. Nhân lực GD, ngân sách GD, các lực lượng GD XH, cơ sở vật chất và thiết bị trường học

Câu 8. Làm thế nào để đảm bảo tính KH trong hoạt động quản lý?

a. Kế hoạch hóa, thực hiện, kiểm tra và điều chỉnh

b. Thực hiện kế hoạch một cách có hệ thống

c. Thực hiện kế hoạch theo trình tự logic đã xác định

d. Chuẩn bị thực hiện, thực hiện, kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch.

Câu 9. Làm thế nào để đảm bảo nguyên tắc quản lý theo chất lượng trong hoạt động quản lý?

a. Mỗi trường học phải có sứ mệnh, mục tiêu và chính sách chất lượng, công bố các tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, đảm bảo chất lượng.

b. Mỗi trường học phải có cơ quan kiểm định chất lượng bên trong

c. Mỗi trường học phải có cơ quan kiểm định chất lượng bên trong và bên ngoài.

d. Môi trường phải công khai kết quả của kiểm định chất lượng

Câu 10. Làm thế nào đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ trong lãnh đạo nhà

trường?

a. Động viên và phối hợp với các lực lượng GD cùng tham gia vào công tác quản lý nhà trường

b. Động viên và phối hợp với các tổ chức đoàn thể, các tập thể GV, công nhân viên cùng tham gia vào công tác quản lý nhà trường

c. Động viên và phối hợp với các tổ chức đoàn thể, các tập thể GV, công nhân viên cùng tham gia vào công tác quản lý nhà trường.

d. Động viên và phối hợp với các tập thể GV, công nhân viên, cha mẹ HS cùng tham gia vào công tác quản lý nhà trường

Câu 11.Bộ máy quản lý nhà trường bao gồm:

a. Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng

b. Ban giám hiệu, chi bộ đảng, đoàn thanh niên

c. Ban giám hiệu, chi bộ đảng, công đoàn cơ sở, đoàn thanh niên

d. Ban giám hiệu, các bộ phận chức năng, các đoàn thể

Câu 12. Những nội dung mà nhà quản lý GD cần thực hiện là:

a. Quản lý toàn bộ nhân lực, vật lực, tài lực trong nhà trường; quản lý hoạt động dạy học và GD.

b. Kế hoạch hóa hoạt động nhà trường, tổ chức thực hiện, kiểm tra và đánh giá việc thự hiện kế hoạch

c. Xây dựng chương trình hành động của nhà trường theo năm học, kiểm tra và đánh giá chương trình hành động

d. Tổ chức thực hiện kế hoạch GD, kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch GD

Câu 13. Phương thức quản lý nhà trường bao gồm:

a. Quản lý toàn bộ nhân lực, vật lực, tài lực trong nhà trường; quản lý hoạt động dạy học và GD.

b. Tổ chức đội ngũ các thầy giáo, công nhân viên và tập thể HS thực hiện tốt các nhiệm vụ trong chương trình công tác của nhà trường.

c. Chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thực hiện nghiêm túc chương trình năm học, học kỳ

d. Kế hoạch hóa hoạt động nhà trường, tổ chức thực hiện kế hoạch, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm học

Câu 14. Kế hoạch hóa trong quản lý GD bao gồm:

a. Xác định mục tiêu, nội dung công tác, thời gian, biện pháp thực hiện, phương tiện thực hiện người chịu trách nhiệm thực hiện và sản phẩm dự kiến.

b. Xác định các môn học, trình tự dạy các môn học, số tuần thực học, số tuần lao động và nghỉ, chế độ học tập hàng tuần, hàng ngày

c. Xác định vị trí, mục đích các môn học, phạm vi và hệ thống nội dung các môn học, số tiết dành cho môn học.

d. Xác định vị trí, mục đích các môn học, phạm vi và hệ thống nội dung các môn học, số tiết dành cho môn học, giải thích và hướng dẫn thực hiện chương trình.

Câu 15. Một trong những nhiệm vụ của hiệu trưởng trong quản lý nhà trường phổ thông là:

a.Tổ chức tất cả các hoạt động của nhà trường

b.Thay mặt nhà trường quản lý và GD toàn diện HS trong một lớp học cụ thể.

c.Xây dựng bộ máy tổ chức tự quản của lớp

d.Thiết lập tốt các mối quan hệ trong tập thể HS ở một lớp học cụ thể

Câu 16. Những phẩm chất và năng lực cần có của người hiệu trưởng là:

a. GV giỏi, nhà sư phạm tiêu biểu, có kỹ năng tổ chức, quản lý GD, am hiểu pháp luật và đường lối GD, nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm chung cao trong công tác, đạo đức tốt.

b. GV giỏi, nhà sư phạm tiêu biểu, có trình độ chuyên môn cao, am hiểu pháp luật và đường lối GD, nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm chung cao trong công tác, đạo đức tốt.

c. Người có kỹ năng tổ chức, quản lý GD, am hiểu pháp luật và đường lối GD, nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm chung cao trong công tác, đạo đức tốt

d. GV có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm giỏi, am hiểu pháp luật và đường lối GD, nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm chung cao trong công tác, đạo đức tốt

Câu 17. Với tư cách là GV chủ nhiệm lớp, vai trò nào sau đây cần thực hiện:

a. Thay mặt nhà trường quản lý và GD toàn diện HS trong một lớp học cụ thể; cầu nối giữa các lực lượng GD trong và ngoài nhà trường với tập thể HS; người đại diện cho quyền lợi và nghĩa vụ của tập thể HS.

b. Tổ chức tất cả các hoạt động của nhà trường theo đúng quan điểm, đường lối của Đảng, Nhà nước, Bộ GD và đào tạo, Sở GD và đào tạo.

c. Đảm bảo cho bộ máy nhà trường hoạt động theo đúng kế hoạch từng năm học với tinh thần khẩn trương, tích cực và sáng tạo; luôn kiểm tra, giám sát, uốn nắn kịp thời những ai sót điều chỉnh công việc chung.

d. Giữ vững khối đoàn kết nhất trí trong tập thể, trong trường. Kịp thời động viên khen thưởng những người đạt thành tích tốt.

Câu 18. Với tư cách là GV chủ nhiệm lớp, anh (chị) thực hiện những chức năng nào dưới đây:

a. Quản lý toàn diện hoạt động của HS trong một lớp học; xây dựng tập thể và GD toàn diện HS trong lớp; phối hợp và thống nhất các tác động GD HS lớp mình chủ nhiệm; kiểm tra, đánh giá kết quả GD toàn diện HS lớp mình chủ nhiệm.

b. Tổ chức tất cả các hoạt động của nhà trường theo đúng quan điểm, đường lối của Đảng, Nhà nước, Bộ GD và đào tạo, Sở GD và đào tạo.

c. Đảm bảo cho bộ máy nhà trường hoạt động theo đúng kế hoạch từng năm học với tinh thần khẩn trương, tích cực và sáng tạo; luôn kiểm tra, giám sát, uốn nắn kịp thời những ai sót điều chỉnh công việc chung.

d. Giữ vững khối đoàn kết nhất trí trong tập thể, trong trường. Kịp thời động viên khen thưởng những người đạt thành tích tốt.

Câu 19. Trong nhà trường, đơn vị nào đóng vai trò quan trọng nhất?

a. Tổ giáo vụ, hành chính, quản trị, tài vụ. b. Tổ chuyên môn

c. Tổ GD chính trị, văn thể. d. Tổ GD lao động và hướng nghiệp

Câu 20. Nên chọn những GV nào làm tổ trưởng tổ chuyên môn?

a. GV phải có phẩm chất tốt, chuyên môn tốt, năng lực sư phạm giỏi, đoàn kết làm việc, có khả năng hợp tác tốt

b. GV phải có phẩm chất tốt, chuyên môn tốt, năng lực sư phạm giỏi, đoàn kết làm việc, có khả năng phối hợp các lực lượng GD

c. GV có phẩm chất tốt, chuyên môn tốt, năng lực sư phạm giỏi, đoàn kết làm việc, có năng lực quản lý.

d. GV phải có chuyên môn cao, năng lực sư phạm giỏi, đoàn kết làm việc, có khả năng phối hợp các lực lượng GD

Câu 21. Quản lý HS lớp học, đảm bảo trật tự, kỉ cương trong nhà trường, tổ chức các hoạt động GD, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của HS theo tuần, học kì năm học là công tác chính của tổ nào?

a. Tổ giáo vụ, hành chính, quản trị, tài vụ. b. Tổ GD chính trị, văn thể.

c. Tổ chuyên môn d. Tổ GV chủ nhiệm lớp

Câu 22. Tổ nào có nhiệm vụ giảng dạy các môn học theo chương trình GD cấp học, chịu trách nhiệm bảo đảm chất lượng bộ môn mình?

a. Tổ GD chính trị, văn thể. b Tổ chuyên môn

c Tổ GV chủ nhiệm lớp d.Tổ GD lao động và hướng nghiệp

Câu 23. Ngoài những công việc của một GV bộ môn giảng dạy trong lớp, GV chủ nhiệm lớp phải thực hiện những nhiệm vụ nào sau đây:

a. Nghiên cứu, nắm vững tình hình HS của lớp; xây dựng bộ máy tổ chức tự quản của lớp; thiết lập tốt các mối quan hệ trong tập thể; tổ chức các hoạt động đa dạng cho tập thể HS; phối hợp với GV bộ môn và các lực lượng GD khác để GD HS; xây dựng, quản lí hồ sơ lớp chủ nhiệm

b. Quản lý toàn diện hoạt động của HS trong một lớp học; xây dựng tập thể và GD toàn diện HS trong lớp; phối hợp và thống nhất các tác động GD HS lớp

mình chủ nhiệm; kiểm tra, đánh giá kết quả GD toàn diện HS lớp mình chủ nhiệm.

c. Thay mặt nhà trường quản lý và GD toàn diện HS trong một lớp học cụ thể; cầu nối giữa các lực lượng GD trong và ngoài nhà trường với tập thể HS; người đại diện cho quyền lợi và nghĩa vụ của tập thể HS

d. Tổ chức tất cả các hoạt động của nhà trường theo đúng quan điểm, đường lối của Đảng, Nhà nước, Bộ GD và đào tạo, Sở GD và đào tạo, nhà trường

Câu 24. Nghiên cứu để nắm vững tình hình chung của lớp và của từng HS để:

a. Để xây dựng và tổ chức kế hoạch năm học phù hợp với đặc điểm chung của lớp và đặc điểm riêng của từng HS.

b. Để tạo điều kiện cho tất cả HS học tập và rèn luyện tốt hơn

c. Để báo cáo với ban giám hiệu lập kế hoạch phụ đạo cho HS kém và giỏi

d. Để có chế độ chính sách phù hợp với mọi đối tượng HS

Câu 25. GV chủ nhiệm lớp cần chọn ban cán sự là những HS thỏa mãn điều kiện nào sau đây:

a. Có học lực từ loại khá trở lên, tư cách đạo đức tốt, nhiệt tình, tích cực tham gia vào các hoạt động tập thể, có năng khiếu văn nghệ, thể dục, thể thao, gương mẫu

b. Có học lực từ loại khá trở lên, nhiệt tình, tích cực tham gia vào các hoạt động tập thể, có năng khiếu văn nghệ, thể dục, thể thao,

c. Có tư cách đạo đức tốt, nhiệt tình, tích cực tham gia vào các hoạt động tập thể, có năng khiếu văn nghệ, thể dục, thể thao, gương mẫu

d. Có học lực từ loại khá trở lên, đạo đức tốt, nhiệt tình, tích cực tham gia vào các hoạt động tập thể, có năng khiếu văn nghệ, thể dục, thể thao, gương mẫu, biết quản lí tập thể.

Câu 26. Trong các hoạt động đa dạng, tổ chức hoạt động nào là hoạt động quan trọng nhất của HS?

a. Hoạt động lao động b. Hoạt động học tập

c.Hoạt động của các đoàn thể d.Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao

Câu 27. Lực lượng nào quyết định chất lượng hoạt động GD trong nhà trường?

a. Đội ngũ GV b. Công nhân viên c. Cán bộ quản lý d. Nhân lực GD

Câu 28. Tổ chức nào quản lý cao nhất trong nhà trường?

a. Chi bộ đảng b. Đoàn thanh niên c. Ban giám hiệu d. công doàn cơ sở

Câu 29. Tổ chức nào lãnh đạo cao nhất trong nhà trường?

a. Hội đồng sư phạm b. Chi bộ đảng c. Ban Giám hiệu d. Công đoàn cơ sở

Câu 30. Trực tiếp thực hiện chương trình GD là nhiệm vụ của tổ nào?

a. Tổ chủ nhiệm b. Tổ văn phòng c.Tổ chuyên môn d. Tổ văn thể

Câu 31. Hiệu trưởng Trường A đã tự quyết định phân công giờ giảng cho GV B không thông qua tổ chuyên môn. Hiệu trưởng đã vi phạm nguyên tắc nào trong quản lý trường học.

a. Nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của đảng b. Nguyên tắc đảm bảo tính dân chủ

c. Nguyên tắc đảm bảo tính KH d. Nguyên tắc đảm bảo tính thiết thực

Câu 32. Hiệu trưởng quyết định tổ chức thi GV dạy giỏi nhưng không lập kế hoạch trước. Hiệu trưởng đã vi phạm nguyên tắc nào trong quản lý trường học.

a. Nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của đảng

b. Nguyên tắc đảm bảo tính dân chủ

c. Nguyên tắc đảm bảo tính KH

d. Nguyên tắc đảm bảo tính thiết thực

Câu 33. Để có cơ sở xây dựng chương trình, kế hoạch học tập cho lớp chủ nhiệm, GV chủ nhiệm cần thực hiện nhiệm vụ nào sau đây:

a. Nghiên cứu, nắm vững tình hình HS của lớp

b. Xây dựng bộ máy tổ chức tự quản của lớp

c. Thiết lập tốt các mối quan hệ trong tập thể

d. Tổ chức các hoạt động đa dạng cho tập thể HS

Câu 34.Chọn ai làm GV chủ nhiệm lớp là phù hợp nhất?

a. GV đã giảng dạy lớp b. GV không dạy lớp

c. GV đang dạy lớp d. GV có chuyên môn giỏi

Câu 35. Đối với các đoàn thể trong lớp, GV chủ nhiệm thực hiện:

a. Quan hệ cấp trên-cấp dưới b. Quan hệ cố vấn

c. Quan hệ tình cảm d. Quan hệ thầy trò

Câu 36. Đối với tập thể HS, GV chủ nhiệm lớp đóng vai trò là

a. Người định hướng, điều khiển, điều chỉnh, các hoạt động tự quản của tập thể HS

b. Là người làm thay các công việc của tập thể HS

c. Là người trực tiếp điều khiển các hoạt động của tập thể lớp

d. Là người bao biện cho việc làm của tập thể HS

Câu 37. Để có những tác động GD thích hợp, GV chủ nhiệm cần sử dụng phương pháp nào là phù hợp nhất?

a. PP vận động quần chúng b. PPGD cá biệt

c. PP tổ chức sinh hoạt tập thể d. PP tổ chức các hoạt động

Câu 38. Sử dụng phương pháp nào là phù hợp nhất để thống nhất mục tiêu, nội dung và phương pháp GD HS nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp trong GD HS?

a. PP vận động quần chúng b. PP tác động song song

c. PP tổ chức sinh hoạt tập thể d. PP tổ chức các hoạt động

Câu 39. Để HS tự xác định cho mình quyền lợi và nghĩa vụ; tu dưỡng, phấn đấu vì mục tiêu, lí tưởng chung, GV chủ nhiệm sử dụng PP nào phù hợp nhất?

a. PP vận động quần chúng b. PP tác động cá biệt

c. PP tổ chức sinh hoạt tập thể d. PP tổ chức các hoạt động

Câu 40. ….. là hoạt động cơ bản, là nhiệm vụ trung tâm của các tập thể HS

a. Vui chơi giải trí, văn hóa, văn nghệ, b Thể dục thể thao

c. Sinh hoạt đoàn thể d. Học tập

Câu 41. Tập thể HS thực hiện chức năng:

a. tổ chức, GD, động viên b. giám sát, kiểm tra, đánh giá

c. chỉ huy-phục tùng d. phân loại HS

Câu 42. Sinh hoạt tập thể cần phải

a. Bắt buộc và bình đẳng b. Tự do và bình đẳng

c. Tự do và tự nguyện d. Tự nguyện và bình đẳng

Câu 43. Ở giai đoạn tập thể vững mạnh, GV chủ nhiệm cần phải

a. rút dần ra sau hậu trường để chỉ dẫn ban tự quản làm việc

b. phải giải quyết tất cả những công việc cho

c. theo dõi giúp đỡ các kế hoạch đầu năm học

d. chỉ nghe ban tự quản lớp báo cáo

Câu 44. Để xây dựng tập thể vững mạnh, con đường quan trọng nhất là:

a. Xây dựng tốt các mối quan hệ b. Tổ chức các hoạt động đa dạng

c. Xây dựng truyền thống tập thể d. Xây dựng và hướng dẫn dư luận lành mạnh

Câu 45. Để giúp cho HS thực hiện mục tiêu của cuộc sống, GV sử dụng con đường nào là phù hợp nhất?

a. Xây dựng và hướng dẫn dư luận lành mạnh b. Tổ chức các hoạt động đa dạng

c.Xây dựng các viễn cảnh tương lai cho tập thể d. Xây dựng truyền thống tập thể

Câu 46. Lập kế hoạch chủ nhiệm lớp bao gồm:

a. Xác định MT, ND, PP, PT, lực lượng tham gia, thời gian tiến hành.

b. Xây dựng, quản lí hồ sơ, sổ sách lớp chủ nhiệm

c. Xây dựng cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành lớp

d. Xây dựng và tổ chức bộ máy tự quản cho lớp

Câu 47. Nhà giáo là những người:

a. Làm việc trong ngành GD

b. Làm việc trong các trường học

c.Làm việc trường học và các trung tâm GD thường xuyên

d.làm nhiệm vụ giảng dạy, GD trong nhà trường, cơ sở GD khác

Câu 48.Nhà giáo phải có những tiêu chuẩn nào sau đây?

a. Phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; đạt trình độ chuẩn được ĐT về chuyên môn, nghiệp vụ; đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; lý lịch bản thân rõ ràng

b. Có trình độ chuyên môn cao, tư cách đạo đức tốt, nghiệp vụ sư phạm vững vàng, đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp, chủ nhiệm giỏi

c. Có trình độ chuyên môn đạt chuẩn, tư cách đạo đức tốt, nghiệp vụ sư phạm cao, đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp, thiết lập các mối quan hệ tốt

d. Có trình độ chuyên môn đạt chuẩn, tư cách đạo đức tốt, nghiệp vụ sư phạm cao, đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp, quản lý tốt

Câu 49. Đối tượng lao động sư phạm của GV là

a. nhân cách của người học b. con người c. cá nhân d.c á tính

Câu 50. Công cụ lao động của GV là

a. phương tiện dạy học b. nhân cách của GV c. cơ sở vật chất d. tài liệu DH

Câu 51. Sản phẩm lao động của GV là

a.nhân cách của HS b.nhân cách của GV

c. nhân cách của tập thể sư phạm d. phẩm chất và năng lực của GV

Câu 52. Phương pháp lao động sư phạm của GV là:

a. Cách thức tổ chức hoạt động dạy học

b. Cách thức tổ chức hoạt động GD ngoài giờ lên lớp

c. Cách thức tổ chức hoạt động lao động

d. Cách thức tổ chức các hoạt động đa dạng cho người học

PHỤ LỤC 9

ĐÁP ÁN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ MODULE NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA GIÁO DỤC HỌC

Câu	Phương án				Câu	Phương án				Câu	Phương án				Câu	Phương án			
1	a	b	c	D	15	a	b	c	d	29	a	b	c	d	43	a	b	c	d
2	a	b	c	D	16	a	b	c	d	30	a	b	c	d	44	a	b	c	d
3	a	b	c	D	17	a	b	c	d	31	a	b	c	d	45	a	b	c	d
4	a	b	c	D	18	a	b	c	d	32	a	b	c	d	46	a	b	c	d
5	a	b	c	D	19	a	b	c	d	33	a	b	c	d	47	a	b	c	d
6	a	b	c	D	20	a	b	c	d	34	a	b	c	d	48	a	b	c	d
7	a	b	c	D	21	a	b	c	d	35	a	b	c	d	49	a	Kinh tế - sản xuất		
8	a	b	c	D	22	a	b	c	d	36	a	b	c	d		b	Văn hóa – xã hội		
9	a	b	c	D	23	a	b	c	d	37	a	b	c	d		c	Chính trị		
10	a	b	c	D	24	a	b	c	d	38	a	b	c	d	50	a	b	c	d
11	a	b	c	D	25	a	b	c	d	39	a	b	c	d	51	a	b	c	d
12	a	b	c	D	26	a	b	c	d	40	a	b	c	d					
13	a	b	c	D	27	a	b	c	d	41	a	b	c	d					
14	a	b	c	D	28	a	b	c	d	42	a	b	c	d					

a.

ĐÁP ÁN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MODULE LÝ LUẬN DẠY HỌC

Câu	Phương án				Câu	Phương án				Câu	Phương án				Câu	Phương án			
1	a	b	c	D	15	a	b	c	d	29	a	b	c	d	43	a	b	c	d
2	a	b	c	D	16	a	b	c	d	30	a	b	c	d	44	a	b	c	d
3	a	b	c	D	17	a	b	c	d	31	a	b	c	d	45	a	b	c	d
4	a	b	c	D	18	a	b	c	d	32	a	b	c	d	46	a	b	c	d
5	a	b	c	D	19	a	b	c	d	33	a	b	c	d	47	a	b	c	d
6	a	b	c	D	20	a	b	c	d	34	a	b	c	d	48	a	b	c	d

7	a	b	c	D	21	a	b	c	d	35	a	b	c	d	49	a	b	c	d
8	a	b	c	D	22	a	b	c	d	36	a	b	c	d	50	a	b	c	d
9	a	b	c	d	23	a	b	c	d	37	a	b	c	d	51	a	b	c	d
10	a	b	c	d	24	a	b	c	d	38	a	b	c	d	52	a	b	c	d
11	a	b	c	d	25	a	b	c	d	39	a	b	c	d	53	a	b	c	d
12	a	b	c	d	26	a	b	c	d	40	a	b	c	d					
13	a	b	c	d	27	a	b	c	d	41	a	b	c	d					
14	a	b	c	d	28	a	b	c	d	42	a	b	c	d					

ĐÁP ÁN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MODULE QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG

Câu	Phương án				Câu	Phương án				Câu	Phương án				Câu	Phương án			
1	a	b	c	d	15	a	b	c	d	29	a	b	c	d	43	a	b	c	d
2	a	b	c	d	16	a	b	c	d	30	a	b	c	d	44	a	b	c	d
3	a	b	c	d	17	a	b	c	d	31	a	b	c	d	45	a	b	c	d
4	a	b	c	d	18	a	b	c	d	32	a	b	c	d	46	a	b	c	d
5	a	b	c	d	19	a	b	c	d	33	a	b	c	d	47	a	b	c	d
6	a	b	c	d	20	a	b	c	d	34	a	b	c	d	48	a	b	c	d
7	a	b	c	d	21	a	b	c	d	35	a	b	c	d	49	a	b	c	d
8	a	b	c	d	22	a	b	c	d	36	a	b	c	d	50	a	b	c	d
9	a	b	c	d	23	a	b	c	d	37	a	b	c	d					
10	a	b	c	d	24	a	b	c	d	38	a	b	c	d					
11	a	b	c	d	25	a	b	c	d	39	a	b	c	d					
12	a	b	c	d	26	a	b	c	d	40	a	b	c	d					
13	a	b	c	d	27	a	b	c	d	41	a	b	c	d					
14	a	b	c	d	28	a	b	c	d	42	a	b	c	d					

PHỤ LỤC 10. Module: LÝ LUẬN DẠY HỌC

(Mã số: 2-LLDH)

1) Số tín chỉ: 1

2) Điều kiện để thực hiện module

- Điều kiện tiên quyết: Module. Những vấn đề chung của GDH
- Điều kiện song hành: không

3) Mục đích

Dạy học về hệ thống lý luận cơ bản về dạy học bao gồm: quá trình dạy học, quy luật, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, phương tiện, các hình thức tổ chức dạy học ở nhà trường hiện nay.

4) Định hướng kết quả học tập

Sau khi học xong module này SV có khả năng:

- Phân tích được khái niệm, bản chất và cấu trúc của quá trình dạy học
- Xác định được nhiệm vụ của dạy học, động lực của quá trình dạy học, logic của quá trình dạy học;
- Giải thích được các quy luật của quá trình dạy học
- Xác định và phân tích được các nguyên tắc dạy học, nội dung dạy học, phương pháp dạy học, phương tiện dạy học và các hình thức tổ chức dạy học.
- Tổ chức được qúa trình dạy học hợp theo quy luật nhận thức, đúng theo logic của quá trình dạy học;
- Phối hợp và tác động phù hợp đến các thành tố cấu trúc của qúa trình dạy học;
- Tạo ra được động lực của quá trình dạy học;
- Thực hiện theo đúng quy luật và nguyên tắc dạy học;
- Lựa chọn nội dung dạy học phù hợp với mục tiêu, đối tượng dạy học,...

- Sử dụng các phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học phù hợp và hiệu quả.

- Tích cực, chủ động tổ chức qúa trình dạy học hợp theo quy luật nhận thức, theo đúng logic của quá trình dạy học; tạo ra được động lực trong quá trình dạy học; tuân thủ quy luật của quá trình dạy học; quán triệt tốt các nguyên tắc dạy học; xác định đúng nội dung, sử dụng phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học phù hợp và hiệu quả.

5) Nội dung dạy học

5.1) Quá trình dạy học

5.2) Tính quy luật của quá trình dạy học

5.3) Nguyên tắc dạy học

5.4) Nội dung dạy học

5.5) Phương pháp dạy học

5.6) Phương tiện dạy học

5.7) Hình thức tổ chức dạy học

5.8) Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

(***Lưu ý: Nội dung chi tiết được thể hiện trong một số giáo trình, tài liệu tham khảo ở mục 8 dưới đây***)

6) Hoạt động dạy học

- Hoạt động 1. *GV tổ chức hướng dẫn cho SV tự học, tự nghiên cứu (3 tiết) bao gồm:*

+ Xác định mục đích việc tự học tự, tự nghiên cứu, tự trải nghiệm;

+ GV giao cho SV các nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu về các nội dung của module bao gồm: Quá trình dạy học, tính quy luật của quá trình dạy học, nguyên tắc dạy học, nội dung dạy học, phương pháp dạy học, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.

+ Giáo viên hướng dẫn cho SV cách thức tiến hành các nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu, tự trải nghiệm.

+ GV hướng dẫn cho SV lập kế hoạch tự học, tự nghiên cứu module DH

+ GV hướng dẫn cho SV cách học báo cáo các sản phẩm tự học, tự nghiên cứu trên lớp

- ***Hoạt động 2.*** *SV lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch tự học, tự nghiên cứu, thực hành làm các bài tập (ít nhất 30 tiết).*

- ***Hoạt động 3***. Giáo viên tổ chức cho SV báo cáo các sản phẩm của hoạt động tự học, tự nghiên cứu ở trên lớp dưới các hình thức như thuyết trình, trình bày sản phẩm, thảo luận nhóm, vấn đáp, Xemina, thực hành… Từ đó rút ra những kết luận và đề xuất hướng ứng dụng vào thực tiễn (11 tiết).

Kế hoạch báo cáo các tiểu module trong 11 tiết:

Tiết 1 và 2. Báo cáo nội dung 5.1) Quá trình dạy học

Tiết 3. Báo cáo nội dung 5.2) Tính quy luật của quá trình dạy học

Tiết 4. Báo cáo nội dung 5.3) Nguyên tắc dạy học

Tiết 5 và 6. Báo cáo nội dung 5.4) Nội dung dạy học

Tiết 7 và 8. Báo cáo nội dung 5.5) Phương pháp dạy học

Tiết 9. Báo cáo nội dung 5.6) Phương tiện dạy học

Tiết 10. Báo cáo nội dung 5.7) Hình thức tổ chức dạy học

Tiết 11. Báo cáo nội dung 5.8) Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

7) Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập (1 tiết) (xem phụ lục 6)

8) Hỗ trợ người học

- Người học có thể đọc một số giáo trình, tài liệu tham khảo sau: [5], [16], [10], [19], [29], [30,T1], [35], [36], [39], [49], [51], [52], [54], [57, T1], [58], [67], [79], [80], [88], [89],...

- Sau khi thực hiện xong bài kiểm tra, SV có thể xem đáp án Phụ lục 9

- GV tạo điều kiện thuận lợi cho SV gặp gỡ để trao đổi, hướng dẫn, giải đáp những thắc mắc trong quá trình học tập.

PHỤ LỤC 11. Module: LÝ LUẬN GIÁO DỤC

(Mã số: 3- LLGD)

1) Số tín chỉ: 1

2) Điều kiện để thực hiện module

- Điều kiện tiên quyết: Những vấn đề chung của GDH
- Điều kiện song hành: không

3) Mục tiêu

Dạy học về hệ thống lý luận cơ bản về dạy học bao gồm: QTGD, nguyên tắc GD, NDGD và PPGD

4) Định hướng kết quả học tập

- Phân tích được khái niệm, đặc điểm, bản chất và cấu trúc của QTGD
- Xác định được động lực, các khâu của quá trình GD;
- Xác định và phân tích được nguyên tắc GD, NDGD, và PPGD.
- Tổ chức được qúa trình dạy học hợp theo quy luật nhận thức, theo đúng các khâu của QTGD;
- Phối hợp và tác động phù hợp đến các thành tố cấu trúc của qúa trình giáo dục.
- Tạo ra được động lực trong quá trình GD
- Thực hiện theo đúng các nguyên tắc GD trong quá trình GD
- Lựa chọn nội dung GD phù hợp với mục tiêu, đối tượng DH,...
- Sử dụng phương pháp GD phù hợp và hiệu quả
- Tích cực, chủ động tổ chức qúa trình GD hợp theo quy luật nhận thức, theo đúng các khâu của quá trình GD; tạo ra được động lực của quá trình GD; quán triệt tốt các nguyên tắc GD; xác định đúng nội dung GD, sử dụng phương pháp GD phù hợp và hiệu quả.

5) Nội dung dạy học

5.1) Quá trình giáo dục

5.2) Tính quy luật của quá trình giáo dục

5.3) Nguyên tắc GD

5.4) Nội dung GD

5.5) Phương pháp GD

(***Lưu ý: Nội dung chi tiết được thể hiện trong một số giáo trình, tài liệu tham khảo ở mục 8 dưới đây***)

6) Chiến lược dạy học

- Hoạt động 1. *GV tổ chức hướng dẫn cho SV tự học, tự nghiên cứu (3 tiết) bao gồm:*

+ Xác định mục đích việc tự học tự, tự nghiên cứu, tự trải nghiệm;

+ GV giao cho SV các nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu về các nội dung của module bao gồm: Quá trình giáo dục, tính quy luật của quá trình giáo dục nguyên tắc GD, nội dung GD, phương pháp GD

+ Giáo viên hướng dẫn cho SV cách thức tiến hành các nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu, tự trải nghiệm.

+ GV hướng dẫn cho SV lập kế hoạch tự học, tự nghiên cứu module DH

+ GV hướng dẫn cho SV cách học báo cáo các sản phẩm tự học, tự nghiên cứu trên lớp.

- Hoạt động 2. *SV lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch tự học, tự nghiên cứu, thực hành làm các bài tập (ít nhất 30 tiết).*

- Hoạt động 3. GV tổ chức cho SV báo cáo các sản phẩm của hoạt động tự học, tự nghiên cứu ở trên lớp dưới các hình thức như trình bày sản phẩm, thuyết trình, thảo luận nhóm, xemina, thực hành,… Từ đó rút ra những kết luận và đề xuất hướng ứng dụng vào thực tiễn (11 tiết).

Kế hoạch báo cáo các tiểu module trong 11 tiết:

Tiết 1, 2. Báo cáo nội dung 5.1) Quá trình giáo dục

Tiết 3. Báo cáo nội dung 5.2) Tính quy luật của quá trình giáo dục

Tiết 4, 5. Báo cáo nội dung 5.3). Nguyên tắc GD

Tiết 6, 7, 8, 9. Báo cáo nội dung 5.4) Nội dung GD

Tiết 10, 11. Báo cáo nội dung 5.5) Phương pháp GD

7) Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập (5 tiết) (xem phụ lục 7)

8) Hỗ trợ người học

- Người học có thể đọc một số giáo trình và tài liệu tham khảo sau: [19], [30, T2], [31], [37], [45], [51], [52], [57, T2], [61],[88], [89], [90],...

- Sau khi thực hiện xong bài kiểm tra, SV có thể xem đáp án dưới đây để tự kiểm tra, đánh giá [xem phụ lục 9]

- GV tạo điều kiện thuận lợi cho SV gặp gỡ để trao đổi, hướng dẫn, giải đáp những thắc mắc trong quá trình học tập.

PHỤ LỤC 12. Module: QUẢN LÝ GIÁO DỤC TRONG NHÀ TRƯỜNG (Mã số: 4- QLGDTNT)

1) Số tín chỉ: 1

2) Điều kiện để thực hiện module

- Điều kiện tiên quyết: Module. Những vấn đề chung của GDH
- Điều kiện song hành: không

3) Mục tiêu

Dạy học về hệ thống lý luận cơ bản về quản lý GD trong nhà, lao động sư phạm của GV, hoạt động của hội đồng GD, công tác của GV chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông.

4) Định hướng kết quả học tập

Sau khi học xong module này SV có khả năng:

- Hiểu được khái niệm quản lý nhà trường, bộ máy quản lý trường phổ thông, nội dung và phương thức quản lý nhà trường, nhà trường Việt Nam hiện nay và vai trò của hiệu trưởng trong quản lý nhà trường, lao động của người GV và hoạt động của hội đồng GD;
- Xác định được vai trò, chức năng và nhiệm vụ của GV chủ nhiệm lớp, những yêu cầu đối với GV chủ nhiệm lớp;
- Biết cách xây dựng tập thể HS và xây dựng kế hoạch chủ nhiệm lớp;
- Thực hiện đúng vai trò, chức năng và nhiệm vụ của người giáo viên trong nhà trường;
- Xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động phù hợp và hiệu quả;
- Tổ chức, quản lý lớp học có hiệu quả với tư cách là GV chủ nhiệm;
- Luôn tích cực, chủ động thực hiện đúng vai trò, chức năng và nhiệm vụ của người GV nói chung và người GV chủ nhiệm lớp nói riêng trong nhà trường;
- Yêu nghề, mến trẻ, tận tụy với nghề GV;

- Cố gắng học tập, phấn đấu rèn luyện để hình thành những phẩm chất và năng lực sư phạm cần thiết nhằm đáp ứng được yêu cầu công tác GD.

5) Nội dung dạy học

5.1) Một số vấn đề cơ bản về quản lý nhà trường

5.2) GV chủ nhiệm lớp

5.3) Nhà giáo và đặc điểm lao động sư phạm

(***Lưu ý: Nội dung chi tiết được thể hiện trong một số giáo trình, tài liệu tham khảo ở mục 8 dưới đây***)

6) Chiến lược dạy học

- ***Hoạt động 1.*** *GV tổ chức hướng dẫn cho SV tự học, tự nghiên cứu (3 tiết) bao gồm:*

+ Xác định mục đích việc tự học tự, tự nghiên cứu, tự trải nghiệm;

+ GV giao cho SV các nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu về các nội dung của module bao gồm: Một số vấn đề cơ bản về quản lý nhà trường, GV chủ nhiệm lớp, nhà giáo và đặc điểm lao động sư phạm.

+ Giáo viên hướng dẫn cho SV cách thức tiến hành các nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu, tự trải nghiệm.

+ GV hướng dẫn cho SV lập kế hoạch tự học, tự nghiên cứu module DH

+ GV hướng dẫn cho SV cách học báo cáo các sản phẩm tự học, tự nghiên cứu trên lớp

- ***Hoạt động 2.*** *SV lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch tự học, tự nghiên cứu, thực hành làm các bài tập (ít nhất 30 tiết).*

- ***Hoạt động 3***. GV tổ chức cho SV báo cáo các sản phẩm của hoạt động tự học, tự nghiên cứu ở trên lớp dưới các hình thức như trình bày sản phẩm, thuyết trình, thảo luận nhóm, xemina, thực hành,… Từ đó rút ra những kết luận và đề xuất hướng ứng dụng vào thực tiễn (11 tiết).

Kế hoạch báo cáo các chủ đề trong 11 tiết:

Tiết 1, 2, 3. Báo cáo nội dung 5.1) Một số vấn đề cơ bản về quản lý nhà trường

Tiết 4, 5, 6, 7, 8. Báo cáo nội dung 5.1) GV chủ nhiệm lớp

Tiết 9, 10, 11. Báo cáo nội dung 5.1) Nhà giáo và đặc điểm lao động sư phạm.

7) Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập (1 tiết) (xem phụ lục 8)

8) Hỗ trợ người học

- Người học có thể đọc một số giáo trình, tài liệu tham khảo sau: [19], [30, T2], [37], [38], [45], [46], [52], [57, T2], [61], [71], [88], [89], [90],…

- Sau khi thực hiện xong bài kiểm tra, SV có thể xem đáp án Phụ lục 9

- GV tạo điều kiện thuận lợi cho SV gặp gỡ để trao đổi, hướng dẫn, giải đáp những thắc mắc trong quá trình học tập.

PHỤ LỤC 13. QUY TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC MODULE- LÝ LUẬN DẠY HỌC

Quy trình tổ chức dạy học module – Lý luận dạy học bao gồm các bước sau:

- ***Bước 1. GV nêu tên và mã số của module:***

Module – LÝ LUẬN DẠY HỌC

(Mã số: 2 –LLDH)

- ***Bước 2. GV và SV tổ chức kiểm tra, đánh giá điều kiện để thực hiện module DH*** bao gồm:

+ Kiểm tra, đánh giá điều kiện tiên quyết: SV đã học xong các học phần/module – Những vấn đề chung của GDH.

+ Kiểm tra, đánh giá điều kiện song hành: Không

+ Kiểm tra, đánh giá điều kiện về cơ sở vật chất, điều kiện về tài liệu học tập,…. Nếu kiểm tra, đánh giá thấy đủ diều kiện, bắt đầu tổ chức thực hiện module DH

- ***Bước 3.*** GV giới thiệu tổng quan về module DH; giải thích lý do tại sao SVSP cần phải học tập, nghiên cứu nó:

Module – Lý luận dạy học là một bộ phận cấu thành của Giáo dục học, nó nghiên cứu những khái niệm, những phạm trù, những quy luật, nguyên tắc,… thuộc lĩnh vực dạy học . Nghiên cứu cứu, tiếp cận, nắm bắt được nhưng tri thức khoa học lý luận dạy học giúp cho giáo viên tổ chức thực hiện có hiệu quả quá trình dạy học. Đây là module bắt buộc phải tích lũy đối với SVSP và những ai muốn trở thành người giáo viên và là điều kiện tiên quyết của các module- Lý luận dạy học bộ môn.

- ***Bước 4.*** GV nêu mục đích của module DH: Dạy học về hệ thống lý luận cơ bản về dạy học bao gồm: quá trình dạy học, quy luật, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, phương tiện, các hình thức tổ chức dạy học ở nhà trường hiện nay

- ***Bước 5.*** GV và SV định hướng kết quả học tập module DH: Sau khi học xong module này SV có khả năng:

+ Phân tích được khái niệm, bản chất và cấu trúc của quá trình dạy học

+ Xác định được nhiệm vụ của dạy học, động lực của quá trình dạy học, logic của quá trình dạy học;

+ Giải thích được các quy luật của quá trình dạy học

+ Xác định và phân tích được các nguyên tắc dạy học, nội dung dạy học, phương pháp dạy học, phương tiện dạy học và các hình thức tổ chức dạy học.

+ Tổ chức được qúa trình dạy học hợp theo quy luật nhận thức, đúng theo logic của quá trình dạy học;

+ Phối hợp và tác động phù hợp đến các thành tố cấu trúc của qúa trình dạy học;

+ Tạo ra được động lực của quá trình dạy học;

+ Thực hiện theo đúng quy luật và nguyên tắc dạy học;

+ Lựa chọn nội dung dạy học phù hợp với mục tiêu, đối tượng dạy học,...

+ Sử dụng các phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học phù hợp và hiệu quả.

+ Tích cực, chủ động tổ chức qúa trình dạy học hợp theo quy luật nhận thức, theo đúng logic của quá trình dạy học; tạo ra được động lực trong quá trình dạy học; tuân thủ quy luật của quá trình dạy học; quán triệt tốt các nguyên tắc dạy học; xác định đúng nội dung, sử dụng phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học phù hợp và hiệu quả.

- ***Bước 6. GV tổ chức kiểm tra, đánh giá đầu vào cho SV và đưa ra những thông tin phản hồi*** (Xem phụ lục 6)

- Bước 7. GV và SV xác định nội dung dạy học của module – LLDH, GV giới thiệu các tài liệu học tập:

Nội dung dạy học của module- Lý luận dạy học bao gồm:Quá trình dạy học, tính quy luật của quá trình dạy học, nguyên tắc dạy học, nội dung dạy học, phương pháp dạy học, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. (Nội dung chi tiết được thể hiện trong một số giáo trình, tài liệu tham khảo sau đây***:*** [5], [16], [10], [19], [29], [30,T1], [35], [36], [39], [49], [51], [52], [54], [57, T1], [58], [67], [79], [80], [88], [89],...

- Bước 8. GV giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu module dạy học cho SV và hướng dẫn cho SV lập kế hoạch tự học, tự nghiên cứu module dạy học bao gồm:

+ GV hướng dẫn cho SV xác định mục đích, nội dung, cách thức tự học, tự nghiên cứu và các nguồn lực để thực hiện tự học, tự nghiên cứu.

+ GV hướng dẫn cho SV lập kế hoạch tự học, tự nghiên cứu module DH

+ GV hướng dẫn cho SV cách học báo cáo các sản phẩm tự học, tự nghiên cứu trên lớp

- Bước 9. SV thực hiện kế hoạch tự học, tự nghiên cứu dưới vai trò chủ đạo của GV (ít nhất 30 tiết) .

+ SV lập kế hoạch tự học, tự nghiên cứu:

Kế hoạch tự học bao gồm:

* Xác định mục đích tự học, tự nghiên cứu;

* Xác định nhiệm vụ, nội dung tự học, tự nghiên cứu;

* Xác định cách thức tự học, tự nghiên cứu;

* Xác định các nguồn lực để thực hiện tự học, tự nghiên cứu bao gồm nhân lực, thời lực, vật lực và tài lực (Ai tự học, tự nghiên cứu? Tự học, tự nghiên cứu với ai? Khi nào tự học, tự nghiên cứu? Tự học, tự nghiên cứu trong bao lâu? Tự học, tự nghiên cứu bằng cái gì? Tự học, tự nghiên cứu trong môi trường nào?,…)

+ SV tổ chức thực hiện kế hoạch tự học, tự nghiên cứu.

- Bước 10. GV Tổ chức cho SV báo báo sản phẩm hoạt động học tập, đánh giá sản phẩn hoạt động học tập của SV và đưa ra những thông tin phản hồi ở trên lớp (11 tiết).

+ GV tổ chức cho SV báo cáo các sản phẩm của hoạt động tự học, tự nghiên cứu ở trên lớp dưới các hình thức như trình bày, vấn đáp, thảo luận, xemina,... các nội dung sau đây:

Tiết 1 và 2. Báo cáo nội dung - Quá trình dạy học;

Tiết 3. Báo cáo nội dung - Tính quy luật của quá trình dạy học;

Tiết 4. Báo cáo nội dung - Nguyên tắc dạy học; Tiết 5 và 6. Báo cáo nội dung - Nội dung dạy học;

Tiết 7 và 8. Báo cáo nội dung - Phương pháp dạy học;

Tiết 9. Báo cáo nội dung - Phương tiện dạy học;

Tiết 10. Báo cáo nội dung - Hình thức tổ chức dạy học;

Tiết 11. Báo cáo nội dung - Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.

+ GV cùng SV đánh giá sản phẩm của hoạt động học tập

+ GV đưa ra những thông tin phản hồi về kết quả đánh giá sản phẩm hoạt động học tập tới SV, giải đáp những thắc mắc,…

+ GV cùng SV đưa ra những kết luận chung về các vấn đề vừa được trình bày.

- Bước 11. GV tổ chức kiểm tra, đánh giá tổng kết kết quả học tập học module DH cho SV. Thông tin phản hồi về kết quả kiểm tra đánh giá kết quả học tập. Nếu SV đạt kết quả theo yêu cầu thì sẽ được xác nhận là đã hoàn thành module và chuyển sang học module tiếp theo. Nếu SV không đạt kết quả theo yêu cầu thì tổ chức học lại module đã học (*Đề thi và đáp án xem Phụ lục 6*)

PHỤ LỤC 14. QUY TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC MODUL-LÝ LUẬN GIÁO DỤC

Quy trình tổ chức DH module – Lý luận giáo dục bao gồm các bước sau:

- ***Bước 1. GV nêu tên và mã số của module:***

Module – LÝ LUẬN GIÁO DỤC

(Mã số: 3 –LLGD)

- ***Bước 2. GV và SV tổ chức kiểm tra, đánh giá điều kiện để thực hiện module DH*** bao gồm:

+ Kiểm tra, đánh giá điều kiện tiên quyết: SV đã học xong các học phần/module – Những vấn đề chung của GDH.

+ Kiểm tra, đánh giá điều kiện song hành: Không

+ Kiểm tra, đánh giá điều kiện về cơ sở vật chất, điều kiện về tài liệu học tập,…. Nếu kiểm tra, đánh giá thấy đủ diều kiện, bắt đầu tổ chức thực hiện module DH

- ***Bước 3. GV giới thiệu tổng quan về module DH; giải thích lý do tại sao SVSP cần phải học tập, nghiên cứu nó***:

Module – Lý luận giáo dục là một chuyên ngành của GDH, là hệ thống lý luận về tổ chức quá trình giáo dục (theo nghĩa hẹp) hướng chủ yếu vào việc hình thành cho người được giáo dục những quan điểm, niềm tin, giá trị, động cơ, thái độ, hành vi, thói quen phù hợp với những chuẩn mực của xã hội. Nghiên cứu, tiếp cận và nắm bắt được những tri thức khao học lý luận giáo dục giúp cho nhà giáo dục tổ chức, thực hiện có hiệu quả quá trình giáo dục học sinh. Đây là module bắt buộc phải tích lũy đối với SVSP và những ai muốn trở thành người giáo viên và là điều kiện tiên quyết của các module- Lý luận dạy học bộ môn.

- **Bước 4. GV nêu mục đích của module DH:** Dạy học về hệ thống lý luận cơ bản bao gồm: QTGD, nguyên tắc GD, NDGD và PPGD.

- ***Bước 5. GV và SV định hướng kết quả học tập module DH:*** Sau khi học xong module này SV có khả năng:

+ Phân tích được khái niệm, đặc điểm, bản chất và cấu trúc của QTGD

+ Xác định được động lực, các khâu của quá trình GD;

+ Xác định và phân tích được nguyên tắc GD, NDGD, và PPGD.

+ Tổ chức được qúa trình dạy học hợp theo quy luật nhận thức, theo đúng các khâu của QTGD;

+ Phối hợp và tác động phù hợp đến các thành tố cấu trúc của qúa trình giáo dục.

+ Tạo ra được động lực trong quá trình GD

+ Thực hiện theo đúng các nguyên tắc GD trong quá trình GD

+ Lựa chọn nội dung GD phù hợp với mục tiêu, đối tượng DH,...

+ Sử dụng phương pháp GD phù hợp và hiệu quả

+ Tích cực, chủ động tổ chức qúa trình GD hợp theo quy luật nhận thức, theo đúng các khâu của quá trình GD; tạo ra được động lực của quá trình GD; quán triệt tốt các nguyên tắc GD; xác định đúng nội dung GD, sử dụng phương pháp GD phù hợp và hiệu quả.

- ***Bước 6. GV tổ chức kiểm tra, đánh giá đầu vào cho SV và đưa ra những thông tin phản hồi*** (Xem phụ lục 7)

- ***Bước 7. GV và SV xác định nội dung dạy học của module – Lý luận giáo dục, GV giới thiệu các tài liệu học tập:***

Nội dung dạy học của module- Lý luận giáo dục bao gồm: Quá trình giáo dục, tính quy luật của quá trình giáo dục, nguyên tắc GD, nội dung GD, phương pháp GD. (Nội dung chi tiết được thể hiện trong một số giáo trình, tài liệu tham khảo sau đây***:*** [19], [30, T2], [31], [37], [45], [51], [52], [57, T2], [61],[88], [89], [90],...

- ***Bước 8. GV giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu module dạy học cho SV và hướng dẫn cho SV lập kế hoạch tự học, tự nghiên cứu module dạy học*** bao gồm:

+ GV hướng dẫn cho SV xác định mục đích, nội dung, cách thức tự học, tự nghiên cứu và các nguồn lực để thực hiện tự học, tự nghiên cứu.

+ GV hướng dẫn cho SV lập kế hoạch tự học, tự nghiên cứu module DH

+ GV hướng dẫn cho SV cách học báo cáo các sản phẩm tự học, tự nghiên cứu trên lớp

- ***Bước 9.*** SV thực hiện kế hoạch tự học, tự nghiên cứu dưới vai trò chủ đạo của GV (ít nhất 30 tiết) .

+ SV lập kế hoạch tự học, tự nghiên cứu:

Kế hoạch tự học bao gồm:

* Xác định mục đích tự học, tự nghiên cứu;

* Xác định nhiệm vụ, nội dung tự học, tự nghiên cứu;

* Xác định cách thức tự học, tự nghiên cứu;

* Xác định các nguồn lực để thực hiện tự học, tự nghiên cứu bao gồm nhân lực, thời lực, vật lực và tài lực (Ai tự học, tự nghiên cứu? Tự học, tự nghiên cứu với ai? Khi nào tự học, tự nghiên cứu? Tự học, tự nghiên cứu trong bao lâu? Tự học, tự nghiên cứu bằng cái gì? Tự học, tự nghiên cứu trong môi trường nào?,…)

+ SV tổ chức thực hiện kế hoạch tự học, tự nghiên cứu.

- ***Bước 10.*** GV Tổ chức cho SV báo báo sản phẩm hoạt động học tập, đánh giá sản phẩn hoạt động học tập của SV và đưa ra những thông tin phản hồi ở ***trên lớp (11 tiết)***.

+ GV tổ chức cho SV báo cáo các sản phẩm của hoạt động tự học, tự nghiên cứu ở trên lớp dưới các hình thức như trình bày, vấn đáp, thảo luận, xemina,... các nội dung sau đây:

Tiết 1, 2. Báo cáo nội dung - Quá trình giáo dục;

Tiết 3. Báo cáo nội dung - Tính quy luật của quá trình giáo dục;

Tiết 4, 5. Báo cáo nội dung - Nguyên tắc GD;

Tiết 6, 7, 8, 9. Báo cáo nội dung - Nội dung GD;

Tiết 10, 11. Báo cáo nội dung - Phương pháp GD

+ GV cùng SV đánh giá sản phẩm của hoạt động học tập

+ GV đưa ra những thông tin phản hồi về kết quả đánh giá sản phẩm hoạt động học tập tới SV, giải đáp những thắc mắc,…

+ GV cùng SV đưa ra những kết luận chung về các vấn đề vừa được trình bày.

- Bước 11. GV tổ chức kiểm tra, đánh giá tổng kết kết quả học tập học module DH cho SV. Thông tin phản hồi về kết quả kiểm tra đánh giá kết quả học tập. Nếu SV đạt kết quả theo yêu cầu thì sẽ được xác nhận là đã hoàn thành module và chuyển sang học module tiếp theo. Nếu SV không đạt kết quả theo yêu cầu thì tổ chức học lại module đã học (*Đề thi và đáp ána xem Phụ lục 7*)

PHỤ LỤC 15. QUY TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC MODULE- QUẢN LÝ GIÁO DỤC TRONG NHÀ TRƯỜNG

Quy trình tổ chức dạy học module – Quản lý giáo dục trong nhà trường bao gồm các bước sau:

- ***Bước 1. GV nêu tên và mã số của module:***

Module – Quản lý giáo dục trong nhà trường

(Mã số: 4 –QLGDTNT)

- ***Bước 2. GV và SV tổ chức kiểm tra, đánh giá điều kiện để thực hiện module DH*** bao gồm:

+ Kiểm tra, đánh giá điều kiện tiên quyết: SV đã học xong các học phần/module – Những vấn đề chung của GDH.

+ Kiểm tra, đánh giá điều kiện song hành: Không

+ Kiểm tra, đánh giá điều kiện về cơ sở vật chất, điều kiện về tài liệu học tập,…. Nếu kiểm tra, đánh giá thấy đủ diều kiện, bắt đầu tổ chức thực hiện module DH

- ***Bước 3. GV giới thiệu tổng quan về module DH; giải thích lý do tại sao SVSP cần phải học tập, nghiên cứu module này:***

Module – Quản lý giáo dục trong nhà trường trình bày những vấn đề cơ bản về công tác quản lý nhà trường, người giáo viên chủ nhiệm lớp và công tác giáo dục tập thể học sinh. Nghiên cứu, tiếp cận và nắm bắt được những tri thức khao học quản lý giáo dục trong nhà trường giúp cho nhà giáo dục tổ chức, thực hiện có hiệu quả quá trình quản lý và giáo dục học sinh. Đây là module bắt buộc phải tích lũy đối với SVSP và những ai muốn trở thành người giáo viên và là điều kiện tiên quyết của các module- Lý luận dạy học bộ môn.

- ***Bước 4. GV nêu mục tiêu của module DH***:

Dạy học về hệ thống lý luận cơ bản về quản lý GD trong nhà, lao động sư phạm của GV, hoạt động của hội đồng GD, công tác của GV chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông.

- Bước 5. GV và SV định hướng kết quả học tập module DH: Sau khi học xong module này SV có khả năng:

+ Hiểu được khái niệm quản lý nhà trường, bộ máy quản lý trường phổ thông, nội dung và phương thức quản lý nhà trường, nhà trường Việt Nam hiện nay và vai trò của hiệu trưởng trong quản lý nhà trường, lao động của người GV và hoạt động của hội đồng GD;

+ Xác định được vai trò, chức năng và nhiệm vụ của GV chủ nhiệm lớp, những yêu cầu đối với GV chủ nhiệm lớp;

+ Biết cách xây dựng tập thể HS và xây dựng kế hoạch chủ nhiệm lớp;

+ Thực hiện đúng vai trò, chức năng và nhiệm vụ của người giáo viên trong nhà trường;

+ Xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động phù hợp và hiệu quả;

+ Tổ chức, quản lý lớp học có hiệu quả với tư cách là GV chủ nhiệm;

+ Luôn tích cực, chủ động thực hiện đúng vai trò, chức năng và nhiệm vụ của người GV nói chung và người GV chủ nhiệm lớp nói riêng trong nhà trường;

+ Yêu nghề, mến trẻ, tận tụy với nghề GV;

+ Cố gắng học tập, phấn đấu rèn luyện để hình thành những phẩm chất và năng lực sư phạm cần thiết nhằm đáp ứng được yêu cầu công tác GD.

- Bước 6. GV tổ chức kiểm tra, đánh giá đầu vào cho SV và đưa ra những thông tin phản hồi (Xem phụ lục 8)

- Bước 7. GV và SV xác định nội dung dạy học của module – Quản lý giáo dục trong nhà trường, GV giới thiệu các tài liệu học tập:

Nội dung dạy học của module – Quản lý giáo dục trong nhà trường bao gồm: Một số vấn đề cơ bản về quản lý nhà trường, GV chủ nhiệm lớp, nhà giáo và đặc điểm lao động sư phạm. Nội dung chi tiết được thể hiện trong một số giáo trình,

tài liệu tham khảo sau đây: [19], [30, T2], [37], [38], [45], [46], [52], [57, T2], [61], [71], [88], [89], [90],…

- Bước 8. GV giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu module dạy học cho SV và hướng dẫn cho SV lập kế hoạch tự học, tự nghiên cứu module dạy học bao gồm:

+ GV hướng dẫn cho SV xác định mục đích, nội dung, cách thức tự học, tự nghiên cứu và các nguồn lực để thực hiện tự học, tự nghiên cứu.

+ GV hướng dẫn cho SV lập kế hoạch tự học, tự nghiên cứu module DH

+ GV hướng dẫn cho SV cách học báo cáo các sản phẩm tự học, tự nghiên cứu trên lớp

- Bước 9. SV thực hiện kế hoạch tự học, tự nghiên cứu dưới vai trò chủ đạo của GV (ít nhất 30 tiết) .

+ SV lập kế hoạch tự học, tự nghiên cứu:

Kế hoạch tự học bao gồm:

* Xác định mục đích tự học, tự nghiên cứu;

* Xác định nhiệm vụ, nội dung tự học, tự nghiên cứu;

* Xác định cách thức tự học, tự nghiên cứu;

* Xác định các nguồn lực để thực hiện tự học, tự nghiên cứu bao gồm nhân lực, thời lực, vật lực và tài lực (Ai tự học, tự nghiên cứu? Tự học, tự nghiên cứu với ai? Khi nào tự học, tự nghiên cứu? Tự học, tự nghiên cứu trong bao lâu? Tự học, tự nghiên cứu bằng cái gì? Tự học, tự nghiên cứu trong môi trường nào?,…)

+ SV tổ chức thực hiện kế hoạch tự học, tự nghiên cứu.

- Bước 10. GV Tổ chức cho SV báo báo sản phẩm hoạt động học tập, đánh giá sản phẩn hoạt động học tập của SV và đưa ra những thông tin phản hồi ở trên lớp (11 tiết).

+ GV tổ chức cho SV báo cáo các sản phẩm của hoạt động tự học, tự nghiên cứu ở trên lớp dưới các hình thức như trình bày, vấn đáp, thảo luận, xemina,... các nội dung sau đây:

Tiết 1, 2, 3. Báo cáo nội dung - Một số vấn đề cơ bản về quản lý nhà trường;

Tiết 4, 5, 6, 7, 8. Báo cáo nội dung - GV chủ nhiệm lớp;

Tiết 9, 10, 11. Báo cáo nội dung - Nhà giáo và đặc điểm lao động sư phạm.

+ GV cùng SV đánh giá sản phẩm của hoạt động học tập

+ GV đưa ra những thông tin phản hồi về kết quả đánh giá sản phẩm hoạt động học tập tới SV, giải đáp những thắc mắc,….

+ GV cùng SV đưa ra những kết luận chung về các vấn đề vừa được trình bày.

- Bước 11. GV tổ chức kiểm tra, đánh giá tổng kết kết quả học tập học module DH cho SV. Thông tin phản hồi về kết quả kiểm tra đánh giá kết quả học tập. Nếu SV đạt kết quả theo yêu cầu thì sẽ được xác nhận là đã hoàn thành module và chuyển sang học module tiếp theo. Nếu SV không đạt kết quả theo yêu cầu thì tổ chức học lại module đã học (*Đề thi và đáp án xem Phụ lục 8*).